PHAN HOÀNG



Sài Gòn đất lành chim đậu



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



SÀI GÒN

đất lành chim đậu

SÀI GÒN
đất lành chim đậu

PHAN HOÀNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH

Biên tập : **TRẦN VĂN BAN**
Sửa bản in : **THÀNH NAM**
Trình bày : **MỘNG LÀNH**
Bìa : **LINH VŨ**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225 - Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** / Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh ♦ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh ♦ **ĐT: 39 433 868**

In lần thứ 1, số lượng 1.000 cuốn. Khổ 13 x 19 cm.
Tại: Xí nghiệp in FAHASA - 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP. HCM
XNĐKXB số: 389-2016/CXBIPH/02-29/THTPHCM cấp ngày 04/02/2016
QĐXB số: 245/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 8/3/2016
ISBN: 978 - 604 - 58 - 4971 - 2
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2016.

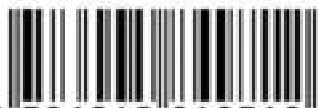
BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Phan Hoàng, 1967 -

Sài Gòn đất lành chim đậu / Phan Hoàng. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2016

264 tr. ; 19 cm

978 - 604 - 58 - 4971 - 2



1. Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) -- Đời sống xã hội và tập quán. I. Ts.

1. Hochiminh city (Vietnam) -- Social life and customs

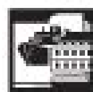
959.779 -- ddc 23

P535-H68

PHAN HOÀNG



SÀI GÒN
đất lành chim đậu



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đất lành
và người Sài Gòn

Từ thuở nhỏ hai tiếng Sài Gòn đã cuốn hút tôi lạ lùng. Thi thoảng tôi được nghe mẹ kể ông kia bà nọ đã từng đi Sài Gòn, vào tham quan dinh Thống Nhất ngồi ghế tổng thống, chơi ở công viên Tao Đàn, coi thú nhảy múa trong Thảo Cầm Viên, dạo chợ Bến Thành, ăn kem Bạch Đằng, uống cà phê hồ Con Rùa, xem cải lương rạp Trần Hưng Đạo, lên tận Chợ Lớn mua hàng,... Tôi tưởng tượng Sài Gòn như vùng đất chỉ có trong những câu chuyện cổ tích và luôn mơ ước sẽ vào đó coi cho biết.

Chẳng những tôi mà dường như bất cứ đứa trẻ nào ở xứ sở nắng lửa mưa dầu gió cát miền Trung quê tôi cũng đều ước mơ được một lần vào tận Sài Gòn. Sau này lớn lên tôi còn được biết





có những người nông dân suốt đời quanh quẩn ruộng đồng sau luỹ tre làng, ước mong một ngày thấy được thị xã hay thành phố, hai tiếng Sài Gòn đối với họ như thiên đường mà cho đến khi nhắm mắt xuôi tay trở về đất mẹ vĩnh hằng thì Sài Gòn vẫn chỉ là niềm mơ ước.

Và đâu chỉ người miền Trung mà tôi tin bất cứ người Việt Nam nào ở trong và ngoài nước, tất nhiên ngoại trừ những người sinh ra và lớn lên tại Sài Gòn, đều mong muốn một lần đến với thành phố từng được mệnh danh Hòn Ngọc Viễn Đông. Dẫu biết đất nước ta ở đâu cũng đẹp, cũng thiêng liêng, cũng quyến rũ, nhưng Sài Gòn mang vẻ đẹp riêng, có sức sống riêng, sức hấp dẫn riêng của một không gian địa lý, văn hoá và lịch sử độc đáo mà không nơi nào có được.

Nhiều người đã dày công nghiên cứu, đưa ra những kiến giải khác nhau về sự ưu việt của vùng đất và con người trong quá trình lịch sử hình thành và phát triển từ Sài Gòn đến Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, những nghiên cứu, biên khảo, trước tác ấy chưa phải đã hoàn toàn thấu đáo, đặc biệt đâu là sức hấp dẫn thực sự khác

biệt của thành phố này so với những nơi khác,

để rồi từ đây xuất hiện nhiều sự kiện trọng đại và nhiều nhân vật mang tính tiên phong, có tầm ảnh hưởng, đóng góp những giá trị khác nhau cho sự nghiệp cứu nước và xây dựng đất nước.

Trong số những kiến giải về Sài Gòn, tôi thích góc nhìn của nhà Nam Bộ học Sơn Nam khi ông nhận định một cách giản dị mà sâu sắc: "Người Sài Gòn nào phải tự trên trời rơi xuống, thình lình! Đất Sài Gòn hơn 300 năm trước nào phải bỗng dưng trở thành xương thịt của Tổ quốc Việt Nam. Theo tôi, Sài Gòn là vùng đồng bằng mang đậm nét đặc trưng về địa lý, về lịch sử; là một cảng biển, cảng sông, cảng đường bộ, là không cảng với vị trí đặc thù ở Đông Nam châu Á. Đây là nơi nhạy cảm, đón nhận các vùng văn hoá Đông - Tây, đặc biệt là sớm tiếp cận với vùng Đông Nam châu Á (mà nay ta gọi là khối ASEAN), tiếp cận từ hơn 300 năm. Vùng đất thuận lợi để giao thương về kinh tế thương mãi, đem lợi ích cho nhiều nước trong vùng và cho thế giới. Sống ở cảng biển, với dịch vụ, người Việt phải sớm hoà nhập cho bằng được. Những nét đặc trưng của người Việt được dịp phát triển, phơi bày rõ nét ở Sài Gòn hơn địa phương khác. Hiếu khách, luôn luôn lạc quan, yêu lao động, yêu Tổ quốc, chống ngoại xâm là





điều mà dân tộc nào cũng có. Nhưng ở Sài Gòn, những nét nói trên được tập trung đến cao độ, khi gặp thử thách gay gắt. Bọn xâm lược đã lầm to khi nhìn thấy dân Sài Gòn thích cái lạ đưa từ nước ngoài vào, sớm mặc đầm, vui chơi suốt đêm, nhưng họ đâu ngờ rằng Sài Gòn còn mặt chìm, còn lượn sóng ngầm từ cả nước tập trung về" (Lời giới thiệu bộ sách *Phỏng vấn Người Sài Gòn* nhân kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 1698 - 1998).

Có những thời điểm, sự kiện quan trọng mang tính bước ngoặt, cả nước đã hướng về Sài Gòn và Sài Gòn trở thành biểu tượng sức mạnh của cả nước, mà trong lịch sử hiện đại thì Nam kỳ khởi nghĩa năm 1940, Nam Bộ kháng chiến năm 1945 cho đến Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 hoặc công cuộc Đổi mới chính thức bắt đầu năm 1986 sau này là những minh chứng xác thực. Và "lượn sóng ngầm" mà nhà văn Sơn Nam nói chính là tinh hoa, tài năng, trí tuệ, ý chí, nghị lực, sức mạnh tinh thần lẫn vật chất thể hiện qua những con người cụ thể từ khắp cả nước hội tụ về trong hoàn cảnh và điều kiện tốt của thành phố này để góp phần làm nên chiến công, dựng nên thành tựu, tạo nên hào khí Sài Gòn.

Trong chiến tranh cứu nước, Sài Gòn là đất dữ. Trong hoà bình xây dựng, Sài Gòn là đất lành. Và bất kỳ trong hoàn cảnh nào mảnh đất này cũng gắn liền với những nhân cách và tài năng đáng kính, đáng quý. Chưa kể những nhân vật như Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Cảnh, Lê Văn Duyệt, Võ Trường Toản, Trịnh Hoài Đức,... từ thời khẩn hoang, bình định lập làng lập ấp, chỉ riêng từ đầu thế kỷ XX về sau, rất nhiều con người tài năng đã được sinh trưởng hoặc hội tụ về Sài Gòn, mà sự nghiệp của họ đã và đang để lại dấu ấn trên nhiều lĩnh vực khác nhau của thành phố.

Với nghiệp cầm bút, tôi may mắn đã gặp, trò chuyện với nhiều nhân vật của Sài Gòn và họ đã để lại trong tôi những ấn tượng sâu đậm gắn liền với vùng đất lành này. Một danh tướng Trần Văn Trà văn võ song toàn. Một giáo sư sử học, triết học Trần Văn Giàu từng là nhà lãnh đạo cách mạng tiền phong và quyết đoán. Một "ông vua vũ khí" Trần Đại Nghĩa bác học xuất chúng. Một nhà cách mạng lão thành Hà Huy Giáp giản dị mà uyên thâm. Một bậc thầy Cao Xuân Hạo gây chấn động giới ngữ học quốc tế. Một "hùm xám" Tô Ký dũng cảm và nghĩa hiệp của Mười tám thôn Vườn trầu. Một bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng



song hành với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch minh triết và giàu lòng nhân ái. Một nhà điêu khắc Diệp Minh Châu tài hoa, đào hoa và có nguồn cảm hứng vô tận về lãnh tụ Hồ Chí Minh. Một danh tướng Hoàng Cầm gắn liền với những trận đánh lớn. Một nhà văn hoá Sơn Nam say đắm lưu giữ "bụi vàng" ký ức Nam Bộ. Một giáo sư Hoàng Như Mai nghệ sĩ, cuốn hút. Một thuỷ tướng Đồng Văn Cống tung hoành miền sông rạch. Một nghệ sĩ Võ Anh Ninh dày công chép sử bằng nhiếp ảnh. Một vị tướng đa năng Trần Văn Danh giỏi chỉ huy tình báo, đánh trận và cả trong xây dựng kinh tế. Một nhà văn Nguyễn Quang Sáng ham chơi và bất ngờ như mùa gió chướng. Một võ sư Minh Cảnh từng "vô đối" ở Đông Dương. Một thi sĩ - soạn giả Kiên Giang lãng tử và đa tình. Một chiến tướng mê viết văn Bùi Cát Vũ lớn lên trong gió bụi Sài Gòn. Một nhạc sĩ Lê Thương lãng mạn và bi tráng với ba bản *Hòn vọng phu*. Một nhà văn Lý Văn Sâm nghĩa khí và mê mải chuyện đường rừng. Một vị tướng Phan Khắc Hy luôn ám ảnh nỗi đau của nữ chiến sĩ Trường Sơn. Một Dã Lan ngược xuôi tiên phong nghiên cứu gia phả học. Một học giả An Chi thầm lặng mà bất ngờ và uyên bác. Một hoạ sĩ Choé độc đáo với những bức

tranh biếm hí hoạ hàng đầu thế giới. Rồi những Phùng Há, Viễn Châu, Út Trà Ôn làm dậy sóng nghệ thuật tài tử vọng cổ, cải lương Nam Bộ. Và nhiều con người tài năng khác trên nhiều lĩnh vực, càng về sau càng đông đảo như Chim Trắng, Lê Văn Thảo, Văn Lê, Trần Văn Tuấn, Phạm Sỹ Sáu, Triệu Từ Truyền, Bùi Chí Vinh, Lâm Xuân Thi, Nguyễn Tài My, Hoàng Quốc Tuấn, Vũ Việt Dũng, Mỹ Chi, Thanh Thanh Tâm, Thoại Mỹ,...

Tất nhiên còn nhiều tài năng đáng trân trọng khác mà tôi đã hoặc chưa được gặp. Môi trường tốt của đất lành đã tạo nên những con người hào phóng, nghĩa tình đã tận tâm, tận lực, tận tuỵ và thầm lặng góp phần làm nên diện mạo không gian văn hoá riêng đáng tự hào cho Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bằng sự cuốn hút của hai tiếng Sài Gòn từ thuở ấu thơ và bằng tình yêu đối với thành phố mà bản thân được học tập, sinh sống, làm việc từ năm chưa tròn hai mươi tuổi, tôi lần lượt ghi chép lại những hiểu biết của mình qua cuộc đời và sự nghiệp những nhân vật cụ thể trong bộ sách nhiều tập *Sài Gòn đất lành chim đậu*, với ước muốn tri ân vùng đất đã cưu mang mình và



cung cấp cho người đọc những thông tin hữu ích có thể.

Tôi xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo động lực cho tôi hoàn thành và được xuất bản bộ sách.

Trong quá trình biên soạn không thể nào tránh được sai sót, nhất là đối với những nhân vật lịch sử quan trọng, tôi cũng mong đón nhận sự chia sẻ, góp ý chân thành của những người liên quan và bạn đọc tri âm.

PHAN HOÀNG

Người hiền vĩ đại
PHẠM NGỌC THẠCH
và bí ẩn nghịch lý lịch sử

Trên tờ tạp chí của Hội Y học Pháp - Việt số tháng 3 năm 1969, Giáo sư Thạc sĩ André Roussel đã viết về bác sĩ Phạm Ngọc Thạch rằng, "do tập trung được những đức tính hiếm có và quý báu, mà khi nói đến ông người ta dùng một câu rất hiếm: Đó là một người hiền vĩ đại". Vinh dự ấy của nhà bác học Phạm Ngọc Thạch cũng là niềm tự hào của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ Thanh niên Tiền phong ở Sài Gòn mà từ hào khí của phong trào yêu nước ấy đã đưa ông bước đến những đỉnh cao của sự nghiệp...



Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch
(1909 - 1968)



Những bất ngờ từ bí ẩn nghịch lý lịch sử

Lịch sử hấp dẫn bởi những nhân vật và sự kiện có thực mang yếu tố bất ngờ, thậm chí ly kỳ, chứ không phải là do hư cấu hoặc thổi phồng. Thời còn học trung học chuyên văn ở Nha Trang, tôi hay lên ngã ba thành Diên Khánh viếng đền thờ Tiến sĩ Trần Quý Cáp, một chí sĩ yêu nước người Quảng Nam đã từng cùng các chí sĩ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng phát động phong trào Duy Tân.

Vụ án và cái chết thương tâm của Trần Quý Cáp là một sự thực mang nhiều bí ẩn của lịch sử thời nhà Nguyễn do thực dân Pháp bảo hộ, mà theo tài liệu của Phan Châu Trinh và những người cùng thời để lại, thì Bố chánh Phạm Ngọc Quát của tỉnh Khánh Hoà là thủ phạm trực tiếp, vì những hiềm khích giữa ông với tiến sĩ họ Trần lúc bấy giờ đang giữ chức giáo thụ của tỉnh. Sau khi vụ án Trần Quý Cáp kết thúc, Phạm Ngọc Quát được thăng chức, ra làm Tuần vũ Hà Tĩnh...



Bác Hồ gặp và thăm hỏi các bác sĩ
Hàng đầu từ phải sang: Chủ tịch Hồ Chí Minh, bác sĩ Trần Hữu Tước, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch.

Điều kỳ lạ, Phạm Ngọc Quát là thân phụ của giáo học Phạm Ngọc Thọ, một người có quan hệ thân thiết và từng hỗ trợ Nguyễn Tất Thành thời trẻ. Mà ông Phạm Ngọc Thọ lại sinh ra Phạm Ngọc Thạch, nhà bác học cách mạng lừng danh. Trong lúc đó, người tố cáo mạnh mẽ nhất tội trạng của Phạm Ngọc Quát đối với cái chết của Trần Quý Cáp là chí sĩ Phan Châu Trinh, về sau có cô cháu ngoại là nhà ngoại giao, giáo dục cũng rất tài danh là Nguyễn Thị



Bình. Thế hệ trước, Phan Châu Trinh và Phạm Ngọc Quát đối nghịch nhau. Thế hệ con cháu, Nguyễn Thị Bình và Phạm Ngọc Thạch cùng chung chí hướng.

Một điều thú vị là, dù cả hai đều sinh ra ở hai nơi khác nhau, nhưng chính "đất lành" Sài Gòn là nơi khởi đầu cho sự nghiệp yêu nước và cách mạng lừng lẫy của Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Thị Bình. Tôi cũng nhận ra rằng cái "chủ nghĩa lý lịch" xơ cứng ngăn cản không ít tài năng đất nước lúc bấy giờ là một sai lầm. Con cháu tiếp nối tinh hoa của ông cha nhưng cũng có thể có ý thức, quan điểm, con đường khác cha ông.

Cũng nhờ sự bất ngờ của lịch sử, từ đầu thập niên 1990, khi tư liệu còn rất quý hiếm, tôi đã vào thư viện và gặp gỡ những người cùng thời với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch như nhà sử học Trần Văn Giàu, bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng và nhà điêu khắc Diệp Minh Châu để chắp nối và dựng chân dung ông. Cảm hứng từ bác sĩ Phạm Ngọc Thạch cũng giúp tôi thêm tình yêu sử học để ra Bắc vào Nam tái hiện chân dung những nhân vật lịch sử đương thời khác.

Thủ lĩnh của Thanh niên Tiền phong

Sài Gòn tháng 3 năm 1945. Trước sự lớn mạnh của phong trào học sinh, sinh viên và trí thức yêu nước, một nhóm các nhà trí thức trẻ tiên phong đã đứng ra thành lập phong trào Thanh niên Tiền phong tại thành phố này, sau đó phát triển nhanh khắp Nam Kỳ lục tỉnh. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch được cử giữ chức Bí thư Đảng đoàn kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị phong trào Thanh niên Tiền phong ở Sài Gòn và Nam Kỳ. Chỉ trong vòng ba tháng đầu, số đoàn viên Thanh niên Tiền phong lên tới 1.200.000 người, riêng Sài Gòn chiếm tới 200.000 thành viên.

Cùng với Phạm Ngọc Thạch, tham gia lãnh đạo Thanh niên Tiền phong còn có các nhà trí thức: Huỳnh Tấn Phát, Thái Văn Lung, Lê Văn Huấn, Hồ Văn Nhựt, Trần Văn Khéo, Kha Vạng Cân, Ngô Tấn Nhơn, Nguyễn Văn Thủ, Trần Bửu Kiếm, Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiểng, Tạ Bá Tòng, Kiều Công Cung,...

Trong đó, Lê Văn Huấn là giáo sư khoa học nổi tiếng, có nhiều uy tín của trường Pétrus Ký. Huỳnh Tấn Phát quê Mỹ Tho là kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên mở văn phòng kiến trúc tư



tại Sài Gòn, làm chủ bút báo *Thanh Niên*, có tài hùng biện, giỏi tuyên truyền. Kỹ sư cơ khí Kha Vạng Cân người Chợ Lớn, tốt nghiệp đại học từ Pháp trở về mở hãng luyện thép lớn nhất Đông Dương, được mời giữ chức Đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn trong Chính phủ Trần Trọng Kim thân Nhật. Luật sư Thái Văn Lung quê ở Thủ Đức, vốn là con của một hào phú, tốt nghiệp cử nhân luật và khoa học chính trị ở Paris và là sĩ quan pháo binh quân đội Pháp tham gia Chiến tranh Thế giới thứ hai. Bác sĩ Nguyễn Văn Thủ cũng là con của một đại điền chủ ở Vĩnh Long, học trung học và đại học bên Pháp, tốt nghiệp bác sĩ nha khoa năm 1940, hai năm sau về nước, giỏi thể thao. Trần Bửu Kiếm quê ở Ô Môn, Cần Thơ học trường trung học Pétrus Ký - Sài Gòn và đại học luật ở Hà Nội. Bộ ba nhóm Hoàng Mai Lưu (Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước) là những sinh viên yêu nước, hưởng ứng phong trào "Xếp bút nghiên" đã rời Hà Nội về Nam bằng xe đạp, sáng tác nhạc, kịch, thơ, viết báo tham gia tranh đấu...

Tất cả những thanh niên trí thức trên đã từ bỏ con đường danh vọng trước mắt để thực hiện nghĩa vụ của một công dân trước vận mệnh đất

nước, tương lai dân tộc, như Giáo sư Trần Văn Giàu từng nhận định: "Xưa nay, dám đi tù, chịu chết vì tấm áo, bát cơm, đúng là nhiều người; mà xưa nay ở đất nước Việt Nam này, dám chết vì giải phóng dân tộc, vì độc lập tự chủ, thì càng nhiều người hơn, không phải là hàng ngàn hàng vạn mà hàng triệu. Trí thức nhạy cảm ở danh dự. Cách mạng và kháng chiến kích thích đến tột độ cái ý thức danh dự dân tộc của trí thức, được cái này thì dù phải bỏ của cải, phải xa gia đình cũng ưng".

Sài Gòn trở thành nơi họ cùng tung cánh chim bằng vì nghĩa lớn. Ngày 18 tháng 8 năm 1945, tại Vườn Ông Thượng (tức Tao Đàn, nay là Công viên Văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh) hơn 50.000 đoàn viên Thanh niên Tiền phong làm lễ tuyên thệ "Trung thành với Tổ quốc, chống địch đến cùng". Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã đứng trên bục cao chỉ huy biển người đồng ca bài *Quốc dân hành khúc*, tức *Thanh niên hành khúc* do chính ông sáng tác và được chỉnh sửa lời cho phù hợp với tình hình mới. Hưởng ứng lời kêu gọi của cách mạng ở Sài Gòn và Nam Kỳ lúc bấy giờ do ông Trần Văn Giàu đứng đầu, ngày 22 tháng 8 năm 1945 ban lãnh đạo Thanh niên Tiền phong họp ra quyết nghị gia nhập Mặt



trận Việt Minh chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Đêm 24 rạng ngày 25 tháng 8 năm 1945, hàng chục vạn đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn, mà Thanh niên Tiền phong là một trong những thành phần chủ lực, đã kéo về trung tâm thành phố đấu tranh giành chính quyền.

Biểu tượng của "Lương y như từ mẫu"

Phạm Ngọc Thạch sinh ngày 7 tháng 5 năm 1909 tại Quy Nhơn, Bình Định. Cha là giáo học Phạm Ngọc Thọ, còn mẹ thuộc dòng dõi hoàng tộc nhà Nguyễn, bà Công Tôn Nữ Thị Cẩn Tín, cháu nội Tuy Lý Vương Miên Trinh. Tuổi thơ Phạm Ngọc Thạch gắn bó với Phan Thiết, nơi ông nội là Phạm Ngọc Quát làm quan đầu tỉnh và cha dạy học.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch lấy vợ người Pháp. Năm 1935, sau khi tốt nghiệp đại học y khoa ở Paris, ông về nước mở phòng mạch tư chữa bệnh lao tại thành phố Sài Gòn. Năm 1936, ông trở thành hội viên duy nhất ở Đông Dương của Hội Nghiên cứu bệnh lao Pháp. Vừa chữa bệnh cho nhân dân, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch vừa tham gia phong trào yêu nước thời kỳ Mặt trận Dân chủ.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ông trở thành Bộ trưởng Bộ Y tế đầu tiên của Chính phủ lâm thời và là thành viên của đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đàm phán với Pháp tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt vào tháng 4 năm 1946. Trong kháng chiến chín năm chống Pháp tái xâm lược, Phạm Ngọc Thạch trở về hoạt động ở Nam Bộ, giữ trọng trách Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến hành chính đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Cuối năm 1953, nhận chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông ra chiến khu Việt Bắc. Sau Hiệp định Geneva năm 1954, Phạm Ngọc Thạch được cử giữ chức Thứ trưởng Bộ Y tế kiêm Viện trưởng đầu tiên của Viện Chống lao Trung ương và là Uỷ viên Ban Kỹ thuật Hội Bài trừ lao quốc tế, rồi sau đó là Bộ trưởng Bộ Y tế. Ông đã được Chính phủ tặng danh hiệu Anh hùng Lao động do những đóng góp to lớn trong lĩnh vực y tế.

Nhà văn Nguyễn Hải Trừng từng viết: "Anh Phạm Ngọc Thạch như một dãy núi lớn, một khu rừng nguyên sinh có cây ngàn tuổi, có hoa bốn mùa phong phú vô cùng về hình thể, màu sắc và hương thơm tỏa ngát khỏi biên giới một quốc gia". Với tư cách là thầy thuốc, bác sĩ Phạm



Ngọc Thạch hết lòng vì bệnh nhân. Trước Cách mạng tháng Tám, phòng mạch của ông nằm trên đường Arras (nay là đường Cống Quỳnh thuộc Quận 1), cùng đường phố với phòng mạch của bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng thời đó. Với một tinh thần chung vì người bệnh, nhất là chữa bệnh cho người nghèo không lấy tiền, phòng mạch của cả hai bác sĩ luôn nhận được sự tín nhiệm lớn của đồng bào.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch là biểu tượng sống động của y đức "Lương y như từ mẫu". Giáo sư Hồ Đắc Di cảm nhận về người đồng nghiệp luôn gần gũi với mình: "Tôi khâm phục tinh thần tận tuỵ phục vụ người bệnh của anh. Ngày đêm anh nằm cạnh giường tôi, nâng giấc tôi như một người mẹ hiền. Tôi mang ơn anh đã cứu sống tôi!". Hình ảnh bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đọng lại trong ký ức nhiều bệnh nhân tại Viện Chống lao Trung ương là một hình ảnh gần gũi, thân thuộc: người thầy thuốc trong chiếc áo choàng trắng cùng chiếc ống nghe trên cổ, ân cần thăm hỏi từng giường bệnh. Không ít lần ông đã tự tiếp máu mình cho bệnh nhân khi gặp những ca cấp cứu nguy kịch.

Một người hiền vĩ đại

Phạm Ngọc Thạch là một nhà bác học, có nhiều công trình nghiên cứu y học được đánh giá cao ở cả trong và ngoài nước. Với hơn 80 bài nghiên cứu về bệnh lao được đăng tải trên nhiều tạp chí khoa học có uy tín tại nhiều quốc gia, cùng với những thực nghiệm thành công của mình, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch được xem như một trong những chuyên gia hàng đầu về bệnh lao của thế giới. Từ năm 1957, ông đã cùng đồng nghiệp nghiên cứu và phát minh nhiều phương pháp phòng chống và điều trị bệnh lao. Nhờ đó, đến năm 1962, việc tiêm phòng lao ở miền Bắc nước ta được tiến hành rộng rãi và thu được kết quả to lớn.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch cũng là người đầu tiên đề ra phương pháp dùng kích sinh chất Filatov điều trị bệnh lao và kết hợp Đông - Tây y để tiêm thuốc vào vùng huyệt chữa lao và bệnh phổi. Sau đó, nhờ chủng vi trùng Suptilite mang từ miền Nam ra Bắc, sau 10 năm trời nghiền ngẫm, ông đã thành công trong việc dùng Suptilite điều trị bệnh lao, bệnh phổi cũng như một số bệnh nhiễm trùng khác.





Những năm đầu thập niên 1990, khi nhìn lại công trạng người đi trước, Giáo sư bác sĩ Hoàng Minh khẳng định: "Đối với ngành lao và bệnh phổi, những nghiên cứu của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch trong việc áp dụng miễn dịch học chữa ung thư, điều trị lao, giải quyết các bệnh phổi mạn tính đã được các đồng nghiệp, học trò của ông thừa kế một cách sáng tạo, làm giảm tỉ lệ nhiễm lao từ 4% năm 1955 xuống còn 1% hiện nay".

Là một nhà bác học uyên thâm, nhưng bác sĩ Phạm Ngọc Thạch rất chịu khó học hỏi từ đồng nghiệp cho tới ông lang, bà mế những kinh nghiệm chữa trị phù hợp với hoàn cảnh nước ta. Ông cũng đọc kỹ từng bài báo nhỏ của đồng nghiệp, học trò về một vấn đề mới cho tới những công trình lớn của Hải Thượng Lãn Ông, Tuệ Tĩnh, Claude Bernard...

Với cương vị Bộ trưởng Bộ Y tế đầu tiên của nước ta, ông đã có công lớn trong việc tổ chức xây dựng mạng lưới y tế nhân dân từ địa phương tới trung ương trong kháng chiến. Giữa khói lửa đạn bom, hình ảnh Bộ trưởng Phạm Ngọc Thạch vai mang ba lô, đầu trần, chân đất có mặt trên mọi chiến trường đã gây xúc động mạnh. Ông quên ăn, quên ngủ để cứu chữa cho thương bệnh binh và đồng bào.

Sài Gòn và Nam Bộ nơi ông khởi đầu sự nghiệp khoa học và cách mạng, luôn là nỗi nhớ, niềm thôi thúc mạnh mẽ trong trái tim của ông. Và chính Nam Bộ cũng là nơi chứng kiến sự hy sinh anh dũng của người con thân yêu trên chiến trường sau một cơn sốt rét ác tính giữa lúc đang chỉ đạo nghiên cứu căn bệnh này và những vấn đề y tế cấp bách.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch vĩnh viễn ra đi vào chiều mùa đông ngày 7 tháng 11 năm 1968, để lại trong lòng mọi người sự tiếc thương vô hạn. Chỉ trong vòng 72 giờ, sau khi nghe tin bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ra đi, nhà điêu khắc Diệp Minh Châu đã hoàn tất bức tượng bác sĩ Phạm Ngọc Thạch to gấp mười lần người thật trong một niềm rung cảm mãnh liệt. Bức tượng hiện đang đặt tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch (Thành phố Hồ Chí Minh). Nghệ sĩ Diệp Minh Châu tâm sự với tôi rằng: "Cuộc đời giản dị, cao đẹp và tinh thần xả thân của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đã chinh phục mạnh mẽ trái tim tôi, giúp tôi nhanh chóng tạo nên tác phẩm ưng ý về ông".

Vào thời điểm nhà bác học lỗi lạc của chúng ta ngã xuống, trên báo *Nhân Đạo* của Pháp số ra ngày 13 tháng 12 năm 1968, Madelain Riffeau



cũng đã thốt lên: nhà bác học lớn Phạm Ngọc Thạch ra đi nhưng hình ảnh ông vẫn còn mãi "trong làn nước trong xanh của hàng vạn giếng khơi mà ông đã cho đào, trong những tiếng khóc chào đời của các bé sơ sinh, trong những buồng phổi khoẻ mạnh của nhân dân...".

Tháng 9 năm 1996, Nhà nước đã truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học kỹ thuật đợt đầu tiên cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch vì những đóng góp to lớn đối với nền y học nước nhà.

"Người hiền vĩ đại" Phạm Ngọc Thạch ra đi nhưng lòng yêu nước và tinh thần hy sinh vì khoa học, vì con người của ông vẫn còn sống mãi trong lòng người Sài Gòn và dân tộc Việt Nam cũng như bạn bè thế giới. Cuộc đời và sự nghiệp lừng danh của nhà bác học Phạm Ngọc Thạch và số phận đầy nghịch lý của dòng tộc ông trong dòng chảy lịch sử dân tộc cũng là đối tượng đáng để thế hệ sau suy ngẫm.

Danh tướng mưu lược, nhân văn TRẦN VĂN TRÀ



Thượng tướng Trần Văn Trà (1918 - 1996)

Trần Văn Trà là một trong những danh tướng hàng đầu thế kỷ XX. Thời trai trẻ ông từ quê hương Quảng Ngãi vào Sài Gòn hoạt động cách mạng bí mật, thành lập lực lượng bộ đội chủ lực cách mạng đầu tiên ở Nam Bộ thời chống Pháp tái xâm lược, trở thành Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam thời đánh Mỹ, cùng chỉ huy đại quân kết thúc cuộc trường kỳ kháng chiến cứu nước, làm Chủ tịch Uỷ ban Quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định. Chiến công hiển



hách và tinh thần nhân văn của danh tướng Trần Văn Trà đã trở thành một trong những di sản, biểu tượng của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.



Bất ngờ được lãnh tụ trao báu vật

Mái đầu bạc trắng. Gương mặt tươi tắn phúc hậu. Đôi mắt sáng quắc sau cặp kính lão. Sự oai phong của một danh tướng thao lược dạn dày trận mạc vẫn toát ra trong từng cử chỉ, nụ cười, lời nói của ông. Để sang một bên những album ảnh nghệ thuật trắng đen do chính mình chụp thời còn trên chiến trường, vị tướng vào bên trong gian thờ lấy ra một thanh gươm được bao bọc cẩn thận.

Ông nâng gươm, rút mạnh, một luồng ánh sáng vụt hiện. Lưỡi gươm bóng loáng lấp lánh ánh bạc. Lão tướng hồn hậu mỉm cười với tôi. Nụ cười hồn nhiên tươi vui như những cánh hoa đang lay nhẹ trước gió trong sân vườn nhà ông. Ký ức tuổi thơ và thời vào sinh ra tử trên chiến trường như sống lại trong lòng danh tướng. Tôi trầm trồ:



Các tướng lĩnh trong Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng miền Nam tại rừng miền Đông Nam Bộ năm 1967, từ trái sang: Nguyễn Thị Định, Trần Văn Trà, Trần Độ, Lê Trọng Tấn.

- Thanh gươm đẹp quá! Từ đâu bác có được thanh gươm quý này, thưa bác?

- Đây là cả một câu chuyện dài thú vị lắm cháu ạ!

Gần nửa thế kỷ trước, từ giã chiến khu Đồng Tháp Mười đang mùa sen nở rực hồng, ông dẫn đầu đoàn đại biểu Nam Bộ vượt dặm ngàn Trường Sơn ra chiến khu Việt Bắc. Không có xe. Chỉ đi bộ. Một trung đội vũ trang mạnh được tuyển chọn đi theo bảo vệ. Ông là trưởng đoàn, trực tiếp chỉ



huy trinh sát và chiến đấu khi bị địch tấn công. Ông cũng liên lạc với các địa phương nhờ hỗ trợ trên từng chặng đường. Hết rừng cao su miền Đông đến bãi cát dài nắng nung người duyên hải miền Trung. Chèo ghe trên biển đêm. Lội bộ qua suối. Luồn sâu vùng địch tạm chiếm với nhiều đồn bót rình rập. Vượt núi cao nhiều thú dữ. Bơi qua sông sâu mùa lũ lụt. Thiếu ăn. Sốt rét. Kiệt sức. Có lúc đoàn phải dừng lại bàn bạc nên trở về hay tiếp tục hành trình khó khăn nguy hiểm.

Đó là mùa hè năm 1948. Vị tướng ấy là Trần Văn Trà, mới 29 tuổi, bấy giờ đã là Khu trưởng, tức Tư lệnh Khu 8, chiến khu gồm các tỉnh miền Trung Nam Bộ: Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Sa Đéc. Khu 8 là một trong những trung tâm chính trị, quân sự, văn hoá của Nam Bộ. Bộ Chỉ huy Khu 8 đóng tại căn cứ địa Đồng Tháp Mười. Tư lệnh Trần Văn Trà cùng Chính uỷ Nguyễn Văn Vịnh đã tổ chức xây dựng ở đây đơn vị bộ đội chủ lực đầu tiên cấp tiểu đoàn là Tiểu đoàn 307, tiến hành một số trận đánh tập trung gây tiếng vang như Giồng Dứa, Mộc Hóa... Nhiều văn nghệ sĩ cũng hội tụ về đây để sáng tác, phục vụ kháng chiến mà sau này trở thành những tên tuổi nổi tiếng.

Nhờ sự chuyển biến của chiến trường Khu 8 và Nam Bộ mà Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh đề nghị cử phái đoàn ra Việt Bắc báo cáo tình hình. Sau gần nửa năm hành quân vượt qua muôn vàn gian nan, cuối cùng trưởng đoàn Trần Văn Trà cũng đã đưa được đoàn đại biểu quân dân chính Nam Bộ tới Trung ương.

Chiến khu Việt Bắc là Thủ đô kháng chiến chống Pháp của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tên tuổi Nguyễn Ái Quốc đã trở thành niềm ngưỡng vọng tin yêu đối với chàng trai Nguyễn Chấn từ trong lao tù. Rồi ước mơ được gặp lãnh tụ Hồ Chí Minh luôn thôi thúc vị chỉ huy chiến trường trẻ tuổi Trần Văn Trà ở căn cứ địa Đồng Tháp Mười xa xôi. Và mơ ước ấy đã trở thành hiện thực.

Trần Văn Trà cùng đồng đội được lãnh tụ tối cao tiếp đón bằng tình cảm nồng hậu, chân tình, gần gũi như người thân trong gia đình. Những ngày ở Việt Bắc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp và các nhà lãnh đạo cơ quan Trung ương đã đem lại cho Trần Văn Trà sự vững tin hơn ở tương lai, dù



cuộc chiến đấu trường kỳ phía trước đầy cam go thử thách. Đặc biệt trước khi trở về Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn cho mở tiệc tiễn đoàn và đích thân trao cho vị tư lệnh chiến trường một thanh gươm.

Lãnh tụ Hồ Chí Minh ân cần căn dặn tướng Trần Văn Trà rằng: “Bác trao chú thanh gươm quý này đưa về để đồng bào miền Nam diệt thù. Các chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng”. Lời ủy thác ấy của lãnh tụ càng giúp Trần Văn Trà và đồng đội tự tin hơn, mạnh mẽ hơn, bản lĩnh hơn, thúc giục họ nhanh chân trở lại chiến trường lập công.

Vào năm 1946, khi tướng Nguyễn Bình lãnh sứ mạng từ Việt Bắc lên đường vào Nam Bộ thống nhất các lực lượng vũ trang buổi đầu chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao tặng cho ông một khẩu súng lục. Hơn hai năm sau, tướng Trần Văn Trà lại được lãnh tụ trao gươm quý. Cả hai ông đều là tướng đứng đầu chiến trường phương Nam xa xôi. Một người là tư lệnh, một người là Phó Tư lệnh các lực lượng vũ trang của Nam Bộ.

Thanh gươm cứu nước mang biểu tượng của lòng tin yêu và kỳ vọng. Dù sau này nhiều lần được gặp làm việc với Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng đối với chiến tướng Trần Văn Trà, kỷ niệm lần đầu ấy vào cuối năm 1948 vẫn là ấn tượng sâu sắc hơn cả. Thanh gươm báu mà ông vinh dự được lãnh tụ tối cao trao tặng đã trở thành "bửu bối" thiêng liêng bên ông suốt ba mươi năm chinh chiến, vào sinh ra tử ở đầu sóng ngọn gió chiến trường trọng điểm cuối trời Tổ quốc.

Giấc mơ của hai anh em họ Nguyễn bên sông Trà Khúc

Thượng tướng Trần Văn Trà tên thật là Nguyễn Chấn, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1919 ở xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Thuở ấy, đây là một vùng quê nghèo khó, người dân quanh năm cật lực trên cánh đồng vẫn không đủ ăn. Họ kiếm sống thêm bằng mò cua bắt ốc dưới sông Trà Khúc, hoặc lên rừng hái củi đốt than để bán. Tuy nghèo nhưng họ giàu tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau và có tinh thần yêu nước nồng nàn.





Gia đình của Nguyễn Chấn không có ruộng. Cha làm thợ xây. Mẹ mua gánh bán bưng. Nguyễn Chấn thông minh học giỏi lại siêng năng đỡ đần công việc nhà cho cha mẹ, khi rảnh rỗi còn sang láng giềng giúp việc cho bà con nghèo khó, người lớn tuổi neo đơn. Những buổi chiều gió biển thổi về, Nguyễn Chấn cùng người em ruột Nguyễn Việt Châu hay ra bờ sông Trà Khúc ngắm nước ngắm trời và đọc sách. Vẻ đẹp của dòng sông, bờ tre, ruộng lúa, cánh chim đã nuôi dưỡng tâm hồn họ. Nhìn những đàn chim chiều ríu rít bay ngang sông về núi, họ mơ ước lớn lên sẽ như những cánh chim tự do bay khắp muôn phương.

Ông nội là một nghĩa sĩ Cần Vương. Cha vừa làm thợ vừa tham gia phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở quê hương. Buổi tối, anh em Nguyễn Chấn và Nguyễn Việt Châu thường được nghe cha và người lớn trong làng kể chuyện những vị anh hùng đã xả thân cứu nước. Trong giấc mơ tuổi thơ của họ luôn hiện lên hình ảnh đầy hào khí của những bậc hào kiệt Lê Trung Đình, Nguyễn Cự Tân ở Quảng Ngãi hoặc Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Hoàng Hoa Thám,... và bao vị anh hùng khác đã hy sinh vì nghĩa lớn đất nước non sông.

Hàng ngày, lính lê dương, khố xanh, khố đỏ của Pháp thường xuyên lùng sục, cùng cường hào địa phương gây khó dễ người dân. Kinh hoàng hơn, cậu thiếu niên Nguyễn Chấn còn tận mắt chứng kiến bọn lính Pháp xả súng vào đoàn người biểu tình xin bớt xâu giảm thuế. Nỗi ám ảnh về những cái chết thương tâm của bà con, sự căm thù đối với những tên lính ngoại xâm tàn ác, tấm gương oanh liệt của những vị anh hùng cứu nước, đã nhen nhóm trong lòng anh em Nguyễn Chấn tình yêu nước thương nòi. Tình yêu ấy càng mãnh liệt hơn khi Nguyễn Chấn đọc thơ văn của các bậc hào kiệt, nhất là *Hải ngoại huyết thư* của cụ Phan Bội Châu. Nguyễn Chấn cùng em trai luôn mơ ước một ngày được lên đường cầm súng giết giặc cứu dân cứu nước khỏi ách nô lệ ngoại xâm.

Mơ ước tuổi thơ ấy cũng chính là lý tưởng của cả cuộc đời hai anh em Nguyễn Chấn và Nguyễn Việt Châu. Có bốn câu thơ không biết tác giả là ai, nhưng vị tướng tương lai thuộc nằm lòng và thường ngâm ngợi:

Vó ngựa trập trùng lên ải Bắc
Tuyết sương lạnh lẽo giá râu mày





Gươm thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ
Ngựa hí vang lừng trận gió may.

Những câu thơ hào khí ấy đã tác động đến tâm hồn lãng mạn cách mạng của Nguyễn Chấn. Vì vậy, khi làm người lính và vị tướng "Gươm thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ" chiến đấu vì lý tưởng độc lập tự do, ông như thoả được ước vọng.

Năm 1936, Nguyễn Chấn thi vào học Trường Kỹ nghệ Thực hành Huế. Vừa học tập ông vừa tìm đọc tài liệu của các nhà cách mạng từ nước ngoài bí mật gửi về và tích cực tham gia phong trào học sinh yêu nước. Ba năm sau, ông tốt nghiệp và vào thẳng Sài Gòn làm công nhân hỏa xa, tiếp tục hoạt động bí mật. Bị thực dân Pháp bắt giam, vừa ra tù tham gia đấu tranh, ông lại vào tù lần thứ hai. Tại phòng biệt giam ở bốt Catinat, ông nhiều lần bị trùm mật thám Đông Dương Bazin tra khảo dã man. Thời gian này người em Nguyễn Việt Châu cũng lên đường vào phương Nam dấn thân vào con đường cứu nước.

Chiến tranh thế giới thứ hai lan sang Đông Dương. Nhật xua quân vào đảo chính Pháp. Chính phủ Trần Trọng Kim thân Nhật đã phóng thích tù

chính trị. Ra khỏi tù Nguyễn Chấn cùng Nguyễn Việt Châu tham gia Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành chính quyền ở Sài Gòn. Ông bắt liên lạc với Xứ uỷ Nam Kỳ, được phân công về làm báo *Giải Phóng* và cơ quan ấn loát của Kỳ bộ Việt Minh do ông Nguyễn Văn Nguyễn phụ trách. Để giữ bí mật cho bản thân và gia đình, thời kỳ này Nguyễn Chấn lấy bí danh là Trần Văn Trà và trở thành tên gọi quen thuộc sau này.

Hoá thân vào kháng chiến ở Nam Bộ và bài học đánh giặc của tổ tiên

Sài Gòn cùng cả nước giành được độc lập chưa được bao lâu, thì quân Pháp núp bóng quân Đồng Minh nổ súng tái xâm lược. Nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng cự. Trần Văn Trà gia nhập quân đội, chiến đấu trận đầu tiên giữ mặt trận Cầu Bông trong nội thành Sài Gòn. Địch quá mạnh với vũ khí hiện đại. Quân ta buổi đầu kháng chiến chỉ được trang bị thô sơ, chủ yếu gậy gộc, giáo mác. Mặt trận Sài Gòn vỡ. Cơ quan lãnh đạo kháng chiến rút về Mỹ Tho. Ông xin ở lại Sài Gòn tiếp tục đánh nhau với quân Pháp.





Hai danh tướng Trần Văn Trà và Võ Nguyên Giáp năm 1996.
(Ảnh: *Trần Tuấn*)

Để có lực lượng vũ trang tập trung chiến đấu, Trần Văn Trà cùng với Tô Ký, Hoàng Dư Khương, Huỳnh Tấn Chùa thành lập và chỉ huy Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà. Với tư cách chính trị viên, Trần Văn Trà đưa một bộ phận Giải phóng quân liên quận về tăng cường chấn chỉnh Khu 8. Chi đội 14 được thành lập, ông làm chi đội trưởng. Một chi đội bằng trung đoàn sau này. Ông cũng bắt đầu xây dựng căn cứ địa Đồng Tháp Mười. Tháng 9 năm 1946, Trần Văn Trà được Bộ Tổng tư lệnh chỉ định làm Khu trưởng Khu 8, Nguyễn Văn Vịnh làm chính uỷ.

Sau khi Nam Bộ xây dựng các đơn vị bộ đội chủ lực, trước tiên là Tiểu đoàn 307, đồng thời phát triển củng cố các lực lượng địa phương và dân quân du kích, đã đánh thắng những trận vang dội như trận Cổ Cò, Giồng Dứa, Tầm Vu, La Ngà,... Nhiều chiến dịch được mở ra. Quân Pháp bị đánh khắp nơi, phải dàn trải lực lượng đối phó.

Cuối năm 1951, Trung tướng Nguyễn Bình trên đường ra Bắc đã hy sinh ở Campuchia. Tình hình chiến trường thay đổi, Nam Bộ chia làm hai phân liên khu: miền Đông gồm các tỉnh tả ngạn và miền Tây gồm các tỉnh hữu ngạn sông Tiền. Phân liên khu miền Đông do Trần Văn Trà làm tư lệnh, Phạm Hùng làm chính uỷ. Ông tiếp tục chỉ huy các lực lượng vũ trang chiến đấu trên địa bàn trọng điểm rộng lớn của Nam Bộ trong thời kỳ khó khăn ác liệt của cuối cuộc kháng chiến chín năm chống Pháp.

Sau Hiệp định Geneva đình chiến năm 1954, Trần Văn Trà phụ trách chuyển quân từ Nam Bộ tập kết ra Bắc. Ông được cử làm Phó Tổng tham mưu trưởng quân đội, tiếp đó kiêm thêm nhiệm vụ Phó Chủ nhiệm Tổng cục Quân huấn,



Giám đốc Học viện Quân chính và Chánh án Toà án quân sự Trung ương. Ngày 31 tháng 8 năm 1959, theo sắc lệnh 36/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trần Văn Trà được phong thẳng quân hàm Trung tướng, cùng lúc với các ông Nguyễn Văn Vịnh, Hoàng Văn Thái, Song Hào. Nếu như trong đợt thụ phong quân hàm cấp tướng chính thức đầu tiên vào đầu năm 1948, chỉ có duy nhất Tư lệnh Nam Bộ Nguyễn Bình được phong Trung tướng, thì lần thứ hai này có bốn quân nhân được gắn hàm Trung tướng 2 sao sau thắng lợi kháng chiến chống Pháp.

Năm 1963, theo yêu cầu của chiến trường, Trung tướng Trần Văn Trà được cử vào làm Uỷ viên Trung ương Cục, Phó Bí thư Quân uỷ, Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam. Trước khi ông lên đường vượt Trường Sơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời cơm thân mật và căn dặn rằng: "Chú đã sang Liên Xô học nên cần phải nắm vững khoa học quân sự của phe ta, nhưng đồng thời cũng cần phải nắm chắc và kết hợp cách đánh giặc của ông cha ta nữa. Chắc chú biết vì sao nhà Trần ba lần đại thắng quân Nguyên Mông mạnh hơn ta gấp bội. Đó là nhờ lòng dân, sức dân và

đại đoàn kết toàn quân dân. Đó là nhờ cha ông ta biết chỉ huy binh sĩ yêu thương nhau như con một nhà".

Đây là lần thứ hai tướng Trần Văn Trà được trò chuyện riêng với lãnh tụ. Và bài học tư tưởng đại đoàn kết, dựa vào sức mạnh nhân dân, thương yêu chiến sĩ như anh em trong gia đình, được ông mang theo và áp dụng trong suốt quá trình xây dựng các lực lượng vũ trang và chỉ huy chiến trận.

Trên cương vị Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam, chiến trường chính do tướng Trần Văn Trà phụ trách là Mặt trận B2. Đây là địa bàn chiến lược trọng điểm, từ Ninh Thuận đến Cà Mau và phía nam Tây Nguyên, trong đó có Sài Gòn là thủ đô của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Với tư tưởng đoàn kết trên dưới một lòng, Tư lệnh Trần Văn Trà cũng đã chỉ huy sĩ quan, binh lính thuộc quyền dốc lòng dốc sức, sẵn sàng hy sinh tính mệnh vì sự nghiệp thống nhất đất nước. Đặc biệt, ông đã gắn kết, chỉ đạo, phát huy tài năng những cán bộ gắn bó gắn xuyên suốt chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, lập nhiều chiến công.





Ông am hiểu, yêu quý cấp dưới và hết sức tin yêu khi giao phó nhiệm vụ khó khăn cho họ. Ngược lại, họ cũng yêu quý, nể trọng, tin tưởng vị tư lệnh mưu lược và bản lĩnh chiến trường. Từ cuộc chiến này nhiều người đã trở thành anh hùng, tướng lĩnh và nhà lãnh đạo cao cấp.

Tầm nhìn chiến lược và tinh thần nhân văn

Nếu như trong chống Pháp, Trần Văn Trà có công xây dựng căn cứ địa Đồng Tháp Mười, tổ chức những đơn vị bộ đội chủ lực đầu tiên như Tiểu đoàn 307 lừng danh, kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và văn hoá, sát cánh cùng Trung tướng Nguyễn Bình thống nhất các lực lượng vũ trang hỗn tạp của Nam Bộ, thì ông cũng để lại nhiều dấu ấn trên chiến trường chống Mỹ gian khổ và ác liệt.

Từ năm 1959, Trần Văn Trà cùng Nguyễn Văn Vịnh đề xuất và tổ chức lựa chọn, huấn luyện đưa lực lượng cán bộ tập kết từ miền Bắc trở về miền Nam chiến đấu, giao cho Võ Bẩm bước đầu xây dựng con đường xuyên Trường Sơn

vào đến Khu 5. Cùng thời gian làm đường 559 trên rừng, ông cũng cho tổ chức vận tải đường biển cho Khu 5 lấy tên đường 759, nhưng chưa thể thực hiện. Đến năm 1960 - 1961, nhờ một số ghe thuyền do Trung ương Cục miền Nam phái ra xin vũ khí, ông nghiên cứu kỹ phương án khả thi và cho tổ chức đường 759 trên biển trở lại. Chuyến đầu tiên đi bằng tàu gỗ, khởi hành năm 1962, chở 28 tấn vũ khí, cập bến Rạch Gốc thuộc Cà Mau. Phát huy thắng lợi, ông mời Cục trưởng Đường biển Nguyễn Văn Đảnh, vốn trước đây làm việc ở cảng Ba Son, tham gia vào việc đóng tàu sắt chở 100 tấn. Ông đã trực tiếp lo tổ chức vận chuyển người và vũ khí cả hai đường 559 và 759 cho đến khi trở về Nam mới bàn giao lại cho người khác ở Bộ Tổng tham mưu phụ trách năm 1963.

Vào lại chiến trường, Trần Văn Trà là người tiên phong đề xuất và thực thi việc xây dựng các đơn vị chủ lực tập trung để tiến hành những trận đánh lớn, tiêu hao sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng. Ông cũng trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy hầu hết các chiến dịch ở Mặt trận B2. Ông còn là nhà ngoại giao vừa cương quyết vừa khôn khéo



trên bàn đàm phán khi dẫn đầu Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam vào Sài Gòn tham gia phái đoàn bốn bên thực thi Hiệp định Paris.

Với tầm nhìn chiến lược, Tư lệnh Trần Văn Trà đã cho xây dựng và bố trí 16 trung đoàn đặc công "lót ổ" vùng ven Sài Gòn, một lực lượng quan trọng chờ thời cơ tổng công kích và bảo vệ thành phố khi giải phóng. Ông cũng đã kiên trì thuyết phục những nhà lãnh đạo cao cấp ở Hà Nội chấp nhận kế hoạch Chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài mà ông cùng Trung ương Cục - Bộ Tư lệnh Miền đề ra cuối năm 1974, trở thành đòn trinh sát chiến lược then chốt để Bộ Thống soái tối cao đưa ra quyết sách kịp thời giải phóng miền Nam.

Bản lĩnh Trần Văn Trà còn thể hiện khi tin tức thị xã Phước Long bị đối phương chiếm lại đưa đến giữa cuộc họp Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở rộng. Vị tư lệnh chiến trường vẫn cho rằng điều đó không đúng và sự thật cuối cùng không khác tiên đoán của ông. Tầm nhìn của ông còn thể hiện ở việc chuẩn bị chu đáo cho chiến

trường, sớm tổ chức xây dựng cánh quân chủ lực Đoàn 232 và lực lượng vũ trang Quân khu 8 ở phía tây nam, tạo thế hợp vây cùng các cánh quân khác làm thành 5 mũi tiến công, phối hợp với lực lượng nổi dậy tại chỗ giải phóng Sài Gòn - Gia Định vào mùa xuân 1975.

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh được thành lập, do Đại tướng Văn Tiến Dũng làm tư lệnh, Bí thư Trung ương Cục Phạm Hùng làm chính uỷ, còn Thượng tướng Trần Văn Trà làm Phó Tư lệnh thường trực. Trong trận quyết chiến cuối cùng mở "cánh cửa thép" Xuân Lộc, khi quân giải phóng gặp nhiều khó khăn tổn thất trước sự phản kích ác liệt bằng pháo binh và không quân hủy diệt của đối phương, tướng Trần Văn Trà đã đích thân vượt sông Đồng Nai đến tận Sở Chỉ huy Quân đoàn 4 bên bờ sông La Ngà, trực tiếp gỡ rối cho mặt trận, bàn bạc xoay chuyển tình thế. Ông đề xuất phương án không đánh trực diện, mà chỉ để lại một đơn vị vừa đủ sức kiềm chế địch ở Xuân Lộc, còn lại phân bổ lực lượng đánh Dầu Giây và các cứ điểm khác nhằm phong toả, chia cắt cứ điểm Xuân Lộc khỏi hậu phương Biên Hoà, Bà





Rịa, Vũng Tàu, từ đó Xuân Lộc sẽ bị vô hiệu hoá và nhanh chóng tan rã...

Sài Gòn giải phóng. Thượng tướng Trần Văn Trà nhận nhiệm vụ Chủ tịch Uỷ ban Quân quản thành phố. Ông tâm sự với chúng tôi: "Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày hạnh phúc và đẹp nhất đời tôi. Giấc mơ đời tôi đã thành hiện thực. Nhiệm vụ đã hoàn thành. Và hơn bao giờ hết, lòng tôi chạnh nhớ đến hàng triệu đồng bào, đồng đội đã hy sinh để có được ngày vinh quang. Đó là hình ảnh Trần Đình Xu, người chỉ huy bình tĩnh, kiên cường trong mọi tình huống, đã hy sinh anh dũng trong lúc anh đang là Tư lệnh Khu Sài Gòn năm 1969. Đó là Sư đoàn trưởng Nguyễn Thế Truyện dũng cảm vô song, là Hai Nhỏ - Nguyễn Văn Nhỏ, Phó Tư lệnh Quân khu 8, một con người coi thường gian khổ hiểm nguy. Đó còn là hình ảnh Sáu Tâm - Nguyễn Việt Châu, người em ruột thân thương đã hy sinh anh dũng ở vùng ven Cần Thơ năm 1969, khi làm nhiệm vụ Bí thư Thành uỷ lãnh đạo Tổng công kích và tổng khởi nghĩa năm Mậu Thân 1968 ở Tây Đô,...".



Thượng tướng Trần Văn Trà và vợ Lê Thị Thoa khi trẻ.

Trần Văn Trà không quên ai đã cùng mình trải qua những ngày gian khổ. Ông là vị tướng trân trọng từng giọt máu của chiến sĩ trên chiến trường và chăm lo cho những đồng đội, đồng bào còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống hoà bình. Sau khi về hưu, ngoài việc nghiên cứu lịch sử chiến tranh, viết sách ông còn dành nhiều thời gian thăm lại chiến trường xưa, thăm những người lính thuộc quyền và người dân đã từng gắn bó, che chở thời vào sinh ra tử và tìm cách giúp đỡ họ giữa hoàn cảnh nghèo khốn. Cũng chính



vì sự lo lắng ấy mà ông đã bất ngờ ngã xuống khi qua Singapore tìm nguồn hỗ trợ xây dựng bệnh viện cho cựu chiến binh.

Tấm lòng, tinh thần nhân ái của danh tướng Trần Văn Trà đã được gia đình ông tiếp nối, khi người bạn đời là Tiến sĩ Lê Thị Thoa cùng vợ chồng con trai là doanh nhân Nguyễn Việt Chi - Tiến sĩ Cung Dương Hằng phối hợp với hai người chị là nhà báo Thu Hồng và Tiến sĩ Xuân Hồng tích luỹ xây dựng hàng trăm căn nhà tình nghĩa và giúp đỡ cho người nghèo ở vùng sâu vùng xa. Những việc làm thiết thực và nhân văn theo di nguyện của ông. Đó cũng là một di sản văn hoá quý báu của danh tướng Trần Văn Trà, bên cạnh những chiến công của ông đã lẫy lừng đi vào sử sách!

"Hoa Phong cổ luỹ" và tinh thần văn hoá SƠN NAM

Có những người chưa nằm xuống đã rơi vào quên lãng. Có những người đã ra đi nhưng cứ mãi ám ảnh lòng ta và thỉnh thoảng họ hiện lên cùng những kỷ niệm đáng quý đáng yêu. Nhà văn hoá lớn Sơn Nam luôn ám ảnh tôi như vậy, nhất là khi tôi trở lại những nơi từng gắn bó với ông trên hành trình chữ nghĩa ở Sài Gòn hay Hà Nội, đền Hùng đất Tổ miền trung du Phú Thọ...



Nhà văn Sơn Nam
(1926 - 2008)



Sau hơn một năm tốt nghiệp đại học và đi làm báo, bằng số tiền dành dụm được cùng sự hỗ trợ của gia đình, cơ quan và bạn bè, tôi mua được một căn nhà cấp bốn gần năm mươi mét vuông trong một con hẻm đường Vườn Lài, quận Tân Bình, nay thuộc quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời điểm ấy là cuối năm 1993, giá nhà đất còn rẻ, nơi tôi mua lại cách xa trung tâm thành phố hơn mười cây số, thuộc vùng ngoại ô, đất đai còn mênh mông, dân cư thưa thớt, nên giá càng rẻ hơn.

Nhiều người mừng cho tôi mới ra trường chỉ sống nhờ lương và nhuận bút làm báo làm thơ mà mua được xe được nhà ở Sài Gòn. Tuy nhiên, cũng có người cứ hỏi tôi tại sao mua nhà xa như vậy, không cố gắng chút nữa để được ở gần trung tâm thành phố. Biết làm sao được khi khả năng mình chỉ tới đó, với lại về đây có một số bạn bè văn nghệ kẻ trước người sau tụ hội cũng vui, như nhà thơ Đoàn Vị Thượng, Nguyễn Vân Thiên và nhạc sĩ Trần Quang Minh. Bốn người chúng tôi sáng sáng hay gặp nhau uống

Nhà văn Sơn Nam mũ diềm túi xách tùng tơng cuốc bộ.




cà phê trên đường Địa Đạo (nay đổi thành Phú Thọ Hoà) mà mọi người gọi vui là nhóm "Minh Thượng Thiên Hoàng"!

Tuy ở xa trung tâm nhưng giới văn nghệ Sài Gòn và các tỉnh thành cũng thường lên chơi với chúng tôi. Một lần nhân dịp kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, nhà văn Sơn Nam, người mà tôi hay gọi bằng "bố" hoặc "bố già" nửa vui nửa tôn kính, muốn tôi chở ông lên thăm vùng địa đạo Phú Thọ Hoà gần nhà tôi. Nhà văn suốt đời chỉ biết đi bộ này khi ngồi sau xe thì không bao giờ ngớt chuyện. Chở ông đi, đường dù xa mấy cũng ngắn lại. Ông nói chậm rãi mà có duyên và sâu sắc, thỉnh thoảng còn pha trò. Mặc dù tôi là người rất mê lịch sử nhưng khi nghe những gì ông kể về vùng đất tôi đang ở thì tôi mù tịt và giật mình về sự thiếu hiểu biết của mình, lại càng khâm phục cái trí nhớ hiếm có của bậc trưởng lão làng văn Sài Gòn và Nam Bộ.

Đến địa đạo Phú Thọ Hoà, nhà văn Sơn Nam săm soi rất kỹ. Đây là địa đạo đầu tiên của Sài Gòn và Nam Bộ, được đào từ năm 1947 thời chống Pháp, xung quanh là một vùng cây cối

rậm rạp có địa thế hiểm yếu về quân sự. Ông hỏi tôi biết ai là những người đầu tiên có sáng kiến đào địa đạo dài 700 m này không? Chuyện này thì tôi biết. Đó là Trung tướng Lê Thanh, Đại tá Lâm Quốc Đăng và ông Nguyễn Văn Tiểng lúc ấy giữ chức Bí thư Chi bộ xã Phú Thọ Hoà. Nhưng người đầu tiên và trực tiếp chỉ huy đào địa đạo này là Chi đội trưởng 12 Nguyễn Thượt, tức là Lâm Quốc Đăng, cái tên xuất phát từ biệt danh "Thần đèn rừng" nổi tiếng thời đánh Mỹ. Nhà văn Sơn Nam lại hỏi có biết ai là người quan tâm, đề nghị phục hồi địa đạo để được công nhận Di tích lịch sử Quốc gia. Chuyện này thì tôi chịu. Bậc tiền bối giương mắt kính cười bảo: "Ông Nguyễn Văn Linh đó!".

Từ địa đạo Phú Thọ Hoà, nhà văn Sơn Nam bảo tôi cùng ông sang viếng mộ cổ của người giàu hàng đầu Sài Gòn là bá hộ Xường nằm đối diện phía bên kia đường. Dân gian đất phương Nam đầu thế kỷ XX có câu "Nhất Sỹ, nhì Phương, tam Xường, tứ Hoả". Sỹ tức Huyện Sỹ, tên thật Lê Phát Đạt, ông ngoại hoàng hậu Nam Phương. Phương là Tổng đốc Đỗ Hữu Phương, một tay sai khét tiếng của thực dân Pháp. Hoả là chú Hoả, tên thật Hứa Bổn Hoà, đại gia bất động sản số



1 Sài Gòn gắn liền giai thoại "Con ma nhà họ Hứa". Còn Xường chính là bá hộ Xường, tên thật Lý Tường Quán, đại điền chủ và thương gia gốc Hoa, giàu lên nhờ kinh doanh thịt cá xuất khẩu và xây nhà cho thuê ở Chợ Lớn, nhưng sau khi ông qua đời thì tài sản kếch xù đã bị con cháu tiêu phá hết sạch. Nhà văn Sơn Nam bảo với tôi rằng, sống ở đời đừng nghĩ làm giàu để gia sản lại cho con cháu, bài học của bá hộ Xường đáng để cho ta soi vào. May mà còn khu mộ cổ được xây cất chắc chắn này nên người ta mới nhớ đến bá hộ Xường. Dù không hoành tráng nhưng đây là một công trình kiến trúc nghệ thuật cổ thuộc loại quý hiếm còn sót lại của Sài Gòn.

Giống như khi tôi "tháp tùng" ông lần đầu ra Hà Nội và lên Đền Hùng đất Tổ, đến đâu nhà văn Sơn Nam cũng săm soi rất kỹ từng hòn đá, cục gạch, cái cây, hoa văn. Nhìn gương mặt ông tươi tỉnh, thỉnh thoảng giương giương mục kỉnh nhìn cái gì đó, tôi biết ông mãn nguyện. Tôi tiếp tục chở "bố già" ra cái quán quen thuộc trên đường Địa Đạo mà nhóm "Minh Thượng Thiên Hoàng" chúng tôi hay ngồi. Ông nói vùng này vẫn còn vẻ đẹp tương đối hoang sơ, nhưng với tốc độ đô thị hoá nhanh chóng thì chừng hơn mười năm

nữa sợ nhiều thứ sẽ mất đi. Mới uống vài miếng nước chanh, bố Sơn Nam chợt đứng phắt dậy đi đi lại lại, ngắm ngắm nghía nghía con đường Địa Đạo phủ xanh bóng mát cây bàng hai bên. Cuối đông đầu xuân, bàng lưa thưa lá đỏ. Dù bề ngang chỉ 12 m và chiều dài chưa tới 2 km nhưng bấy giờ Địa Đạo là con đường huyết mạch và được rải nhựa hiếm hoi của vùng này.

Ngắm nghía thoả thích, trở vào quán bố Sơn Nam hỏi tôi rằng có biết đường Địa Đạo ngày xưa là cái gì không. Tôi cười nhìn ông với vẻ cam chịu. Ông ngồi xuống với dáng vẻ quan trọng: "Hoa Phong cổ luỹ thời nhà Nguyễn đấy". Rồi ông rút từ trong giỏ ra cuốn sách *Ấn tượng 300 năm* do Nhà xuất bản Trẻ vừa ấn hành, lấy bút hí hoáy ghi: "Cháu Phan Hoàng nên đọc quyển sách này vì đây là tâm huyết của người hơn 70 tuổi". Tác phẩm ông viết được xuất bản nhân dịp kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1698 - 1998).

Nhận món quà bất ngờ và dòng chữ chân tình của bố già, tôi hết sức xúc động, ngay đêm đó về nhà tôi đọc một mạch hết cuốn sách. Dù chỉ hơn một trăm trang nhưng *Ấn tượng 300 năm*



của nhà văn hoá Sơn Nam cung cấp một lượng kiến thức cô đọng và sâu rộng về quá trình hình thành Sài Gòn và Nam Bộ, đặc biệt trong đó có những bí ẩn về Hoa Phong cổ luỹ hiếm người biết. Theo khảo cứu của ông, trước khi danh tướng Nguyễn Hữu Cảnh mở cuộc hành quân bình định vùng biên giới Tây Nam năm 1700, đã cho thuộc tướng là lão Cầm đốc suất quân lính xây luỹ Hoa Phong ở Sài Gòn. Trong sách *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức ca ngợi luỹ Hoa Phong là một trong 20 thắng cảnh của đất Gia Định:

Lâm ngoại Hoa Phong thuỷ ngoại thôn,
Tướng quân tiền khứ, thuỷ do tồn...

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Phan đã dịch thoát thành 4 câu lục bát:

Ngoài rừng có luỹ Hoa Phong
Có dòng nước nhỏ lượn quanh xóm làng
Tướng quân xưa đã không còn
Mà nền đất cũ chưa mòn chiến công.

Tướng quân xưa chính là Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh, bậc tiền hiền có công lớn trong việc tạo lập vùng đất Sài Gòn - Nam Bộ.

Trong sách *Ấn tượng 300 năm*, nhà văn Sơn Nam còn cho biết thêm: *"Đại Nam nhất thống chí* ghi luỹ Hoa Phong dài phỏng định 6 ki-lô-mét (1.187 trượng). Sau này, luỹ được nối thêm với luỹ Tây Hoa. Năm 1731, người Lào là Sa Tốt cầm đầu một nhóm người Chân Lạp khá đông tràn đến Bến Lức (Long An), kéo qua Vườn Trầu (Hóc Môn), may nhờ Trần Đại Định (con của Trần Thắng Tài, Biên Hoà) chận được, đắp thêm luỹ (luỹ Tây Hoa). Lực lượng của chúa Nguyễn kéo đến, phá tan giặc. Lão Cầm là thuộc tướng của Nguyễn Hữu Cảnh chăm sóc việc đắp luỹ Hoa Phong, có lẽ là viên chức cỡ nhỏ. Lúc đi tham quan di tích chống Pháp chống Mỹ do quận Tân Bình tổ chức, nhìn vào vách văn phòng phường 19 (vào năm 1984) tình cờ thấy trên bản đồ ghi "luỹ ông Dầm". Tôi suy luận, ông Dầm là lão Cầm nói trại ra, vì huý kỵ".

Quan sát tinh tế, tỉ mỉ và suy luận có cơ sở khoa học, đó là phong cách của nhà văn hoá Sơn Nam, không chỉ riêng di tích Hoa Phong cổ luỹ mà toàn bộ những khảo cứu về lịch sử, văn hoá của ông về Sài Gòn và Nam Bộ. Phong cách ấy của bậc tiền bối cũng để lại trong tôi bài học



quý giá trên bước đường chữ nghĩa. Và không chỉ trong công việc mà đối với những người ông yêu mến cũng vậy. Trong đời mình, Sơn Nam có nhiều mối tình, có nhiều vợ, nhưng tôi chỉ được biết sơ qua mối tình cuối của ông, đó là một phụ nữ nghèo bán bia, nhỏ hơn ông khoảng 30 tuổi. Hai người tình cờ gặp nhau, yêu nhau và thuê nhà chung sống với nhau ở gần chợ Gò Vấp. Tình muộn nhưng thật đẹp, dù cuộc sống rất khó khăn, chủ yếu nhờ nhuận bút của ông. Ông yêu quý bà, bà cũng hết mực thương yêu, chăm sóc ông những năm tháng cuối đời, cho tới khi ông vĩnh biệt cõi trần thì người phụ nữ này cũng âm thầm biến mất. Chẳng biết bây giờ bà sống như thế nào, nhưng tôi tin từ nơi yên nghỉ vĩnh hằng ở Bình Dương ông vẫn nhớ bà khôn nguôi.

Một người nghĩa tình như Sơn Nam thì không quên bất cứ ai và bất cứ mảnh đất nào mà ông từng gắn bó, cũng như Sài Gòn - Nam Bộ mãi mãi sẽ lưu dấu về ông.

Với tốc độ đô thị hoá nhanh chóng, ngày nay Sài Gòn khác nhiều so với lúc kỷ niệm 300 năm

mà tôi chở nhà văn Sơn Nam lên thăm vùng Phú Thọ Hoà, tất nhiên càng khác rất xa thời Nguyễn Hữu Cảnh ra lệnh cho lão Cầm xây đắp Hoa Phong cổ luỹ. Phong cảnh đổi khác nhưng hồn cốt Sài Gòn không khác. Hồn cốt tạo nên nền tảng và giá trị khác biệt của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn nằm trong tâm thức, tính cách con người và từng di tích, kỷ vật, trang sách mà thế hệ sau phải có trách nhiệm bảo tồn, phát huy. Để lưu giữ được hồn cốt tinh hoa ấy, tôi nghĩ mỗi người Sài Gòn cần có trong mình một ý thức Sơn Nam, một tình yêu Sơn Nam, một trách nhiệm Sơn Nam và trên hết là một tinh thần văn hoá Sơn Nam.

Cầm tinh con cọp, sinh ngày 11 tháng 12 năm Bính Dần 1926, ông tên thật Phạm Minh Tài nhưng do cán bộ hộ tịch viết sai i thành y nên giấy khai sinh đề tên Phạm Minh Tày. Sớm tham gia cách mạng, ông là bạn chiến đấu của ông Võ Văn Kiệt và nhiều nhà lãnh đạo trong chín năm kháng chiến chống Pháp. Sau Hiệp định Geneva năm 1954, ông không tập kết ra Bắc mà ở lại miền Nam hoạt động văn hoá, báo chí, khảo cứu, sáng tác cho ra đời mấy mươi tác phẩm quan



trọng về đất và người phương Nam từ thời khẩn hoang, trong đó dấu ấn sâu đậm đầu tiên là tập truyện *Hương rừng Cà Mau* xuất bản năm 1962, kế đến là các tác phẩm *Chim quyên xuống đất, Hình bóng cũ, Vọc nước giỡn trăng, Nói về miền Nam, Vạch một chân trời, Văn minh miệt vườn, Lịch sử khẩn hoang miền Nam, Đất Gia Định xưa, Cá tính miền Nam,...*

Hơn nửa thế kỷ kể từ chuyến xe đò rời mảnh đất quê hương miệt vườn thân thuộc cuối trời Tổ quốc lên Sài Gòn đô hội xa lạ, ông đã hoá thân vào cát bụi để lại bao niềm thương tiếc khôn nguôi về hình ảnh đáng kính của "Ông già đi bộ", "Ông già Nam Bộ", "Ông già Ba Tri",... và pho từ điển sống của lịch sử văn hoá Sài Gòn - Nam Bộ.

Nhân giỗ đầu của nhà văn Sơn Nam vào 13 tháng 7 âm lịch, nhằm ngày 22 tháng 8 năm 2010, một nhà lưu niệm về ông đã được khánh thành tại Mỹ Tho, Tiền Giang. Đây là công trình được thực hiện bởi người con gái đầu của ông là chị Đào Thuý Hằng cùng chồng là anh Trần Đức Nghị để lưu giữ kỷ vật của người cha tài hoa suốt đời bôn ba...

Không hiểu sao mỗi khi nghĩ về nhà văn Sơn Nam, tôi hay liên tưởng đến hình ảnh con người cần mẫn gom nhặt bụi vàng tinh hoa để dâng hiến cho Sài Gòn và Nam Bộ, cũng chính là dâng hiến cho nền văn hoá vĩnh cửu của dân tộc này. Với tôi, ông là huyền thoại, một huyền thoại của đất phương Nam. Ngày 13 tháng 8 năm 2011, tròn ba năm sau ngày "bố già" từ giã cõi trần, tôi đã hoàn thành bài thơ tưởng nhớ ông.

Bụi vàng Sơn Nam

1.

Trong suy nghĩ nôm na sông rạch
trong giấc mơ hào khí miệt vườn
ông đâu muốn nép mình phía nam ngọn núi.

Bằng nguồn sữa người đàn bà láng giềng
tốt bụng
bằng lưng vốn chữ nghĩa đam mê trời cho
thủng thẳng bơi vào dòng xoáy văn chương
ông nuôi mộng làm ngọn núi phương nam
lưu giữ từng hạt vàng phù sa mang hình mồ
hôi nước mắt



lưu giữ từng mùi hương rừng pha mùi
máu tổ tiên

2.

Chong ngọn đèn dầu soi mùa len trâu
nheo mắt lắng nghe chuyện xưa tích cũ
ông biết mình cần gì làm gì
ông thấu hiểu mình nên đi đâu về đâu
trên đất nước lời ru bị chia cắt bởi lòng tham
như Tây đầu đỏ

Mặc thị trường chữ nghĩa nhân bản vô tính
ông tự vạch một chân trời
ngược về hình bóng cũ
như người thợ nhẫn nại tài hoa
bới tìm lớp lớp đất đá mỏ quặng thời gian
Bến Nghé xưa
Sài Gòn xưa
Nam Bộ xưa
sàng lọc và tinh chế
trao lại mai sau từng hạt bụi vàng

3.

Nửa đời bơi xuồng
nửa đời cuốc bộ
một thời bưng biền
một thời phố xá
bụi vàng đầy dần
núi vàng cao dần
theo từng trang sách của ông

Những trang sách vàng ròng làm giàu tâm
hồn bao thế hệ
không nuôi nổi người thợ chăm chỉ tài hoa
tới khi trở về đãi cát phía hư vô

4.

Chẳng thể nằm mãi Bình Dương
chuyện trò gốc cây cục đá

lưu luyến một mảnh tình riêng
theo chân người thương Gò Vấp

nhớ cánh chim quyên xuống đất
hương rừng lãng đãng Cà Mau





đến hội vọc nước giỡn trăng
ghé ngang Tiền Giang cạn chén

trốn Sài Gòn về Bàu Láng
dạo chơi hai cõi U Minh

5.
Cùng ông lang thang phố phường Hà Nội
lâm râm khấn vái liệt tổ đền Hùng
ông truyền cho tôi tình yêu nguồn cội
cảm hứng sinh tồn trận bút trường văn

Lần giở từng trang âm vang ký ức
xuôi về sông rạch lục tỉnh trọng nghĩa khinh tài
tôi lại thấy thấp thoáng bóng ông
kính cận
mũ diềm
túi xách
tùng tơng cuốc bộ góp nhặt bụi vàng.

Đằng sau hào quang của nhà ngữ học lớn CAO XUÂN HẠO

Tên tuổi và sự nghiệp của Cao Xuân Hạo đã trở thành niềm tự hào của Việt Nam và được bạn bè quốc tế ngưỡng mộ như người khai mở con đường mới về lý thuyết ngôn ngữ học của thế giới đương đại. Tuy nhiên, nhìn lại cuộc đời tài ba lận đận mà ông nói là do tạo hoá lập trình sẵn, chúng ta không khỏi giật mình trước những cơn vượt thoát đầy bản lĩnh của một một trí thức lớn để âm thầm có những cống hiến phi thường cho nền văn hoá, học thuật nước nhà…



Nhà ngôn ngữ học Cao Xuân Hạo (1930 - 2007)



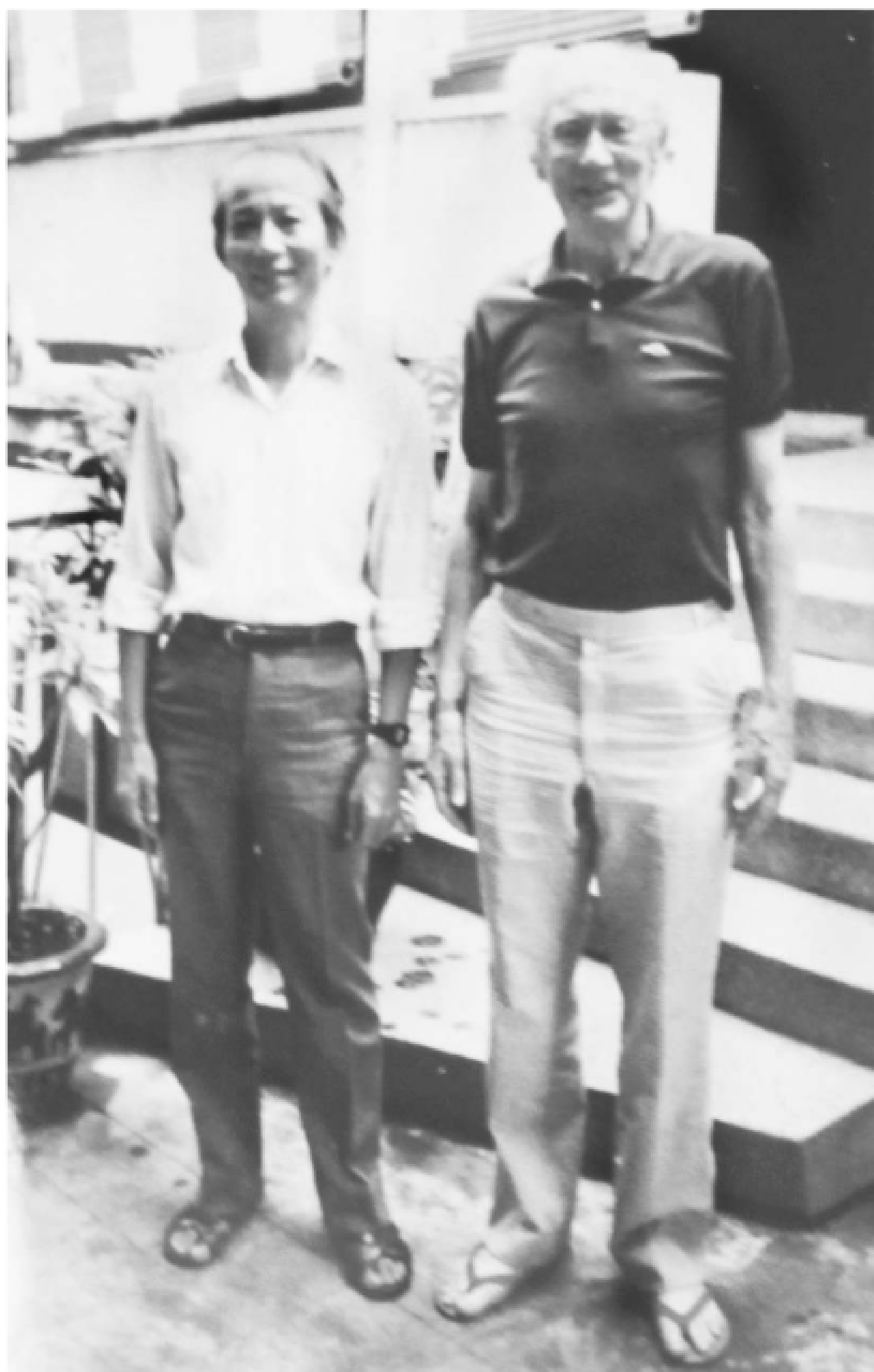
Cha và con và câu chuyện tiếng Việt bên mâm cơm

Cao Xuân là một dòng họ thuộc hàng "thế gia vọng tộc" ở làng Thịnh Mỹ, xã Cao Xá, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Cử nhân Cao Xuân Dục (1842 - 1923) là Thượng thư Bộ Học, Đông các đại học sĩ kiêm Tổng tài Quốc sử quán cuối triều Nguyễn, tác giả của nhiều bộ sử học có giá trị. Người con trưởng của ông là Phó bảng Cao Xuân Tiếu (1865 - 1939) nối nghiệp phụ thân cũng làm đến Thượng thư, Hiệp tá đại học sĩ kiêm Tổng tài Quốc sử quán. Cao Xuân Hạo là cháu nội của Cao Xuân Tiếu và là con của Cao Xuân Huy (1900 - 1983), nhà Đạo học lừng danh, một trong những giáo sư góp công đầu xây dựng ngành giáo dục đại học Việt Nam, tác giả của tác phẩm *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu*, một công trình triết học mà sau khi ông qua đời mới được các môn sinh sưu tập in từ di cảo và được Chủ tịch nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học xã hội và nhân văn đợt đầu tiên vào năm 1996.

Cao Xuân Hạo sinh ngày 30 tháng 7 năm 1930, hai năm sau khi "ông đồ" xứ Nghệ Cao Xuân Huy rời nhà tù Lao Bảo về lại Huế kết duyên cùng Tôn Nữ Thị Cơ, một thiếu nữ hoàng tộc xinh đẹp vì tình yêu đã vượt qua bao chướng ngại lễ giáo gia phong để đến với nhà trí thức trẻ tài ba; cả lúc ông hoạt động chính trị bị địch bắt đày tận Lao Bảo bà cũng đã băng rừng lội suối lên thăm nuôi.

Cao Xuân Huy là một nhà nho học thuộc thế hệ khoa cử cuối cùng. Khi trên đường từ Nghệ An vào Huế thi Hương năm 1917, ông nghe tin kỳ thi bị triều đình nhà Nguyễn bãi bỏ. Đó là kỳ thi cuối cùng của nhà nước phong kiến Việt Nam. Thất vọng nhưng không nản chí, ông liền chuyển sang học tiếng Pháp. Tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, ông đi dạy tiếng Pháp ở trường Quốc học Huế và bí mật hoạt động yêu nước, trải qua nhiều thăng trầm trong cuộc đời. Tuổi thơ Cao Xuân Hạo gắn liền với bước đường luân lạc của người bố tài năng lận đận trên nhiều ngả đường đất nước, ở ba miền Trung - Nam - Bắc. Chỉ mấy tháng hè cậu bé Cao Xuân Hạo mới có dịp cùng cha mẹ về thăm quê hương, một vùng đất văn vật nằm sát bờ biển Nghệ An.





GS. Cao Xuân Hạo và GS. Kenneth Lee Pike (Mỹ).

Tiếng tăm của một dòng họ "thế gia vọng tộc" mà trực tiếp là người cha tài ba Cao Xuân Huy có gây áp lực gì đối với Cao Xuân Hạo khi mới bước vào đời không? Trong một lần tôi hầu chuyện thầy Cao Xuân Hạo ở nhà riêng, thầy tâm sự rằng: "Cha tôi không có thiện cảm với nghề quan lại, cho nên trước sau cụ vẫn là một nhà giáo của thành thị. Ông cụ lần lượt dạy học ở Huế, Sài Gòn và Hà Nội. Vì vậy, ảnh hưởng của đại gia đình phong kiến chỉ đáng kể đối với thời niên thiếu của cha tôi, còn đối với quá trình ăn học của tôi thì không". Sau khi ra khỏi tù vì quan điểm chính trị, vào Biên Hoà dạy học, đến năm 1940 cụ Cao Xuân Huy đưa gia đình quay ra Huế. Cụ cho Cao Xuân Hạo vào học trường Providence để học theo chương trình của các trường Pháp (hệ A) có học một sinh ngữ là tiếng Anh và hai tử ngữ là tiếng La Tinh, Hy Lạp. "Năm năm học ở trường này, tôi không hiểu cụ bắt tôi học tiếng Hy La để làm gì. Về sau tôi mới biết là cụ muốn tôi thật giỏi triết học phương Tây để sau này cộng tác với cụ trong việc xây dựng một nền triết học Việt Nam tiếp tục truyền thống Lão Trang dưới một ánh sáng mới. Nhưng năm 1945, tôi vào bộ đội. Cụ được gọi ra Hà Nội dạy đại



học. Thế là kế hoạch của cụ bị dở dang". Thầy Cao Xuân Hạo nhớ lại và còn cho biết: "Rất may là sau chiến tranh trở về Hà Nội, cụ mừng khi thấy tôi vẫn viết được một thứ Pháp văn sạch sẽ và đọc được các triết gia Hy Lạp cổ đại không đến nỗi khó khăn (dưới sự hướng dẫn của cụ), tuy Hán văn thì tôi còn quá ít chữ. Nhưng do nhu cầu công tác ở Trường đại học Tổng hợp Hà Nội, tôi phải vừa học vừa dạy ngôn ngữ học, cho nên đành gác lại việc học triết. Cũng may là các tử ngữ cổ điển cũng giúp tôi rất nhiều trong việc học tiếng Nga và đọc các sách ngôn ngữ học".

Giáo sư Cao Xuân Hạo luôn dành tình cảm tôn kính đối với cụ thân sinh Cao Xuân Huy. Lúc nhận tin vui tác phẩm triết học *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu* của Giáo sư Cao Xuân Huy được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, thầy Cao Xuân Hạo thổ lộ với tôi rằng, ông cụ là nhà triết học nhưng có cảm thức rất tốt về ngôn ngữ. Qua những câu chuyện tự nhiên bên mâm cơm gia đình, ông cụ cũng đã dạy cho con trai nhiều điều bổ ích.

"Chữ tài liền với chữ tai một vần". Câu Kiều ấy cũng vận vào cuộc đời của cả hai cha con Cao

Xuân Huy và Cao Xuân Hạo, khi cùng chịu nỗi oan trong vụ Nhân văn Giai phẩm, trải qua cuộc sống gian khổ lận đận, mà chỉ bằng tình yêu khoa học và bản lĩnh của bậc đại trí thức, họ đã nhẹ nhàng vượt qua phong ba bão táp để có những cống hiến lớn lao cho nền văn hoá, khoa học nước nhà. Và đất lành Sài Gòn đã trở thành nơi yên ấm cho hai ông một phần sau đời mình.

Mỗi người khi sinh ra đều được tạo hoá "lập trình" sẵn

Vốn là sinh viên ngành ngôn ngữ Trường đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh nên tôi từng có nhiều gắn bó với thầy Cao Xuân Hạo. Mối liên hệ với thầy còn gần gũi cả về sau này, khi ông là một cộng tác viên thường xuyên của tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay*, nơi tôi làm việc. Tôi cũng hay đến thăm và có những cuộc phỏng vấn cho báo lúc ông ở quận Phú Nhuận rồi sau này chuyển về sống ở quận Gò Vấp.

Thầy Cao Xuân Hạo có dáng vẻ bề ngoài lịch lãm, đạo mạo, phớt tỉnh và ẩn bên trong một cá tính mạnh mẽ, tự tin, bản lĩnh, có khả



năng hùng biện và một tâm hồn đầy chất nghệ sĩ. Ông đã tồn tại trong đời sống giáo dục, khoa học với tư cách học giả uyên bác, nhà sư phạm, nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tên tuổi vượt ngoài biên giới quốc gia. Ông còn là người giỏi ngoại ngữ được bao quanh rất nhiều giai thoại, một dịch giả uy tín với hơn hai mươi ngàn trang sách dịch từ các tác phẩm văn học nước ngoài. Đó là chưa kể ông từng là tác giả những ca khúc yêu nước và trữ tình được biết đến từ thập niên 50 của thế kỷ trước. Nhưng hào quang của một "Copernic ngôn ngữ học", một dịch giả thuộc hàng thượng thừa đã che mờ sự tài hoa nghệ sĩ của ông.

Một tuần đôi lần, vào những buổi trưa sau giờ làm việc hay giảng dạy, thầy Cao Xuân Hạo chạy xe máy đến quán bia 81 Trần Quốc Thảo, Quận 3 để gặp bạn bè văn nghệ giải khuây. Tính thầy vừa hoà đồng vừa cực đoan, rất ghét những tay ba hoa háo danh mà không thực tài. Thầy thường chọn ngồi một góc riêng, với vài ba người bạn tâm giao. Có những lúc thầy gọi tôi đến, chỉ hai thầy trò một bàn, nếu có ai sang "cụng ly" thì cũng chỉ ngồi một chút, bởi thầy tế nhị nói với khách: "Xin lỗi ông, hai chúng tôi có chuyện

riêng cần bàn”. Thực ra cũng chẳng có chuyện riêng gì. Thầy muốn được yên lặng giữa không khí ồn ào bia bọt, để thư giãn với người mình muốn hàn huyên vậy thôi.

Thầy Cao Xuân Hạo kể với tôi rằng, hồi nhỏ thầy rất thích các tác phẩm văn học, nhất là tiểu thuyết *Đỏ và đen* của nhà văn Pháp Stendhal, và cũng sớm tỏ ra có năng khiếu viết văn. Một ông thầy người Bỉ từng đến chơi ở gia đình và dự đoán với Giáo sư Cao Xuân Huy rằng lớn lên Cao Xuân Hạo có thể trở thành nhà văn Pháp. Nhưng ông thầy ấy lại nói... tiếc văn cậu bé họ Cao chịu ảnh hưởng của Chateaubriand nhiều quá! Là chính trị gia và nhà ngoại giao nổi tiếng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, Chateaubriand còn là nhà văn khai sáng trào lưu lãng mạn trong văn học Pháp. Nghĩa là, dù thích tác phẩm văn học hiện thực *Đỏ và đen* nhưng văn phong Cao Xuân Hạo bấy giờ lại bóng bẩy, lãng mạn.

Nâng ly bia cụng với tôi, thầy cười nói rằng, cuộc đời khó ai đoán định trước tương lai cho mình sẽ làm được gì và may mà ông không trở thành “nhà văn Pháp”. Không dám phản bác trực diện với thầy, nhưng tôi nghĩ nếu như không đi



vào con đường nghiên cứu khoa học và dịch thuật thì biết đâu Cao Xuân Hạo cũng sẽ trở thành một nhà văn có vị trí hẳn hoi trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Tôi thực sự tin điều đó!

Nhìn phong cách tao nhã lạc quan, nhìn sự nghiệp lẫy lừng của Cao Xuân Hạo, tôi nghĩ bất cứ bạn trẻ nào mới bước vào đời cũng cảm thấy thèm thuồng. Để đạt được điều đó, không ít người cho rằng Cao Xuân Hạo từng phải trả giá đắt cho cuộc đời lận đận của mình. Thế nhưng riêng thầy lại không nghĩ như vậy. Trong một cuộc chuyện trò khác với tôi bên ly cà phê buổi sáng Chủ nhật ở Sài Gòn, thầy tâm sự: "Nhiều người trong số bạn bè quen biết, thủ trưởng, thầy học,... thường cho tôi là người đáng thương hại vì gặp nhiều trắc trở trên đường đời. Tôi thấy họ nhầm mà không sao thuyết phục được cho họ hiểu: tôi là người cực kỳ may mắn. Nhân vật chính của tiểu thuyết *Số đỏ* chưa chắc đã may mắn hơn tôi".

Dẫu biết rằng, may mắn là một yếu tố không thể thiếu được trong mọi thành công, nhưng qua cách nói của thầy Cao Xuân Hạo, phải chăng ông khiêm tốn? Trước sự phân vân của tôi, thầy giải

bày: "Tôi không khiếm tốn đâu. Qua quá trình nuôi con dại ở vùng núi trong mấy năm sơ tán, tôi hiểu ra rằng ngay từ khi chào đời mỗi người đều được "lập trình" sẵn và cứ thế mà sống theo đúng chương trình cho đến chết, không thể thay đổi gì về bản chất (tuy có thể có thêm tri thức và kinh nghiệm). Có tài hay không, có số này số kia hay không, là do lập trình, không nên tự hào hay tự ti gì hết. Có phải của mình làm ra đâu mà tự hào hay tự ti?".

Tâm sự chân tình ấy của một bậc thầy như Cao Xuân Hạo thật đáng để chúng ta suy nghĩ. Dù thành công hay thất bại, con người cũng không nên quá tự hào hoặc tự ti, mà hãy tự tin vào bản thân mình, tin vào hành trình đời mình để mà vui sống!

Không ngừng tự học và ghét thói vĩ cuồng háo danh

Năm 1954, miền Bắc được giải phóng. Cao Xuân Hạo rời quân ngũ vào Đại học Văn khoa - tiền thân của Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tốt nghiệp hạng ưu, ông được giữ lại trường giảng dạy ngôn



ngữ học. Tuy nhiên, nếu sự học của ông chỉ dừng ở đó thì chúng ta không có được một Cao Xuân Hạo lừng lẫy đáng kính sau này. Mà xuyên suốt cuộc đời ông là quá trình tự học không ngừng. Dù đã là một học giả uyên bác, nhưng thầy Cao Xuân Hạo vẫn tỏ ra tiếc nuối khi thổ lộ với tôi: "Đời người rất ngắn ngủi, không đủ để học một nghề gì cho ra hồn. Thế mà thời trẻ mình phần thì ham chơi, phần thì phải lo kiếm tiền nuôi vợ nuôi con, học chẳng được bao nhiêu. Nhất là trong thời chiến tranh chẳng có bao nhiêu sách vở mà học. Sau chiến tranh, mỗi lần đi dạy thuê ở nước ngoài tôi đều dùng số tiền kiếm được mua hàng chục cân sách về. Hàng chục cân sách là hàng ngàn đô. Giáo sư của họ lương gấp trăm lần giáo sư ta, thế mà họ lại không tốn một xu mua sách. Chỉ cần gọi điện ra thư viện bảo đem đến là có sách dùng ngay. Còn thư viện của ta thì làm gì có sách ngữ học mới mà mượn?".

Từ kinh nghiệm đời mình, thầy khuyên tôi cũng như các bạn trẻ đừng phí tuổi trẻ, phải cố mà học, mà đọc, may ra mới thành người có ích. Thầy bảo: "Đến tuổi hăm ba hăm bốn tốt nghiệp đại học, còn bốn năm mươi năm nữa để học tiếp, vì như Baden - Powell có nói, những điều học

được ở nhà trường chỉ là một que diêm quẹt lên trong chốc lát để đi tìm những nguồn sáng khác, và sau ba bốn chục năm nữa trở thành người có ích thực sự. Quá tuổi bốn mươi, không mấy ai học tiếp được nữa, vì ít ai còn động cơ đủ mạnh để chịu khó học". Để có được "động cơ đủ mạnh" cho sự tự học, thầy Cao Xuân Hạo cho rằng cần phải có cái may mắn của những người tìm thấy trong chính việc học một lạc thú không kém gì các lạc thú vật chất của cuộc sống như rượu chè, nhục dục hay sự giàu sang. Quỹ thời gian của con người vốn ít, cho nên không thể nghiên cứu kỹ cái gì nếu không đủ "nghiện" để nghĩ đến nó suốt ngày suốt đêm, cả khi ăn khi ngủ.

Khi nghe tôi đề cập tới trường hợp những người không cần học mà vẫn "thành công" với học hàm này học vị nọ, trở thành những bậc mũ cao áo dài quyền cao chức trọng, thầy Cao Xuân Hạo thở dài và mỉm cười: "Những người học vì những mục đích khác, dù là để thành tiến sĩ hay để thành ân nhân của nhân loại (thật ra là để được tôn vinh bằng những mỹ từ tương tự) thì một khi mục đích cuộc đời đã đạt, công đã giành danh đã toại, còn học làm gì? Khi giở một cuốn sách chuyên môn ra, thấy mình không hiểu





nổi lấy được một dòng, người ta có xu hướng nghĩ rằng, đến giáo sư tiến sĩ như mình mà còn không hiểu thì chắc chắn là sách viết tầm bậy. Từ đó trở đi người ta không học nữa". Rồi thầy trầm ngâm bảo tôi: "Thật ra không ai có thể thôi học. Phải học cho đến hết đời, học nữa, học mãi, như Lênin nói, mới mong thành người. Càng học càng thấy mình biết ít quá, cho nên lại càng cố học thêm".

Câu chuyện về sự tự học chưa dừng ở đó. Thầy mở bao thuốc lá ba số rút một điếu mời tôi và mồi cho mình một điếu. Tôi tiếp tục "chất vấn" kinh nghiệm quan trọng nhất của việc học, thầy lại nói: "Cái cần hơn nhiều là biết cho thật chính xác mình biết những gì, chưa biết những gì, và từ đó có thể làm một việc gì có ích. Tử viết: *Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã*. Càng học càng thấy cái mình biết quá vô nghĩa so với cái mình chưa biết. Không học thì tưởng là mình biết hết rồi, nhất là khi không học gì mà vẫn được phong học hàm này học vị nọ, từ đó nghĩ là mình thiên tài, là thuộc giống người thượng đẳng, vượt xa nhân loại. Chính những người như thế mới thật là những người không may".

Vâng, những người "không may" mà thầy Cao Xuân Hạo nói đến cũng chính là những người mang tâm bệnh vĩ cuồng khá phổ biến trong xã hội ta hiện nay. Một căn bệnh có ý thức. Không chỉ nó lây lan bên bàn nhậu của những "đại gia" lắm tiền nhiều của nhờ lừa đảo, tham nhũng mà nó còn xâm nhập vào cả giới được mệnh danh trí thức, văn nghệ sĩ và là mối đe doạ đối với tương lai nền học thuật, văn hoá nước nhà. Điều nguy hiểm hơn với những người "không may" ấy, như lời cảnh tỉnh của thầy Cao Xuân Hạo: "Những người như thế chỉ có thể tự lừa bịp mình và lừa bịp hàng trăm người khác, cho đến khi quen dần, không còn thấy xấu hổ chút nào với cái nghề lừa bịp của mình nữa, nhất là sau khi "ngộ" ra cái điều quan trọng nhất: mình là vĩ nhân, và các học giả như Aristotle, Trang Tử, Einstein đều là những thằng ngu (không ngu sao lại viết ra những điều mà một vĩ nhân như mình đọc không hiểu?)".

Một tài năng ngoại ngữ độc đáo với nhiều giai thoại

Một hôm, ban chiếu bóng của Khoa Ngữ văn Đại học Tổng hợp Hà Nội mượn được 2 tập



phim *Anh em nhà Karamazov* chuyển thể kịch bản từ tác phẩm của văn hào Nga Dostoievski. Đến giờ chiếu mà chưa có bản tiếng Việt, làm cho người đọc thuyết minh lúng túng và cả những người có trách nhiệm chiếu bóng cũng chạy đôn chạy đáo. Chợt có người phát hiện thầy Cao Xuân Hạo cũng đến xem phim. Mừng quá, họ đến nhờ thầy cảm phiền thuyết minh giúp. Thầy cười bảo mua cho mấy điếu thuốc thơm, rồi bước vào phòng máy, vừa nhìn lên màn ảnh vừa dịch đuổi theo nhân vật trong phim một cách khúc chiết. Cả khán phòng ai cũng phục. Thuyết minh xong thầy nói, sao lời thoại trong phim kỳ quá, chẳng giống chút nào với lời thật của nhân vật trong nguyên bản tiểu thuyết của Dostoievski.

Một lần khác, Viện sĩ khảo cổ học Gube của Liên Xô sang thăm và nói chuyện tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Người được phân công phiên dịch cho Viện sĩ Gube là một nhà khảo cổ học từng tu nghiệp 7 năm bên Liên Xô, nhưng đã dịch vấp váp, khó khăn trước nhiều thuật ngữ khoa học chuyên dùng. Trước tình thế nan giải ấy, ban lãnh đạo quyết định phải tức tốc đi tìm mời bằng được Cao Xuân Hạo. Cuộc nói chuyện

của Viện sĩ Gube tạm dừng. Và khi Cao Xuân Hạo đến thì mọi việc mới diễn ra suôn sẻ...

Nhiều giai thoại độc đáo như vậy về khả năng tiếng Nga của Cao Xuân Hạo được truyền tụng. Một đồng nghiệp gần gũi về quan điểm ngữ học của ông là Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Quang Hồng, một chuyên gia Hán Nôm đầu ngành, nhận định: "Anh Hạo là người đa tài, mà tài nào cũng thực sự là tài. Nói đến ngoại ngữ, không phải chỉ lũ chúng tôi, những người từng nhiều năm ăn bánh mì ở Nga về, mà cả người Nga cũng thán phục khả năng nói tiếng Nga lưu loát của anh, ngay cả khi họ chưa biết rằng anh chỉ tự học tiếng Nga qua Đài Tiếng nói Việt Nam. Giáo sư V.M. Sonlsev mỗi lần sang làm việc với Viện Ngôn ngữ học, đều hầu như chỉ yêu cầu anh Hạo dịch giùm. Và anh luôn được Giáo sư V.M. Sonlcev giúi vào tay mấy bao thuốc lá, thứ mà anh nghiện, để làm quà. Tôi không dám chắc là anh Hạo có nói được tiếng Trung Quốc hay không, nhưng qua những gì mà anh viết có đả động đến tiếng Hán chữ Hán, tôi có thể biết chắc là anh am tường về lịch sử tiếng Hán cũng như về đặc trưng của tiếng Hán và chữ Hán, một vốn tri thức Hán học rất đáng nể mà chưa chắc ai cũng dễ dàng có được".





Sự thực thì thầy Cao Xuân Hạo giỏi bao nhiêu ngoại ngữ? Trước sự "chất vấn" của tôi, thầy từ tốn thổ lộ: "Tôi sử dụng thông thạo được tiếng Pháp, Nga, Anh. Tiếng La Tinh tôi chỉ dùng đọc được sách tương đối dễ như kinh Phúc âm vì đã thuộc nội dung. Tôi cũng đọc được chút ít tiếng Hán, tiếng Đức của những công trình ngôn ngữ học". Quá trình học ngoại ngữ của thầy cũng khác thường. Vào năm 1934, lúc thầy lên bốn tuổi, gia đình đang ở Biên Hoà, cạnh nhà một người thợ Pháp có đứa con gái cùng tuổi thầy. Hàng ngày người lớn đi làm hết, ở nhà hai đứa trẻ hay chơi đùa với nhau. Lúc đầu chỉ nói với nhau bằng cử chỉ, nhưng có lẽ nhờ có khiếu hơn nên dần dần cậu bé họ Cao nói tiếng Pháp được như cô bạn gái. Người cha Cao Xuân Huy lần nọ đi làm về tình cờ nghe cậu con trai và cô bé hàng xóm nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp, sợ hai đứa trẻ biết nên vờ bỏ đi, sau đó gọi con trai lên hỏi: "Mày biết nói như thế từ bao giờ?". Từ đó ông cụ bắt đầu dạy cho con trai học. Cũng thời gian này, mẹ cùng bà ngoại, bà vú của Cao Xuân Hạo hay đọc báo *Điện Tín* để theo dõi những cuộc tuyệt thực của ông Tạ Thu Thâu. Họ đọc to từng tiếng một. Cậu bé họ Cao đứng đằng sau lẩm nhẩm

đọc theo, dần thuộc mặt chữ quốc ngữ lúc nào không biết.

Việc sớm tiếp cận tiếng Pháp đã giúp ích nhiều cho việc tiếp thu các ngoại ngữ khác về sau của Cao Xuân Hạo. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của thầy: "Tôi thấy ngoại ngữ nào cũng khó. Những thứ tiếng càng khác tiếng mẹ đẻ càng khó; chẳng hạn như các thứ tiếng biến hình đối với người Việt. Không bao giờ mình có thể nói và viết được như người bản ngữ. Tôi vốn rất phục những tay điệp viên, như trong phim *Mười bảy khoảnh khắc mùa xuân*. Vì sao họ hoạt động như vậy mà không bị phát hiện? Về sau tôi mới được biết những người như thế vốn sinh trưởng ở những vùng song ngữ đã được học một ngoại ngữ cùng một lúc với tiếng mẹ đẻ. Có thể nói là họ có hai thứ tiếng mẹ đẻ. Theo nhà ngôn ngữ học Vasiliev, từ bốn đến sáu tuổi con người học ngoại ngữ tiếp thu nhanh nhất. Và nếu từ nhỏ được học như thế thì lớn lên có thể học được nhiều ngoại ngữ khác".

Thầy Cao Xuân Hạo cũng cho biết ở Cộng hoà Czech, người ta chủ trương tất cả các nhà trẻ và lớp mẫu giáo đều thuê người nước ngoài dạy



ngoại ngữ, còn tiếng mẹ đẻ thì đã có gia đình, và lúc nào học cũng được. Thầy khuyên: "Để học giỏi ngoại ngữ còn phải có năng khiếu và lòng yêu thích. Kinh nghiệm cho thấy nên học ngoại ngữ một cách toàn diện, cả về phương diện ngữ âm, phải nhớ bằng mắt, miệng và cả tai nữa, vì như thế sẽ giúp nhớ kỹ hơn. Chẳng hạn, tôi mở Đài Phát thanh Moskva để học thêm tiếng Nga, lúc đầu không hiểu được gì, nhưng càng ngày càng hiểu thêm và quen dần với ngữ điệu. Người Pháp và người Nga không có ai chịu tin rằng tôi chưa từng đi học lâu năm ở Pháp và Nga".

Một phượng hoàng ngôn ngữ đã bay cao bay xa

Giỏi ngoại ngữ là một chuyện, còn dịch thuật là một chuyện khác. Thời gian đã chứng minh Cao Xuân Hạo là một dịch giả lớn, chuyển ngữ thành công nhiều tác phẩm văn học nước ngoài, chủ yếu là Nga và Pháp, bằng một thứ tiếng Việt sang trọng, dễ hiểu, thoát ly giáo điều rập khuôn ngôn ngữ châu Âu. Khởi đầu ông dịch một tác phẩm của nhà thơ Pushkin năm 1959, để rồi mấy mươi năm sau ông đã dịch hơn hai mươi ngàn

trang sách, tiêu biểu như các bộ truyện: *Con gái viên đại uý, Chiến tranh và hoà bình, Tội ác và hình phạt, Con đường đau khổ, Papillon, Khải hoàn môn, Đèn không hắt bóng*,... Ông được Hội Nhà văn Việt Nam trao giải thưởng về dịch thuật năm 1985.

Các tác phẩm văn học dịch của Cao Xuân Hạo không chỉ tạo được dấu ấn ngay khi ra đời, mà còn đứng vững qua thời gian, luôn thu hút độc giả các thế hệ. Đối với ông, dịch thuật không đơn thuần chỉ là việc chuyển ngữ. Dịch còn đồng nghĩa với sự sáng tạo văn học. Và sự sáng tạo ấy phải nằm trong chuẩn mực: trung thành với nguyên tác. Ông quan niệm: "Dịch thuật là phải trung thành. Người dịch cần phải nắm được cái thần của văn bản nguyên tác. Dịch sát bám từng chữ không phải là trung thành. Đó là nhược điểm chính của một số bản dịch mới. Một văn bản tiếng Nga hay mà dịch thành một văn bản tiếng Việt dở, đặc giọng Tây, sao gọi là trung thành?".

Dịch giả Cao Xuân Hạo cũng cho rằng dịch khó hay dễ không phải nằm ở chỗ nắm được ngoại ngữ hay ngoại ngữ nào, mà điều quan



trọng là người dịch có nắm vững tiếng Việt hay không. Ông nói: "Với tôi, việc dịch thuật còn giúp tôi nắm vững tiếng Việt hơn. Dịch tức là tìm cách diễn đạt cho đúng ý và thần của nguyên bản bằng những phương tiện hay nhất của tiếng mình. Chính nhờ dịch nhiều mà tôi hiểu thêm ngữ pháp tiếng Việt".

Thế nhưng tài năng dịch thuật có lúc chút nữa hại ông. Đầu năm 1964, tuyển tập truyện ngắn nổi tiếng *Truyện núi đồi và thảo nguyên* của nhà văn Chyngyz Aimatov, chủ yếu do Cao Xuân Hạo dịch, được Nhà xuất bản Văn học ấn hành, nhanh chóng được đông đảo người đọc đón nhận. Tuy nhiên sau đó tập truyện bị chụp mũ nặng nề là có "tư tưởng xét lại" giống như các bộ phim bị phê phán thời đó là *Bài ca người lính, Bầu trời trong sáng, Số phận một con người,...* Đây là lần thứ hai ông "lâm nguy". Bởi trước đó do liên quan tới vụ Nhân văn Giai phẩm, ông đã bị đình chỉ giảng dạy đại học, chỉ lo nghiên cứu, dịch thuật. May mà cuối cùng thầy thoát được bản án thứ hai.

Nói đến Cao Xuân Hạo không thể quên những cống hiến to lớn của ông đối với ngôn ngữ

học của Việt Nam lẫn thế giới. Từ những năm tháng đất nước còn chiến tranh, ông đã dày công nghiên cứu, mở ra một chủ thuyết mới cho tiếng Việt, về sau làm rúng động giới ngữ học quốc tế. Những công trình chủ yếu về ngôn ngữ học của Cao Xuân Hạo đã xuất bản trong lẫn ngoài nước: *Âm vị học và tuyến tính; Tiếng Việt sơ thảo ngữ pháp chức năng; Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa; Sổ tay sửa lỗi hành văn lỗi ngữ pháp trong câu có trạng ngữ mở đầu* (đồng tác giả với Trần Thị Tuyết Mai); *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt, Câu trong tiếng Việt: Cấu trúc - Chức năng - Công dụng* (đồng tác giả với Hoàng Xuân Tâm, Nguyễn Văn Bằng, Bùi Tất Tươm), *Tiếng Việt. Văn Việt. Người Việt*... Ông từng giữ trọng trách Phó Chủ tịch Hội Ngôn ngữ học Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch Hội Ngôn ngữ học Thành phố Hồ Chí Minh.

Học giả An Chi gọi Cao Xuân Hạo là nhà ngữ học tài ba xuất chúng. Phó Giáo sư - Tiến sĩ Hoàng Dũng thì nhận định: "Cao Xuân Hạo thuộc vào số rất ít nhà ngữ học Việt Nam vượt lên khỏi cái địa vị thuần tuý cung cấp tư liệu minh hoạ cho các lý thuyết ngữ học của phương Tây, để đĩnh đạc tranh luận với giới ngữ học quốc tế". Còn những



nhà ngữ học danh tiếng của Pháp như Jean-Pierre Chambon, Ardré-Gworges Haudricourt và Claude Hagège cũng đã đánh giá rất cao chủ thuyết của ông, thậm chí Jean-Pierre Chambon còn cho rằng chính cái hướng Cao Xuân Hạo chỉ ra cần phải theo để tìm đến một cuộc cách mạng Copernic thực sự của ngữ học hiện đại.

Những đóng góp của Cao Xuân Hạo to lớn như vậy cho khoa học, văn hoá đất nước nhưng khi ông ra đi vào ngày 16 tháng 10 năm 2007, Đài Truyền hình Việt Nam đã từ chối đưa tin cáo phó bởi lý do ông không đủ quy định "45 tuổi đảng", cho dù nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt đến viếng và ghi trong sổ tang: "Giáo sư Cao Xuân Hạo là một bản lĩnh trí thức đáng kính trọng. Vượt qua mọi khó khăn, kể cả những ứng xử không đúng, Anh vẫn có những cống hiến khoa học xứng đáng với ngành ngữ học Việt Nam, với việc cống hiến cho người đọc những thành tựu văn học nước ngoài qua sự nghiệp dịch thuật. Tinh thần của anh sống mãi!".

“Hùm xám” Mười tám thôn vườn trầu TÔ KÝ


Thiếu tướng Tô Ký khi làm Tư lệnh kiêm Chính uỷ khu Sài Gòn - Gia Định năm 1949

Tô Ký là một cá tính tiêu biểu của người Sài Gòn. Trượng nghĩa và hào hiệp, dũng cảm và ngang ngạnh, đa năng và khiêm nhường, nhiệt thành và huỵch toẹt, vô tư và gần gũi, thuỷ chung và linh hoạt, Tô Ký là nhân vật giàu ý tưởng, sống động, để lại trong tôi nhiều ấn tượng khi được tiếp xúc với ông. Mặc dù chỉ mang quân hàm Thiếu tướng nhưng Tô Ký là danh tướng được nhiều người đương thời nể phục và kính trọng, nhất là người



dân Mười tám thôn vườn trầu hào khí, quê hương mà ông từng được ví là "hùm xám" ở đây từ thời chống Pháp tái xâm lược. Thiếu tướng anh hùng Tô Ký cũng hay đùa mỗi khi tôi thưa... "Tao là Thừa tướng chứ không phải Thiếu tướng"!



Đau đớn nhìn cha bị giặc tra tấn ngay trước mặt

Là con thứ ba trong gia đình, nên mọi người hay gọi thân mật Tô Ký là anh Ba, bác Ba, ông Ba hoặc gọi tắt "Ba Tô Ký". Hễ rảnh rỗi là ông lên xe đi thăm người xưa cảnh cũ, các tướng lĩnh, lính thuộc quyền, và cả những con người và vùng đất mà ông từng gắn bó, đang có đời sống gặp khó khăn. Ông mang tới nụ cười hào sảng, ánh mắt cảm thông và cả vật chất hỗ trợ. Ông cũng thường xuyên về nơi chôn nhau cắt rốn của mình ở Hóc Môn - Bà Điểm, nơi có khu vườn yên tĩnh nhìn ra cánh đồng rộng lớn.



Vợ chồng Thiếu tướng Tô Ký khi trẻ.

Tô Ký tuổi Mậu Ngọ - 1918, nhưng khai sinh trễ, giấy đề ngày 5 tháng 9 năm 1919. Nhà nghèo, học đến hết tiểu học trường Hóc Môn thì ông phải nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình chăn trâu cày cấy ruộng vườn. Năm mười bốn tuổi, Tô Ký được cha cho theo học chữ Hán thầy Mười Lời (Phạm Văn Lời) mong có chút ít chữ Thánh hiền để làm nghề thầy thuốc. Ông say mê học và tìm sách đọc thêm. Vốn liếng Nho học ấy là nguồn tri thức có ảnh hưởng nhiều tới cách sống và ứng xử của ông sau này, nhất là trong những thời điểm chông gai thử thách. Đồng thời ông cũng học võ thuật và



trở thành một người giỏi võ có hạng, giúp ông tự tin hành xử trong nhiều tình huống éo le, giúp đỡ người yếu đuối hoạn nạn, khuất phục nhiều giang hồ hảo hán.

Khi phong trào cách mạng bùng lên ở quê hương Mười tám thôn vườn trầu, Tô Ký đã tham gia tổ chức Thanh niên Dân chủ, rồi được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông gan góc, hăng hái nên rất được tổ chức tin tưởng. Trong một lần đi phân phát truyền đơn cổ động đấu tranh, Tô Ký bị mật thám Pháp bắt giam tại Khám lớn Sài Gòn. Bị địch khảo tra đau đớn đến mấy ông cũng nhất quyết không khai báo điều gì. Toà tiểu hình kết án ông một năm tù ở và ba năm đày biệt xứ.

Tháng 11 năm 1940, khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ. Do điều kiện còn non nớt, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Thân sinh của Tô Ký là cụ Tô Nếp cùng tám trăm đồng chí cách mạng của mình bị kẻ thù bắt xỏ dây kẽm vào lòng bàn tay, đẩy xuống bốn chiếc xà lan, bí mật nhấn chìm lúc nửa đêm trên sông Sài Gòn khúc Xóm Chiếu. Thời khắc tang thương ấy xảy ra vào tháng 5 năm 1941, gây nỗi bàng hoàng trong nhân dân.



Gia đình Thiếu tướng Tô Ký đón Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng đến thăm năm 1970 ở Hà Nội.

Lúc người cha thân yêu bị hãm hại cũng là lúc Tô Ký đang bị giam cầm trong nhà tù thực dân, sau một cuộc vượt ngục không thành. Điều làm Tô Ký hết sức đau lòng là trước khi thân phụ bị thủ tiêu, chính ông đã tận mắt chứng kiến cảnh cha mình bị mật thám Pháp tra tấn dã man ở Poste Catinat. Dù bị kẻ thù hành hạ bao nhiêu ông cũng không sờn chí, nhưng khi nhìn thấy cha bị nhục hình lòng ông đau đớn khôn cùng. Ông



đã cố nén những giọt nước mắt xót thương và thề trả thù cho đấng sinh thành, nhất là khi hay tin cha bị bức hại.

Những năm tháng trong tù ngục, Tô Ký cũng để lại dấu ấn bằng nhiều huyền thoại. Gan lì, dũng cảm ông không những khuất phục được đám "anh chị" giang hồ trong tù, mà còn luôn đứng ra hứng chịu đòn khảo tra thay cho đồng chí của mình trong các cuộc đấu tranh trực diện với kẻ thù. Những hành động nghĩa khí ấy mãi luôn được truyền tụng! Và cũng từ đó, uy danh Tô Ký dần ngự trị trong tâm khảm người dân Mười tám thôn vườn trầu lẫn cả Nam Bộ như một niềm mến phục, tự hào. Biệt danh "hùm xám" của ông xuất phát từ đó.

Trần Văn Giàu bày mưu, khích tướng Tô Ký xỏ vàm trâu cổ

Sau một thời gian bắt giam Tô Ký ở Poste Catinat tại trung tâm thành phố Sài Gòn, chính quyền thực dân Pháp lại đày ông lên tận căng Tà Lài. Đây là một trại giam mấy trăm tù nhân nằm sâu trong rừng Cát Tiên, bên bờ sông Đồng Nai.

Ngục tù cũng là trường học cho những người xả thân vì nghĩa lớn. Người tù trẻ tuổi Tô Ký được gặp gỡ, làm quen khá nhiều bạn tù nổi tiếng có thành phần xuất thân và hệ tư tưởng khác nhau nhưng gặp gỡ nhau ở tinh thần yêu nước.

Tháng 10 năm 1940, Chi bộ Đảng Cộng sản nhà tù Tà Lài quyết định chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy khởi nghĩa hoặc vượt ngục. Muốn kế hoạch thành công cần có sự ủng hộ che chở của bà con người dân tộc Mạ sống quanh vùng. Hàng ngày, họ thường mang gùi mang nỏ và thịt rừng vừa săn được, đôi khi có cả rượu, đi ngang qua nhà tù, giúp cho tù nhân đỡ quạnh hiu. Tuy nhiên, vì không tù nhân nào biết tiếng Mạ nên khó vận động bằng lời, chỉ còn cách thuyết phục bà con bằng hành động cụ thể thật ấn tượng.

Có một gia đình người Mạ ở bên sông nuôi bầy trâu đông đúc khoảng ba mươi con. Để trâu kéo đồ vật được thì bắt buộc phải xỏ vàm qua mũi lúc trâu còn tơ. Vàm trâu như tay lái của xe. Chủ trâu thường lấy thế khép chặt trâu vào chuồng mà xỏ vàm. Còn nếu để trâu lớn từ bốn tuổi trở lên, nhất là trâu đực, thì rất khó xỏ vàm, vì cổ nó





quá to, sừng dài nhọn hoắt, mạnh mẽ và dữ tợn, sờ tới mũi là nó húc chết. Trong đàn trâu của nhà người Mạ bên sông có một con trâu cổ to lớn, da đen bóng láng, đôi mắt như hai cục lửa, trông rất hung dữ nhưng chưa xỏ được vàm, dù chủ trâu đã mời nhiều thợ vàm trâu giàu kinh nghiệm tới xỏ vẫn không thành. Vì vậy, trâu cổ không kéo cày hay đồ vật mà chỉ ăn no ngủ khì, làm hai việc: canh giữ cọp và nhảy cái truyền giống. Vùng này nhiều cọp và trâu cổ từng chém chết một con cọp già nhăm nhe mấy chú trâu nghé phần lớn là con của anh trâu cổ này.

Qua trò chuyện, ông Trần Văn Giàu nghe chủ trâu nói bập bẹ tiếng Việt rằng, nếu trâu cổ được xỏ vàm thì sẽ cho thuê kéo súc gỗ được nhiều tiền. Chủ trâu cũng hứa ai mà xỏ vàm trâu cổ được thì sẽ thưởng một đùi heo rừng và một ché rượu cần. Về lại nhà giam, Trần Văn Giàu hỏi Tô Ký:

- Ê, Ba Ký ơi! Chú mày nói là lớn lên từ cái nghề làm ruộng chăn trâu, vậy có biết xỏ mũi trâu không?

- Chuyện gì chứ cái này dễ như quấn thuốc rê anh Sáu ạ! - Tô Ký trả lời.

- Đừng chủ quan: không phải trâu tơ mà trâu cổ. Dám không? Được không?

Nghe Trần Văn Giàu hỏi tới, Tô Ký đắn đo suy nghĩ một chút rồi nói:

- Lấy thế thì làm được liền.

Bằng kinh nghiệm từng trải, Trần Văn Giàu tiếp tục khích tướng chàng trai trẻ máu nóng Tô Ký:

- Xưa kia Uất Trì Cung tắm ngựa được thì chú mày xỏ vàm trâu cổ được chứ gì. Có biết Uất Trì là ai không?

Tô Ký tự tin:

- Truyện Thuyết Đường chinh đông. Nhiều truyện Tàu khác nữa trong lịch sử Bắc phương tôi thuộc làu làu. Tôi cũng sẽ làm việc "tắm ngựa" cho các anh xem.

Đến hẹn. Bến sông người đông như ngày hội. Trần Văn Giàu khéo léo chỉ đạo bắn tin chuyện xỏ vàm trâu cổ để thu hút cả sếp Tây, lính mã tà và nhiều bà con người Mạ tới coi. Mấy trăm tù nhân cũng có mặt. Theo đề nghị của Tô Ký, chủ



trâu lùa hết mấy mươi con trâu ra bến. Nhanh nhẹn và tự tin, Tô Ký xuất hiện như một đấu sĩ sắp lên võ đài, chỉ mặc độc chiếc quần xà lỏn, tay cầm sợi dây mây vót nhọn.

Trần Văn Giàu hồi hộp hỏi:

- Chắc ăn không mậy, Ba Ký?

- Như ba bó một giạ.

Tô Ký cười trả lời Sáu Giàu, rồi dõng dạc hô to:

- Lùa hết trâu xuống sông một lượt!

Cả đàn trâu bị roi quất đít trót trót đã chạy ào xuống sông Đồng Nai. Cầm dây mây nhảy gọn gàng lên lưng từng con trâu, nhanh như cắt Tô Ký đã phóng tới lưng con trâu cổ đang bơi chen chật chội giữa đàn trâu. Hai chân kẹp cổ trâu thật chặt, ông trườn dài thân mình ra phía đầu để nằm giữa hai cặp sừng dài nhọn, tay vươn tới nắm mũi trâu và lấy dây mây nhọn đâm cái sựt, rồi kéo dây thật nhanh buộc chặt vào mang tai trâu. Chân trâu cổ đang bơi chơi vơi giữa dòng nước, lại bị kẹt chặt giữa đàn trâu đông đúc, nên dù tức lồng lộn cũng không thể phản ứng gì được.

Xỏ mũi trâu xong, Tô Ký đứng phắt dậy nhảy lẹ làng qua lưng các con trâu thoát lên bờ. Mọi thứ diễn ra như xiếc, nhanh gọn và thần tình. Cả bến sông vang dậy tiếng vỗ tay, hò reo hoan hô Tô Ký!

Sếp và lính Tây trố mắt khen Tô Ký mưu cao, gan dày. Còn đồng bào người Mạ thì hết sức khâm phục, từ đó họ càng có nhiều cảm tình với các tù nhân.

Cuộc vượt ngục Tà Lài lịch sử

Ngày 23 tháng 11 năm 1940, Nam Kỳ khởi nghĩa nổ ra và bị dìm trong biển máu. Hung tin bay đến căng Tà Lài. Sau khi kiểm chứng xác thực, Chi bộ Đảng nhà tù do Trần Văn Giàu lãnh đạo đã bãi bỏ kế hoạch khởi nghĩa ở Tà Lài. Họ chuyển sang kế hoạch vượt ngục vào sau Tết Tân Tỵ - 1941.

Đoàn tù vượt ngục lịch sử này gồm tám người. Đứng đầu là ông Trần Văn Giàu, một nhà cách mạng nổi tiếng, từng tốt nghiệp Trường đại học Cộng sản phương Đông của Liên Xô. Kỹ sư Trần Văn Kiệt, còn gọi là Văn, từng học



cùng trường với Trần Văn Giàu ở Moskva. Ông Trương Văn Nhâm xuất thân công nhân, Thành uỷ viên Sài Gòn cùng thời với bà Nguyễn Thị Minh Khai. Ông Dương Văn Phúc, tức Dương Quang Đông, một cán bộ kỳ cựu, đã gia nhập Đảng Cộng sản từ năm 1927. Ông Châu Văn Giác từng hoạt động ở Campuchia từ năm 1930. Ông Nguyễn Hoàng Sính (Đức), một cựu Tỉnh uỷ viên Bến Tre rất giỏi nông vận. Ông Nguyễn Công Trung là một cán bộ hoạt động công đoàn thời Mặt trận Dân chủ. Và cuối cùng là thanh niên trẻ tuổi nhất Tô Ký, người nổi danh Tà Lài sau việc xỏ vàm trâu cổ.

Một đêm tối trời đầu tháng 3 năm 1940, như thường lệ ông Trần Văn Giàu đã gặp gỡ uống trà trò chuyện với mấy viên cai đội mới đổi gác trong một căn chòi. Bảy người còn lại thì bí mật ra bờ sông. Chia tay mấy viên cai đội, ông Trần Văn Giàu về nói nhỏ cho ông Tào Ty biết về việc vượt ngục và đề nghị ông Tào Ty ở lại làm công tác tư tưởng, giữ vững tinh thần cho bạn tù. Mới nghe, ông Tào Ty nổi nóng phản ứng, nhưng rồi dần đồng ý chấp hành mệnh lệnh của Chi bộ Đảng. Ông Tào Ty còn vào mùng của ông Trần

Văn Giàu đắp mền nằm im để đánh lạc hướng sự dòm ngó của lính canh tuần. Đồng thời ông Trần Văn Giàu còn giao cho ông Tào Tỵ một bức thư để sáng hôm sau gửi cho sếp căng của Tây.

Nhờ chiếm được cảm tình của đồng bào người dân tộc Mạ sau vụ Tô Ký xỏ vàm trâu cổ, nên dù bọn cai ngục Pháp treo giải thưởng và ra lệnh cho người Mạ vào rừng tìm bắt tội phạm, nhưng ông cùng các đồng chí của mình vẫn an toàn ẩn náu và trốn thoát khỏi núi rừng Tà Lài.

Sau khởi nghĩa Nam Kỳ, chính quyền thuộc địa khủng bố trắng. Từ thành thị đến nông thôn liên tục xảy ra bắt bớ, giết chóc. Những quan lại chức sắc thân Pháp ở các vùng nông thôn lợi dụng cơ hội để trả thù riêng, tàn sát những người yêu nước. Máu chảy đầu rơi khắp ruộng đồng sông rạch. Tiếng oán hận vang khắp trời. Vùng Hóc Môn - Bà Điểm quê hương Tô Ký rền rĩ trong tiếng đau thương. Phong trào cách mạng bị thiệt hại nghiêm trọng. Hầu hết những nhà lãnh đạo của Trung ương Đảng Cộng sản, Xứ uỷ Nam Kỳ, Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định đều bị bắt, kết án tử hình và đưa ra trường bắn.



Trước tin dữ thương đau ấy, sau khi vượt ngục Tà Lài ngược về thượng nguồn sông Đồng Nai, đoàn tù chia làm hai nhóm. Một nhóm năm người cải trang chạy về hướng Sài Gòn. Còn nhóm ba người là các ông Trần Văn Giàu, Châu Văn Giác và Tô Ký đã băng rừng trốn lên Đà Lạt, sau mười bảy ngày thì họ đặt chân tới thành phố sương mù cao nguyên, rồi tìm cách về Nam Kỳ để gầy dựng lại cơ sở cách mạng.

Thực dân Pháp ra lệnh truy nã gắt gao những người vượt ngục Tà Lài. Hình ảnh tám tù nhân cộng sản dán khắp nơi. Vì vậy, chẳng bao lâu sau Tô Ký đã bị địch bắt lại và đưa về Sài Gòn giam giữ. Bọn mật thám dùng cực hình khảo tra Tô Ký để truy những bạn tù vượt ngục. Ông bảo mỗi người trốn một nơi nên không thể biết. Ở trong tù ông còn lấy thân mình che chở, đỡ đòn cho những bạn tù chính trị sức khoẻ yếu bị địch tra tấn. Vì còn trẻ và chưa giữ vị trí quan trọng nào trong tổ chức nên Tô Ký chỉ bị toà kêu án sáu tháng tù ngồi, đưa lên giam ở căng Bà Rá.

Dùng truyện cổ thuyết phục lính mã tà giao súng, dàn xếp oán thù chồng chất Mười tám thôn vườn trầu!

Bà Rá là một nơi rừng thiêng nước độc chẳng kém Tà Lài, cách Sài Gòn 160 cây số về hướng bắc. Ở đây một thời gian, Tô Ký bị chuyển lên giam ở khám Tây Ninh. Thời kỳ tù ngục này chủ yếu Tô Ký làm tạp dịch, lo chuyện bếp núc nấu ăn cho cai ngục và tù nhân. Mỗi ngày ông và bạn tù nấu tới mười tám chảo cơm, sáng mười chiều tám chảo. Công việc cực nhọc nhưng giúp ông học thêm một nghề mới, từ đó ông khá sành chuyện nấu nướng, ẩm thực.

Đồng thời, nhờ tài ăn nói khéo léo, biết sử dụng thành ngữ Hán học dịch ra quốc ngữ, đặc biệt là thuộc làu nhiều truyện tích của Trung Hoa, nên ở đâu Tô Ký cũng làm quen thân dễ dàng các viên cai ngục và lính canh. Đêm đêm, bên chén nước trà, lính canh ngồi mê mẩn nhìn Tô Ký múa võ và kể chuyện *Thuyết Đường, Hán Sở tranh hùng, Tam Quốc diễn nghĩa, Thuỷ hử*,... với những nhân vật anh hùng hảo hán Trung Hoa xa xưa như La Thông, Tần Thúc



Bảo, Trình Giảo Kim, Uất Trì Cung, Tiết Nhơn Quý, Tiết Đinh San, Phàn Lê Huê, Lưu Bang, Hạng Võ, Hàn Tín, Trương Lương, Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, 18 hảo hán Lương Sơn Bạc... Họ dần "ghiền" truyện tích, võ nghệ và nể phục ông. Vì lẽ đó, ngày 09 tháng 3 năm 1945, khi Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương, Tô Ký đã dễ dàng vận động thuyết phục lính mã tà giao súng cho tù chính trị để cùng bỏ trốn khỏi nhà tù Tây Ninh...

Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám thành công. Lâm uỷ Hành chính Nam Bộ do ông Trần Văn Giàu đứng đầu đã mời Tô Ký đến và dự định phân công ông làm Tỉnh trưởng Gia Định, rồi Tỉnh trưởng Thủ Dầu Một. Nhưng ông đều từ chối. Vì trước mắt ông có một việc cấp bách cần phải làm. Đó là trở về quê hương Mười tám thôn vườn trầu dàn xếp ổn thoả những mối oán thù chồng chất đang có nguy cơ... đẫm máu.

Hóc Môn - Bà Điểm với Mười tám thôn vườn trầu là một vùng ngoại ô trù phú, thơ mộng của Sài Gòn - Gia Định. Đây là cái nôi cách mạng của

Nam Bộ, diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng và là địa điểm hoạt động bí mật của hầu hết các nhà lãnh đạo cao cấp. Tinh thần quật khởi hy sinh vì nghĩa lớn của nhân dân Mười tám thôn vườn trầu mãi âm vang sử sách. Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, một số nhân vật ác ôn thân Pháp ở đây đã bị trừng trị. Sau khi khởi nghĩa thất bại, Mười tám thôn vườn trầu lại bị địch dìm trong biển máu. Và bây giờ, cách mạng thành công, nhiều cuộc trả thù trả oán lại diễn ra, nếu không kịp thời ngăn chặn thì hậu quả khó lường, thù hận giữa những người cùng sinh trưởng nơi đây ngày thêm chồng chất.

Hiểu được nỗi đau ấy của quê hương, Tô Ký từ chối mọi chức vụ và nhanh chóng quay về Hóc Môn. Bằng uy tín, vốn tri thức nho học, trải nghiệm sống vào tù ra khám, tài ăn nói khéo léo, Tô Ký đã đến từng nhà từng người dùng tình cảm và lý lẽ thuyết phục. Nhờ vậy mà Hóc Môn - Bà Điểm ngừng cảnh máu chảy đầu rơi, oán thù hoá giải, nhiều gia đình địa chủ, chức sắc thân Pháp trước đây đã hoà nhập vào dòng chảy cách mạng, kháng chiến.



Tô Ký cùng Trần Văn Trà thành lập Giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà chống Pháp

Khoảng hai mươi ngày sau Cách mạng tháng Tám thành công, một đại đội gồm 120 lính Pháp của Trung đoàn số 5 thuộc địa đã trà trộn vào đơn vị đầu tiên của quân Anh - Ấn đến Sài Gòn, tái xâm lược nước ta.

Tổng công đoàn Nam Bộ đã tổ chức được lực lượng võ trang công nhân hơn sáu ngàn người, phiên chế thành bốn sư đoàn chính quy. Tuy nhiên, những chỉ huy bốn sư đoàn này phần lớn vốn là người phục vụ cho Pháp, Nhật nên đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Đa phần họ thích ăn diện phô trương. Ngày thường thì diễu hành rùm beng khắp phố. Giặc đến thì chưa đánh đã quăng súng chạy.

Ngoài bốn sư đoàn được xem chính quy kể trên, nhân dân tại các quận huyện ở Sài Gòn - Gia Định và Nam Bộ còn tổ chức vũ trang tự vệ. Tô Ký đã tìm cách liên lạc và chia sẻ những khó

khăn với chỉ huy của các đơn vị vũ trang mà trong đó nhiều người xuất thân từ giới bình dân, giang hồ hảo hán.

Để có một lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho cuộc kháng chiến, Tỉnh uỷ Gia Định và Xứ uỷ Nam Bộ đã quyết định thành lập Giải phóng quân liên quận từ ba đơn vị nhập lại. Ngày 01 tháng 11 năm 1945, tại làng Mỹ Hạnh Bắc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày nay, Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà chính thức được thành lập. Tô Ký làm Chỉ huy trưởng, Trần Văn Trà làm Chính trị viên. Ngoài nhiệm vụ chiến đấu, Giải phóng quân liên quận còn làm công tác vận động chính trị, dân vận, phân hoá các lực lượng ô hợp để thống nhất các đơn vị vũ trang. Giải phóng quân liên quận đã trở thành lực lượng nòng cốt thành lập các Chi đội 12, 14 và nhất là Chi đội 15.

Lúc chuẩn bị đón cái Tết kháng chiến đầu tiên năm 1945 - 46, Chi đội trưởng Tô Ký đã đưa Chi đội 12 làm cuộc "chinh Đông" qua Tân Uyên phối hợp với Chi đội 10 của thi tướng Huỳnh Văn Nghệ bày binh bố trận ngăn chặn giặc Pháp từ



Biên Hoà tấn công lên chiến khu Đ. Bị phục kích bất ngờ, quân Pháp chịu một số tổn thất và thoái lui không dám lấn chiếm căn cứ địa kháng chiến.

Tuy đã tổ chức thành các Chi đội Vệ quốc đoàn và củng cố các quân khu, nhưng tình hình quân sự ở Sài Gòn - Nam Bộ vẫn còn nhiều phức tạp, nhất là lực lượng Bình Xuyên khi tính tự phát "giang hồ" ở họ còn mạnh, chẳng muốn phục tùng ai. Tô Ký đã đích thân đến các đơn vị, gặp từng chỉ huy để tìm cách thuyết phục, dàn xếp nhằm ổn định lực lượng đồng lòng chống Pháp. Giữa lúc Tô Ký đang rối bời thì tướng "độc nhãn" Nguyễn Bình xuất hiện với danh nghĩa Đặc phái viên Trung ương, như một vị cứu tinh cho Nam Bộ đang thời kỳ "hỗn quân hỗn quan". Tô Ký cùng Trần Văn Trà, Huỳnh Văn Nghệ đã giúp Nguyễn Bình từng bước thống nhất các lực lượng vũ trang Nam Bộ, đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

Năm 1954, tập kết ra Bắc, Tô Ký lần lượt nhận nhiệm vụ Tư lệnh kiêm Chính uỷ Sư đoàn 338, Chánh án Toà án Quân sự trung ương, Phó Chánh án Toà án Nhân dân tối cao, Chính uỷ

kiêm Bí thư Quân khu uỷ Quân khu Hữu Ngạn, Tư lệnh kiêm Chính uỷ Quân khu 3. Đứng trước tình hình căng thẳng do bộ đội tập kết từ miền Nam muốn sớm trở về giải phóng quê hương, Tô Ký đã gặp gỡ thuyết phục ổn thoả từng đơn vị, cá nhân chờ chỉ thị của Trung ương. Sau đó ông điều động 4000 quân dự bị về miền Nam chiến đấu, tiếp nhận và điều trị hàng vạn thương binh từ chiến trường...

Thiếu tướng Tô Ký cũng chỉ huy bộ đội xây dựng 7 nông trường kinh tế, tích cực tham gia công trình thuỷ lợi Bắc Hưng Hải, đắp đê Chương Mỹ, Mai Lâm,... Đặc biệt, khi nước nhà thống nhất, sắp nghỉ hưu, nhờ uy tín và tính cách "Anh Ba" Nam Bộ, ông còn được biệt phái sang đặc trách công tác dầu khí ở phía Nam, sát cánh cùng tướng Đinh Đức Thiện xây dựng ngành kinh tế mũi nhọn còn non trẻ này. Tô Ký để lại nhiều giai thoại xúc động khi lo chạy tiền, lương thực, thực phẩm, vải vóc... giữa hoàn cảnh đầy khó khăn thiếu thốn để nuôi người lao động. Ông được ngành dầu khí xem như "cây đũa thần" mang lại nhiều điều kỳ diệu.



Cả đời vào tù ra khám, xông pha trận mạc, ra Bắc vào Nam, xê dịch không ngừng, bây giờ thì "hùm xám" Tô Ký đã mãi mãi trở về an nghỉ tại khu vườn ấu thơ yên tĩnh quê hương. Ông nằm thanh thản giữa hương đồng gió nội của Mười tám thôn vườn trầu âm vang những huyền thoại về một danh tướng nghĩa khí và anh hùng.

"Người Bình Xuyên" NGUYÊN HÙNG với những nhân vật giang hồ nghĩa hiệp

Vốn là hậu duệ dòng họ Mạc lừng danh xứ Hà Tiên, nhưng sinh ra ở Côn Đảo, tuổi thơ lưu lạc khắp Nam Kỳ lục tỉnh, Nguyên Hùng trở thành một gương mặt độc đáo của làng báo làng văn Sài Gòn. Ông cùng 13 trí thức, nhà báo khác từng có một cuộc đấu lý nảy lửa với Tỉnh trưởng Định Tường trước năm 1975. Đặc biệt, nói đến Nguyên Hùng là mọi người nghĩ ngay đến những nhân vật giang hồ hảo hớn của Nam Bộ mà ông tái hiện…



Nhà văn Nguyên Hùng (1927 - 2005)



"Người Bình Xuyên" yêu nước và cuộc đấu lý với Tỉnh trưởng Định Tường

Nhà văn Nguyên Hùng lớn hơn tôi đúng 40 tuổi. Khi vào đại học tôi đã được đọc tác phẩm *Người Bình Xuyên* của ông xuất bản năm 1985 và tái bản ba năm sau đó. Tôi thích thú bộ truyện tư liệu lịch sử với đầy ắp những nhân vật giang hồ nghĩa hiệp của Nam Bộ thời chín năm chống Pháp mà trước đó tôi chưa từng biết. Lớp sinh viên chúng tôi hồi ấy cũng nhờ Nguyên Hùng mà được biết rõ hơn những sự kiện bi hùng và những nhân vật nghĩa khí kỳ lạ bước ra từ vùng đất mới phương Nam gần nửa thế kỷ trước, như: Hai Trí, Ba Dương, Bảy Trân, Tám Nghệ, Mười Trí, Bảy Viễn, Hai Vĩnh, Hai Trọng, Mười Lực, Ba Nhỏ,... Chính diện có. Phản diện có. Những nhân vật độc đáo xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau, chủ yếu là giới giang hồ trước cách mạng, đã hoà mình vào dòng thác kháng chiến



Đoàn nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh đi thực tế ở An Giang năm 2000, từ trái sang: Phan Hoàng, Lưu Trùng Dương, Trần Thanh Giao, Nguyên Hùng, Ngọc Linh, Thanh Giang, Kim Quyên, Nguyễn Bính Hồng Cầu.

cứu nước của dân tộc. Thành công từ tác phẩm này mà nhà văn Nguyên Hùng được mệnh danh "Người Bình Xuyên"!

Khi bước vào làng báo làng văn, một trong những đề tài tôi quan tâm là chiến tranh với đại diện là các tướng lĩnh, nhất là ở chiến trường Nam Bộ. Và tôi được gặp nhà văn Nguyên Hùng bằng xương bằng thịt ở đời thường chứ không chỉ văn chương. Khác với sự hình dung của tôi, cứ



ngỡ ông như những nhân vật giang hồ bặm trợn, cao to, mặt đằng đằng sát khí, không ngờ ông lại hiền lành, nhỏ thó, chân chất như lão nông miệt vườn ngơ ngác giữa Sài Gòn.

Bấy giờ, quán cà phê trong khuôn viên báo *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh* nằm đầu đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (sau này đổi thành đường Nguyễn Thị Minh Khai) gần ngã sáu Cộng Hoà là một trong những nơi hội tụ của giới văn nghệ Sài Gòn cũ và mới. Nhà văn Nguyên Hùng hay đến đây ngồi uống nước chung với các bạn viết cùng thế hệ như Sơn Nam, Kiên Giang, Thanh Giang, Minh Hương, Thẩm Thệ Hà, Hoài Anh, Chim Trắng, Thanh Việt Thanh, Phan Nghị,... và những cây bút thế hệ sau. Thi thoảng tôi cũng được ngồi hàn huyên với ông, nghe tác giả *Người Bình Xuyên* kể chuyện kháng chiến bưng biền, tù đày, viết lách dưới chế độ cũ Sài Gòn.

Người gốc Hoa họ Mạc, nhà văn Nguyên Hùng thuộc dòng dõi Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích lừng lẫy đất Hà Tiên. Ông tên thật Mạc Đăng Thân sinh ngày 19 tháng 4 năm 1927 tại Côn Đảo trong một gia đình công chức nghèo đông con. Do

cha làm quản lý các trạm xăng của Công ty Shell nên thời ấu thơ của ông xê dịch nhiều nơi khắp Nam Kỳ lục tỉnh, rồi được cha gửi lên Sài Gòn ở nhà người cô ruột nuôi học hành. Từ năm 1941 đến 1945, ông học trung học tại trường Pétrus Ký, nay là trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong. Mang dòng máu văn chương họ Mạc, nên nhà báo nhà văn tương lai rất say mê đọc sách báo và bắt đầu võ vẽ tập viết lách.

Như bao thanh niên học sinh yêu nước lúc ấy, Nguyên Hùng đã xuống đường tham gia Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945. Nước nhà độc lập chưa được bao lâu, quân Pháp tái xâm lược, đánh chiếm Sài Gòn và Nam Bộ, ông trở về thăm gia đình một thời gian rồi vào bưng biền tham gia kháng chiến. Cũng từ đây ông bước vào con đường cầm bút, làm báo *Chống Xâm Lăng*, cơ quan ngôn luận của Đảng bộ thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Đến năm 1948, ông được điều chuyển về làm việc tại Sở Thông tin Nam Bộ đóng ở chiến khu Đồng Tháp Mười. Ông là học viên khoá báo chí đầu tiên được đào tạo trong căn cứ kháng chiến Nam Bộ.





Hiệp định đình chiến 1954 được ký kết. Quân Pháp thua trận rút về nước. Cùng một số nhà văn như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Thẩm Thệ Hà, Trang Thế Hy, Lý Văn Sâm, Thiếu Sơn, Bằng Giang, Dương Tử Giang, Kiên Giang,... Nguyên Hùng đã từ bưng biền về Sài Gòn tiếp tục hoạt động báo chí công khai, góp phần đấu tranh thống nhất nước nhà. Ông viết bài cho nhiều tờ báo như *Lẽ Sống, Nhân Loại, Dân Ta, Dân Tiến, Thời sự miền Nam*,... Vừa làm báo vừa viết văn Nguyên Hùng cũng không ngừng tự học, thông thạo các ngoại ngữ Pháp, Anh, Đức.

Khi chính quyền Ngô Đình Diệm của Việt Nam Cộng hoà tiến hành chính sách "tố cộng, diệt cộng" đã bắt giam 11 nhà báo và 3 trí thức ở Sài Gòn từng tham gia kháng chiến chống Pháp, trong đó có Nguyên Hùng. Họ bị đưa về biệt giam ở Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Biến cố này đã gây căm phẫn đối với những người yêu nước, được dư luận báo chí và nhân dân miền Nam rất quan tâm.

Không thể mãi im lặng, Tỉnh trưởng Định Tường nhận lệnh của cấp trên từ đô thành Sài

Gòn, đã buộc phải tổ chức một cuộc đấu lý công khai với 14 trí thức và nhà báo về độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Ông ta mạnh miệng tuyên bố: "Nếu các ông làm tôi đuối lý thì tôi sẽ từ chức tỉnh trưởng". Cuộc tranh luận nảy lửa đã diễn ra trước sự chứng kiến của đông đảo trí thức, nhà văn, nhà báo từ Sài Gòn kéo xuống Mỹ Tho tham dự. Trước những phản biện sắc bén của 14 tù nhân yêu nước, viên tỉnh trưởng bị đuối lý, buộc phải trả tự do cho các nhà báo và trí thức sau 8 tháng giam giữ. Tuy nhiên, có điều ông ta không giữ đúng lời hứa rời ghế quan đầu tỉnh Định Tường!

Dành nhiều tâm huyết và tình yêu đối với danh tướng Nguyễn Bình

Sự thành công của tác phẩm nổi tiếng *Người Bình Xuyên* đã mở đầu cho hàng loạt tiểu thuyết tư liệu lịch sử khác của nhà văn Nguyên Hùng viết về thời kỳ chín năm chống Pháp ở Nam Bộ: *Sư thúc Hoà Hảo, Đường xuyên Tây, Nữ kiệt miền Tây, Qua bến, Nguyễn Bình huyền thoại và sự thật, Dương Quang Đông xuyên Tây, Ung*



Văn Khiêm - Anh Ba nội vụ, Bảy Viễn - thủ lĩnh Bình Xuyên, Chiến khu Đ của tôi,... Tinh thần yêu nước, ý thức lưu giữ mỏ vàng lịch sử, niềm đam mê lao động sáng tạo văn học của ông rất đáng ghi nhận. Tác phẩm của nhà văn Nguyên Hùng còn được chuyển thể sang dàn dựng trên sân khấu, phim ảnh mà tiêu biểu nhất là bộ phim nhiều tập *Dưới cờ đại nghĩa* do hai đạo diễn Nguyễn Tường Phương và Phương Nam chuyển thể từ tiểu thuyết *Người Bình Xuyên*.

Ngoài tác phẩm *Người Bình Xuyên* thì tiểu thuyết lịch sử *Nguyễn Bình huyền thoại và sự thật* của nhà văn cũng gây cho tôi nhiều sự thích thú. Tác phẩm này xuất bản lần đầu năm 1995, thời điểm mà tư liệu về Trung tướng Nguyễn Bình, người được mệnh danh "Lưu Bá Thừa" của Việt Nam, còn rất ít được biết đến. Nhà văn Nguyên Hùng đã bỏ công nhiều năm để sưu tra tư liệu, gặp gỡ các nhân chứng còn sống như các nhà cách mạng Trần Văn Giàu, Hà Huy Giáp, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Trân, Nguyễn Thị Thập, Dương Quang Đông, thi tướng Huỳnh Văn Nghệ, các tướng lĩnh Trần Văn Trà, Phan Trọng Tuệ, Tô Ký, Đào Sơn Tây, Bùi Cát Vũ, Nguyễn

Hồng Lâm, Lê Thành Công, Đại tá Hồ Thị Bi, các thủ lĩnh quân sự Nam Bộ thời kỳ đầu chống Pháp tái xâm lược như Huỳnh Văn Một, Huỳnh Kim Trương, Mai Văn Vĩnh, Dương Văn Hà, Nguyễn Văn Lung, Hứa Văn Yên, Thanh Sơn, Võ Cương, Nguyễn Danh Khôi, Lương Văn Trọng,... và đặc biệt là phu nhân của tướng "độc nhãn" Nguyễn Bình là bà Hoàng Thị Thanh để kịp thời phỏng vấn, ghi chép, chắp nối và tái hiện hình ảnh vị danh tướng có công lao lớn trong việc thống nhất các lực lượng vũ trang Nam Bộ thời kỳ "hỗn quân hỗn quan" buổi đầu kháng chiến chống Pháp tái xâm lược. Ông đã dành nhiều tâm huyết và tình yêu đối với danh tướng huyền thoại này.

Tiểu thuyết *Nguyễn Bình huyền thoại và sự thật* của nhà văn Nguyên Hùng là một dấu ấn trong đời sống văn học và lịch sử bấy giờ. Miêu tả lại thời điểm đầu năm 1948 khi Tư lệnh Nam Bộ Nguyễn Bình được phong trung tướng đầu tiên của quân đội, ông viết: "Điện phong trung tướng cho Nguyễn Bình tới Nam Bộ tạo một niềm phấn khởi cho toàn thể quân và dân miền Nam. Ai nấy đều hồ hởi vì Trung ương thấy công lao của vị phái viên Trung ương đã giữ được miền



Nam trong những năm cuồng phong bão tố, bẻ gãy được mũi nhọn viễn chinh của danh tướng Leclerc đã từng giải phóng nước Pháp và dẫn đầu Sư đoàn 2 thiết giáp thừa thắng xốc tới vượt hai sông Rhin và Danube góp phần đánh bại quân Đức hung hãn của Hitler. Dưới sự lãnh đạo tài ba của Nguyễn Bình, các bộ đội địa phương được tập hợp lại, chánh quy hoá, đi vào nề nếp, đặt trọng tâm đánh Tây lên trên hết, dẹp bỏ những tị hiềm cá nhân kiểu thập nhị sứ quân. Thống nhất được các bộ đội giang hồ mà đứng đầu là Bình Xuyên là một thành công lớn không ai phủ nhận được. Kế đó là sáng kiến tuyệt vời: đào tạo binh chủng tinh nhuệ luồn sâu đánh hiểm, đột nhập vào thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn là hang ổ của địch, ngày đêm khuấy rối, rải truyền đơn, ném lựu đạn, làm cho địch ăn không ngon, ngủ không yên, biến thiên đàng thành địa ngục".

Không chỉ là văn chương, đó còn là một xác thực lịch sử được Nguyên Hùng dày công tìm hiểu, nghiên cứu, tái hiện.

Theo đuổi đề tài kháng chiến Nam Bộ, nhà văn Nguyên Hùng có nhiều dịp gặp gỡ, gần gũi

với các nhân vật lịch sử đương đại. Ông được hai danh tướng Trần Văn Trà và Tô Ký yêu quý. Không ít lần tướng Tô Ký đã mời nhà văn Nguyên Hùng và tôi cùng đi thăm những vùng căn cứ cũ, gặp những chiến binh dạn dày trận mạc năm xưa. Nhà của tướng Tô Ký cách nhà của nhà văn Nguyên Hùng gần nửa cây số ở Phú Nhuận, nên hai ông thường xuyên gặp nhau, khá tâm đầu ý hợp. Một lần tướng Tô Ký nói với tôi rằng: "Đề tài kháng chiến Nam Bộ nhiều cái hay lắm, nhưng ít người viết. May có Nguyên Hùng chịu khó tìm tòi tư liệu, gặp gỡ nhân chứng, chứ không dần dà mất hết. Những gì Nguyên Hùng viết ra gần sát sự thực, quý lắm. Phan Hoàng cố gắng đào sâu hơn đề tài này".

Nhà văn Nguyên Hùng dựng truyện theo tiểu thuyết chương hồi cổ điển, nên gây hấp dẫn, lôi cuốn, làm cho độc giả vừa đọc hết chương này phải tò mò đọc chương tiếp "hồi sau sẽ rõ". Văn phong ông giản dị, ít trau chuốt. Chữ nghĩa mộc mạc gần với ngôn ngữ nói của người phương Nam. Cách kể chuyện mạch lạc dễ hiểu. Nhân vật và sự kiện hầu như là người thực việc thực đã bước tự nhiên vào tác phẩm. Chính điều ấy



tạo nên nét đặc sắc riêng của văn chương Nguyên Hùng, một gương mặt độc đáo của văn học Nam Bộ cuối thế kỷ XX. Chẳng hạn khi dựng lại chiến công của lực lượng công tác nội thành, có thể xem là tiền thân của biệt động Sài Gòn, do tướng Nguyễn Bình sáng lập, ông so sánh: "Thời Chiến Quốc bên Tàu chỉ có một Kinh Kha, một Tào Mạt, một Chuyên Chư, một Dự Nhượng, một Nhiếp Chính, một Cao Tiệm Ly mà để lại cho ngàn đời sau những trang sử hào hùng. Nhưng với sáng kiến lập 10 Ban Công tác Thành, Nguyễn Bình đã tạo ra không biết bao nhiêu Kinh Kha, Nhiếp Chính Việt Nam".

Cả hai chú đều ho cả đêm

Nhà văn Nguyên Hùng là thành viên sáng lập Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh và là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ông là người chịu khó đi, kiên trì gặp gỡ nhân chứng, nghiên cứu tài liệu và chăm chỉ viết. Giống như nhà văn Sơn Nam, ông là người hay bách bộ trên phố Sài Gòn, la cà quán cóc ghi ghi chép chép. Và nếu như nhà văn Sơn Nam giỏi quan sát, phân tích

và nhận định từ dữ liệu cũ thì nhà văn Nguyên Hùng lại giỏi ghi chép, tái hiện lịch sử qua tư liệu "sống" từ những nhân chứng cụ thể mà ông gặp gỡ, truy vấn.

Tôi có nhiều dịp cùng đi thực tế với nhà văn Nguyên Hùng ở miền Đông lẫn miền Tây Nam Bộ. Với túi xách lủng lẳng trên vai, gặp ai hay, thấy điều gì lạ là ông đều lấy sổ ra ghi chép. Ông làm việc như một phản xạ tự nhiên, chăm chú, không qua loa đại khái. Như những nhà văn Nam Bộ khác, ông cũng rất nhiệt tình truyền lửa cho giới trẻ, sẵn sàng trao đổi thoải mái, vui vẻ chuyện nghề chuyện đời. Một lần đi thực tế ở Bình Dương, thấy nhà văn Nguyên Hùng buổi ngày thoăn thoắt trên đôi dày thể thao, tối về mê mải viết, tôi sang phòng ông uống trà và chất vấn: "Trông chú hơi ốm yếu mà vắt sức làm việc như vậy còn những chuyện khác thì sao?". Ông giương đôi mắt kính dày cười khoan khoái: "Chú mày không nhớ ông bà ta nói gầy gầy là thầy... sao"!

Vào năm 2000, một đoàn nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Lê Văn Thảo dẫn đầu đi thực tế sáng tác ở An Giang, trong đó có



những gương mặt nổi tiếng từ lâu như Nguyên Hùng, Lưu Trùng Dương, Trần Thanh Giao, Thanh Giang, Ngọc Linh,... Tôi là người trẻ nhất trong đoàn, được phân công ở chung để trông nom hai bậc lão thành Nguyên Hùng và Ngọc Linh. Đã bước vào tuổi "cổ lai hi" nên bấy giờ hai nhà văn không còn khoẻ lắm. Đêm về cả hai ông đều... ho khan. Tôi có thói quen thức khuya để viết, nên nghe rõ hai ông ho ra sao. Trung bình một tiếng mỗi ông ho một lần. Khi ông này ho thì ông kia thức giấc và... đi vệ sinh. Cứ vậy. Chưa từng sống trong hoàn cảnh ấy nên gần như cả đêm tôi không tài nào ngủ được. Hết viết, đọc sách rồi tắt đèn nằm lim dim nghe hai ông thay nhau ho!

Điều lạ là sáng hôm sau hai ông thức dậy rất tỉnh táo, không còn ho và đi ăn điểm tâm với cả đoàn rất bình thường. Chúng tôi ngồi chung bàn với nhau, cùng các nhà văn Lê Văn Thảo, Thanh Giang, Trần Thanh Giao. Uống xong ngụm nước trà, nhà văn Ngọc Linh quay sang cười nói: "Này, ông Nguyên Hùng, cả đêm hồi hôm ông ho làm tôi không ngủ được". Nhà văn Nguyên Hùng vừa đưa chén trà lên định uống,

vội đặt xuống: "Cái thằng cha này nói ngược, ông ho thì có. Mỗi lần ông ho là tôi phải thức dậy. Không tin, ông hỏi thằng Phan Hoàng coi". Nghe vậy, tôi mới nói: "Dạ, thưa hai chú! Cả hai chú đều ho cả đêm. Chỉ có cháu là không tài nào ngủ được". Cả đoàn ồ lên cười. Hai ông cũng nhìn nhau cười thật vui... rồi cùng lên xe đi tiếp về miền biên giới Thất Sơn.

Gần 5 năm sau chuyến đi An Giang, nhà văn Nguyên Hùng, người lặng lẽ gom nhặt bụi vàng lịch sử kháng chiến Nam Bộ, đã đột ngột ra đi sau một tai nạn giao thông vào cuối tháng 3 năm 2005 trong nỗi tiếc thương của người thân, đồng nghiệp. Ông đột ngột ra đi giữa bao dự định văn chương còn dang dở. Thương ông, tiếc cho văn học Nam Bộ mất đi một cây bút nhiệt thành còn có thể lưu giữ những trang ký ức quý báu về lịch sử vùng đất mới phương Nam. Không sắc sảo, nổi bật như một số đồng nghiệp cùng thế hệ nhưng nhà văn Nguyên Hùng bằng những tác phẩm tư liệu sống động và khác biệt, với những nhân vật giang hồ nghĩa hiệp của một thời lịch sử đầy biến động, ông là gương mặt độc đáo có vị trí riêng không thể thay thế



trong đời sống văn học Sài Gòn và Nam Bộ nửa sau thế kỷ XX.

Và bây giờ, hơn 15 năm sau chuyến đi An Giang đáng nhớ, không chỉ ông mà còn có các nhà văn khác trong đoàn là Ngọc Linh, Lưu Trùng Dương, Thanh Giang và Trần Thanh Giao cũng lần lượt bước vào cõi hư vô. Mỗi người một tính cách, một phong cách khác nhau nhưng đều là những nhân cách văn chương đáng quý. Thời gian như mây bay, ngồi nhớ hình ảnh những người đi trước, đọc lại trang văn của họ, bao kỷ niệm đẹp xúc động trong tôi lại lặng lẽ ùa về.

DÃ LAN NGUYỄN ĐỨC DỤ
Người tiên phong nghiên cứu gia phả học



Nhà gia phả học Dã Lan Nguyễn Đức Dụ (1919 - 2001)

Dã Lan Nguyễn Đức Dụ được xem là cánh chim đầu đàn, người khởi xướng việc nghiên cứu và biên khảo gia phả một cách khoa học và hệ



thống ở Việt Nam từ giữa thế kỷ XX. Công việc quản thủ thư viện Đại học Kiến trúc Sài Gòn đã đưa ông đến với niềm say mê tìm hiểu phả hệ của các gia đình và dòng tộc, dựng nên những bộ gia phả mang tính lịch sử và nhân văn. Bằng nỗ lực không biết mệt mỏi của cụ Dã Lan cùng những người kế tục đầy tâm huyết, ngành gia phả học Việt Nam đang có những bước tiến vững chắc…



Tình yêu với dòng tộc và tổ tiên

Sự hưng vong của một quốc gia, một dân tộc được thể hiện trong chính sử. Còn sự thăng trầm của một dòng họ, một gia tộc thì phản ánh trong từng trang gia phả. Không phải đến bây giờ, mà từ thời Lý - Trần việc làm gia phả đã xuất hiện ở nước ta. Trong nhiều gia đình và dòng họ đều lưu giữ các bộ gia phả, ghi chép thường xuyên phả hệ của mình qua các đời và các thời kỳ biến thiên của lịch sử.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh đất nước chiến tranh liên miên và cũng do người Việt chưa có thói

quen nghiên cứu khoa học nhân văn một cách có hệ thống, cho đến cuối thế kỷ XX việc ghi chép, điều nghiên gia phả vẫn còn mang tính tự phát ở một vài cá nhân hoặc nhóm riêng lẻ, chưa hình thành một ngành gia phả học Việt Nam thực sự. May mắn, bằng tình yêu và niềm đam mê đối với lịch sử dòng họ và dân tộc, mà bệ phóng chính là không gian văn hoá của đất Sài Gòn, cụ Dã Lan Nguyễn Đức Dụ đã tiên phong khởi xướng và dày công tìm tòi, miệt mài nghiên cứu gia phả, tạo cảm hứng cho những người đi sau như Võ Ngọc An, Mạc Đường, Nguyễn Thanh Bền, Hoàng Văn Lễ, Võ Văn Lộc, Phan Kim Dung, Trần Kim Xuyến, Trần Văn Thuận,...

Sinh thời, học giả Nguyễn Hiến Lê đã viết: "Ông Dã Lan Nguyễn Đức Dụ đã lựa chọn một ngành từ trước chưa có ai bước vào, ngành khảo cứu về gia phả. Ông đã kiên nhẫn đeo đuổi mấy chục năm nay, say mê coi đó là niềm vui độc nhất của mình". Còn Tiến sĩ Li Tana, nhà khoa học nữ trẻ người Úc gốc Hoa từng bảo vệ luận án về lịch sử Đàng Trong thời chúa Nguyễn của Việt Nam, trân trọng: "Bác Dã Lan đã dành cả cuộc





đời mình để nghiên cứu gia phả học và tìm được một lối biên soạn gia phả thật giản dị để dạy bảo thế hệ con cháu của mình như bác đã làm. Tôi mừng cho nước Việt Nam đã có một học giả như bác Dã Lan".

Cụ Dã Lan tên thật là Nguyễn Đức Thu, sinh ngày 6 tháng 9 năm 1919 - Kỷ Mùi, quê làng Thượng Cốc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, thuộc dòng dõi Hy Chân Nguyễn Đức Tú (1842 - 1923), một bậc sĩ phu nổi tiếng Bắc Hà, từng làm Tuần phủ Hải Phòng trước khi lui về quê dạy học. Đầu thập niên 1940, Dã Lan vào Nam sinh sống bằng nhiều nghề khác nhau. Sau đó, ông làm quản thủ thư viện Đại học Kiến trúc Sài Gòn, một trong những cơ hội đưa ông đến với ngành gia phả học. Khi nghiên cứu, viết sách ông lấy bút danh Nguyễn Đức Dụ.

Dã Lan đến với ngành khoa học mới mẻ này trước tiên bằng tấm lòng hoài cổ, tưởng nhớ tổ tiên dòng tộc mình, như lời thơ ông viết:

Nôm na gọi có mấy lời
Nhắn ai nòi Việt ngàn đời đừng quên



Dã Lan Nguyễn Đức Dụ tiếp đoàn gia phả học quốc tế tại nhà riêng năm 1970.

Chữ rằng "Mộc hữu bản, thuỷ hữu nguyên"
Người mà bỏ gốc sao nên thân người...

Trò chuyện với chúng tôi, cụ Dã Lan còn cho biết: "Tôi bắt tay nghiên cứu về gia phả trước hết là làm phả cho dòng họ Nguyễn Đức của tôi ở Thượng Cốc. Từ năm 1961 - 1962, với tư cách trưởng tộc, tôi đạp xe đi khắp nơi ở Sài Gòn, tìm đến hơn năm trăm gia đình trong tộc để hỏi han ghi chép từ đứa bé mới lọt lòng đến các bậc trưởng thượng, cả những người còn sống nhưng vắng mặt, đi nước ngoài chẳng hạn".



Quan niệm và phương pháp mới làm gia phả

Ngược dòng thời gian, cụ Dã Lan nhận thấy lối chép sử nước ta trước đây thường rập khuôn của Trung Quốc. Ngoài hoàng tộc của các triều đại phong kiến thì sử gia cũng ít chú ý đến các dòng tộc khác, cho dù các dòng tộc ấy cũng có không ít người có đóng góp vào tiến trình lịch sử dân tộc. Đó là khoảng trống lớn về gia phả học mà lịch sử để lại. Từ dòng tộc mình, Dã Lan học hỏi, nghiên cứu thêm cách làm gia của Trung Hoa và các nước phương Tây để rút ra phương pháp làm gia phả mới cho riêng Việt Nam. Dã Lan giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh nhưng ít rành chữ Hán, nên khi gặp những tư liệu khó ông nhờ đến người bạn thân là dịch giả Nguyễn Chí Viễn hỗ trợ.

Bên cạnh niềm tự hào thì bất cứ gia đình, dòng họ nào cũng có những điều tế nhị thầm kín mà họ muốn giấu không cho người ngoài biết. Khi đụng phải những khúc mắc như thế thì người nghiên cứu giải quyết ra sao? Cụ Dã Lan thổ lộ: "Cái chính là phải kiên trì và tạo được lòng



Dã Lan Nguyễn Đức Dụ (ngồi hàng đầu ngoài cùng bên phải) cùng bạn văn chương ở Sài Gòn trước năm 1975.

tin. Khi bắt đầu làm gia phả tôi gặp nhiều khó khăn lắm. Cả vật chất lẫn tinh thần. Khó nhất là chuyện bất đồng ý kiến giữa hàng trăm người trong dòng tộc. Biết tôi làm phả trong đơn độc, túng thiếu nhưng cũng chẳng ai đoái hoài đến. Họ cho rằng đó là trách nhiệm của người trưởng tộc. Mỗi lần thấy tôi cọc cạch đạp xe về giữa khuya, dáng vẻ phờ phạc, vợ tôi tỏ vẻ hờn dỗi nói với các con: Thật khổ cho bố chúng mày suốt ngày cứ phả với phổ...".

Công trình gia phả khởi đầu của Dã Lan là *Nguyễn tộc thế phả* của chính dòng họ mình,



sau ba năm biên soạn, dày hơn 400 trang khổ 20x27cm. "Thật thú vị khi tôi phát hiện ở làng Thượng Cốc quê hương có tới năm vị đỗ tiến sĩ đại khoa được vinh danh trong cuốn *Các nhà khoa bảng Việt Nam*. Từ đó, nhiều người tìm đến tham khảo hoặc viết thư nhờ tôi chỉ dẫn cách làm gia phả cho dòng họ mình. Như dòng họ Phạm Duy, Phạm Đình Tân, Tán Thuật, họ Hoàng ở Triệu Phong - Quảng Trị,... Tôi cũng bắt tay soạn cuốn *Gia phả khảo luận và thực hành*, dày 400 trang" - cụ Dã Lan chia sẻ.

Có một quan điểm đáng chú ý của cụ Dã Lan về việc dựng gia phả ngày nay là nên thêm cả "ngành ngoại", tức cả con gái vào trong phả. Ông nói: "Người xưa không để ngành ngoại trong phả vì cho rằng "Nữ nhân ngoại tộc". Tôi chủ trương gia phả nên có đầy đủ nam và nữ, tức cả nội lẫn ngoại. Bởi lẽ có nữ thì mới có nam. Châm ngôn có câu "Phi nội tắc ngoại". Lịch sử cho thấy phụ nữ luôn đóng vai trò quan trọng, từ gia đình đến xã hội. Ngày xưa có những phụ nữ kiệt hiệt như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Nguyên phi Ỷ Lan, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan, Bùi Thị Xuân, Châu Thị Tế, Sương Nguyệt Anh, Cao Ngọc Anh... thì ngày nay cũng không thua kém".

Dã Lan đã công bố hai công trình gây tiếng vang ở Sài Gòn trước năm 1975: *Gia phả khảo luận và thực hành* được trao Giải thưởng Văn học nghệ thuật miền Nam năm 1969, *Một lối chép gia phả thật đơn giản* ấn hành năm 1974. Cả hai đã được tái bản nhiều lần. Tên tuổi Dã Lan Nguyễn Đức Dụ từng được đưa vào cuốn *Nhân vật Việt Nam 1973* và *Who's who in Vietnam 1974*.

Gần cuối thế kỷ XX, bộ *Dõi tìm tông tích người xưa* gồm nhiều tập, một công trình đồ sộ về phả hệ các danh nhân Việt Nam, lần lượt được Dã Lan ra mắt bạn đọc. Lịch sử được tái hiện một cách chi tiết và thú vị qua phổ trạng của các dòng họ nổi tiếng mà ông nghiên cứu công phu kỹ lưỡng: Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Xí, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Mạc Đăng Dung, Mạc Cửu, Ngô Thời Nhậm, Nguyễn Huệ, Nguyễn Du, Phan Thanh Giản, Nghè Tân, Đồ Chiểu, Nguyễn Quang Bích, Cao Xuân Dục, Phan Đình Phùng, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Thượng Hiền, Ưng Bình Thúc Dạ Thị, Tản Đà, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Trần Tuấn Khải,...





Bí ẩn đằng sau việc truy cứu các gia phả

Công trình *Gia phả khảo luận và thực hành* của Dã Lan hiện đã được gần ba mươi cơ sở văn hoá trên thế giới lưu trữ, trong đó có cả thư viện Trường đại học Oxford lừng danh của Anh quốc. Và cũng nhờ tiếng vang của công trình này, cuối tháng 7 năm 1972, một đoàn các nhà khoa học thuộc Viện đại học Brigham Young của Hoa Kỳ và Tổ chức gia phả học Quốc tế đã đến tận nhà riêng của ông trao đổi về việc nghiên cứu gia phả.

Sau khi xem tài liệu khảo cứu gia phả của ông, Giáo sư R. Beals đã có lời phát biểu với báo chí rằng: "Tôi đã được xem nhiều tài liệu gia phả học của nhiều xứ trên thế giới, nhưng có thể nói đây là những tài liệu biên khảo xuất sắc nhất"! Cuối năm 1973, Dã Lan cũng nhận được một lá thư đầy thiện chí đối với công việc khảo cứu của mình từ ông J.W.Orton một chuyên gia hàng đầu của Hội gia phả học thuộc Giáo hội Jésus Christ của Các thánh ngày sau. Trong thư ông Orton có viết: "Chắc chắn rằng chúng tôi vô cùng thích thú được tìm hiểu xem ở Việt Nam bằng cách nào mà

một người lại có thể thành công trong việc truy cứu gia phả của mình".

Trong cuộc đời nghiên cứu, Dã Lan đã truy cứu tận gốc gia phả hơn sáu mươi dòng họ nổi tiếng trong cả nước. Có những dòng họ đem lại nhiều bất ngờ thú vị, mới lạ mà sử sách chưa đề cập. Chẳng hạn như dòng họ của Hồ Quý Ly, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Phan Thanh Giản,... và đặc biệt là dòng họ của Ngô Quyền. Ông cho biết: "Thuỷ tổ của Ngô Quyền là Ngô Nhật Đại gốc Châu Ái, Thanh Hoá. Ông tổ bốn đời họ Ngô là Ngô Đình Uân làm chức Châu mục ở Đường Lâm, tỉnh Sơn Tây và sanh ra Ngô Quyền ở đó. Con cháu Ngô Vương về sau làm võ tướng có Thái phó Hưng Quốc công Ngô Kinh, Duyên Ý Dụ vương Ngô Từ là hai khai quốc công thần triều Lê, có công lớn trong cuộc kháng Minh, hay Ngô Tuấn tức Lý Thường Kiệt hai phen phá Tống bình Chiêm, Ngô Văn Sở danh tướng Tây Sơn,... Còn về khoa bảng, con cháu họ Ngô chiếm bảng vàng cả trăm, mà nổi bật là nhóm Ngô gia văn phái với các tên tuổi Ngô Thời Trân, Ngô Thì Ức, Ngô Thì Sĩ, Ngô Thời Nhậm, Ngô Thời Chí,... Ngô Quyền cũng chính là ông tổ của Ngô Thị Ngọc Dao (mẹ vua Lê Thánh Tôn) và mãi về sau là Ngô





Đình Khả, quan Thượng thư triều Nguyễn và là thân sinh của Ngô Đình Thục, Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu,... theo chi phái Ngô Đình ở Lệ Thuỷ, Quảng Bình; hay lãnh tụ cách mạng Ngô Gia Tự, Giáo sư y khoa Ngô Gia Hy theo chi họ Ngô ở Tam Sơn, Bắc Ninh".

Có một công trình mà cụ Dã Lan rất tâm huyết và chạy đua thời gian để hoàn thành là bộ *Lược khảo phổ trạng các nhà văn*, bắt đầu khởi động viết từ năm 1974. Nhiều bí ẩn về các nhà văn Việt Nam được ông tìm thấy. Chẳng hạn, nhà văn - nhà phê bình nổi tiếng một thời Lê Tràng Kiều là hậu duệ của tướng Cờ đen Lưu Vĩnh Phúc, vì mối oán thù với thực dân Pháp về những trận đánh ở Bắc Kỳ mà sau khi ông qua đời con cháu phải đổi thành họ Lê để tránh bị truy lùng. Trường hợp này cũng giống như con cháu Nguyễn Trãi phải thay tên đổi họ sau vụ án oan Lệ Chi Viên, hoặc họ Mạc ở Đông Triều, Hải Dương khi bị chúa Trịnh truy lùng mà về sau danh tướng Hoàng Diệu chính là hậu duệ của dòng họ Mạc này...

Trong lời giới thiệu bộ sách *Dõi tìm tông tích người xưa*, Giáo sư Mạc Đường - Viện trưởng Viện khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh

nói rằng "cho đến nay, có lẽ cả nước cũng mới có một cụ Dã Lan Nguyễn Đức Dụ đã dành hàng chục năm trời cho sự nghiệp gia phả học Việt Nam. Trong tương lai phát triển của sử học, dân tộc học, xã hội học và văn hoá dân gian, gia phả học sẽ có một vai trò xứng đáng hơn để góp phần làm phong phú và chính xác các nhận thức và tư duy khoa học". Vâng, một vai trò xứng đáng hơn của gia phả học Việt Nam trong tương lai là điều nhất định phải đến. Và công lao tiên phong của Dã Lan Nguyễn Đức Dụ đối với ngành khoa học mới mẻ này nhất định sẽ được nhìn nhận một cách đúng đắn.

Ngoài nghiên cứu gia phả, Dã Lan Nguyễn Đức Dụ còn sáng tác thơ văn, trong đó có tác phẩm *Quê hương cố sự*, và thích chơi đàn guitar điện. Ông cũng là người có số đào hoa, từng được những người đẹp ở cả ba miền Bắc Trung Nam đem lòng thương yêu. Trong đó có một cô gái Huế nết na, xinh đẹp mà ông chọn làm bạn đời đã hỗ trợ rất nhiều cho sự nghiệp của ông. Hai người gặp nhau lúc ông làm thư ký cho Sở Máy bay ở Biên Hoà, thành hôn với nhau năm 1945, rồi ông đưa bà về quê hương ở làng Thượng Cốc, tỉnh Hải Dương để ra mắt dòng tộc. Trải qua



chiến tranh loạn lạc, hai người vẫn bên nhau đến cuối đời, sinh hạ tới chín người con, sáu trai ba gái, đều đã trưởng thành.

Tuổi cao sức yếu, cụ Dã Lan đã vĩnh biệt cõi trần vào ngày 3 tháng 5 năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cánh chim đầu đàn gia phả học Việt Nam đã ngừng đập nhưng đường bay mà ông khai mở, tạo dựng đang được những người đi sau tiếp nối, phát triển thành ngành khoa học xã hội và nhân văn quan trọng trong đời sống văn hoá của người Việt Nam. Ở trong tôi, hình ảnh cụ già đầu bạc phơ, ốm o, rắn chắc thi thoảng đạp xe đạp ngược xuôi đi truy cứu gia phả như vẫn còn thấp thoáng đâu đây trên từng con phố ngõ hẻm Sài Gòn thân yêu này.

Anh hùng
TRẦN VĂN DANH
Từ tướng tình báo đến tướng kinh tế



Thiếu tướng Trần Văn Danh (1923 - 2005)

Ông là vị tướng đặc biệt. Đặc biệt về công việc. Đặc biệt về phong cách ứng xử. Đặc biệt về những sự kiện mà ông đã tham gia, trọng trách được giao phó và chiến công đạt được. Ông là người duy nhất được thăng quân hàm cấp tướng vào đêm 30 tháng 4 năm 1975 giải phóng Sài Gòn - Gia Định, thống nhất đất nước. Càng đặc biệt hơn khi ông



là vị tướng đã được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động, rồi mới đây nhiều đồng đội đã làm đơn kiến nghị và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tiếp tục làm hồ sơ trình lên cấp trên đề nghị phong ông là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



Một vị tướng đa tài

Đối với thế hệ trẻ bây giờ, tướng Ba Trần là biệt danh có thể xa lạ nhưng đối với thế hệ những người tham gia chống Mỹ và xây dựng đất nước ngay sau ngày thống nhất thì rất quen thuộc, cho dù cuộc đời và sự nghiệp phong phú của ông luôn chứa đựng nhiều bí ẩn. Do sự nhạy cảm ở lĩnh vực tướng Ba Trần phụ trách là chỉ huy tình báo, nên sinh thời ông hạn chế tiếp xúc với giới cầm bút. Hơn nữa, khi đã gần tuổi bát tuần ông vẫn chưa được về hưu mà còn giữ nhiệm vụ cố vấn an ninh cho Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh. Không chỉ chuẩn mực và cẩn trọng, ông lại là người khiêm tốn, ít nói về cá nhân mình, nên tư liệu về ông rất hiếm.



Nhà tình báo Trần Văn Danh
dưới cái tên Trần Quốc Minh lên máy bay vào trại Davis ở Tân Sơn Nhất thực hiện Hiệp định Paris năm 1973.

Ba Trần chính là Thiếu tướng Trần Văn Danh, tên khai sinh Trần Văn Bá, còn có bí danh khác là Trần Quốc Minh khi làm Phó đoàn Đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam vào Sài Gòn tham gia Ban Liên lạc quân sự bốn bên thực thi Hiệp định Paris đầu năm 1973. Ông sinh ngày 25 tháng 6 năm 1923 tại xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn



quê hương Mười tám thôn vườn trầu. Vốn là học viên trường kỹ thuật Bá nghệ ở Sài Gòn, từ đội viên Thanh niên Cứu quốc tham gia Cách mạng tháng Tám, ông nhập ngũ trở thành lính trinh sát Ban Tình báo Khu 7 chống Pháp tái xâm lược. Chín năm kháng chiến, trui rèn trong thực tế chiến đấu đã giúp ông trưởng thành, giữ vai trò nòng cốt về chỉ huy quân báo ở miền Đông Nam Bộ. Năm 1954, tập kết ra Bắc, ông được cử đi học tình báo, là Thiếu tá Phó phòng Huấn luyện Cục Tình báo Bộ Tổng tham mưu.

Năm 1960, Ba Trần là một trong những cán bộ đầu tiên vượt Trường Sơn trở về Nam tham gia chiến đấu chống Mỹ. Ông lần lượt được giao các trọng trách: Trưởng ban Tình báo Xứ uỷ và Trung ương Cục miền Nam, Tham mưu phó Bộ Tư lệnh Miền kiêm Bí thư Đảng uỷ Bộ Tham mưu Miền trực tiếp phụ trách tình báo, đặc công, biệt động cho đến ngày giải phóng miền Nam. Giai đoạn này, có khoảng thời gian ông là cánh tay phải trợ lý đắc lực cho tướng Trần Văn Trà tổ chức và chỉ huy đội ngũ cán bộ vào Tân Sơn Nhất thực thi Hiệp định Paris ở ngay trong lòng thành



Thứ trưởng Trần Văn Danh hướng dẫn Tổng bí thư Lê Duẩn thăm thuỷ điện Trị An năm 1982.

phố Sài Gòn của đối phương. Ông cũng là người có công tổ chức xây dựng, lãnh đạo cơ quan Bộ Tham mưu Miền trong những năm tháng gian khó, với cương vị Bí thư Đảng uỷ.

Ngay đêm đầu tiên có mặt ở Dinh Độc Lập 30 tháng 4 năm 1975, Trần Văn Danh đã được ông Phạm Hùng thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước thăng quân hàm từ Đại tá lên Thiếu tướng, nhận nhiệm vụ Phó ban Quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định phụ trách an ninh, quốc phòng. Ông là sĩ quan cao cấp duy nhất được thụ





Chủ tịch nước Trương Tấn Sang gắn huân chương cho Thiếu tướng Trần Văn Danh.

phong cấp tướng vào thời điểm lịch sử đặc biệt này. Ngay sau đó, ông lại được cử làm Phó Tư lệnh Quân khu 7 kiêm Tư lệnh Bộ Chỉ huy quân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến năm 1977, Trần Văn Danh chuyển ngành, sang làm Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phụ trách kinh tế. Trong một lần nghiên cứu tài liệu, tình cờ ông phát hiện sơ đồ, dữ liệu khảo sát về thuỷ điện Trị An do chính

quyền cũ để lại, cái "máu" thích ngành kiến trúc, xây dựng từ thời trẻ học trường Bá nghệ nổi lên, ông say mê nghiên cứu và đề xuất với lãnh đạo về việc xây dựng công trình thuỷ điện. Được sự ủng hộ nhiệt tình của các ông Võ Văn Kiệt, Nguyễn Văn Linh, Trần Văn Trà và nhiều vị lãnh đạo khác, ông đã bắt tay vào thực hiện giấc mơ của mình trước tình hình đất nước đang thiếu điện trầm trọng, giữ cương vị Thứ trưởng Bộ Điện lực kiêm Trưởng ban chỉ đạo Xây dựng công trình thuỷ điện Trị An. Mọi việc khởi đầu từ con số "0" cho tới khi hoàn thành công trình thế kỷ này, góp phần làm thay đổi đời sống kinh tế, xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh và Nam Bộ. Nhờ kỳ tích ấy, ông đã được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động năm 1990.

Người xây dựng và chỉ huy tình báo chiến lược B2

Năm 1954, đất nước bị chia cắt làm hai miền. Một lần nữa cả dân tộc phải đứng lên tiến hành cuộc trường kỳ kháng chiến. Từ vĩ tuyến 17 trở vào được chia làm bốn chiến trường. B1 hay thường





gọi Khu 5 gồm các tỉnh duyên hải miền Trung từ Đà Nẵng vào Khánh Hoà. B3 là vùng Tây Nguyên gồm các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc. B4 gồm hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên. Phần còn lại ở phía Nam là B2, bao gồm từ tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận cho đến tận chót vót mũi Cà Mau, cả các đảo Côn Sơn, Phú Quốc.

B2 được chia thành 5 khu: Khu 6 (phần cực Nam Trung Bộ), Khu 7 (miền Đông Nam Bộ), Khu 8 (miền Trung Nam Bộ), Khu 9 (miền Tây Nam Bộ) và Đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Chiến trường B2 chiếm khoảng 1/2 diện tích đất đai và 2/3 dân số toàn miền Nam lúc ấy, tương ứng với một phần Vùng 2 và cả Vùng 3, Vùng 4 của chính quyền Sài Gòn cũ gộp lại. Có đến 3/4 biên giới Việt Nam - Campuchia nằm trên phạm vi B2, nối liền giữa hai nước bằng nhiều đường bộ, đường sông. Đặc biệt, B2 là địa bàn được chọn đặt các cơ quan đầu não kháng chiến của miền Nam, tập trung chủ yếu ở Tây Ninh: Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Quân Giải phóng, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng, Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam,...

Xuất phát từ vị thế và vai trò trọng yếu ấy mà B2 được Trung ương cho phép xây dựng một lực lượng tình báo chiến lược cho riêng mình. Trong hồi ký của Thượng tướng Trần Văn Trà, nguyên Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam, có viết: "Cần nói rõ là trong chiến tranh, chiến trường B2 bao gồm các vùng rừng núi, đồng bằng và đô thị rộng rãi trong đó có Thủ đô Sài Gòn của địch là một chiến trường hoàn chỉnh, cũng là một chiến trường bao gồm lực lượng địch đông nhất có nhiều mục tiêu chiến lược và chiến dịch quan trọng, mọi diễn biến ở đây đều ảnh hưởng đến toàn bộ, nên cấp trên cho phép Bộ Chỉ huy Miền (B2) được tổ chức và chỉ đạo bộ phận tình báo chiến lược quan trọng thiết thân nhất cho mình, đồng thời phục vụ cho trên. Bộ phận tình báo này đã giúp chúng tôi nắm được nhiều kế hoạch, âm mưu của Mỹ ngụy; đã lấy được của địch một số nguyên bản có giá trị nên chúng tôi đã kịp thời phán đoán tình hình và đối phó có kết quả".

Người được phân công trực tiếp xây dựng và chỉ đạo đoàn tình báo chiến lược B2 là Trần Văn Danh, trên cương vị Trưởng phòng Quân báo đầu



tiên của Bộ Tham mưu Quân Giải phóng miền Nam, từ năm 1961 - 1965. Sau đó, ông được Đại tướng Chính uỷ Nguyễn Chí Thanh đề bạt làm Tham mưu phó Miền kiêm Trưởng ban Tình báo chiến lược, đặc công, biệt động của B2. Tướng Ba Trần được đánh giá là nhà chỉ huy tình báo sáng giá nhất thời kỳ này. Tài năng, bản lĩnh, kinh nghiệm và tư duy phân tích, phán đoán tin tức tình báo của ông đã trở thành niềm tin vững chắc của đồng đội và là nỗi đe doạ thường trực của kẻ thù. Cục tình báo Trung ương Hoa Kỳ - CIA xem Ba Trần là nhà chỉ huy tình báo quan trọng hàng đầu của Việt Cộng.

Năm 1961, qua bảy năm thực hiện Hiệp định Geneva, lực lượng tình báo cách mạng bị thiệt hại rất nặng. Chính quyền Ngô Đình Diệm triệt phá và bắn giết, bỏ tù hàng loạt cán bộ tình báo, xoá sổ hầu hết các cơ sở điệp báo. Vì vậy, khi Trần Văn Danh trở về Nam cũng là lúc ngành tình báo chiến lược ở miền Nam bắt đầu xây dựng lại, bằng cách tăng cường cán bộ từ Ban Địch tình, đồng thời lợi dụng sơ hở của địch do mâu thuẫn nội bộ của chúng để giải thoát nhiều cán bộ tình báo đang bị tù đày, bố trí hoạt động trở lại. Trong

đó, có cuộc giải thoát thành công nhà lãnh đạo ngành tình báo nổi tiếng Mười Hương, tức Trần Quốc Hương.

Và từ đó, tìm cách đưa các chiến sĩ tình báo cách mạng len vào các cơ quan đầu não của địch để khai thác tin tức, tư liệu như: Toà Đại sứ Mỹ, Phủ Tổng thống, Hạm đội 7, Bộ Tổng tham mưu, Đặc ủy Trung ương tình báo, Tổng nha An ninh, Bộ Thông tin chiêu hồi,... Sự hoạt động hiệu quả của tình báo chiến lược B2 đã cung cấp tin tức kịp thời phục vụ đắc lực cho việc chỉ đạo chiến tranh của Quân uỷ và Bộ Tư lệnh Miền, Trung ương Cục và Bộ Chính trị Trung ương Đảng trong việc chỉ đạo chiến tranh chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Nhiều cán bộ chiến sĩ tình báo lập công xuất sắc. Nhiều đơn vị cơ sở và nhiều cán bộ được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang, như các nhà tình báo Hai Trung, Mười Cơ, Tư Bốn, Năm Vân, Bảy Vĩnh, Hai Thương, Bà Ba Anh Hùng, Tư Trầu, Sáu Biết,...

Với bốn năm chỉ huy trực tiếp tình báo quân sự và mười năm nắm cương vị chỉ đạo tình báo





chiến lược B2, công lao của tướng Ba Trần rất lớn. Theo Thiếu tướng tình báo Nguyễn Đức Trí, sở dĩ dưới sự chỉ đạo của tướng Ba Trần, cơ quan tình báo quân sự B2 đã phát huy tác dụng cao, phục vụ đắc lực cho sự lãnh đạo của Đảng suốt thời đánh Mỹ, là nhờ tướng Ba Trần biết cách tổ chức thực hiện và phát huy cao nhất các ưu thế trong quá trình chỉ đạo ngành tình báo. Đó là những ưu điểm gì?

Trước hết, tướng Ba Trần đã xác định đúng đắn điệp báo là phương thức trung tâm của tình báo quân sự và ông đã chỉ đạo kiên quyết để thực hiện phương châm này. Nhờ đó, công tác điệp báo phát huy tác dụng cao.

Tướng Ba Trần cũng đã đặt tình báo quân sự nói chung và điệp báo nói riêng phục vụ sát sườn các yêu cầu của quân sự về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, kể cả tham gia chiến đấu trong các thời cơ chiến lược. Nhờ đó mà các lực lượng tình báo phát huy tác dụng giá trị đúng với sở trường của mình. Đổi lại, cơ quan tình báo nhận được sự chi viện tích cực, toàn diện của quân đội: từ bồi dưỡng giáo dục chính trị tư tưởng đến nhu



Thiếu tướng Trần Văn Danh và Đại tá Hồ Thị Bi.

cầu tài chính, tăng cường cán bộ, bổ sung quân số... và cả sự chỉ đạo với những yêu cầu cụ thể để tình báo thi hành. Sự chi viện đó đã tạo thêm sức mạnh cho ngành tình báo.

Trong chiến tranh cách mạng, công tác Đảng, công tác chính trị là vô vùng quan trọng. Tướng Ba Trần cùng với những cộng sự thân thiết của mình đã làm tốt công tác này đối với cán bộ tình báo. Ông đã chủ trì tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ tình báo B2 thông suốt các nghị quyết của Đảng



để xác định rõ nhiệm vụ của tình báo, yêu cầu về tin tức. Ông cũng tin tưởng và mạnh dạn giao nhiệm vụ nặng nề cho cán bộ cấp dưới, tạo điều kiện cho họ hoàn thành sứ mệnh. Chính vì vậy, tình báo chiến lược B2 đã cung cấp những tin tức quan trọng kịp thời về tình hình địch trong các chiến dịch như Mậu Thân 1968, chiến tranh mở rộng toàn Đông Dương 1969 - 1974, tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975...

Bằng sự chỉ đạo khéo léo và thông suốt của tướng Ba Trần, ở chiến trường B2 dần hình thành tổ chức hoạt động tình báo thời chiến rất linh động. Lãnh đạo tình báo gọn nhẹ ở phía sau, theo sát Bộ Tham mưu Miền. Lực lượng xung kích là lưới, cơ sở đi sâu ở vùng tạm chiếm và thâm nhập vào các cơ quan đầu não của địch. Tổ chức cự ly đơn tuyến. Có đơn vị trung gian là các cụm, trạm bám sát các địa bàn xung yếu, tuyến trung gian để làm nhiệm vụ thay mặt trung tâm, tổ chức liên lạc với các tổ chức điệp báo mật ở nội đô. Tổ chức thành đơn vị tinh nhuệ, công tác chuyên môn giỏi và có khả năng chiến đấu cao. Tăng cường xây dựng tổ

chức thông tin điện đài và thông tin vận động có chất lượng cao để giữ liên lạc giữa trung tâm và các cụm, trạm trong mọi tình huống, kể cả thời kỳ địch đánh phá ác liệt.

Thực tế cho thấy mô hình này ngày càng định hình rõ nét hơn và được hoàn thiện, được thử thách qua thời kỳ chiến tranh ác liệt, khi địch tăng cường đánh phá ở các tuyến nhưng tình báo mật vẫn tồn tại, tích cực hoạt động theo yêu cầu chỉ đạo của cấp trên.

Tướng Ba Trần không những là một vị chỉ huy có tầm nhìn xa mà còn có những phương thức ứng phó rất thực tiễn. Trong hoàn cảnh tình báo quân sự B2 có khả năng hành động chiến lược, ông đã chỉ đạo vận dụng chức năng tình báo hành động, phát huy tư tưởng tiến công địch, bằng cách hình thành tổ chức binh chủng hỗn hợp gồm tình báo, đặc công, biệt động để phát huy sở trường của tình báo về xây dựng cơ sở trong vùng tạm chiếm và trong nội bộ địch. Đồng thời, binh chủng hỗn hợp này cũng giúp phát hiện những sơ hở và nhược điểm của địch trong bố trí phòng thủ để Quân Giải phóng vận


dụng cách đánh hiểm vốn là sở trường của đặc công, biệt động.

Trong công tác tổ chức tuyển chọn nhân sự, tướng Ba Trần đã tăng cường và sử dụng hợp lý một số cán bộ tình báo có khả năng về quân sự, tác chiến trong đội hình của Đoàn 367 và Đoàn 316. Nhiều cán bộ tình báo đã lập công xuất sắc trong chỉ huy tác chiến như các ông Mười Cơ, Bảy Vĩnh, Năm Vân, Hai Thanh... Bên cạnh đó, tướng Ba Trần cũng luôn đề cao cảnh giác trong công tác tổ chức, kiên quyết loại trừ những người có dính dáng với tình báo địch, nhất là ở trong cơ quan chỉ đạo, cấp phòng cũng như cụm, trạm. Điều đó đã làm trong sạch nội bộ, là nền tảng vững chắc cho hoạt động tình báo có hiệu quả. Theo tướng Trần Văn Danh: "Chiến sĩ tình báo của ta không nhận được nhiều đô-la như nhân viên CIA hay điệp viên các quốc gia khác. Mà sự hy sinh lại hết sức thầm lặng và lớn lao để góp phần tạo nên những chiến thắng. Biết bao chiến sĩ tình báo vô danh đã mãi mãi ngã xuống trong lòng địch. Đôi lúc, họ còn phải gánh chịu những nỗi đau không gì bù đắp nổi".

Những chiến công đặc biệt của một chỉ huy chiến trường

Là một nhà tình báo bẩm sinh, Ba Trần còn là con người đa năng, từ chính trị, quân sự đến kinh tế. Khi còn là vị chỉ huy trên chiến trường trọng điểm, ông đã đảm nhận nhiều nhiệm vụ hết sức đặc biệt. Nhiều tài liệu tối mật, tin tức quan trọng của đối phương đã được các nhà tình báo dưới quyền ông khai thác, cung cấp về cho Trung ương Cục miền Nam Và Bộ Tư lệnh Miền, chẳng hạn như các kế hoạch Maccarr, Harkin, McNamara, Việt Nam hoá chiến tranh,...

Vào giai đoạn cuối cuộc kháng chiến, lực lượng tình báo dưới sự chỉ huy của Ba Trần còn thu thập được các dữ liệu của địch như Kế hoạch quân sự Vùng 4, Kế hoạch quân sự toàn miền Nam, Dự thảo thiết kế kế hoạch năm 1975, Kế hoạch dài hạn 1974 - 1975, Dự kiến kế hoạch 1977 - 1978, Báo cáo tình hình viện trợ của Mỹ,... Nhờ thành tích đó mà sau khi đất nước thống nhất, nhiều tập thể và cá nhân dưới quyền chỉ huy của tướng Ba Trần đã được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.





Kể từ năm 1965, Mỹ và chư hầu đưa quân ồ ạt vào miền Nam cùng phương tiện chiến tranh khổng lồ để tiến hành Chiến tranh cục bộ. Cùng lúc phụ trách tình báo, Ba Trần còn tổ chức, xây dựng chỉ huy cả lực lượng biệt động, đặc công trực thuộc Bộ Tư lệnh Miền, tập trung vào hai thành phố đầu não của đối phương là Sài Gòn và Phnôm Pênh. Ba lực lượng này phối hợp với nhau hiệu quả. Chỉ riêng xung quanh Sài Gòn, ông đã bố trí đứng chân 7 trung đoàn đặc công. Trong mười năm do Ba Trần phụ trách, lực lượng đặc công, biệt động thành tiến hành liên tục nhiều trận đánh vang dội, như tập kích sân bay Pochentong ở Campuchia, sân bay Biên Hoà, tổng kho Long Bình, kho bom Thành Tuy Hạ, kho xăng dầu Nhà Bè và nhiều trận đánh "xuất quỷ nhập thần" trên sông Lòng Tàu, bắn cháy bắn chìm hàng trăm tàu địch...

Có một nhiệm vụ đặc biệt của tướng Ba Trần mang tinh thần quốc tế nhưng trước đây do hoàn cảnh lịch sử nên ít được biết đến. Năm 1970, Mỹ mở rộng chiến tranh khắp Đông Dương, lật đổ chính phủ trung lập của Hoàng thân Sihanouk, đưa tướng Lon Nol lên nắm chính quyền ở

Campuchia, gây nhiều khó khăn cho lực lượng kháng chiến. Theo yêu cầu của nước bạn, Bộ Tư lệnh Miền giao cho Ba Trần vạch kế hoạch tiêu diệt sinh lực địch ở Campuchia. Ông đã trực tiếp chỉ đạo tổ chức biên chế Đoàn 367 biệt động đặc công, Đoàn 429 đặc công phối hợp đơn vị nước bạn mở nhiều cuộc phản công, giải phóng và thiết lập hành lang an toàn cho căn cứ địa. Tháng 1 năm 1971, Đoàn 367 còn bí mật tập kích sân bay Pochentong ở Phnôm Pênh, loại khỏi vòng chiến đấu 300 tên địch, phá huỷ hơn 100 máy bay và hệ thống thiết bị chỉ huy sân bay. Trận đánh gần như xoá sổ binh chủng không quân của chính quyền Lon Nol. Chiến tích vang dội đó cùng những chiến công sau hai năm hoạt động trên chiến trường Campuchia đã giúp Đoàn 367 được Nhà nước tuyên dương đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngoài những trận đánh độc lập thì lực lượng đặc công, biệt động thành dưới sự chỉ đạo của tướng Ba Trần còn tham gia phối hợp chiến đấu trong các chiến dịch và đợt hoạt động quân sự quan trọng. Trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, các đơn vị đặc công, biệt



động cùng các tiểu đoàn mũi nhọn đã lót ổ, thọc sâu đô thành Sài Gòn, đánh Dinh Độc Lập, Toà Đại sứ Mỹ, Đài Phát thanh quốc gia, Biệt khu Thủ đô, Bộ Tổng tham mưu, sân bay Tân Sơn Nhất,... Và trong Chiến dịch Hồ Chí Minh xuân 1975, Ba Trần được giao phụ trách lực lượng vòng trong, tổ chức hợp đồng giữa các quân đoàn, các hướng với các cánh đặc công, biệt động được bàn giao cho từng đơn vị để hướng dẫn đường tấn công và mục tiêu tấn công. Ông còn chỉ đạo đặc công, biệt động bất ngờ chiếm giữ và bảo vệ an toàn 16 cây cầu dẫn vào thành phố Sài Gòn, đây là một sáng tạo trong hoàn cảnh quân đội ta không có khả năng dùng đơn vị nhảy dù hoặc đổ bộ trực thăng đánh chiếm các cây cầu trọng yếu trước lúc đại quân tiến vào. Đồng thời, ông còn ra lệnh các cơ sở đặc tình tìm mọi cách ngăn chặn đối phương phá hoại đài phát thanh, truyền hình, kho tàng, nhà máy nước, hồ sơ lưu trữ của Đặc uỷ Trung ương tình báo,...

Trước đó, vào cuối năm 1974 đầu 1975, Ba Trần còn nhận lãnh một nhiệm vụ đặc biệt khác về mặt quân sự trong Chiến dịch Phước Long: chỉ huy đánh núi Bà Đen ở Tây Ninh, một trung tâm

viễn thông chiến lược quốc tế, thu tin mã thám và là điểm chỉ đường cho B.52 cùng các loại máy bay hiện đại. Trận đánh này còn nhằm thu hút hoả lực đối phương là Lữ đoàn Biệt kích dù 81 và hai phần ba phi cơ chiến đấu F5E Vùng 3 chiến thuật; kiềm chế Sư đoàn 25 bộ binh; phối hợp cùng cánh quân tướng Năm Ngà - Nguyễn Minh Châu đang đánh Tánh Linh, Võ Đắc với Sư đoàn 18 của địch; ngăn chặn không cho các lực lượng đối phương yểm trợ Phước Long - trận địa chính của Quân đoàn 4 do tướng Năm Thạch - Hoàng Cầm chỉ huy, trong đó căn cứ quan trọng trên núi Bà Rá. Từ chiến thắng của Chiến dịch Phước Long đã xuất hiện giai thoại "Ba ông giải phóng hai bà": ba ông là Năm Thạch, Năm Ngà và Ba Trần, còn hai bà là Bà Đen và Bà Rá. Theo tướng Ba Trần: "Chiến dịch Phước Long là chiến dịch mà lần đầu tiên ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh và giúp ta phát hiện rằng Mỹ không dám đưa quân sang nữa, để đi đến kế hoạch tác chiến giành thắng lợi quyết định, giải phóng hoàn toàn miền Nam".

Tướng Ba Trần có người bạn đời là bà Nguyễn Thị Hoa và bốn người con đều lớn lên trong chiến





khu. Người con út là chị Trần Thị Ánh Tuyết giống cha nhất, từ hình dáng đến tính cách. Chị cũng là người lưu giữ nhiều ký ức, hiện vật của cha, ngược xuôi gặp gỡ các nhân chứng để phục hồi tư liệu về sự nghiệp của cha mình. Niềm tự hào đối với đấng sinh thành và sự hiếu thảo của chị làm nhiều người xúc động, trong đó có cả Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, người từng làm việc gần gũi với tướng Ba Trần trong một thời gian dài ở Thành phố Hồ Chí Minh. Và chính Chủ tịch nước Trương Tấn Sang cũng đã ủng hộ việc đề nghị xét phong Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho Thiếu tướng Trần Văn Danh vì đã có thành tích xứng đáng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

KIÊN GIANG - HÀ HUY HÀ
Nghệ sĩ lãng tử cuối cùng đất phương Nam

Cùng sinh một làng và là bạn tâm giao của nhà văn Sơn Nam, bước vào thi đàn sau cuộc gặp gỡ "định mệnh" với thi sĩ đàn anh Nguyễn Bính tại Rạch Giá quê hương, Kiên Giang - Hà Huy Hà trở thành một tên tuổi nổi bật của đất phương Nam, không chỉ trong văn chương mà còn trên sân khấu kịch trường Sài Gòn với tư cách soạn giả và nhà báo. Giống như Nguyễn Bính và Sơn Nam, Kiên Giang cả một đời phiêu bạt sống rày đây mai đó, cho đến khi trái tim đột ngột ngừng đập



Thi sĩ, soạn giả
Kiên Giang - Hà Huy Hà
(1929 - 2014)
(Ảnh: *Đào Trung Phụng)*



trên đường "hành hiệp". Có thể nói Kiên Giang là nghệ sĩ lãng tử cuối cùng của một thế hệ tài hoa bước ra từ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ mà rồi đây nhân cách và sự nghiệp của ông sẽ còn được nhắc đến.



"Tiền không là lá em ơi!"

Ở tuổi 86, với chiếc áo khoác trắng quen thuộc, thi sĩ - ký giả Kiên Giang đĩnh đạc đến Hội Nhà báo Thành phố Hồ Chí Minh dự kỷ niệm 40 năm Ngày Ký giả ăn mày, được tổ chức vào ngày 12 tháng 10 năm 2014. Đây là sự kiện quan trọng ở Sài Gòn trước đây mà ông là một trong những lãnh đạo chủ chốt xuống đường chống lại Sắc luật 007 của chính quyền Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu áp dụng "bàn tay sắt" siết chặt báo chí, khiến cho nhiều tờ báo bị tịch thu phải đóng cửa, các chủ báo bị phạt và tù đày, khoảng 70% người làm báo bấy giờ bị thất nghiệp.

Những năm cuối đời thi sĩ Kiên Giang quyết định dừng bước lãng tử, về thành phố Long

Xuyên, tỉnh An Giang để an dưỡng tại nhà con gái. Thi thoảng có việc gì cần thiết ông mới trở lại Sài Gòn. Sau cuộc họp mặt tất niên và mừng năm mới 2014 do Quỹ Tình thơ tổ chức, tới giờ tôi mới được gặp lại ông. Thấy bậc lão thành dù sức khoẻ có yếu đi nhưng vẫn vững chãi, minh mẫn, tôi mừng. Đặc biệt, ông còn nhớ như in về sự kiện Ngày Ký giả ăn mày của 40 năm trước.

Lúc ấy, nhằm tự cứu nguy cho mình, các nghiệp đoàn báo chí ở Sài Gòn đã tập hợp lực lượng tìm biện pháp "phản công" Chính phủ Việt Nam Cộng hoà do tướng Nguyễn Văn Thiệu đứng đầu. Vào ngày 8 tháng 9 năm 1974, đại diện Hội Ái hữu ký giả Việt Nam, Nghiệp đoàn Ký giả Nam Việt và Nghiệp đoàn Ký giả Việt Nam đã họp liên tịch bầu ra Uỷ ban đấu tranh đòi tự do báo chí, do nhà báo Nguyễn Văn Binh, một Dân biểu đối lập, làm chủ tịch. Uỷ ban đã đề ra hình thức tranh đấu bằng cách ký giả xuống đường "đi ăn mày", mà dẫn đầu là những nhà báo có uy tín: Phi Vân, Trần Tấn Quốc, Nguyễn Kiên Giang, Tô Nguyệt Đình, Kiên Giang - Hà Huy Hà, Tô Văn, Nam Đình, Văn Mại, Ái Lan, Lý Bình Hiệp, Trần Kim Uẩn,... Không chỉ giới ký giả chuyên nghiệp,



mà cuộc đấu tranh còn tập hợp những người liên quan đến nghề báo, tranh thủ sự ủng hộ mạnh mẽ của nhiều văn nghệ sĩ, nghị sĩ, dân biểu, viên chức và các tầng lớp nhân dân.

Sáng ngày 10 tháng 10 năm 1974, sự kiện ký giả xuống đường ăn mày đã diễn ra. Sau khi nhà báo Nguyễn Kiên Giang thay mặt ban tổ chức đọc bản tuyên bố "Báo chí phải đi ăn mày vì Luật 007 của Tổng thống Thiệu", đoàn ký giả đã rời Câu lạc bộ Báo chí ở số 15 Lê Lợi - trung tâm thành phố Sài Gòn, ai cũng đầu đội nón lá, tay cầm bị, gậy xuống đường. Họ cùng hô vang các khẩu hiệu: "Đả đảo Luật 007", "Luật 007 làm báo chí phải đi ăn mày", "Yêu cầu Tổng thống Thiệu từ chức", "Tự do ngôn luận, tự do báo chí",... Dù bị lực lượng mật thám, an ninh, cảnh sát bao vây ngăn chặn, đàn áp, xảy ra xô xát, nhưng cuối cùng đoàn biểu tình của các ký giả cũng đạt mục đích theo lộ trình vạch sẵn. Và sau cuộc biểu tình này, Kiên Giang - Hà Huy Hà cùng nhiều nhà báo khác đã bị chính quyền Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bắt bỏ tù...

Sau lễ kỷ niệm 40 năm Ngày Ký giả ăn mày, thi sĩ Kiên Giang về lại Long Xuyên. Tình cờ đọc báo thấy tin một bé sơ sinh bị đánh rơi ngoài



Thi sĩ Kiên Giang trong một lần viếng mộ bạn tâm giao Sơn Nam.

đường do cha mẹ tử nạn, ông đã gom chút tiền hưu và thêm tiền của con gái ông cho, được tất cả 5 triệu đồng, quyết định quay lên Sài Gòn để góp phần giúp đỡ em bé. Thế nhưng vừa tới thành phố, chưa kịp thực hiện ý định, thì ông bị đột quy giữa lúc đang ngồi viết thư vào chiều 28 tháng 10 năm 2014. Ông được người nhà của cố nhà báo Phong Vân đưa vào cấp cứu tại Bệnh viện Quận 8, sau đó chuyển sang Bệnh viện Nguyễn Tri Phương ở Quận 5, nhưng vì tuổi cao sức yếu, trái tim nhân ái của ông đã ngừng đập vào lúc 6 giờ 30 sáng ngày 31 tháng 10 năm 2014 trong



sự tiếc thương của đông đảo bạn bè văn nghệ sĩ và người hâm mộ.

Tấm lòng của ông, nghĩa cử cao đẹp của thi sĩ Kiên Giang thật đáng trân trọng. Để thoả ước vọng của ông, Quỹ Tình thơ quyết định chi thêm 10 triệu đồng cộng với số tiền 5 triệu đồng của ông, phối hợp cùng gia đình ông đến thăm, hỗ trợ cho cháu bé bị nạn.

Viết đến đây tôi chợt nhớ đến những vần thơ trong bài *Tiền và lá* nổi tiếng của thi sĩ Kiên Giang sáng tác từ năm 1956:

Kiếp tôi là kiếp làm thơ,
Vốn riêng chỉ có muôn mùa lá rơi.
Tiền không là lá em ơi!
Tiền là giấy bạc của đời in ra.
Người ta giấy bạc đầy nhà,
Cho nên mới được gọi là chồng em.
Bây giờ những buổi chiều êm,
Anh gom lá đốt, khói lên tận trời!

Bài thơ như tiếng đau thở dài của Kiên Giang viết tặng những mối tình đầu dang dở... vì tiền, nhưng cũng thể hiện cách nhìn nhận, ứng xử của

ông đối với đồng tiền. Tiền không là lá, nhưng nếu gom tiền đốt thì cũng như lá thành khói bay lên trời. Con người không nên dùng tiền để mua tình, bán tình mà hãy dùng tiền làm phương tiện để sống vì nghĩa tình. Đó cũng là phẩm cách sống thanh bần, nhân ái, nghĩa hiệp mà thi sĩ lãng tử Kiên Giang suốt đời theo đuổi!

Mối quan hệ đặc biệt với Sơn Nam và Nguyễn Bính

Cuối thập niên 1980 đầu 1990, khi tôi mới bước vào làng cầm bút, thi sĩ Kiên Giang là một trong những người đầu tiên tôi may mắn được tiếp xúc. Ông thường ngồi cà phê ở toà soạn báo *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh* gần ngã sáu Cộng Hoà, nơi bấy giờ là điểm hẹn chủ yếu của giới văn nghệ sĩ Sài Gòn, nhất là khách văn chương. Đôi lúc thi sĩ Kiên Giang tạt sang toà soạn tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay* ở đường Trần Hưng Đạo để gửi thơ, bài và cà phê với chúng tôi.

Được trò chuyện với những bậc tiền bối như ông bao giờ cũng là điều thích thú với tôi. Và thi sĩ Kiên Giang là một người mà khi được hầu



chuyện đã mở ra cho tôi cả pho tư liệu quý giá về một thời kỳ đầy biến động của Sài Gòn và Nam Bộ, trong đó có những câu chuyện thú vị về con đường sáng tác lẫn cuộc sống di động phong phú của ông, về những mối quan hệ khi vui khi buồn mang tính "thâm cung bí sử" ở hậu trường văn nghệ từ bưng biền đến thành thị. Ông là người dễ gần, xởi lởi, giàu lòng vị tha, có trí nhớ tốt và một sức sáng tạo bền bỉ, luôn kiên trì con đường, sở thích mà mình chọn lựa.

Qua nhiều lần gặp gỡ và đọc các tác phẩm của thi sĩ Kiên Giang giúp tôi hiểu rõ hơn về bậc lão thành đa tài, đa năng, đa tình. Khi làm thơ, ông lấy bút danh Kiên Giang, còn viết báo hay soạn tuồng cải lương, vọng cổ thì ký Hà Huy Hà, nhưng tên thật của ông là Trương Khương Trinh, sinh ngày 17 tháng 2 năm 1929 tại Xẻo Đước, làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá, nay thuộc tỉnh Kiên Giang. Cái làng Đông Thái xa xôi hẻo lánh ấy lại sinh ra hai nhân vật tiêu biểu cho văn chương Nam Bộ là Sơn Nam và Kiên Giang. Và cũng giống như người bạn đồng hương Sơn Nam, tên tuổi Kiên Giang nổi lên trong đời sống văn học Sài Gòn và miền Nam từ năm 1955, dù trước đó trong bưng biền chống Pháp họ đã bắt đầu sáng tác.

Nhà văn Sơn Nam trong các tác phẩm của mình hay kể về cái làng Đông Thái quê hương quanh năm hiu hắt như ngọn đèn dầu mù u và thường bị bọn hải tặc lộng hành, nhưng ông cũng tự hào là cái làng ấy sản sinh một con người tài hoa, nghĩa khí như Kiên Giang - Hà Huy Hà. Ngược lại, thi sĩ Kiên Giang cũng luôn dành cho nhà văn Sơn Nam những tình cảm trân trọng về tài năng và nhân cách. Đối với ông, văn học sử Nam Bộ ở thế kỷ XX khó có ai vượt qua được tầm vóc đồ sộ của Sơn Nam. Sinh cùng làng, thành danh cùng lượt, sống trọn tình cùng nhau gần cả thế kỷ, khi trở về cát bụi hai bậc trưởng thượng Sơn Nam - Kiên Giang lại được nằm cạnh nhau "hàn huyên" tại Nghĩa trang Hoa viên Chánh Phú Hoà ở Bình Dương. Hạnh phúc ấy mấy ai có được!

Nếu như nhà văn Sơn Nam là bạn chí cốt thì thi sĩ Nguyễn Bính là bậc thầy có nhiều ảnh hưởng đến con đường thi ca của Kiên Giang. Năm 1946, vì nạn cướp biển, gia đình ông phải rời làng tản cư lên Rạch Giá. Một sáng nọ ông nghe một bạn học nói có nhà thơ nổi tiếng Nguyễn Bính từ ngoài Bắc vào đang ở xóm biển sau đình thờ anh hùng Nguyễn Trung Trực. Mừng quá, ông liền đi



Thi sĩ Kiên Giang với "Nhạn trắng Gò Công" Phương Dung.

tìm thần tượng. Hỏi thăm, bà con ngư dân bảo Nguyễn Bính đang tá túc nhà ông Lý, một người gốc Bắc di cư, ông tìm tới thì người nhà ấy nói "Ông Bắc Kỳ đang ngủ ngoài đình". Ra đình, thấy chẳng có ai, ông lại hỏi thăm bà hàng nước. Bà cười nói ở đây chẳng có nhà thơ nhà thẩn nào cả mà chỉ có một anh hàn sĩ giống "Trần Minh khố chuối" hay ngủ trong nóp sau cửa đình. Chiếc nóp chầm bằng lá được dân Nam Bộ thường dùng làm "túi ngủ". Ông nhìn ra sau cửa đình thấy đúng là có một người vẫn còn ngủ khì trong nóp, dù lúc này trời đã gần trưa.

Đến bên chiếc nóp một hồi, ông đập đập vào nóp và nói đại ý: Ông ơi, tui cũng là người làm thơ, nghe tin ông ở xa đến đây, tui đến chào ông! Thi sĩ Nguyễn Bính uể oải ra khỏi nóp, hỏi: Có thuốc không? Đang còn là học sinh trung học, chàng trai yêu thơ họ Trương tập tành hút thuốc lá, trong túi có gói Cotab còn hai điếu, lấy ra mời thần tượng. Nguyễn Bính trầm ngâm hút liền một mạch hết cả hai điếu thuốc rồi xé vỏ gói thuốc lá hí hoáy ghi tặng bạn trẻ bốn câu thơ:

Có những dòng sông chảy rất mau
Nhớ chi nghĩa bến với duyên cầu





Lá vàng hoa đỏ trôi không kịp
Lưu lạc ai ngờ lại gặp nhau.

Đọc thơ của thần tượng tặng mình, Kiên Giang sướng run cả người, cung kính mời thi sĩ đi uống cà phê quán Quảng Phát bên chợ Rạch Giá. Bên ly cà phê ở cuối đất phương Nam, chàng thơ trẻ hỏi đàn anh sao không tá túc nhà đồng hương là ông Lý nữa, Nguyễn Bính có vẻ buồn và bảo tại chị vợ chủ nhà quá xinh đẹp, cứ nằm trên võng xoã tóc đung đưa ngâm mùi mẫn thơ Nguyễn Bính, nên ông Lý tỏ ý bực bội không hay, nên thi sĩ đành phải bỏ ra đình ngủ nóp.

Thương đàn anh không chốn dung thân, Kiên Giang chợt nhớ có căn nhà bỏ trống của người giữ sân banh nên tìm đến xin cho ở đậu, rồi trộm tiền mẹ để giúp nuôi thầy. Những ngày nương náu ở đây, thi sĩ Nguyễn Bính đặt cho nơi tạm trú bằng cái tên thơ mộng là Mộc Kiều Trang và dán trước cửa mấy câu thơ:

Từ dạo về đây sống rất nghèo
Bạn bè chỉ có gió trăng theo
Những phường phú quý xin đừng đến
Hãy để thềm ta xanh sắc rêu.

Về sau lên Sài Gòn mưu sinh nghề báo, bực mình một tay cò (cảnh sát) hàng xóm hay sang dở trò gây khó dễ, Kiên Giang cũng đã dán bài thơ ấy của Nguyễn Bính trước cửa và sửa lại câu thứ ba thành "Những thằng bất nghĩa xin đừng đến"!

Hình ảnh Kiên Giang trong lòng một số người đẹp đồng nghiệp

Thi sĩ Kiên Giang - Hà Huy Hà là thành viên sáng lập Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh và Hội Nghệ sĩ sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, ông gắn bó với văn nghệ sĩ Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh nhiều thế hệ.

Quan sát dòng người đến tiễn đưa thi sĩ, soạn giả Kiên Giang - Hà Huy Hà về nơi an nghỉ cuối cùng, tôi nhận ra một điều khá đặc biệt. Đó là có nhiều nữ văn nghệ sĩ, nhất là các nữ nghệ sĩ ngâm thơ và cải lương nổi tiếng tuổi đã cao hoặc còn "sồn sồn" ở Sài Gòn và một số tỉnh thành Nam Bộ đã đến ngậm ngùi thắp hương cho ông. Có nữ nghệ sĩ có thể từng là người tình của ông. Có người từng nhờ những bản vọng cổ hoặc vở



cải lương của ông "chắp cánh" cho tài năng của họ. Và tất nhiên, có những người đến vĩnh biệt ông chỉ vì yêu quý ông, mến mộ ông, một nghệ sĩ tài hoa và đào hoa. Dù họ đến với tư cách nào, nhan sắc còn mặn mà hay đã dần tàn phai theo năm tháng, thì đó cũng là niềm hạnh phúc cho một lãng tử suốt đời giang hồ phiêu bạt.

Hương Lan gọi Kiên Giang bằng chú. Ca sĩ hải ngoại này cho hay chính ông là người đặt nghệ danh cho bà là Hương Lan, trong khi hồi còn là đồng ấu đi hát vẫn gọi tên thật là bé Ngọc Ánh. Soạn giả Kiên Giang còn có những lời khuyên hữu ích lúc mới chính thức bước vào nghề mà suốt đời ca sĩ Hương Lan ghi nhớ. Còn nghệ sĩ Phương Dung tâm sự rằng bà có nhiều kỷ niệm đẹp khó quên với thi sĩ Kiên Giang, đặc biệt là biệt danh nổi tiếng "Nhạn trắng Gò Công" của bà do chính ông đã đặt cho trong một bài báo kịch trường. Chẳng những giỏi sáng tạo mà ông còn là cây bút phê bình sân khấu có uy tín.

Trong số những nữ nghệ sĩ sân khấu lừng danh Nam Bộ đến nghiêng mình trước linh cữu thi sĩ, soạn giả Kiên Giang, tôi còn thấy có ba Nghệ sĩ Nhân dân: Kim Cương, Lệ Thuỷ, Ngọc



Nhà thơ - soạn giả Kiên Giang, NSND: Viễn Châu, Ngọc Giàu và bà Lê Thị Ái Nam - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu tại Hội thảo 90 năm bài Dạ cổ hoài lang.

Giàu. Bằng trí nhớ hiếm có, nghệ sĩ Kim Cương đọc lại nhiều đoạn thơ của thi sĩ Kiên Giang mà bà thuộc thời trẻ. Giống như nhận định của nhà văn Sơn Nam thuở sinh thời, nghệ sĩ Kim Cương cho rằng soạn giả Kiên Giang là người tiên phong đưa thi ca vào tuồng cải lương, nâng cao chất nghệ thuật trong từng lời ca, giúp cho khán giả cảm thụ sâu sắc hơn cái hay cái đẹp của tuồng tích. Những vở cải lương như *Người vợ không bao giờ cưới, Áo cưới trước cổng chùa, Trương*



Chi - Mỵ Nương, Lưu Bình - Dương Lễ,... của ông trở nên bất tử theo thời gian.

Nếu như Kim Cương gọi Kiên Giang bằng anh thì Lệ Thuỷ và Ngọc Giàu lại gọi ông bằng chú. Nghệ sĩ Lệ Thuỷ là cô đào diễn rất thành công vai nàng Xuân Tự trong vở cải lương *Áo cưới trước cổng chùa* của ông từ mấy mươi năm qua. Mỗi lần vở này tái diễn, ông đều vào hậu trường sân khấu thăm hỏi, động viên các nghệ sĩ. Ông còn dặn Lệ Thuỷ làm sao nhân rộng nhiều hơn những "nàng Xuân Tự" cho lớp diễn viên trẻ để tiếp bước thành công của thế hệ đi trước. Trong khi đó, nghệ sĩ Ngọc Giàu vẫn nhớ như in thời điểm năm 1960 của thế kỷ trước lúc bà mới được về Sài Gòn diễn trong đoàn Thanh Minh - Thanh Nga, chính Kiên Giang là ký giả đầu tiên viết bài khích lệ bà. Ngọc Giàu rất thích những bản vọng cổ do ông soạn như *Hương cau quê ngoại, Đội gạo đường xa, Vắt sữa nai nuôi mẹ, Ngồi trâu thổi sáo,...* gần gũi và thấm đẫm tình yêu quê hương, gia đình. Nó cũng thể hiện tấm lòng nhân hậu của ông.

Với một nghệ sĩ lãng tử như Kiên Giang - Hà Huy Hà, lúc đã nằm xuống mà hình ảnh vẫn còn

đầy xúc động trong lòng những người đẹp đồng nghiệp nổi tiếng, âu đó cũng là niềm an ủi lớn cho một cuộc đời tài hoa lận đận.

Thi sĩ chân quê và mối tình đầu đầy ám ảnh

Có những văn nghệ sĩ "sinh tật", nhất là lúc về già, hễ có mối tình nào cũng huyên thuyên trên bàn nhậu, thậm chí còn kể vanh vách cho những nhà báo "hóng chuyện". Vì lẽ đó có người vô tình chuốc lấy tai hoạ không đáng về mình. Riêng thi sĩ Kiên Giang, hiếm ai biết rõ ông có những cuộc tình thơ mộng nào. Ông dường như ít thổ lộ, nếu không nói là chẳng chịu tiết lộ.

Tuy nhiên, chắp nối thông tin từ những người từng thân thiết với ông, thì ông trải qua khá nhiều cuộc tình và từng sống như vợ chồng với không ít người đẹp. Nhà văn Sơn Nam sinh thời khi nghe tôi đề cập tới chuyện này đã cười nhăn nheo nửa đùa nửa thật rằng, hỏi nhà thơ Kiên Giang có bao nhiêu cuộc tình chẳng khác nào hỏi rừng U Minh có bao nhiêu cây tràm cây đước. Có lúc thấy ông đang sống với cô này, chợt biến mất rồi nghe tin



đã chuyển sang sống với cô kia. Và cũng chỉ một số ít bạn bè thân thiết của ông mới biết!

Đa tình và giấu kín như vậy, nhưng có một mối tình mà thi sĩ Kiên Giang đã "chung thuỷ" trọn đời và cũng nhờ mối tình này mà sự nghiệp ông bắt đầu thăng hoa. Tôi viết từ "chung thuỷ" trong ngoặc kép bởi đây là mối tình đầu đặc biệt mà ông chưa một lần được nắm tay người đẹp, nhưng lại luôn giữ nhiều kỷ niệm, trong đó có tấm ảnh cô gái ấy bên mình.

Vào năm 17 tuổi, ông rời quê nhà Rạch Giá lên tận Cần Thơ học trung học đệ nhị (lớp 11) ở trường tư thục Nam Hưng. Trong lớp có cô bạn học Nguyễn Thị Nhiều khá xinh xắn, học giỏi, viết chữ đẹp. Hai người lại được nhà trường giao làm chung tờ báo tường *Ngày Xanh,* nên thường gần gũi, hiểu tính nết của nhau và có cảm tình với nhau. Vì gia đình theo đạo Thiên Chúa, nên cô bạn Nguyễn Thị Nhiều hay đi lễ nhà thờ vào sáng Chủ nhật. Còn thi sĩ tương lai không theo đạo, nên chỉ chờ trước cổng nhà thờ để sau buổi lễ được cùng người đẹp đồng hành một đoạn đường về nhà. Một mối tình đúng nghĩa... học trò!

Hai người chưa kịp một lần tỏ tình hay nắm tay nhau thì cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, trường lớp bị tan hoang. Kiên Giang vào bưng biền tham gia kháng chiến. Bạn học Nguyễn Thị Nhiều tản cư theo gia đình. Sau Hiệp định Geneva năm 1954, ông mới biết trong suốt 9 năm chiến tranh loạn lạc, người đẹp Nguyễn Thị Nhiều vẫn âm thầm thương nhớ chờ đợi ông. Và năm 1955, trước khi quyết định lấy chồng, bà tìm cách liên lạc gặp ông lần cuối. Mối tình đầu đẹp đẽ và trắc trở ấy đã giúp cho ông sáng tác nên bài thơ nổi tiếng *Hoa trắng thôi cài trên áo tím* năm 1957. Trong bản đầu tiên, đoạn kết ông để cho người yêu của mình chết đi cho mối tình thơ mộng mãi còn nguyên vẹn:

Ba năm sau, chiếc xe hoa cũ
Chở áo tím về giữa áo quan
Chuông đạo ngân vang hồi tiễn biệt
Khi anh ngồi kết vòng hoa tang...

Ấy thế nhưng một năm sau tình cờ sau đó ông gặp lại bà Nguyễn Thị Nhiều ở Sóc Trăng, với bao kỷ niệm đẹp xót xa hiện về, ông lại muốn hình ảnh người con trai trong bài thơ là chính



mình chết đi trên đường chinh chiến để không còn luyến tiếc chuyện tình duyên, nên ông đã sửa lại đoạn cuối ở Sài Gòn năm 1958. Nhờ nhạc sĩ Huỳnh Anh phổ nhạc, bài thơ *Hoa trắng thôi cài trên áo tím* nhanh chóng được nhiều người biết đến. Sau năm 1975, hai người cũng có dịp hội ngộ khi mái đầu đã bạc trắng. Và trong chiếc giỏ ông luôn mang bên mình lúc nào cũng hiện diện tấm ảnh của bà thời con gái. Biết được chuyện tình duyên trắc trở của mẹ mình, những người con của bà Nguyễn Thị Nhiều cũng dành những tình cảm yêu quý đối với bậc lão thành Kiên Giang...

Từ bài thơ *Hoa trắng thôi cài trên áo tím* cho đến những sáng tác cuối đời, thơ Kiên Giang có ngôn ngữ và hình ảnh giản dị, mang hồn cốt của người Nam Bộ. Nhiều câu thơ của ông được phổ biến rộng rãi đến nỗi nhiều người cứ nhầm là ca dao, như:

- Bướm vàng đậu đọt mù u
Lấy chồng càng sớm, lời ru càng buồn.
- Ngày mai đám cưới người ta
Có sao sơn nữ Phà Ca lại buồn?

Giống như thơ của thi sĩ bậc thầy Nguyễn Bính hay các thi sĩ Anh Thơ, Bàng Bá Lân, Đoàn Văn Cừ,... thơ Kiên Giang nằm trong dòng chảy chân quê, mang đậm nét tinh thần văn hoá Việt Nam, mà riêng ông đó là văn hoá đất mới phương Nam. Với uy tín trên thi đàn, thi sĩ Kiên Giang từng là người đứng đầu phụ trách chuyên mục thơ ca *Mây Tần* trên Đài Phát thanh Sài Gòn trước năm 1975.

Nói đến Kiên Giang - Hà Huy Hà là mọi người nhớ ngay đến hai bài thơ nổi tiếng *Hoa trắng thôi cài trên áo tím* và *Tiền và lá*, còn giới sân khấu nhớ ngay đến những vở cải lương nâng cánh cho nhiều nghệ sĩ như *Áo cưới trước cổng chùa, Người vợ không bao giờ cưới, Lưu Bình - Dương Lễ,...* Tôi lại thường nhớ tới ông với bài thơ *Ngủ bên chân mẹ* mà tôi may mắn đọc khi còn trên bản thảo và sau đó được bạn đọc tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay* bình chọn là bài thơ hay nhất của năm 1992. Một bài thơ viết theo lối cổ điển rất xúc động, biểu hiện nỗi lòng của người con lớn tuổi nhân dịp tết trở về quê thăm mẹ đang gần đất xa trời. Ông nằm bên chân mẹ như "Một cổ thụ già bên gốc khô" mà nghe ký



ức ngược dòng thời gian hơn nửa thế kỷ trước với bao kỷ niệm đẹp đẽ xót xa "Suốt đêm nước mắt trào bên gối", rồi sợ khi xa mẹ thì "Biết còn mấy tết, bao mùa bấc/ Còn ngủ bên chân mẹ nữa không!". Bây giờ thì chắc ông đã được mãi ngủ bên chân mẹ nơi cõi vĩnh hằng.

Hoạ sĩ **CHOÉ**: "Ông hoàng" biếm hí hoạ

Cùng với nhà văn Sơn Nam, nhà thơ Bùi Giáng, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn,... hoạ sĩ Choé là một trong những "quái kiệt" của Sài Gòn. Ông từng được tôn vinh là cây bút biếm hí hoạ hàng đầu Việt Nam và châu Á, để lại dấu ấn khó phai trong đời sống báo chí, văn nghệ nước nhà trong suốt ba thập niên cuối thế kỷ XX.



Hoạ sĩ Choé (1943 - 2003)



Giã từ Bảy Núi lang bạt Sài Gòn



Hí hoạ chân dung Kissinger của Choé

Bảy Núi - Thất Sơn của tỉnh An Giang là một trong những "địa linh" có lịch sử đầy thăng trầm ở biên giới Tây Nam. Vùng đất huyền thoại gắn liền với công lao to lớn của vợ chồng Thoại Ngọc hầu đã sinh ra nhiều "nhân kiệt" đương đại. Tiêu biểu nhất là Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Kế đến là bác sĩ anh hùng Nguyễn Văn Hưởng, nhà ngoại giao Ung Văn Khiêm, các văn nghệ sĩ: Nguyễn Quang Sáng, Anh Đức, Viễn Phương, Mai Văn Tạo, Lê Văn Thảo, Hoàng Hiệp, Phan Nhân, Nguyễn Ngọc Bạch, Nguyễn Đặng, Ngọc Quang,... Và cũng tại đất này, hoạ sĩ Choé cất tiếng khóc chào đời trong một gia đình nông dân Cái Tàu Thượng.

Ông tên thật Nguyễn Hải Chí, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1943 - Quý Mùi. Gia đình ông ở

Cái Tàu Thượng thuộc huyện Chợ Mới, về sau chuyển về sinh sống dưới chân núi Sam thuộc Châu Đốc. Bấy giờ, giữa thời cuộc rối ren, đất nước chìm trong bóng đen nô lệ thực dân, khí thiêng cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ oanh liệt và đau thương còn âm vang, cái tên Hải Chí mà người cha đặt cho con như muốn gởi gắm ước mơ "chí tang bồng hồ hải" mà cha ông không thể biến thành hiện thực. Cái chí của đời trước truyền cho đời sau. Cái hào khí của người nông dân yêu nước Nam Bộ!

Thừa kế tinh thần ông cha, Hải Chí thực hiện ước mơ đời mình bằng con đường riêng biệt là nghệ thuật. Từ nhỏ, ngoài những lúc theo cha mẹ lênh đênh sông nước hay bay nhảy trên ruộng vườn, cậu bé Hải Chí thường lao vào trò chơi nặn tượng và vẽ hình trên đất. Hải Chí hay tinh nghịch vẽ lên mặt đường cái quang hình những người quen, vẽ giống như thật, làm nhiều người không bằng lòng. Có lẽ họ sợ hình mình bị người đi đường đạp lên...

Vì gia đình nghèo khó và quá đam mê thế giới hội hoạ nên Hải Chí sớm bỏ trường đi làm mướn kiếm sống và vẽ. Thất học, năm 17 tuổi Hải Chí được gia đình cho theo học hoạ hình, vẽ bảng





hiệu với một thầy dạy vẽ ở chợ huyện. Để thoả "chí hồ hải" và cũng vì một người đẹp gốc Bắc mà mình thương thầm nhớ trộm, ba năm sau Hải Chí quyết định rời Bảy Núi lang bạt lên Sài Gòn mưu sinh lập nghiệp, tìm cách... tiếp cận người trong mộng Nguyễn Thị Kim Loan, mà về sau trở thành người bạn đời chung thuỷ của ông!

Cây biếm hoạ số 1 Việt Nam

Để có tiền sống qua ngày giữa thành phố Sài Gòn xa lạ, Hải Chí thử làm thơ viết văn gởi các báo, rồi vẽ bìa sách. Nhờ vậy, anh dần dần "quen mặt" với làng văn nghệ, báo chí. Năm 1969, Nguyễn Hải Chí đoạt giải nhất một cuộc thi truyện ngắn. Nhà văn Viên Linh, chủ bút tờ *Diễn Đàn* tỏ ra rất "khoái" chàng trai Bảy Núi. Tình cờ một sáng nọ đang ngồi uống cà phê hè phố, nhà văn Viên Linh cho Hải Chí biết hoạ sĩ chính của tờ *Diễn Đàn* vừa bỏ đi, toà soạn rất lúng túng tìm người thay. Nhà văn Viên Linh khích: "Ông vẽ thử đi!". Hải Chí trầm tư suy nghĩ một hồi: "Được, tôi sẽ thử xem sao".

Dù dưới quê từng học vẽ, nhưng chỉ mày mò sơ đẳng, nên Hải Chí hơi "khớp". Chẳng qua nể

nhà văn Viên Linh mà anh liều "nhắm mắt đưa chân". Không ngờ Hải Chí vẽ rất đạt. Chủ bút Viên Linh hết sức ưng ý, mừng rỡ. Mừng cho tờ báo, mà cũng mừng cho người bạn trẻ tài năng bí ẩn như xứ Thất Sơn đầy những câu chuyện truyền kỳ huyền thoại quê hương anh.

"Vẽ xong, tôi chẳng biết ký bút danh gì. Viên Linh lại bảo: Ông tên Chí thì cứ ký Choé. Mà dân Nam Bộ chỉ nói "cãi nhau ỏm tỏi" chứ có ai nói "cãi nhau chí choé" như ngoài Bắc bao giờ. Nhưng mà thôi, tên Choé nghe cũng "kêu", tôi ký luôn. Càng về sau tôi càng thích bút danh này, vì "chí choé" là tiếng cãi nhau của chuột, phản ánh được nét riêng của thế loại hí hoạ". Hoạ sĩ Choé kể chúng tôi nghe "cái thuở ban đầu" đáng nhớ ấy. Ông còn cho biết thêm: "Sau này khi đã hoà nhập làng hội hoạ, tôi mới biết cụ Nguyễn Gia Trí trước đây cũng từng có lúc ký bút danh trên khi vẽ biếm hoạ các nhân vật dân gian Xã Xệ, Lý Toét... Người Bắc thường phát âm *trí* với *chí* như nhau".

Với thành công ban đầu đầy bất ngờ, hoạ sĩ Choé đã bộc lộ được tài năng và sớm khẳng định tên tuổi mình trên lĩnh vực biếm hoạ. Ngoài tờ *Diễn Đàn*, hoạ sĩ Choé còn được mời



cộng tác rất nhiều báo chí Sài Gòn. Cây cọ của Choé tung hoành ngang dọc, trở thành một "mối nguy" cho nhiều nhân vật có "máu mặt" khi họ lần lượt xuất hiện dưới nét cọ sắc sảo và cách nhìn rất "biếm" của Choé: từ các "chóp bu" Mỹ như Tổng thống Richard Milhous Nixon, Bộ trưởng Ngoại giao Henry Kissinger, Bộ trưởng Quốc phòng Robert Strange Mc Namara, tướng Maxwell Davenport Taylor, tướng William Childs Westmoreland,... đến các quan chức tướng tá hàng đầu Sài Gòn như Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, Trần Văn Hương, Dương Văn Minh, Trần Thiện Khiêm, Đặng Văn Quang, Trần Văn Đôn,... Năm 1973, nhà báo Mỹ Barry Hilton đã tập hợp biên soạn cuốn *The World of Choé* (Thế giới của Choé) và tôn vinh ông là "Cây biếm hoạ số 1 của Việt Nam". Cũng năm 1973, ông được tuần báo *New York Times* bình chọn là một trong 8 hoạ sĩ biếm họa xuất sắc nhất thế giới thập niên 1970.

Sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, ngoài những giây phút hiếm hoi "ngoại tình" cùng âm nhạc và thi ca, mà kết quả là hàng trăm bài thơ và tình khúc ra đời, Choé vẫn luôn đắm

 đuối chung thuỷ với nàng hội hoạ. Tranh sơn

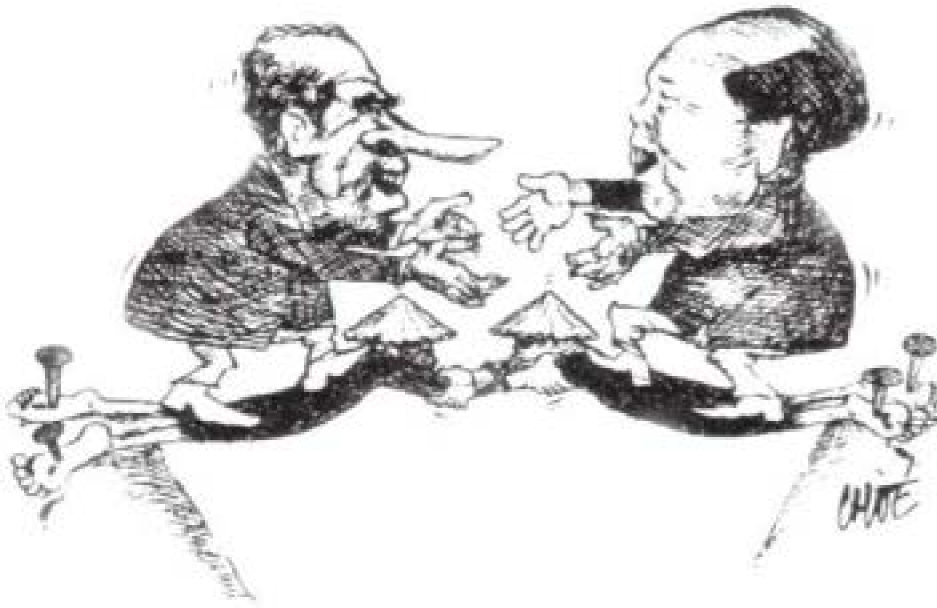
dầu của ông rất đắt khách, cả trong lẫn ngoài nước. Ông say mê với những tranh liên hoàn chủ đề *Kiều trong tác phẩm Nguyễn Du, Những nhân vật Việt Nam từ truyền thuyết đến lịch sử, Những cầu thủ bóng đá thế giới*,... Đặc biệt, ông vẫn tiếp tục khẳng định là hoạ sĩ biếm hàng đầu Việt Nam, ngoài Choé còn ký các bút danh Cap, Kit, Trần Ai.

Từ cuối thập niên 1980 về sau, tranh hí hoạ của Choé lại "chạy" đều khắp trên báo chí Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay*, Choé rất ấn tượng với những bức hí hoạ chân dung nhân vật cho chuyên mục *Mỗi kỳ một nhân vật* do tôi viết, cùng trang tranh liên hoàn thường xuyên *Gia đình bé Kiến* mà ông độc quyền.

Khoảng thời gian từ năm 1992 đến 1996, hoạ sĩ Choé có bảy cuộc triển lãm cá nhân gây ấn tượng. Theo ước tính của ông, khi thế kỷ XX kết thúc ông đã có một "gia tài" khoảng 15.000 tranh hí hoạ, nhưng ông chẳng giữ được bao nhiêu mà nằm tản mác khắp nơi trên sách báo và trong các bộ sưu tập của bạn bè, người yêu tranh.







Biếm hoạ về cái bắt tay giữa Nixon và Mao Trạch Đông của Choé.

Ước mơ của Choé

Không những được tôn vinh là cây biếm hí hoạ hàng đầu trong nước, hoạ sĩ Choé còn luôn được đánh giá cao ở nước ngoài. Tranh của ông được đăng tải trên nhiều tờ báo, tạp chí nổi tiếng thế giới như *Time, The New York Times, Chicago Dailynews, Bangkok Post, Asahi Shimbun,...* Tuần báo *L'Hebdo* danh tiếng của Pháp bình chọn hoạ sĩ Choé là một trong 6 người Việt tiêu biểu từ 1975 tới 1995, vinh danh ông là "Hoạ sĩ bướng bỉnh". Và ông đã được tổ chức cuộc triển lãm tranh cá nhân tại Pháp năm 1998. Nhân dịp này, hoạ sĩ Choé còn

sang thành Roma và được Đức Giáo hoàng John Paul II tiếp kiến tại Toà thánh Vatican.

Trước đó, năm 1995, Choé vinh dự là hoạ sĩ Việt Nam duy nhất được mời tham dự Triển lãm Hí hoạ mười nước châu Á tại Nhật Bản với chủ đề "Phụ nữ nước tôi". Giới yêu hội hoạ quốc tế bấy giờ vô cùng ngạc nhiên trước sự phát triển của tranh hí hoạ ở Việt Nam mà hoạ sĩ Choé là đại diện ưu tú nhất.

Vào thời điểm ấy, khi vừa từ Nhật Bản trở về nước, hoạ sĩ Choé đã chân thành tâm sự với tôi ở quán cà phê mà thi thoảng chúng tôi hay ngồi với nhau tại ngã tư đường Đề Thám và Bùi Viện thuộc Quận 1: "Trong số mười hoạ sĩ hí hoạ đại diện mười nước châu Á tại cuộc triển lãm ở Nhật, có nhiều hoạ sĩ trẻ ở độ tuổi trên dưới 30, trong đó trẻ nhất là nữ hoạ sĩ Singapore mới 18 tuổi. Qua đó cho thấy lớp hoạ sĩ trẻ ngày nay ở châu Á đã thực sự quan tâm và bắt đầu khẳng định được mình trên lĩnh vực hí hoạ. Ở Việt Nam chúng ta, chỉ nói riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều hoạ sĩ biếm trẻ có trình độ ngang hàng các hoạ sĩ biếm châu Á như: Nhốp, Nop, Dad, Đức, Nhím, Nguyễn Tài,... Đối với các hoạ sĩ biếm phương Tây thì họ có phần trội hơn hoạ sĩ biếm



châu Á về phần dựng hình và bóp méo hình ảnh hí hoạ".

Nhấp chút cà phê, hoạ sĩ Choé tỏ ra trăn trở: "Hiện nay, cái khó là các trường mỹ thuật Việt Nam chưa có bộ môn hí hoạ. Thu nhập của các hoạ sĩ biếm còn thấp. Việc in ấn phát hành các tập hí hoạ rất hạn chế. Tài năng thì có, nhưng cơ sở để phát triển tài năng hầu như chưa có gì. Nhìn ra thế giới mới thấy mình còn nhiều việc phải làm. Hoạ sĩ biếm các nước phát triển sống khá thoải mái với cây cọ của mình. Họ chỉ tập trung lo sáng tác. Các hoạ sĩ biếm càng xuất sắc càng được ưu đãi. Tranh của họ được các nhà xuất bản sưu tập in rất nhanh, rất đẹp".

Khi bệnh tình của hoạ sĩ Choé ngày càng trở nên trầm trọng thì một trong những mối ưu tư hàng đầu của ông vẫn là tương lai của nghệ thuật hí hoạ Việt Nam. Hoạ sĩ Choé đặc biệt quan tâm tới đội ngũ kế thừa: "Đối với những bạn trẻ thích theo nghề biếm hoạ, kinh nghiệm từ bản thân tôi cho thấy ban đầu các bạn cứ sống bằng một nghề khác và kiên trì vẽ thử biếm hoạ. Chỉ cần ở những đợt "thử lửa" đầu tiên, bạn ấy sẽ cảm nhận được số phận mình có phải là "anh hề hội hoạ" hay không. Tuy nhiên, nếu thực sự yêu hí hoạ thì dù

thất bại bạn cũng không được nản chí. Hãy nhìn kỹ lại ý tưởng và nét vẽ của mình. Loạt tranh thử ban đầu cần vẽ công phu gần giống bức tranh cổ điển, có thể ý chưa hay nhưng nét cọ phải sắc và tỉa tót cẩn thận. Việc tranh biếm được đăng trên báo chí cũng là một khích lệ lớn cho hoạ sĩ trẻ mới vào nghề hí hoạ".

Từ trăn trở và ước mơ của Choé, một hoạ sĩ bậc thầy, một con chim đầu đàn của mỹ thuật, mới thấy con đường nghệ thuật hí hoạ Việt Nam còn đầy chông gai, mặc dù từ lâu nó đã có chỗ đứng trong đời sống văn hoá cộng đồng. Các trường mỹ thuật nước ta "lảng tránh" bộ môn hí hoạ. Đội ngũ hoạ sĩ biếm chưa thể có bệ phóng sáng tạo khá hơn, dù luôn xuất hiện đội ngũ kế thừa có tài...

Hoạ sĩ Choé lâm bệnh nặng do biến chứng tiểu đường, qua đời ngày 12 tháng 3 năm 2003 khi đang chữa bệnh ở Hoa Kỳ và được đưa về Việt Nam an táng tại nghĩa trang nhà thờ Thánh Mẫu thuộc huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Một năm sau đó, nhân Ngày Việt Nam ở Thuỵ Điển, 29 tranh chân dung của Choé vẽ những người phụ nữ đoạt Giải thưởng Nobel đã được trưng bày ở Stockholm như một sự vinh danh ông.





Em vứt đi ngọn lửa
Ta từ bỏ kiếp rơm
Để đời sau không còn là tro bụi.

(Thơ của Choé - Nguyễn Hải Chí)

Ông "từ bỏ kiếp rơm" ở tuổi 60, một độ tuổi mà sức sáng tạo đang chín muồi về kinh nghiệm lẫn tài năng. Thật đáng tiếc cho một tài hoa và nhân cách đáng ngưỡng mộ. Đôi lúc ngồi trong những cái quán quen thuộc mà chúng tôi gặp gỡ hay đến những toà soạn báo từng in dấu ấn của hoạ sĩ Choé, hình ảnh ông lại hiện lên trong tôi với hàm râu quai nón và nụ cười hiền lành của một gương mặt phúc hậu, một dáng người cao lớn, một "tay chơi" đậm phong cách Sài Gòn.

Dù hoạ sĩ Choé đã ra đi nhưng tấm lòng phóng khoáng, hình ảnh tao nhã, tài năng nghệ thuật thiên phú thể hiện qua hàng ngàn bức biếm hí hoạ vẫn mãi mãi còn ở lại trong ký ức nhiều người yêu quý ông. Những cuộc triển lãm tranh của hoạ sĩ Choé trong và ngoài nước vẫn được mở vào những dịp tưởng nhớ ông luôn gây bất ngờ và xúc động cho đông đảo người hâm mộ. Đó cũng là minh chứng cho sự tồn tại lâu bền của một trong những "quái kiệt" của đời sống văn hoá nghệ thuật Sài Gòn cuối thế kỷ XX.

Giấc mơ lưng trâu và nỗi oan thuốc phiện của **ÚT TRÀ ÔN**



NSND Út Trà Ôn
(1919 - 2001)

Từ cậu bé chăn trâu tận miệt vườn Trà Ôn xa xôi đột ngột xuất hiện ở Sài Gòn, làm dậy sóng đời sống nghệ thuật sân khấu và được tôn vinh là "Đệ nhất danh ca miền Nam", "Đệ nhất danh ca vọng cổ" hay "Hoàng đế vọng cổ". Cuộc đời và sự nghiệp mê hát ham chơi của Nghệ sĩ Nhân dân Út Trà Ôn đẹp như truyền thuyết, trở thành hình ảnh tiêu biểu cho ý chí vươn lên của một tài năng ẩn sâu ruộng đồng bước lên đỉnh cao nghệ thuật cổ truyền Nam Bộ thế kỷ XX.



Út Trà Ôn! Út Trà Ôn! Út Trà Ôn!...

Không chỉ dân miệt vườn Nam Bộ mà cả dân duyên hải miền Trung quê tôi cũng rất mê vọng cổ, cải lương cho dù nơi đây có truyền thống hát bội. Vì yêu mến các nghệ sĩ tài danh nên nhiều người đã lấy nghệ danh của họ đặt tên cho con mình như: Trà Ôn, Minh Phụng, Minh Vương, Minh Cảnh, Lệ Thuỷ, Mỹ Châu, Ngọc Giàu, Bạch Tuyết,... Từ nhỏ tôi thường theo người lớn đi xem các đoàn cải lương về quê mình biểu diễn ở các sân khấu ngoài trời, mỗi khi một nghệ sĩ tài danh nào đó xuất hiện chào khán giả thì cả rạp hát vang lên tên của họ. “Út Trà Ôn! Út Trà Ôn! Út Trà Ôn!...” kêu như sấm rền trong những đêm hát ấy và âm vọng cả giấc mơ tuổi thơ tôi. Say mê Út Trà Ôn đến nỗi có lần tôi chạy theo ông khi vãn tuồng, sờ lên lưng ông xem có... khác người hay không!

Giống như nhiều đứa trẻ khác, tôi cũng tìm những bài vọng cổ, cải lương để tập hát và đóng

tuồng chơi với nhau. Tôi rất thích các bài *Tôn Tẫn giả điên, Sầu vương biên ải, Tình anh bán chiếu, Gánh nước đêm trăng,...* do Út Trà Ôn hát, dù lúc đó chưa hiểu hết nội dung của nó là gì mà chỉ vì giọng hát của ông quyến rũ. Tôi cũng mê mẩn sự mùi mẫn sầu bi của hình ảnh lẫn giọng ca Ông Cò quận 9 do Út Trà Ôn thủ diễn trong vở cải lương *Tuyệt tình ca*. Những đêm khuya sau khi học bài xong, tôi nằm nhìn ra cửa sổ nhà mình và giả giọng Út Trà Ôn hát *Sầu vương biên ải*:

Nhìn trời hiu quạnh từng đêm sương gió lạnh
Hướng quê nhà, lòng thêm chạnh tủi niềm riêng
Em ơi, muôn dặm xa xôi xin em giữ vẹn hương nguyền
Để cho người cô lữ khỏi nặng mang điều tủi hận
Thâu canh hồn ngơ ngẩn...

Khi vào Sài Gòn học đại học, thi thoảng tôi đến rạp Trần Hưng Đạo xem cải lương để mong gặp lại Út Trà Ôn và những nghệ sĩ tài danh khác, nhưng bấy giờ do tuổi cao ông không còn xuất hiện trên sân khấu chính thức nữa. Đến khi bước





Tình đồng nghiệp keo sơn
của nghệ sĩ Út Trà Ôn và soạn giả Viễn Châu.

vào con đường làm báo, được giao phụ trách chuyên mục phỏng vấn "Mỗi kỳ một nhân vật" trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay*, thì Út Trà Ôn chính là nghệ sĩ cải lương đầu tiên mà tôi quyết định thực hiện phác họa chân dung. Những năm đầu thập niên 1990 chưa có internet, tư liệu về ông trên sách báo viết còn hiếm, tôi tìm đến những nghệ sĩ quen biết, nhất là nghệ sĩ Phan Tấn Thi, để hỏi han về Út Trà Ôn và nhờ tìm địa chỉ, điện thoại nhà ông.

Dù không còn đứng trên sân khấu nữa nhưng bấy giờ nghệ sĩ Út Trà Ôn vẫn đi hát từ thiện ở các lễ hội đình chùa. Người hâm mộ chưa "buông tha" giọng hát của ông, vẫn đưa xe đến mời ông rong ruổi khắp nơi. Sau mấy lần liên lạc, nghệ sĩ Phan Tấn Thi cùng tôi mới đến được nhà riêng của ông trên đường Điện Biên Phủ thuộc Quận 10. Trong khi nhiều nghệ sĩ khác ở trong hẻm hoặc chung cư, thậm chí nhiều người không có nhà phải sống nhờ sống thuê nhà khắp nơi, thì Út Trà Ôn "an toạ" trong một căn nhà lầu rộng rãi, thoáng mát nằm trên con đường lớn trung tâm thành phố. Nó tương xứng với danh tiếng của ông, tài năng của ông, sự hào hoa của ông và cả cái tiếng "chơi hết mình" của ông. Tuy nhiên, cũng giống phần lớn các ngôi nhà trong thành phố bấy giờ, nhà riêng của Út Trà Ôn có lẽ nhiều năm không sơn phết nên trông bề ngoài có vẻ cũ kỹ, cả cái cửa sắt kéo cũng rất cũ và rỉ sét, nó cũ như chính con người ông, giọng hát ông nhưng luôn ẩn náu bên trong sự cuốn hút riêng biệt.



Giọng ca thiên phú "có một không hai"

Nghệ sĩ Út Trà Ôn tâm sự rằng những gì ông có được là nhờ trời ban cho, nhờ gia đình và quê hương sinh thành, nhờ cả niềm đam mê khao khát được ca hát vô bờ của mình. Ông tên thật Nguyễn Thành Út, sinh năm 1919, cùng năm sinh với nhiều nhân vật nổi tiếng của Sài Gòn như tướng Trần Văn Trà hay nghệ sĩ điêu khắc Diệp Minh Châu. Là con trai út thứ mười trong một gia đình nông dân khá giả ở làng Đông Hậu, quận Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ (nay là huyện Trà Ôn thuộc tỉnh Vĩnh Long), nên ông hay được gọi là cậu Mười Út, chú Mười Út, anh Mười Út. Đó cũng là những biệt danh mà giới cải lương sau này hay gọi ông tuỳ theo vai vế, tuổi tác.

Cậu bé Mười Út lúc đó rất mê đàn hát, thường tụ tập bạn bè trong các nhóm chơi tài tử. Gia đình nuôi nhiều trâu, những ngày nghỉ học Mười Út thả trâu ra đồng, mang theo đàn, sáo cùng bạn bè nghêu ngao ca hát. Bằng chất giọng thiên phú cộng với trí thông minh, Mười Út sớm nghĩ ra cách tự luyện cho mình một lối ca riêng, từ nhả chữ đến nhấn nhịp và dần dà thuộc lòng hết các

bài bản ba Nam sáu Bắc, nhất là bản vọng cổ từ nhịp hai, nhịp bốn rồi nhịp tám, tức ca nhặt, cho đến nhịp mười sáu luyến láy uyển chuyển. Nghe cậu Mười hát ai cũng trầm trồ, người lớn trong làng chọn cậu làm học trò lễ vào những dịp cúng đình, cúng kỳ yên. Giọng ca Mười Út nổi tiếng khắp miệt vườn Trà Ôn.

Vào khoảng năm 1937, Mười Út cùng bạn bè rủ nhau lên Sài Gòn chơi và vào nhà hàng Đức Thành Hưng ca hát với nhau. Biết được hãng rượu Dubonnet thường tổ chức tuyển chọn giọng ca hay ở rạp Moderne, Mười Út vào thi thử và được trúng tuyển. Vì chưa được phép của gia đình nên Mười Út chỉ hát được một thời gian ngắn rồi rời Sài Gòn trở về quê nhà Trà Ôn.

Một duyên may khác đã đến. Gánh hát Tiến Hoá của ông bầu nổi tiếng Trúc Viên, tức Trương Gia Kỳ Sanh, từ Sa Đéc sang Trà Ôn biểu diễn, Mười Út tìm đến xin đầu quân. Thấy chàng trai nông dân quê mùa thấp lùn đen đủi, ông bầu sợ "tướng tá" này không ăn khách nên từ chối. Hôm sau, Mười Út lại đến gánh hát chơi và ca thử vài bản cho nghệ sĩ trong đoàn



đờn. Đang nằm trên võng, ông bầu Trúc Viên nghe Mười Út ca hay quá mới vụt đứng dậy đi tới nói với mọi người với vẻ hối hận, đại ý: Tôi lầm rồi. Chút nữa bỏ lỡ giọng ca mà trong đoàn mình không ai qua được!

Đó cũng là bước ngoặt đưa Mười Út chính thức đi vào con đường ca hát chuyên nghiệp. Ông thổ lộ với tôi rằng, cũng như nhiều nghệ sĩ khác khi đi hát cần có nghệ danh, mọi người bảo ông tự chọn nghệ danh cho mình. Ông nghĩ mình tên Út, quê Trà Ôn, thì cứ đặt Út Trà Ôn, nghe vừa giản dị vừa có tình với quê hương. Từ đó, nghệ danh Út Trà Ôn xuất hiện và dần được nhiều người biết đến. Ông còn cho biết thêm: "Khoảng năm 1943 - 1944, tôi đi diễn khắp nơi với gánh Tiến Hoá của ông bầu Trúc Viên - Trương Gia Kỳ Sanh. Bạn diễn cùng có Tấn Thành, Tám Đỏ, Ba Giáo,... là những nghệ sĩ nổi tiếng lúc bấy giờ. Trương Gia Kỳ Sanh là người thẳng thắn, cương trực, tâm huyết với nghề nghiệp. Quan điểm sống của ông có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi. Ngoài việc quản lý gánh hát, ông còn tham gia viết báo, đóng thế vai và là soạn giả; với vai Tào Tháo trong *Tào Tháo dâng đao* ông viết cho tôi diễn cũng khá thành công".

Đến năm 1945, Út Trà Ôn chuyển sang hát cho đoàn Mộng Vân của soạn giả tài danh Mộng Vân, người đã viết tuồng *Thái tử lưng gù* cho ông diễn, khi thu đĩa thì đổi tựa là *Một người anh*. Út Trà Ôn cũng bắt đầu được giao đóng kép chính trong các vở *Ba ngọn đèn xanh, Triều Tiên vong quốc sử, Đêm tơ vương*... Con đường ca hát của ông lên như diều gặp gió. Vào năm 1960, nhà báo Trần Tấn Quốc tổ chức cuộc trưng cầu ý kiến khán giả trên nhật báo *Tiếng Dội* để chọn giọng ca hay nhất và Út Trà Ôn đã được tôn vinh Đệ nhất danh ca miền Nam, còn Huỳnh Thái ở Hà Nội là Đệ nhất danh ca miền Bắc.

Nhận xét về đồng nghiệp, soạn giả lừng danh Viễn Châu, người viết riêng bản tình ca *Tình anh bán chiếu* cho Út Trà Ôn hát, nói rằng: "Anh Mười luôn cầu tiến. Cách rèn giọng của anh được người trong nghề kính phục vì biết tạo âm vực đủ để khi phát âm tròn vành, rõ chữ. Anh còn có khiếu sắp văn chẻ nhịp... Nếu lắng nghe Út Trà Ôn ca và có óc phân tích, bạn sẽ nhận biết ngay thế mạnh của anh trong câu vọng cổ chính là chữ "hơ" điêu luyện và dấu sắc, dấu hỏi chất chứa sự giàu có của làn hơi".



Có công đưa bản vọng cổ lên đỉnh cao

Út Trà Ôn là người có công lớn đưa bản vọng cổ phát triển đỉnh cao thành lối ca hoàn chỉnh cho tới ngày nay. Vọng cổ là một nền tảng rất quan trọng cho cải lương. Và cũng chính thành công từ vọng cổ đã mang lại cho ông tiền tài, danh vọng cùng những mối tình nghệ sĩ lãng mạn.

Trong kháng chiến, không biết lệnh miệng từ đâu, có lúc người ta bỗng dưng cấm hát vọng cổ, cải lương vì cho nó buồn rầu uỷ mị làm nhụt chí chiến đấu, gây bức xúc trong dư luận. Sau này có quan niệm cho rằng nơi nào người dân mê cải lương nhiều thì nơi đó dân trí thấp. Tôi đưa chuyện này hỏi nghệ sĩ Út Trà Ôn. Ông bình tĩnh phản biện: "Biết thưởng thức nghệ thuật thì trình độ không thấp đâu. Nhưng mỗi thời, mỗi lớp khán giả có cái "gu" khác nhau. Hồi xưa, khán giả kén hơn, họ đòi tuồng tích hấp dẫn, ca hay diễn giỏi. Còn sau này hơi dễ dãi, chỉ cần một nghệ sĩ có tên tuổi xuống một câu vọng cổ vài trăm chữ là họ vỗ tay cái rần".

Nếu như nghệ sĩ Sáu Lầu là người khai mở với bản *Dạ cổ hoài lang* nhịp 4, nghệ sĩ Năm



Nghĩa là người đầu tiên có công phổ biến rộng rãi bản vọng cổ nhịp 8 với *Vì tiền lỗi đạo*, thì nghệ sĩ Út Trà Ôn là người đưa bản vọng cổ lên đỉnh cao với bản *Tôn Tẫn giả điên* do vị Yết Ma Hoà thượng sáng tác riêng cho ông hát, với nhịp 16, tức tiếp tục tăng gấp đôi so với nhịp 8 bản của Năm Nghĩa. Ấy là từ năm 1946, mỗi câu của bản vọng cổ dài thêm bằng nhịp 16, như 6 câu trong bản *Tôn Tẫn giả điên*:

Uý trời đất ôi! Nỗi đoạn trường, cũng vì tôi đây quá tin thằng Bàng Quyên là bạn thiết cho nên ngày hôm nay thân của tôi phải ra nông nỗi.

Còn như công cuộc ngày hôm nay đây, bởi tôi không cẩn thận cho nên bạn tôi nó mới đành nhẫn tâm chặt lấy một bàn chơn tôi.

Khi tôi còn ở trên non thì tôi quyết ẩn thân tu tâm dưỡng tánh, luyện thuốc trường sanh mong thành chánh quả đặng có tọa hưởng Bồ Đoàn.

Nào hay đâu thằng Bàng Quyên nó lên năn nỉ ỷ ôi, lời ngon tiếng ngọt, nó nói rằng chúa của nó là một đấng minh quân chơn mạng. Bởi vậy cho nên nó bảo tôi một một, hai hai cũng phải xuống mà đầu hàng.



Cho nên khi ấy tôi mới hạ san, thì thầy của tôi có cho tôi một bức cẩm nang lại dặn tôi rằng: Hễ khi nào lâm nạn thì dở ra xem rồi liệu chước biến quyền.

Vậy thì tôi đây vọng nguyện với tôn sư, khai thơ cứu mạng. Ủa sao tôi chẳng thấy điều chi lạ, chỉ thấy trong thơ có một chữ "Cuồng". Ờ, ờ, phải rồi, đây thầy tôi bảo tôi giả điên đặng có thoát thân.

Một sáng tạo độc đáo của Út Trà Ôn là trong bản vọng cổ nhịp 16, ông còn nghĩ ra cách thêm vào những câu hò câu lý và nói thơ Lục Vân Tiên vốn phổ biến ở Nam Bộ. Ông cho hay, từ câu hò Đồng Tháp, ông chuyển sang câu ca:

Hò... hơ, chết tôi tôi chịu chớ đừng có bận bịu
bớ điệu chung tình
Hò... hơ, chớ con nhạn bay cao rồi khó bắn
Hò... hơ, con cá ao Quỳnh cũng khó câu.

Lúc đó vọng cổ còn 20 câu chứ không phải rút xuống chỉ 6 câu như bây giờ, nên câu thứ 13 phải dứt bằng chữ "xê" thì Út Trà Ôn lại chuyển sang dứt bằng câu hò, nghe hay mà lạ. Rồi dựa

theo cách nói thơ Vân Tiên, ông cũng chuyển thành câu ca:

Cả kêu bớ chị đưa đò
Kêu hoài sao chẳng thấy con đò đưa
Càng chờ càng đợi càng trưa cái buổi đò...

Từ nghệ sĩ đến "tay chơi"

Hồng Nga thuộc thế hệ đàn em của Út Trà Ôn. Vốn là một nữ nghệ sĩ đa năng, hài hước và tinh nghịch, Hồng Nga thường tìm cách trêu chọc Út Trà Ôn khi biết ông mê chơi đánh bài, đánh đề, bida. Lúc diễn vở cải lương *Tuyệt tình ca* của soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng, Út Trà Ôn thủ vai Ông Cò quận 9, còn Hồng Nga đóng vai bà giáo Lan. Đang trong tình huống gay cấn trên sân khấu, Ông Cò gặp lại người vợ sau bao năm xa cách là bà giáo Lan, chợt Hồng Nga nắm tay Út Trà Ôn rồi ém hơi bất ngờ nói nhỏ: "Bàn tay này chơi xập xám hoài coi chừng có ngày bị cảnh sát hỏi thăm". Dù bị đàn em Hồng Nga "chơi khăm" nhưng Út Trà Ôn vẫn phải tiếp tục diễn mùi mẫn cảnh Ông Cò gặp lại vợ cũ sau bao chia cách nhớ thương. Lớp diễn kết thúc, Út Trà



Ôn tức giận ra sau sân khấu tìm Hồng Nga thì chị đã trốn biệt. Đến lớp diễn sau thì chẳng biết từ đâu Hồng Nga lại xuất hiện cười khì... và lên sân khấu thủ diễn tiếp vai bà giáo Lan!

Dù đã từng đóng hàng trăm vai cải lương nhưng Ông Cò quận 9 trong *Tuyệt tình ca* vẫn là vai diễn mà Út Trà Ôn tâm đắc nhất và gây ấn tượng nhất đối với khán giả. Đây là vai diễn mà hai soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng viết riêng cho Út Trà Ôn thủ diễn khi ông đã bước vào tuổi ngũ tuần không thể cạnh tranh những vai diễn trẻ với lớp trẻ đi sau. Trường hợp này cũng giống như "vua soạn lời vọng cổ" Viễn Châu viết riêng *Tình anh bán chiếu* và hàng trăm bản vọng cổ khác cho Út Trà Ôn hát. Sự ăn ý trong sáng tạo và biểu diễn ấy thật ấn tượng.

Út Trà Ôn là nghệ sĩ đa năng và không kén chọn vai. Ông tâm sự: "Loại vai nào tôi cũng diễn, miễn là nhân vật đó có kịch tính, có số phận éo le, gay cấn, từ vai mùi tới vai độc, vai lão, vai hề. Trong tuồng cải lương *San hậu*, tôi làm hề, với vai Út Cà Lăm khá thành công. Còn tuồng

Lãnh Cầu Bông thì tôi thủ vai Hùng Đôla trùm du đãng. Tôi có cô người yêu, sau khi được mời đi xem tuồng này, ghét nhân vật độc ác, nên cũng... ghét và "xù" tôi luôn"!

Về con đường tình ái, "Hoàng đế vọng cổ" Út Trà Ôn được biết đến như một nghệ sĩ rất đa tình. Ông không chỉ được những người đẹp trong giới sân khấu đem lòng yêu thương, mà còn nhiều quý cô quý bà xinh xắn, giàu có ngoài đời "chết mê chết mệt" vì ông. Trong đó, có một mối quan hệ nhiều đồn đoán giữa Út Trà Ôn và Ngọc Bích. Xuất thân từ một tài năng nhí nhà nghèo tận miền Tây, Ngọc Bích được vợ chồng Út Trà Ôn nhận làm con nuôi, nâng đỡ thành một nữ nghệ sĩ tài danh, đoạt giải Thanh Tâm danh giá năm 1967. Út Trà Ôn - Ngọc Bích trở thành cặp đôi diễn xuất ăn ý nổi tiếng thập niên 1960 - 1970 trên sân khấu cải lương miền Nam, dù ông lớn hơn cô tới 28 tuổi.

Khi đầu quân ở đoàn tuồng nào, diễn vở nào, Út Trà Ôn cũng chỉ đề nghị diễn chung với Ngọc Bích và ông cũng không cho cô đóng cặp





Nghệ sĩ Út Trà Ôn trong vở Tuyệt tình ca.

với bất cứ kép nào khác. Năm 1968, khi đoàn Thanh Minh Thanh Nga sang thủ đô Paris biểu diễn, Út Trà Ôn và Ngọc Bích cũng cùng đi và buộc bà Bầu Thơ phải sắp xếp cho họ ở chung phòng, trong khi do giá cả đắt đỏ, phần còn lại của đoàn chia hai, toàn bộ các diễn viên nam ở chung một phòng, diễn viên nữ một phòng. Đó cũng là nguyên do những lời đồn quan hệ tình ái giữa cha nuôi và con nuôi, cho dù hai người phủ nhận điều này...

May mắn cho Út Trà Ôn là ông có người vợ hiểu biết, thần tượng chồng, không bao giờ biểu hiện sự ghen tuông, mà cố nén nỗi đau thường tình của người đàn bà vào lòng để giữ gìn hạnh phúc cho gia đình cũng như bảo vệ uy tín sự nghiệp của chồng. Cũng vì lẽ đó, dù rất trăng hoa nhưng Út Trà Ôn luôn tôn trọng vợ và chỉ có duy nhất một dòng con với bà, gồm ba trai ba gái, trong đó có cô gái út là ca sĩ Bích Phượng nối nghiệp cha mà ông rất tự hào.

Chuyện hút thuốc phiện hoặc á phiện khá phổ biến trong giới văn nghệ sĩ nước ta vào nửa đầu thế kỷ XX. Ở miền Nam trước năm 1975 cũng có không ít văn nghệ sĩ rơi vào con đường nghiện ngập loại ma tuý tự nhiên này. Út Trà Ôn từng bị đồn rằng nhờ "nàng tiên nâu" nên mới có hơi dài, ca ngọt. Là nghệ sĩ lắm tài nhiều tật, ông là "tay chơi" có tiếng về đánh bida, đánh đề và mê bài xập xám mà nghệ sĩ Hồng Nga đã chọc ghẹo. Còn hút á phiện thì không người nào tận mắt thấy ông chơi. Khi đã ở tuổi bát tuần, thi thoảng ông vẫn bực mình vì lời đồn ác ý đó. Ông nói với tôi rằng: "Thật sự là tôi không hút á phiện anh ạ! Có em cháu nghệ sĩ nói rằng cậu Mười giấu, nhưng



giấu sao được cả đời với mọi người. Bằng chứng là đã tám mươi tuổi rồi tôi vẫn mạnh khoẻ, còn mấy người vô đường hút xách thì đã chết trẻ lâu rồi, hoặc cũng chết gần hết rồi".

Tôi tin lời ông. Bởi con người lão thành bằng xương bằng thịt trước mặt tôi đã minh chứng cho nỗi oan của Đệ nhất danh ca vọng cổ miền Nam!

LƯ HOÀ NGHĨA
tài hoa và bi kịch lãng quên

Nghệ sĩ ưu tú Thanh Nga cùng một số văn nghệ sĩ nổi tiếng khác như Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Xuân Quỳnh, Trịnh Công Sơn, Diệp Minh Tuyền, Phạm Trọng Cầu, Út Trà Ôn,... được chính thức đặt tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 4 tháng 2 năm 2015. Sự nghiệp sân khấu lẫy lừng và cái chết nhuốm màu ly kỳ của Thanh Nga từng được nói tới nhiều, nhưng ai là người có công nuôi dạy, dựng nghiệp cho nữ nghệ sĩ tài danh này thì hiếm người biết. Hơn nữa, đó là người còn có nhiều công lao đối với sự phát triển của nghệ thuật vọng cổ, cải lương của Sài Gòn và Nam Bộ.



Nghệ sĩ Lư Hoà Nghĩa (1911 - 1959)



Từ câu chuyện Thanh Nga... "tự sát" và thí sinh hoa hậu về Bạc Liêu

Dư luận đã "nổi sóng" vì sự cố của một biên tập viên truyền hình VTC14, khi trong bản tin trực tuyến ngày 28 tháng 1 năm 2015 lỡ miệng nói rằng nữ hoàng sân khấu Thanh Nga... "tự sát" thay vì phải nói chính xác là bà bị sát hại. Nhiều người giận dữ cho đó là sự xúc phạm đối với một con người đã khuất từng để lại dấu ấn lớn trong lịch sử sân khấu cải lương. Mới biết, dù đã gần 40 năm trôi qua kể từ khi Thanh Nga và gia đình lâm nạn nhưng hình ảnh nữ nghệ sĩ tài sắc vẹn toàn này vẫn còn được yêu quý vô cùng trong lòng khán giả ái mộ.

Câu chuyện về Thanh Nga làm tôi nhớ đến một người mà nếu như không có ông thì biết đâu sân khấu cải lương không có được một "nữ hoàng" về sau. Đó chính là Lư Hoà Nghĩa, thường gọi Năm Nghĩa, người nuôi nấng, phát hiện và gầy dựng sự nghiệp cho Thanh Nga, nhưng trong khi Thanh Nga luôn được nhớ đến thì cái tên Lư Hoà Nghĩa lại chìm vào quên lãng.

Lư Hoà Nghĩa sinh năm 1911 ở Bạc Liêu, có năng khiếu về cổ nhạc và giọng ca thiên phú, theo học đờn ca tài tử với sư Nguyệt Chiếu, một danh sư cổ nhạc lúc bấy giờ ở Bạc Liêu. Từ đây, ông cùng câu vọng cổ phiêu bạt lên Sài Gòn dựng nghiệp và trở thành một nhân vật có nhiều ảnh hưởng đến đời sống nghệ thuật.

Chẳng những đối với Thanh Nga, Lư Hoà Nghĩa còn có công lao không nhỏ đối với cả lịch sử âm nhạc, ca kịch truyền thống Nam Bộ. Sự nghiệp nghệ thuật của Lư Hoà Nghĩa có thể sánh ngang với các nghệ sĩ Cao Văn Lầu, Nguyễn Thành Châu, Phùng Há, Út Trà Ôn, Viễn Châu,... nhưng không hiểu sao ông chẳng được vinh danh.

Đó là chưa kể ông là người nuôi dưỡng nghệ sĩ Hữu Thìn - cha nghệ sĩ Hữu Châu, sinh thành danh hài Bảo Quốc cùng một số nghệ sĩ tài danh khác, xây dựng một gia đình nghệ thuật có truyền thống đáng tự hào. Ông cũng đã cùng vợ là bà Bầu Thơ dựng nên thương hiệu đoàn cải lương Thanh Minh nổi tiếng kèm tên Năm Nghĩa mà về sau sinh ra hai đoàn "con" là Thanh Minh - Thanh Nga và Thanh Minh - Bảo Quốc.





Chưa hết. Tôi là người ngoại đạo nhưng từ lâu yêu thích đờn ca tài tử, vọng cổ, cải lương và có nhiều cảm tình với những nghệ sĩ đã sáng tạo, nâng tầm các loại hình nghệ thuật dân tộc đặc sắc này của Nam Bộ. Vì vậy, tôi cũng rất thích thú khi nghe tin những người đẹp dự thi Hoa hậu Việt Nam năm 2014 được ban tổ chức đưa về tìm hiểu và tranh tài ở Bạc Liêu quê hương của đờn ca tài tử, loại hình âm nhạc được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá phi vật thể của nhân loại. Dịp này, báo chí nhắc nhiều tới nghệ sĩ Cao Văn Lầu, tức Sáu Lầu, tác giả bản *Dạ cổ hoài lang*. Đó là điều đương nhiên. Thế nhưng, Bạc Liêu đâu chỉ có Cao Văn Lầu mà còn có nhiều nghệ sĩ dân gian tài năng khác, đặc biệt là nghệ sĩ Lư Hoà Nghĩa, sao lại chẳng ai nói đến?

Lư Hoà Nghĩa là người có đóng góp quan trọng trong việc đổi mới, nâng tầm cũng như phổ biến vọng cổ từ Bạc Liêu lên tận Sài Gòn và lan toả khắp trong lẫn ngoài nước bằng bản *Vì tiền lỗi đạo* hay còn gọi bài *Văng vẳng tiếng chuông chùa* do ông sáng tác, mở ra thời kỳ ca vọng cổ và thu đĩa hát.



Sự thành danh của chị em Thanh Nga - Bảo Quốc có công lớn của người cha Lư Hoà Nghĩa.

Đừng quên người mở đầu kỷ nguyên vọng cổ

Trở về một chút với lịch sử vọng cổ mà giới chuyên nghiệp gọi là "bản" chứ không gọi là "bài". Đó là khoảng năm 1918, do cám cảnh chuyện nợ duyên trắc trở của mình, nghệ sĩ dân gian Cao Văn Lầu sáng tác nên bản nhạc *Dạ cổ hoài lang* (Đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng), nhờ



sự hướng dẫn của thầy là nhạc sư Lê Tài Khí (Nhạc Khị), với những câu mở đầu: *"Từ là từ phu tướng/ Báu kiếm sắc phán lên đàng/ Vào ra luống trông tin nhạn/ Năm canh mơ màng..."*.

Đất Bạc Liêu chẳng những sinh ra "tay chơi" công tử khét tiếng mà còn xuất hiện "dân chơi" nghệ sĩ tài hoa Sáu Lầu cùng nhiều bậc tài tử khác giàu tâm hồn nghệ sĩ. Bản *Dạ cổ hoài lang* của cụ Sáu Lầu được lan truyền khắp miền sông rạch Nam Kỳ lục tỉnh, nhất là trong những dịp lễ lạc hội hè, đặt cột mốc đầu tiên cho sự ra đời của nghệ thuật vọng cổ, giống như bài thơ *Tình già* của cụ Phan Khôi mở đầu phong trào Thơ mới.

Thuở ban đầu, bản *Dạ cổ hoài lang* nhịp 4 được nhiều người ca, nhưng nổi tiếng ca hay nhất là Năm Nghĩa. Ông có giọng hát cao, thanh tao, làn hơi đặc biệt. Tuy nhiên, vì nhịp 4 quá ngắn nên bản *Dạ cổ hoài lang* làm cho làn hơi thiên phú của Năm Nghĩa bị chặn lại, không thể hiện hết tài năng và sự truyền cảm của mình.

Sau một thời gian trăn trở, mày mò sáng tác, vào một đêm nọ nghệ sĩ Năm Nghĩa đã hoàn thành một bản 20 câu dựa theo *Dạ cổ hoài lang*, đó là bản *Vì tiền lỗi đạo* mà sau này hay được gọi là *Văng vẳng tiếng chuông chùa* dựa theo câu

mở đầu của bài hát: "*Văng vẳng tiếng chuông chùa xa đưa/ Giọng công phu của đoàn sư vãi/ Ba tiếng chuông ngân/ Giọng chuông thức tỉnh dường như khêu gợi/ Nỗi bi tình trên cõi tạm trần ai...*".

Tôn trọng người đi trước, nghệ sĩ Năm Nghĩa đã mang bản nhạc *Vì tiền lỗi đạo* của mình đến diện kiến và hát cho nghệ sĩ Sáu Lầu nghe. Năm Nghĩa đề nghị bậc thầy thêm chữ "đờn" vào mỗi câu trong bản *Dạ cổ hoài lang*, tức là kéo dài mỗi câu ra gấp đôi bằng những tiếng "hơ hơ hơ" cho dễ hát.

Thấy đàn em Năm Nghĩa nói có lý, Sáu Lầu bèn cho người mời thêm hai thầy đờn giỏi khác của Bạc Liêu là nhạc sĩ Ba Chột và nhạc sĩ Mười Khói đến bàn bạc. Cả ba ông đã nhất trí đưa bản *Dạ cổ hoài lang* tăng lên nhịp 8, tức gấp đôi nhịp 4 trước đây, cho phù hợp với giọng ca và bản nhạc của Năm Nghĩa mới sáng tác. Thời điểm đáng nhớ ấy là năm 1934.

Gần một năm sau, nhờ tài năng giọng ca thiên phú của Năm Nghĩa, bản *Dạ cổ hoài lang* nhịp 8, tức *Vì tiền lỗi đạo* đã phổ biến lên tận Sài Gòn và khắp Nam Kỳ lục tỉnh. Hãng đĩa Asia ở Sài Gòn đã tiến hành thu đĩa làm cho giọng



hát Năm Nghĩa và bản nhạc càng có sức lan toả mạnh mẽ. Kể từ ấy, cái tên "Dạ cổ" cũng được người Sài Gòn và Nam Bộ nói trại thành "Vọng cổ" cho tới ngày nay.

Như vậy, cảm hứng từ cái khuôn *Dạ cổ hoài lang* của nghệ sĩ Cao Văn Lầu, nghệ sĩ Lư Hoà Nghĩa bằng tài năng của mình đã tiên phong mở ra một hướng đi mới đúng đắn cho bản vọng cổ. Chính bài hát *Vì tiền lỗi đạo* hay *Văng vẳng tiếng chuông chùa* của Năm Nghĩa cũng đã mở đầu cho kỷ nguyên vọng cổ, để dần dần chiếm lĩnh vị trí hết sức quan trọng trong nền cổ nhạc Nam Bộ, làm nền tảng quan trọng cho sự hình thành, phát triển ca kịch cải lương.

Cần vinh danh nghệ sĩ Lư Hoà Nghĩa

Khi trò chuyện với tôi, Nghệ sĩ Nhân dân Viễn Châu cũng khẳng định rằng, nếu như nghệ sĩ Sáu Lầu là người khai mở với bản *Dạ cổ hoài lang* nhịp 4 thì nghệ sĩ Năm Nghĩa là người đầu tiên có công phổ biến rộng rãi bản vọng cổ với *Vì tiền lỗi đạo* nhịp 8, còn nghệ sĩ Út Trà Ôn là người đưa bản vọng cổ lên đỉnh cao với bản *Tôn Tẫn giả điên* do vị Yết Ma Hoà thượng sáng tác

riêng cho ông hát, với nhịp 16, tức tiếp tục tăng gấp đôi so với nhịp 8 bản của Năm Nghĩa.

Sinh thời Nghệ sĩ Nhân dân Út Trà Ôn cũng ca ngợi công lao ấy của bậc nghệ sĩ đàn anh Năm Nghĩa. Tất nhiên, không thể quên Viễn Châu, "ông vua" soạn lời vọng cổ đã có công phát triển bản vọng cổ, sáng tạo ra tân cổ giao duyên.

Không chỉ có giọng ca thiên phú, khả năng sáng tác nhạc và soạn tuồng, Lư Hoà Nghĩa còn là người giỏi tổ chức biểu diễn và phát hiện tài năng nghệ thuật. Vào năm 1948, ông đã kết hôn với bà Nguyễn Thị Thơ, tức Bầu Thơ nổi danh sau này. Vốn người ở Tây Ninh, bà Bầu Thơ trước đó đã có một đời chồng, giàu có và rất say mê vọng cổ, cải lương. Thanh Nga là con riêng của bà. Khi Năm Nghĩa về sống với bà thì Thanh Nga mới 6 tuổi, được ông yêu thương dạy dỗ như con ruột.

Mối tình của người đẹp Tây Ninh với Năm Nghĩa rất tâm đầu ý hợp, trong vòng 10 năm đã sinh hạ 5 người con là Bảo Quốc, Chí Bình, Ánh Đào, Ánh Mai, Chí Tiên. Đồng thời họ cùng sánh vai nhau thành lập gánh hát Thanh Minh năm 1949 ở Sài Gòn, quy tụ nhiều nghệ sĩ tài năng của Nam Bộ lúc bấy giờ. Nhìn thấy hai đứa con nhỏ



là Thanh Nga và Bảo Quốc có năng khiếu ca hát, diễn xuất, Năm Nghĩa chú tâm dạy dỗ, hướng dẫn và còn nhờ nghệ sĩ Út Trong kềm cặp dạy thêm. Bệ phóng quan trọng đó đã giúp Thanh Nga và Bảo Quốc từng bước trưởng thành.

Vào năm 1952, khi Thanh Nga mới 10 tuổi, được Năm Nghĩa đưa lên sân khấu ca bản vọng cổ *Văng vẳng tiếng chuông chùa* trước khi mở màn hát chính thức mỗi đêm của đoàn Thanh Minh. Sang năm 12 tuổi, Thanh Nga đã được Năm Nghĩa cho vào vai diễn đầu tiên là cô bé Nghi Xuân trong vở tuồng *Phạm Công - Cúc Hoa*. Đến năm 16 tuổi, Thanh Nga đã trở thành một ngôi sao sáng trên sân khấu cải lương qua vai diễn xuất sắc Sơn nữ Phà Ca trong vở *Người vợ không bao giờ cưới* của thi sĩ, soạn giả Kiên Giang - Hà Huy Hà và Quy Sắc, giúp cô đoạt Huy chương vàng giải thưởng Thanh Tâm danh giá cho diễn viên triển vọng xuất sắc nhất trong năm 1958. Từ ấy, tên tuổi Thanh Nga thực sự bắt đầu đi vào lòng người hâm mộ. Đoàn hát Thanh Minh cũng đổi tên thành Thanh Minh - Thanh Nga.

Nếu như Thanh Nga có giọng ca và phong cách diễn xuất đặc biệt, thì Năm Nghĩa phát hiện ở người con trai Bảo Quốc năng khiếu gây cười

còn những vai kép con thì không khá. Vì vậy, Bảo Quốc được cha hướng dẫn, sắp vào những vai hề chọc cười, trau dồi bản lĩnh nghệ thuật qua từng vai diễn, để trở thành danh hài hàng đầu Việt Nam sau này. Thời hưng thịnh của bà Bầu Thơ, có lúc đoàn Thanh Minh tách thành hai đoàn, bên cạnh Thanh Minh - Thanh Nga là Thanh Minh - Bảo Quốc để thay nhau đi biểu diễn khắp nơi.

Trong 10 năm thành lập và phát triển đoàn Thanh Minh, nghệ sĩ Lưu Hoà Nghĩa vừa quản lý, đạo diễn, đóng tuồng và còn vừa soạn nhiều vở tuồng để đời như: *Tiếng trống hoà bình* (1954), *Chén cơm đô thành* (1953), *Thầy cai Tổng Bồi* (1954), *Anh hùng trên chiến mã* (1956)...

Năm 1959, nghệ sĩ Năm Nghĩa đột ngột qua đời ở tuổi 49 giữa lúc bao nhiêu dự định nghệ thuật chưa thực hiện. Vì quá thương yêu chồng, bà Nguyễn Thị Thơ đã từng đau buồn muốn quyên sinh theo chồng, người bạn đời thuỷ chung và cũng là đồng nghiệp, thần tượng của bà. Tuy mệnh bạc, ông cũng kịp để lại cho người vợ giỏi giang là bà Bầu Thơ một gia sản nghệ thuật lớn, và điều đáng quý là bà và các con, đặc biệt là



Thanh Nga và Bảo Quốc, đã biết cách tiếp tục phát huy những giá trị mà người chồng, người cha để lại.

Tôi nghĩ không ai bị lãng quên trên cõi đời này, nhất là những người có tâm có tài đã đóng góp cho sự phát triển của nền văn hoá truyền thống dân tộc như bậc tiền bối Năm Nghĩa. Cùng với nghệ sĩ Cao Văn Lầu và nhiều bậc tài tử sinh trưởng ở xứ Bạc Liêu, nghệ sĩ Lư Hoà Nghĩa xứng đáng được nhớ đến và tôn vinh vì công lao của ông đối với nghệ thuật đờn ca tài tử, vọng cổ, cải lương Nam Bộ.

Từ những đóng góp lớn lao của nghệ sĩ Lư Hoà Nghĩa đối với nghệ thuật Nam Bộ, tôi nghĩ tên ông cũng xứng đáng lưu danh đặt cho một con đường ở Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ở Bạc Liêu quê hương ông như bao nghệ sĩ tài danh khác, trong đó có con ông là nữ hoàng sân khấu Thanh Nga.

Trường Sơn oanh liệt
và bi thương trong ký ức
PHAN KHẮC HY



Thiếu tướng Phan Khắc Hy nhớ kỷ niệm
đón Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm bộ đội không quân.

Thiếu tướng Phan Khắc Hy là một trong những vị chỉ huy trực tiếp tham gia cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm



1975. Với tư cách Phó Tư lệnh Đoàn 559 - Bộ đội Trường Sơn, ông được cử làm Đặc phái viên để hỗ trợ Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh đảm bảo các yêu cầu về giao thông của mặt trận cho đại quân tiến vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Đất nước thống nhất, ông cùng người bạn đời là bà Ngọc Lan chọn thành phố này để sống, tiếp tục hoàn thành nhiều trọng trách được giao phó.



Xứ gió Lào cát trắng Quảng Bình đã sản sinh hơn 40 tướng lĩnh cho Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngoài Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, đây còn là quê hương của các vị tướng nổi tiếng như Hoàng Sâm, Đồng Sĩ Nguyên, Lê Văn Tri, Nguyễn Hoà, Mai Xuân Vĩnh, Hồ Tú Nam, Phan Khắc Hy, Lương Hữu Sắt, Võ Minh Như, Nguyễn Bình Sơn, Lưu Bá Xảo, Lưu Dương, Nguyễn Hữu Anh, Bùi Công Ái, Phan Khắc Hải,... Trong đó, Phan Khắc Hy hợp cùng với Đồng Sĩ Nguyên thành bộ đôi ngang dọc Trường Sơn, chỉ huy "trận đồ bát quái xuyên rừng rậm" như cách truyền thông phương Tây gọi đường mòn huyền thoại Hồ Chí Minh.



Lễ mừng Thiếu tướng Phan Khắc Hy thượng thọ 85 tuổi năm 2012.

Phan Khắc Hy sinh năm 1927 tại quê ngoại ở thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Cha là nhà Nho nghèo làm thầy thuốc gốc Hà Tĩnh. Còn mẹ là một phụ nữ nông dân tảo tần. Hồi nhỏ, ông học trường làng ở Bố Trạch, lấy bằng yếu lược, sau đó được cha đưa về quê nội Đức Thọ, Hà Tĩnh ăn học. Hết tiểu học, đậu Primaire, ông ra Vinh học trung học. Năm 1943, nửa năm thứ hai trung học, ông cùng người bạn thân Quách Xuân Kỳ trốn học, dự định xuất dương làm cách mạng nhưng không thành.



Sau khi tham gia Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám, mới 20 tuổi Phan Khắc Hy đã là Bí thư Huyện uỷ Bố Trạch. Gia nhập quân đội chống Pháp, ông trở thành cán bộ chính trị rồi quân sự cao cấp. Thời chống Mỹ, ông được đề bạt làm Chính uỷ Không quân nhân dân Việt Nam, Phó Tư lệnh Bộ đội Trường Sơn - 559. Khi đã về hưu, ông còn được tín nhiệm bầu làm Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia những chương trình về nguồn Trường Sơn đền ơn đáp nghĩa!

Tốc hành đón đưa hai tướng lĩnh cao cấp vào chiến trường

Vào tháng 3 năm 1975, hai vị chỉ huy cao cấp của quân đội là Đại tướng Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và Trung tướng Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần Đinh Đức Thiện được Trung ương cử vào chiến trường miền Nam. Bấy giờ, Phan Khắc Hy là Đại tá Phó Tư lệnh Đoàn 559, nhận nhiệm vụ đưa tướng Văn Tiến Dũng từ Quảng Trị vào Tây Nguyên để chỉ đạo chiến dịch. Vừa đến nơi, ông lại nhận được điện của tướng Đinh Đức Thiện gọi quay ngược ra Quảng Trị để đón

tiếp ông ấy vào. Tuy nhiên, khi Phan Khắc Hy ra tới nơi thì tướng Đinh Đức Thiện lại đã vội vã lên đường trước một ngày, dặn lại tướng Đồng Sĩ Nguyên bảo ông phải chạy theo...

Vốn được mệnh danh là "con người tốc độ", Đinh Đức Thiện di chuyển không biết mệt mỏi. Vị tướng hậu cần nổi tiếng không đi tuyến Đông Trường Sơn quen thuộc mà lại bọc sang phía Tây. "Đuổi đến Thateng của Lào, tôi mới bắt kịp anh. Tôi ngạc nhiên hỏi: "Tại sao anh đi đường này?". Anh cười: "Tao đi đường này để thăm lại đất Lào và Đông Bắc Campuchia. Chuyến này giải phóng miền Nam rồi thì không có dịp trở lại"! Anh dự cảm đúng tình hình Campuchia khi Khmer Đỏ tiến vào Phnôm Pênh". Thiếu tướng Phan Khắc Hy nhớ lại và tâm sự với chúng tôi: "Đinh Đức Thiện là một con người thực tiễn, dám làm, dám chịu trách nhiệm, rất thương yêu chiến sĩ, nhưng hay nổi nóng, chửi tục. Và anh còn đưa... tục vào cả trong thơ một cách tự nhiên! Anh không thành kiến với bất cứ ai, nên luôn được anh em quý trọng. Miền Nam giải phóng, ngày 1 tháng 5 năm 1975 tôi với anh cùng đi khảo sát thành phố Sài Gòn. Anh trao đổi và thống nhất ý kiến với tôi: cải cách Sài Gòn và miền Nam phải rút kinh



nghiệm của miền Bắc, chứ không sẽ gặp lôi thôi về kinh tế...”!

Khi chuẩn bị tiến hành Chiến dịch Hồ Chí Minh, Tư lệnh Đoàn 559 Đồng Sĩ Nguyên thông báo cho Phó Tư lệnh Phan Khắc Hy rằng, Đại tướng Văn Tiến Dũng điện bảo ông vào gấp chiến trường miền Đông Nam Bộ. Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên giao nhiệm vụ cho ông phải nắm chắc lực lượng phía trước của Sư đoàn 470, Sư đoàn xe 471 và lực lượng phòng không để bảo đảm các yêu cầu của mặt trận và thường xuyên báo cáo diễn biến tình hình ở mặt trận về Bộ Tư lệnh 559.

Ngày 18 tháng 4 năm 1975, ông cấp tốc lên đường. Khác với lần ông đưa tướng Văn Tiến Dũng vào chỉ đạo Chiến dịch Tây Nguyên phải theo đường Đông Trường Sơn, chuyến đi này xe bon bon chạy theo Quốc lộ 1 vừa được giải phóng với không khí tưng bừng chiến thắng.

Đến nơi, Phan Khắc Hy được Tư lệnh chiến dịch Văn Tiến Dũng giao ngay nhiệm vụ giúp Phó Tư lệnh Đinh Đức Thiện bảo đảm vận chuyển hậu cần và cơ động bộ đội cho mặt trận. “Các anh cho biết do ta thắng lớn và thắng nhanh nên Bộ Quốc phòng và Nhà nước huy động được khối lượng vũ



Thiếu tướng Phan Khắc Hy thăm hỏi đồng bào Vân Kiều khi trở về Trường Sơn.

khí và vật chất lấy được của địch cùng phương tiện trong dân nên các mặt bảo đảm vật chất cho chiến dịch rất đầy đủ. Anh Đinh Đức Thiện đã nói đùa với Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh rằng, đạn ta có bắn đến ba đời quân địch cũng chưa hết! Các anh đã chỉ thị cho tôi trực tiếp kiểm tra đôn đốc khắc phục cầu Nha Bích, tổ chức đón tiếp đoàn xe Quân khu 5 chi viện cho mặt trận do anh Võ Thứ là Thiếu tướng Phó Tư lệnh quân khu trực tiếp chỉ huy" - ông hồi tưởng.





Đảm bảo giao thông cho đại quân tiến vào Sài Gòn

Ấn tượng ngày đầu vào chỉ huy sở Chiến dịch Hồ Chí Minh vẫn còn dào dạt trong lòng Thiếu tướng Phan Khắc Hy. Niềm tin chiến thắng trận cuối cùng hiện rõ trên gương mặt các nhà lãnh đạo và tướng lĩnh chỉ huy các quân đoàn, quân binh chủng vừa hành quân về nhận nhiệm vụ. Đặc biệt, ông vui mừng được gặp lại người đồng đội cũ là Phó Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân Hoàng Ngọc Diêu. Ông bảo: "Tôi cùng anh Hoàng Ngọc Diêu được cấp trên điều về xây dựng không quân từ ngày đầu thành lập Ban Nghiên cứu sân bay - tiền thân của Quân chủng Không quân. Hai chúng tôi đã cùng gắn bó với không quân từ ngày lực lượng không quân ta chưa có cho đến ngày không quân ta đánh thắng oanh liệt không quân Mỹ trên bầu trời miền Bắc. Thấy anh Hoàng Ngọc Diêu phấn khởi trước nhiệm vụ cấp trên giao cho không quân tham gia chiến dịch lịch sử và quyết tâm hứa hẹn của anh với Bộ Chỉ huy chiến dịch, tôi cũng vui lây và rất tin tưởng không quân ta nhất định hoàn thành nhiệm vụ; mặc dù thời gian rất gấp, chỉ



Chính ủy không quân Phan Khắc Hy mừng đón Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp thăm Bộ Tư lệnh không quân.

còn ba ngày nữa, nếu không quân không đánh được thì coi như hết thời cơ, vì lúc đó quân ta đã bốn mặt tổng công kích vào trung tâm Sài Gòn. Đúng ngày 28 tháng 4 năm 1975 trong lúc kiểm tra bộ đội trên đường tiến quân, được tin không quân đã dùng máy bay thu được của địch đánh vào Tân Sơn Nhất gây nỗi kinh hoàng cho quân địch, tôi mừng như chính mình tham gia trận đánh lịch sử đó của không quân".

Trở lại với trọng trách được Tư lệnh Văn Tiến Dũng giao phó, lúc đó Phan Khắc Hy cử Sư đoàn



phó Trần Quốc Khiêm của Sư đoàn 470 trực tiếp chỉ huy bảo đảm cầu Nha Bích và khắc phục các điểm trơn lầy do mấy trận mưa đầu mùa. Ông cũng ra lệnh Sư đoàn phó Phạm Lê Hoàng của Sư đoàn 471 nhanh chóng đôn đốc các đơn vị vận tải ô tô và tổ chức đón đoàn xe Quân khu 5 đi theo đường 14 vào. Đến ngày 29 tháng 4 năm 1975, Chính uỷ Sư đoàn 470 Hoàng Văn Thám và Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ Tư lệnh 559 Phạm Tề vào gặp Phó Tư lệnh Đoàn 559 Phan Khắc Hy tại điểm chốt ở ngã ba Chơn Thành để nhận nhiệm vụ. Ông nói: "Quân ta đang tổng công kích vào trung tâm đầu não của địch. Tôi phổ biến nhanh cho các đơn vị về công tác chính trị phải làm khi quân ta vào giải phóng Sài Gòn. Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, trong lúc các đơn vị đang tiến công mãnh liệt, đúng 11 giờ 30 chúng tôi nghe được Đài Phát thanh Sài Gòn truyền lời tuyên bố đầu hàng của Tổng thống Dương Văn Minh. Tất cả chúng tôi đều vùng dậy vui mừng khôn tả. Anh Hoàng Văn Thám và anh Phạm Tề xin phép tôi đi ngay theo đơn vị về Sài Gòn".

Sài Gòn giải phóng. Phan Khắc Hy nhận nhiệm vụ mới, chuẩn bị tiếp quản thành phố và

tham gia khôi phục hệ thống giao thông. Chiều ngày 1 tháng 5 năm 1975, ông cùng cơ quan tiền phương Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh tiến vào Sài Gòn. Ông cùng cán bộ Đoàn 559 - Trường Sơn về nhà số 14 đường Alexandre de Rhodes, ngôi nhà mà Bộ trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn của chế độ Sài Gòn ở làm việc cho đến ngày 29.4.1975 thì lên trực thăng Mỹ bay đi. Ông cho hay: "Ngôi nhà này do anh Hồ Viết Năng, cán bộ Cục Chính trị 559, đi cùng Sư đoàn 471 cơ động Quân đoàn 2 tiến theo cánh quân phía Đông chiếm dinh Độc Lập vào tiếp quản. Về sau, ngôi nhà này thành trụ sở của Bộ Tư lệnh Đoàn 559 tại Sài Gòn. Khi tôi vào, trên bàn làm việc của tướng Trần Văn Đôn còn nguyên tấm bản đồ tình huống khu vực Sài Gòn và Quân khu 4 của Việt Nam Cộng hoà. Tấm bản đồ này tôi còn giữ để đưa vào Bảo tàng bộ đội Trường Sơn".

Sau khi cùng Tư lệnh Đoàn 559 Đồng Sĩ Nguyên dự họp với Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, Phó Tư lệnh Phan Khắc Hy được phân công kiểm tra lại hệ thống Quốc lộ 1 vào đến Cà Mau và Quốc lộ 15 đi Vũng Tàu. Gương mặt lão tướng như trẻ lại cho biết: "Ngày 15 tháng 5 năm



1975, tôi tham dự cuộc diễu binh mừng chiến thắng ở quảng trường dinh Độc Lập. Tôi rất phấn khởi tự hào cùng đoàn xe diễu hành qua lễ đài và phố phường, mà Sư đoàn vận tải ô tô 471 thay mặt cho bộ đội Trường Sơn anh hùng chào mừng ngày thắng lợi vĩ đại của dân tộc".

Xây dựng lực lượng không quân từ buổi đầu

Sau Hiệp định Geneva năm 1954, quân đội ta tiến lên chính quy, từng bước hiện đại hoá, trong đó có xây dựng hai quân chủng mới là không quân và hải quân. Ban Nghiên cứu sân bay - tiền thân của Cục Không quân nhân dân Việt Nam được thành lập, do ông Trần Quý Hai làm trưởng ban. Phan Khắc Hy bấy giờ là Chính uỷ Trung đoàn 18 bộ binh tập kết ở Đồng Hới, Quảng Bình đã được ông Trần Quý Hai đề nghị điều ra làm Chủ nhiệm Chính trị Ban Nghiên cứu sân bay. Ông Trần Quý Hai nguyên là Đại đoàn trưởng Đại đoàn 325, mà Trung đoàn 18 vốn trực thuộc đại đoàn này, nên hai ông rất hiểu nhau. Thiếu tướng Phan Khắc Hy cho biết: "Anh Trần Quý

Hai là một trong những người chỉ huy đội du kích Ba Tơ, rồi chiến đấu ở các chiến trường Bình Trị Thiên, Trung - Hạ Lào, Đông Campuchia,... Anh là một cán bộ quân đội dũng cảm, tài năng, về sau được đề bạt làm Phó Tổng tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng thanh tra quân đội và được thăng quân hàm Trung tướng".

Năm 1964, Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định hợp nhất hai quân chủng phòng không - không quân. Phan Khắc Hy được cử làm Phó Chủ nhiệm Chính trị, rồi Chủ nhiệm Chính trị Quân chủng Phòng không - Không quân, do ông Phùng Thế Tài làm tư lệnh, ông Đặng Tính làm chính uỷ, Lê Văn Tri làm phó tư lệnh. Ba năm sau - 1967, lực lượng không quân phát triển, Bộ Tư lệnh Không quân được thành lập, Phan Khắc Hy được đề bạt làm chính uỷ, còn Nguyễn Văn Tiên làm tư lệnh, Hoàng Ngọc Diêu và Đào Đình Luyện là phó tư lệnh. Ông đặc trách công tác chính trị và tổ chức của không quân, tuyển chọn người đi học lái, xây dựng đội ngũ cán bộ không quân. Ông nhớ lại: "Lớp phi công, cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật đầu tiên được tuyển chọn từ bộ binh đã trải qua chiến



đấu, có sức khỏe, còn trẻ; tập trung lại bồi dưỡng văn hóa, rồi gửi đi đào tạo huấn luyện tại Trung Quốc, Liên Xô, Tiệp Khắc. Đồng thời từng bước khôi phục, xây dựng các sân bay và cơ sở vật chất kỹ thuật mà khi quân Pháp rút chúng đã phá huỷ và tháo gỡ hầu hết".

Thiếu tướng Phan Khắc Hy còn cho biết, ngày 6 tháng 8 năm 1964, trung đoàn không quân tiêm kích đầu tiên được tổ chức và huấn luyện bên Trung Quốc về nước, giữa lúc Mỹ gây hấn trong sự kiện vịnh Bắc Bộ. Đến ngày 3 và 4 tháng 4 năm 1965, trong trận xuất kích đầu tiên của hai phi đội do Phạm Ngọc Lan và Trần Hanh chỉ huy đã giành thắng lợi: bắn rơi hai máy bay của hải quân và hai máy bay của không quân Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng, gây chấn động thế giới. Hãng thông tin Mỹ AP đã phải chua chát thừa nhận: "Ngày 4 tháng 4 năm 1965 là ngày đen tối nhất của không quân Mỹ, ngày đánh dấu một sự kiện bi thảm: những máy bay phản lực siêu âm F105 mạnh nhất, nhanh nhất, tốt nhất của không lực Hoa Kỳ đã bị máy bay MIG của Bắc Việt chọc tiết".

Tại sao thành tích nhỏ của không quân ta lại làm cho quân thù hết sức kinh ngạc, bàng hoàng? "Vì chúng không hiểu nổi sức mạnh nào đã khiến cho lực lượng không quân Việt Nam non trẻ, mà chúng coi là "đàn muỗi mắt", những "máy bay cổ lỗ sĩ" lại hạ được những máy bay hiện đại nhất và những phi công lành nghề nhất của chúng. Phạm Ngọc Lan, Trần Hanh mới chỉ có hai trăm giờ bay trên những máy bay cũ, lạc hậu đã chọc tiết những "thần sấm", "chim ưng" của Mỹ do các phi công có trên hai ngàn giờ bay trên các máy bay hiện đại điều khiển. Thật phi thường!". Thiếu tướng Phan Khắc Hy lý giải.

Xót xa căn bệnh lạ của nữ chiến sĩ Trường Sơn

Tháng 5 năm 1971, Phan Khắc Hy được điều vào làm Chính uỷ Đoàn 470, phụ trách cung đường từ Nam Lào, Đông Bắc Campuchia đến Nam Bộ, vận tải chi viện chiến lược cho chiến trường miền Nam. Vào đến Bộ Tư lệnh Đoàn 559 Trường Sơn, ông gặp Đồng Sĩ Nguyên vốn là bạn chiến đấu thân thiết ở quê hương Quảng Bình. Tư



lệnh Đồng Sĩ Nguyên vui mừng giữ Phan Khắc Hy lại, rồi điện đề nghị Quân uỷ Trung ương để ông làm Phó Tư lệnh Đoàn 559. Ông tâm sự: "Thế là từ người làm công tác chính trị trong quân đội, tôi chuyển sang công tác chỉ huy quân sự. Có thể nói, tôi trưởng thành trong vai trò người chỉ huy quân sự là nhờ những bài học vỡ lòng đầu tiên của anh Đồng Sĩ Nguyên truyền đạt cho tôi khi giao nhiệm vụ ở Trường Sơn và qua tấm gương thực tiễn của anh, một người chỉ huy luôn sáng tạo và giỏi tổ chức".

Nhận nhiệm vụ xong, Phó Tư lệnh Phan Khắc Hy bắt đầu đi kiểm tra các cửa khẩu chuẩn bị bước vào mùa khô 1971 - 1972. Sau khi kiểm tra xong cửa khẩu đường 12 - Cổng Trời, ông cùng Binh trạm trưởng Khúc Trường Thành sang Seng Phan, một điểm chết gồm một dãy núi đá trọc, bị địch đánh phá ác liệt đến thấp dần, là nơi xe vận tải của quân ta hay qua lại. Khi xe chở họ vừa đến nơi thì địch cũng bắt đầu ném bom từ trường đánh phá. Xe bị bay mui. Kiểm tra xong, họ quay về binh trạm bộ đường 12 thì lọt vào bãi bom từ trường Model 3 hẹn giờ mới nhất. Nó khác với các loại bom từ trường

của Mỹ trước đó: ngòi nổ tự động khi tắt khi mở. Khi nó tắt thì công binh phóng từ hoặc xe cộ đi qua cũng không nổ, nên rất khó phát hiện. Xe bị bom Model 3 lật tung. Binh trạm trưởng Khúc Trường Thành hy sinh tại chỗ. Phó Tư lệnh Phan Khắc Hy cùng với Chính trị viên Tiểu đoàn công binh, một vệ binh và tài xế bị thương nặng. Trong tình trạng hôn mê, ông được đưa về Binh trạm 12 để phẫu thuật, rồi ra Bệnh viện Quân y 108 ở Hà Nội điều trị hai tháng.

Thời kỳ ở Trường Sơn để lại cho Thiếu tướng Phan Khắc Hy những ký ức khó phai mờ. Đặc biệt là nhiều câu chuyện đau xót về nữ chiến sĩ Trường Sơn. Ông xúc động tâm sự: "Bây giờ, tôi nhìn con gái mình lớn lên, mới thấy hết sự phi thường của các cô gái Trường Sơn. Đúng là anh hùng vô song. Họ xứng đáng với tất cả mọi lời ca ngợi. Lực lượng nữ chiếm một phần ba trong số hơn mười vạn quân thuộc Đoàn 559 Trường Sơn. Họ có mặt nhiều nhất ở lực lượng thanh niên xung phong, bảo vệ giao thông, giao liên, hỏa tuyến, quân y và hậu cần. Để bảo đảm giao thông được xuyên suốt, các cô phải túc trực thường xuyên tại các điểm nóng. Mà nơi đây, máy bay Mỹ lại hay



ném bom tọa độ bằng B52 rải thảm. Trong tích tắc, họ có thể biến mất theo mảnh bom, đất đá nát vụn. Nhiều lần tôi đã chứng kiến tận mắt sự hy sinh anh dũng ấy"!

Hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Điều kiện sống và sinh hoạt của nữ chiến sĩ Trường Sơn hết sức khắc nghiệt. Thiếu thốn trăm bề. Thật thương tâm! Lão tướng bùi ngùi kể: "Có những đơn vị toàn nữ, sống chiến đấu biệt lập, nên mỗi khi gặp được nam giới, họ rất mừng. Do điều kiện sống như thế, nên nhiều người đã mắc bệnh cười. Lạ lắm. Thỉnh thoảng tự nhiên họ cười ngất. Chẳng nói gì, chỉ cười. Cứ thế. Hình như một căn bệnh về sinh lý. Chiến tranh kết thúc, nhiều nữ chiến sĩ vì lớn tuổi, không lập được gia đình. Bệnh cười vẫn không dứt".

Vậy còn tình yêu lứa đôi của chiến sĩ Trường Sơn thì sao? Lão tướng ngừng hồi lâu rồi hạ thấp giọng: "Hầu hết chiến sĩ nam nữ Trường Sơn là thanh niên, ngoài lý tưởng cao cả hiến dâng tuổi trẻ cho độc lập, thống nhất Tổ quốc, họ còn khao khát tình yêu, hạnh phúc gia đình - khát khao muôn thuở của con người. Nhà thơ

của Trường Sơn là Phạm Tiến Duật từng viết: "Như tình yêu nối lời vô tận/ Đông Trường Sơn nối Tây Trường Sơn". Nhưng chiến tranh, cuộc chiến đấu một mất một còn với quân thù đã dồn nén khát khao đó của họ. Mỗi lúc có dịp gặp nhau qua trọng điểm, lúc dừng chân binh trạm giao liên, tiếng chào hỏi, tiếng hát, tiếng cười, những cái liếc mắt đưa tình hoặc câu đùa ghẹo là lúc biểu lộ khát khao đó của họ, để rồi kẻ ở người đi, dấn mình trong đạn lửa, mang theo một kỷ niệm êm đềm. Có khi trở lại chỗ cũ, họ đã khóc thầm cắm bông sim tím lên mộ người yêu mà mình chưa kịp tỏ tình".

Ông dừng câu chuyện, uống hớp nước trà rồi nói tiếp bằng sự cảm thông chia sẻ: "Con người vẫn là con người, có lúc họ đã "cho nhau" để rồi chịu đựng những búa rìu của dư luận còn ảnh hưởng nặng nề đạo đức phong kiến và sinh nở nuôi con trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn"! Đối với những trường hợp đặc biệt ấy, Bộ Tư lệnh 559 đã chỉ đạo các đơn vị thấm nhuần tính nhân đạo, tìm cách an ủi động viên và tạo điều kiện cho chị em ra tuyến sau, tìm chỗ ở và công ăn việc làm ổn định. Khi chiến tranh đã qua rồi, nhiều người tuy



bị thiệt thòi không có được tình yêu hôn nhân, nhưng lại cảm thấy hạnh phúc được làm mẹ, sớm hôm được nghe tiếng con thỏ thẻ bên mình.

Vâng, có lẽ trên thế giới này không ở đâu người phụ nữ phải chịu nhiều mất mát hy sinh như thế. Họ xứng đáng được phong tặng những danh hiệu cao quý nhất, được lịch sử tụng ca, cả những người lỡ lầm chịu "búa rìu dư luận". Thiếu tướng Phan Khắc Hy cũng cho biết Thượng tướng Đinh Đức Thiện là một trong những nhà lãnh đạo cao cấp rất quan tâm đến nữ chiến sĩ Trường Sơn. Là Uỷ viên Thường trực Quân uỷ Trung ương, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần nhưng tướng Đinh Đức Thiện thấu hiểu và lo từng chi tiết, cả những đồ dùng cá nhân cho đời sống, sinh hoạt nữ chiến sĩ ở chiến trường. Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp từng rất khen ngợi sự quan tâm chu đáo ấy của Thượng tướng Đinh Đức Thiện.

Sau ngày đất nước thống nhất, Đoàn 559 Trường Sơn làm lễ kết thúc nhiệm vụ lịch sử tại Nha Trang. Trung ương quyết định chuyển 28 vạn quân sang làm kinh tế, kiến thiết lại đất nước. Tổng cục Xây dựng kinh tế được thành

lập, do tướng Đồng Sĩ Nguyên là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng đặc trách làm tổng cục trưởng, còn tướng Phan Khắc Hy làm tổng cục phó, rồi quyền tổng cục trưởng. Một thời gian sau, ông lại được cử sang làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, rồi Tổng cục phó Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng. Ông hứng khởi nói: "Nhiều vùng kinh tế mới hiện nay trở nên trù phú ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên,... có công khai phá ban đầu của bộ đội xây dựng kinh tế. Khi chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam xảy ra, ta chuyển ngay mười ba sư đoàn đang làm kinh tế sang chiến đấu".

Trong chiến tranh cứu nước, đường Trường Sơn được Trung ương đặc biệt quan tâm. Từ năm 1973, Bộ Chính trị đã giao Đoàn 559 xây dựng tuyến đường Đông Trường Sơn, từ Khe Gát thuộc tỉnh Quảng Bình đến Chơn Thành thuộc tỉnh Bình Phước, mà giai đoạn đầu tập trung khai thông từ đường 9 đến Lộc Ninh. Hiện nay, đường Trường Sơn công nghiệp hoá có quy mô lớn hơn. Trước đây là đường cấp bốn miền núi, chỉ hai làn xe. Bây giờ do yêu cầu mới, nâng cấp cao hơn, nên một số tuyến cũ phải bỏ đi để triển



khai hướng khác. Và Binh đoàn 12, đơn vị kế tục truyền thống Bộ đội Trường Sơn, được giao xây dựng một đoạn đường khó nhất - từ Quảng Bình vào Tây Nguyên của đường Trường Sơn công nghiệp hoá.

Dù tuổi cao sức yếu nhưng lão tướng Phan Khắc Hy vẫn thường xuyên cố gắng trở về tuyến đường huyền thoại này hỗ trợ những đồng bào ở chiến trường xưa còn khó khăn, viếng nghĩa trang Trường Sơn, thắp hương cho bao đồng đội đã xả thân vì nền độc lập, thống nhất, hoà bình của Tổ quốc.

HUỆ THIÊN - AN CHI
bình thường và khác thường


Học giả An Chi

Có những người sớm nổi danh. Nhưng cũng có những người như Khương Tử Nha đến tuổi xế chiều mới có cơ hội thể hiện được mình. Bạn láng giềng của thi sĩ Bùi Giáng ở Bình Thạnh, học giả Huệ Thiên - An Chi là một người như vậy. Cuộc đời và sự nghiệp của An Chi, người mang hai quốc tịch Việt - Pháp là hành trình lặng lẽ, ẩn chứa nhiều bất ngờ thú vị. Và ông cũng là hình ảnh tiêu biểu cho một người Sài Gòn giàu cá tính, biết tự vượt khỏi bóng tối bằng tình yêu và sự say mê ánh sáng khoa học...





Nhìn bề ngoài nhỏ con, ốm yếu, hiền lành, nhã nhặn nhưng ẩn bên trong con người Sài Gòn chính hiệu vốn là nhà giáo này là một nghị lực phi thường, sức làm việc bền bỉ, tính cách không khoan nhượng trước chân lý khoa học. Huệ Thiên hay An Chi chỉ là một người. Và từ bút danh Huệ Thiên đến An Chi cũng là một câu chuyện kịch tính đã thành giai thoại.

Cuối năm 2012, bộ phim tài liệu *An Chi - hành trình thầm lặng* do Lư Trọng Tín viết kịch bản và đạo diễn, được hãng TFS sản xuất trình chiếu đã gây xúc động giới học thuật và những người quý mến vị học giả đặc biệt này. Đã từng có nhiều nhân vật nổi tiếng trên các lĩnh vực được thực hiện thành phim tài liệu. Họ là những anh hùng, tướng lĩnh, giáo sư, tiến sĩ,... hay giữ những chức vụ quan trọng, đạt nhiều thành tích, ghi dấu ấn trong lịch sử. Thế nhưng với một nhân vật bình thường như An Chi, không có học hàm học vị cao, chưa từng giữ bất cứ chức vụ gì trong cơ quan nhà nước, mà lại được làm phim, ắt là khác thường.



Học giả An Chi bên bàn làm việc.

Đúng vậy. Sự khác thường của An Chi là tầm ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực chuyên môn của mình, được đồng nghiệp tin yêu, người đọc nể trọng. Khác thường nữa là khi con người Sài Gòn giàu lòng yêu nước này đã có những bước ngoặt đặc biệt trong cuộc đời, gắn liền với những giai đoạn lịch sử đặc biệt của đất nước, tự vượt lên dông bão đời mình để tồn tại và cống hiến, mà thế hệ trẻ hôm nay khó hình dung ra được. Vì vậy khi hay tin bộ phim tài liệu *An Chi - hành trình thầm lặng* được hoàn thành, nhiều người



đã chờ đợi để hiểu thêm về một nhân vật mà mình yêu mến.

Việc đạo diễn Lư Trọng Tín chọn học giả An Chi để thực hiện bộ phim tài liệu cũng là một khám phá đáng quý về nghề nghiệp. Ê kíp làm phim đã lăn lộn từ Nam chí Bắc gặp gỡ và phỏng vấn nhiều người có liên quan, truy tìm những nguồn tài liệu cũ từ mấy mươi năm trước để có được những thước phim hoàn chỉnh. May mắn quen biết và gần gũi với học giả An Chi từ khi ông chính thức xuất hiện trong làng học thuật đầu thập niên 1990, tôi cũng vinh dự được mời viết lời bình cho bộ phim về ông...

An Chi là ai?

Tên tuổi của học giả Huệ Thiên - An Chi đã không còn xa lạ với giới ngữ học và những người đam mê khoa học xã hội. Sự xuất hiện bất ngờ của ông từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đã trở thành niềm kinh ngạc đầy bí ẩn của nền học thuật Việt Nam, đặc biệt là trên lĩnh vực từ nguyên học. Tuy vậy, mãi về sau này khi biết tôi có quan hệ với ông, không ít người vẫn thắc mắc:

Huệ Thiên là ai, An Chi là ai? Một người hay một nhóm người mà có kiến văn rộng như vậy?

Thực ra, con người An Chi chẳng có gì bí ẩn cả, chỉ có hành trình cuộc đời lận đận cùng sự dung nạp tri thức và lý luận, kiến giải của ông về học thuật là khác thường mà thôi. Đó cũng là lý do nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng sinh thời trong một bài viết về giới trí thức Việt Nam đương đại đăng trên báo *Tuổi Trẻ*, cái tên duy nhất ông nhắc tới là An Chi, với tư cách một người không có bằng cấp cao nhưng lao động khoa học nghiêm túc, chuẩn mực, mang lại niềm tin cho đời sống học thuật nước nhà vốn có lúc thật giả lẫn lộn.

Học giả An Chi hay Huệ Thiên, tên thật là Võ Thiện Hoa, quê quán thuộc Bình Hoà xã, tỉnh Gia Định, nay thuộc quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông sinh ngày 27 tháng 11 năm 1935 tại quê hương, thời chống Pháp là học sinh kháng chiến. Ông vốn mang hai quốc tịch Việt và Pháp, nên còn có tên Pháp là Emile Pierre Lucatos. Đây là một "sản phẩm" của lịch sử, bây giờ nghe thấy lạ, nhưng với thế hệ ông điều đó là bình thường.





Có một câu chuyện trong gia đình An Chi thường kể vui rằng, hồi nhỏ cậu bé Võ Thiện Hoa thường lẽo đẽo theo ông nội dẫn đi thăm một người bạn của nội. Ông này là vị sư trụ trì trong một ngôi chùa nhỏ, hành nghề bốc thuốc Nam chữa bệnh miễn phí cho người nghèo. Về sau ông nội mất, cậu bé họ Võ vẫn theo mẹ đến thăm nhà sư. Lần nọ, vị sư già nhìn cậu bé rồi trầm ngâm quay sang mẹ anh nhỏ nhẹ nói đại ý rằng: *Việc đời vốn dĩ hay phân chia thành các nghề, gọi tắt là sĩ - nông - công - thương. Cậu bé này dù có làm gì đi chăng nữa cũng sẽ quay về con đường của chữ "sĩ"*. Câu nói bất chợt ấy của vị sư già đã "vận" đúng vào đời ông.

Năm 1954, đất nước bị chia cắt, ông đã vượt tuyến ra Bắc bằng đường hàng không. Vì sao lại là "vượt tuyến"? Nhớ lại chuyện gần 60 năm trước, học giả An Chi cho biết, do mình chỉ là học sinh kháng chiến, không thuộc diện cán bộ được đi tập kết, nhưng vì lòng yêu nước nên đã quyết định bay vượt tuyến ra Bắc bằng đường hàng không. Và chàng trai Sài Gòn đã đặt chân tới Hà Nội trong không khí hừng hực khí thế cách mạng, với niềm tin yêu và hy vọng về tương lai tươi sáng của dân tộc!

Nhờ gia đình và dòng tộc ông là cơ sở cách mạng, nên lúc đó ông được một cán bộ lãnh đạo hoạt động bí mật ở miền Nam viết thư giới thiệu cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Thế nhưng ông lại không liên lạc với nhân vật lãnh đạo cao cấp nổi tiếng bấy giờ. Một thời gian ngắn ở Hà Nội, ông được vận động tham gia lực lượng thanh niên xung phong với lời hứa rằng sau khi hoàn thành nhiệm vụ sẽ được tự do lựa chọn ngành học.

Hăm hở lên đường, ông tham gia xây dựng tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, sau một năm thì hoàn tất. Giữa lúc ông cùng đồng đội chuẩn bị tinh thần đi học thì lại nhận lệnh chuyển sang Nhà máy chè Phú Thọ. Tiếp tục làm công nhân, nhưng ông và một số bạn trẻ miền Nam đề nghị lãnh đạo kiên trì vận động cho mình đi học. Mãi rồi ước mơ cũng thành hiện thực, ông ghi danh học lớp sư phạm trung cấp, ra trường được bổ nhiệm về dạy học ở vùng xa của tỉnh Thái Bình.

Thời kỳ vật lộn với nghề gõ đầu trẻ đầy gian khó giữa nơi heo hút, ông đã bắt đầu tự học, tích luỹ kiến thức làm nền tảng văn hoá cho mình. Nhà



văn Nguyễn Khoa Đăng, người gốc Thái Bình hiện sống ở Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, ngày ấy ở tỉnh này giới văn nghệ trí thức không ai không biết Võ Thiện Hoa: "Ông là "đặc sản" của Thái Bình đấy. Uyên bác thì khỏi nói rồi, mà dường như vẫn giữ được cái khí phách của người quân tử"!

Cũng chính thời gian ở Thái Bình quê lúa nổi tiếng của đồng bằng phía nam sông Hồng, con người say chữ từ miền Nam này đã âm thầm đi vào nghiên cứu từ nguyên học. Học giả An Chi thổ lộ: "Tôi là người chịu ơn rất sâu sắc về mặt tinh thần đối với tác giả Lê Ngọc Trụ, mặc dù sau khi tích luỹ được một số kiến thức cơ bản về ngữ học thì tôi lại thấy ông không phải là người... tiên tiến. Tôi đọc *Chánh tả Việt ngữ*, bộ sách 2 quyển của Lê Ngọc Trụ (do nhà Nam Việt ở Sài Gòn xuất bản) năm 15 tuổi rồi từ đó mê luôn tiếng Việt, chữ Hán và từ nguyên. Thực ra, khi bắt đầu công việc nghiên cứu, tôi lại đi vào ngữ pháp tiếng Việt và đã có nhiều điều ghi chép mà tôi rất lấy làm tâm đắc, đặc biệt là về từ láy. Nhưng cũng chính khi đưa ra cách giải thích riêng về "nguyên lý" của từ láy thì tôi lại thấy phải đi vào từ nguyên".



Học giả An Chi và Giáo sư Cao Xuân Hạo.

Năm 1975, đất nước thống nhất, ông nhanh chóng lên tàu hoả xuyên Việt về Nam đoàn tụ với mẹ già và người thân ở Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và tiếp tục lao vào công việc dạy học, nghiên cứu, từ chối mọi đề bạt làm quản lý trong ngành giáo dục. Sự vượt khó tự học, tinh thông nhiều ngoại ngữ, niềm đam mê chữ nghĩa, nghiên cứu đã đưa con người nhỏ thó, rắn rỏi, điềm đạm này từ vô danh, không học vị học hàm, trở thành tên tuổi quen thuộc đáng kính khi sắp bước vào tuổi lục tuần. Mọi người tìm đọc



Huệ Thiên - An Chi qua những bài phản biện sâu sắc, thuyết phục được đăng tải trên chuyên mục "Chuyện Đông chuyện Tây" của tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay* và "Từ chữ đến nghĩa" của tạp chí *Đương Thời*, rồi tập hợp in thành nhiều tập trong công trình *Chuyện Đông chuyện Tây, Những tiếng trống qua cửa các nhà sấm.*

Ngày nay, An Chi đã trở thành khách quen của nhiều toà soạn báo và được đông đảo người hâm mộ tìm đọc các bài báo, sách của mình.

Vì chân lý khoa học, không ngại va chạm "cây đa cây đề"!

Những phản biện về ngôn ngữ và lịch sử của An Chi đề cập từ những vấn đề căn bản, phổ cập của đời sống tới những vấn đề nan giải của học thuật. Ông không ngại đụng chạm đến những kiến giải sai lầm của các "cây đa cây đề" mà trước đó khá lâu giới nghiên cứu dường như tránh đề cập đến. Bản lĩnh hiếm có ấy của An Chi cùng kiến thức sâu rộng, luận chứng cụ thể, được trình bày lôgich và khúc chiết, dễ hiểu đã được đông đảo bạn đọc cùng giới nghiên cứu đồng tình.

Chẳng hạn ông chỉ ra những chỗ sai trong *Từ điển Truyện Kiều* của Giáo sư Đào Duy Anh và cả những điểm mà Giáo sư Phan Ngọc sửa chữa "nâng cấp" không đúng về cuốn từ điển này. Rồi trong 2 cuốn *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam, Từ điển từ và ngữ Việt Nam* đều của Giáo sư Nguyễn Lân, ông chỉ ra chính xác những "chỗ sai khó ngờ". Ông cũng chứng minh thuyết phục về sự nhầm lẫn của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong việc dùng thuyết "tự nhiên" lý giải ngôn ngữ *Truyện Kiều*...

Về lịch sử, dù không mở rộng nghiên cứu, nhưng An Chi cũng có những công trình đáng chú ý khi kiến giải: *Hùng Vương hay Lạc Vương?, Vấn đề "thành" của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Mạc Đăng Dung có dâng đất cho nhà Minh hay không?,...* Đặc biệt, về vấn đề Mạc Đăng Dung, sau khi đưa ra những sử liệu để phản biện một cách minh bạch, An Chi đã đi đến kết luận: "Vậy thì không làm gì có chuyện Mạc Đăng Dung cắt đất của quốc gia Đại Việt để dâng cho nhà Minh; chỉ có việc sử thần của nhà Lê đã xuyên tạc sự thật lịch sử để hạ nhục nhà Mạc mà thôi". Đặt lại vấn đề này, An Chi còn mong muốn



"nhấn mạnh đến lương tâm và trách nhiệm của các sử gia và nhà nghiên cứu lịch sử trong việc ghi chép và việc bình phẩm về hành động của các nhân vật lịch sử".

Sinh thời, nhà ngữ học lừng danh thế giới Cao Xuân Hạo rất yêu quý An Chi. Ở đó không chỉ là quan hệ có tính gia đình mật thiết mà còn là tình đồng nghiệp. Họ thường có những cuộc đàm đạo về ngữ học. Ngược lại, học giả An Chi cũng đã thổ lộ: "Tôi cho rằng giới khoa học nước nhà có không ít người để cho ta cảm phục, nhưng riêng tôi, vì ít tiếp xúc và chỉ tiếp xúc với những người của giới ngữ học (hoặc tên tuổi của họ qua sách vở) nên cái nhìn của tôi chỉ giới hạn trong lĩnh vực này. Hai người mà tôi cảm phục nhất thì thứ nhất là nhà ngữ học kiệt xuất Cao Xuân Hạo và thứ hai là Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn. Chia sẻ với tôi về học thuật thì cho đến nay vẫn là nhà ngữ học Nguyễn Đức Dương và Tiến sĩ Hoàng Dũng. Tôi rất kính trọng hai vị này về mặt khoa học".

Sự quan tâm lớn nhất của An Chi là từ nguyên học, một bộ môn vốn còn khá mới mẻ và chưa

được chú ý lắm ở Việt Nam. Cũng nhờ đó, ông được giới ngôn ngữ học trân trọng.

Dù tuổi ngày càng cao, sức ngày càng yếu nhưng hàng ngày An Chi vẫn hăng say làm việc. Phần lớn tiền nhuận bút sách báo ông dành dụm để mua sách. Tủ sách của An Chi chứa đầy sách quý và đây là một trong những thư viện gia đình hiếm có ở nước ta. Giữa thế giới sách được sắp xếp ngăn nắp, học giả An Chi thường lặng lẽ cô đơn đi lại ngẫm ngợi. Trước đây ông chỉ quen dùng bút giấy. Bây giờ ông lại đăm chiêu với máy tính, để viết và kết nối với bạn bè, đồng nghiệp cùng những người đồng điệu chia sẻ với mình.

Niềm vui gia đình và thói quen làm câu đối Tết

Vào năm 1993, giới báo chí và học thuật xôn xao "vụ án Củ Chi..." mà "bị can" là học giả Huệ Thiên phụ trách chuyên mục "Chuyện Đông chuyện Tây" trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay* thuộc Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, còn "bị hại" là một nhà báo tên tuổi đứng đầu một tờ báo ở Thành phố Hồ Chí Minh.



Nhớ về việc giải quyết sự cố này, ông cười cho hay: "Thật là rắc rối mà... rộn rịp. Tôi nhớ những khiếu nại, kiện cáo từ phía bên kia đã gây không ít sóng gió cho *Kiến Thức Ngày Nay*. Ba nhân vật "cộm" của Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh là nhà văn Nguyễn Quang Sáng - chủ trì, nhà văn Anh Đức và nhà thơ Phạm Sỹ Sáu - thư ký cuộc họp đã đến toà soạn họp với ban biên tập và đương sự là Huệ Thiên (lúc bấy giờ An Chi hãy còn ở tận đâu đâu!). Kết thúc cuộc họp là kỷ luật dành cho Huệ Thiên: "Tác giả Huệ Thiên ngưng phụ trách Chuyện Đông chuyện Tây một thời gian". Việc dàn xếp cũng khéo léo chẳng thua kém gì trong... ngoại giao thế giới. Nguyễn Quang Sáng nói: "Thế có nghĩa là Huệ Thiên chỉ ngưng một thời gian. Trong thời gian đó, ông cứ tiếp tục viết, nhưng dưới một cái tên khác; khi nào chuyện này nguội đi thì ông sẽ ký lại... Huệ Thiên". Biết tỏng là thực tế sẽ diễn ra như thế nhưng, tinh hơn để được thực sự "đúng đắn về lập trường", Anh Đức phán: "Không nên làm thế. Tạm thời, các anh phải tìm một ông giáo sư danh tiếng (không có hai chữ "lẫy lừng" kèm theo), nhờ người ta làm, rồi từ từ mới tính được". Ban

biên tập, mà thực ra, có lẽ là chủ báo, vì mê Kim Dung, nên đã chọn cho Huệ Thiên cái tên Lão Ngoan Đồng (nhân vật trong *Anh hùng Xạ Điêu*) còn Huệ Thiên thì cứ muốn "y chang" nên đã tự mình chọn cái tên An Chi. Sau nhiều lần giằng co, Huệ Thiên đinh ninh rằng mình sẽ mang cái tên Lão Ngoan Đồng vì thư ký toà soạn nhấn mạnh rằng đó là ý muốn của chủ báo. Chuyện Đông chuyện Tây vắng bóng đến 5 kỳ trên *Kiến Thức Ngày Nay*, từ số 117 đến 121 (để còn tìm người) thì, đùng một cái, trên số 122 (1.11.1993), cái bút hiệu An Chi mới toanh đã xuất hiện để ký tên cho mục Chuyện Đông chuyện Tây. Nhưng nhiều người biết ngay rằng đây chính là "y chang" Huệ Thiên. Kỷ niệm thì còn nhiều và có thể làm thành một thứ hồi ký nho nhỏ đấy".

Ngoài thế giới chữ nghĩa, học giả An Chi may mắn có được người vợ hiền, đảm đang, chỗ dựa tin cậy và biết chia sẻ với ông từng trang viết, từng vấn đề khó khăn nảy sinh trong cuộc sống. Vốn cùng viên chức ngành giáo dục, hai người gặp và thương yêu nhau, cùng đi đến hôn nhân sau ngày đất nước thống nhất. Ông thổ lộ: "Tôi rất sung sướng và hãnh diện về sự hỗ trợ của gia



đình cho công việc của mình. Sau khi tôi phụ trách "Chuyện Đông chuyện Tây" trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay* một thời gian thì mẹ tôi, vợ tôi, mẹ vợ tôi và dì tôi đều gọi tôi là An Chi một cách thân thương, chứ không gọi tên thật hoặc dùng một từ trực chỉ nào khác. Riêng cậu tôi thì gọi bằng bút hiệu đầu tiên của tôi là Huệ Thiên. Lúc mẹ tôi còn khoẻ thì ngày nào bà cũng quét dọn bàn làm việc của tôi, sắp xếp sách vở, giấy tờ cho ngay ngắn. Mỗi khi có "Chuyện Đông chuyện Tây" số mới, mẹ tôi đều đem ra băng ghế đá trước sân ngồi đọc, bất chấp có hiểu hay không hoặc hiểu đến đâu. Tôi mới dùng máy tính sau này. Trước kia, tôi viết tay, thường thì 9 tờ A4 theo cỡ chữ của tôi là vừa một kỳ "Chuyện Đông chuyện Tây". Có khi gần đến ngày nộp bài mà chưa xong, bà nhìn kỹ trên bàn rồi nói nhỏ với vợ tôi: "Mới có mấy tờ hà, con". Bà không muốn con trai mình bị toà soạn trách móc. Vợ tôi cũng không để cho tôi phải bận tâm gì về công việc nhà cửa, kể cả những việc thường lẽ ra phải do người đàn ông lo liệu. Cô ấy lo cho tôi từ cái ăn đến viên thuốc, tóm lại là mọi thứ liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của chồng. Vợ tôi không trực tiếp

giúp đỡ tôi trong công việc viết lách nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn nhờ cô ấy cân nhắc, lựa chọn từ, ngữ hoặc đọc hộ bản thảo để góp ý...".

Vào mỗi cuối tuần, gia đình An Chi hay đón bạn bè, đồng nghiệp đến thăm. Đồng thời, ông cũng tranh thủ đến thăm bạn bè. Học giả An Chi từng phải ngậm ngùi tiễn đưa những người bạn thân thiết ra đi, như Giáo sư Cao Xuân Hạo hoặc thi sĩ Bùi Giáng láng giềng... Ông cũng luôn nâng niu tình bạn với những người còn lại như Nguyễn Đức Dương, Hoàng Dũng, Lý Việt Dũng, Lê Nguyễn,...

Và theo một thói quen, cứ mỗi xuân về tết đến, nhìn lại những gì đã qua, An Chi thường làm thơ hay câu đối. Tôi nhớ vào Tết Nhâm Thìn 2012, ông khai bút đôi câu đối đầy suy tư trước vận nước:

Quốc phá, Gia vong do Thoái Hoá
Dân cường, Vật thịnh tại Cần Liêm.

Mỗi dịp đến chúc Tết gia đình học giả An Chi, tôi cũng qua thăm người bạn láng giềng của ông là thi sĩ tài danh Bùi Giáng. Số phận đã đưa hai "quái kiệt" Sài Gòn ở cạnh nhau. Nhưng rồi



lão tiền bối họ Bùi đã "bay" về trời trước, chỉ còn lại An Chi cặm cụi với chữ nghĩa. Gặp nhau trò chuyện, những hồi ức đẹp và kỳ dị về đàn anh Bùi Giáng sống lại trong lòng ông...

Sau những bậc thức giả đáng kính như Cao Xuân Hạo, Nguyễn Tài Cẩn,... trong ngành ngữ học, tôi quý trọng một An Chi đã và đang để lại dấu ấn của mình cho đời sống học thuật nước nhà, đặc biệt là từ nguyên học. Hành trình thầm lặng miệt mài từ Võ Thiện Hoa đến Huệ Thiên - An Chi cũng mang lại cho những thế hệ đi sau một tấm gương sáng về sự tự học không ngừng, niềm say mê lao động khoa học và vượt lên số phận khắc nghiệt của chính mình.

Nước mắt đớn đau phía sau tiếng cười hài hước

MỸ CHI

Mỹ Chi là nữ nghệ sĩ tấu hài đầu tiên của sân khấu hài Sài Gòn. Có lúc ở đâu xuất hiện những Phi Thoàn, Bảo Quốc, Mỹ Chi, Ngọc Giàu, Duy Phương... là ở đó "cháy vé". Từ kinh nghiệm diễn xuất dày dặn của mình, danh hài Mỹ Chi còn trở thành đạo diễn, đào tạo và nâng đỡ nhiều lớp đàn em cho sân khấu hài. Tuy nhiên, ít ai biết rằng để được bước lên sân khấu biểu diễn và tồn tại cùng khán giả, Mỹ Chi từng phải trả những cái giá rất đắt, mà đến bây giờ ngồi nhớ lại những kỷ niệm đau buồn ấy, nước mắt xót xa của chị vẫn lặng lẽ rơi...



Danh hài Mỹ Chi



Cô tiểu thư mê cải lương và những nỗi thất vọng đầu tiên

Trước năm 1975, hãng xe Tam Hữu nằm trên đường Pétrus Ký (nay là đường Lê Hồng Phong) là một thương hiệu lớn của ngành ô tô vận tải Sài Gòn và miền Nam. Ông chủ hãng xe giàu có này sinh hạ được một cô con gái "rượu" là Nguyễn Mỹ Chi, với hy vọng cô sẽ nối nghiệp cha chuyên lo kinh doanh. Thế nhưng, giống như nhiều cô cậu khác ở Sài Gòn bấy giờ, từ nhỏ tiểu thư Mỹ Chi đã say mê ánh đèn nghệ thuật sân khấu cải lương và nuôi nước mơ trở thành diễn viên như những bậc nữ lưu tài danh đi trước là Phùng Há, Năm Phỉ, Bảy Nam,...

Cứ mỗi lần được cha mẹ đưa đi xem tuồng, nhất là được gặp gỡ, xem hai ông cậu họ là hai nghệ sĩ lừng lẫy Út Trà Ôn và Trường Xuân biểu diễn, ước mơ của tiểu thư Mỹ Chi càng cháy bỏng! Biết được sở thích của con gái, ông bà chủ hãng xe Tam Hữu cảm thấy lo lắng. Hào quang

sân khấu là có thật, nhưng nó chưa bao giờ mang lại cho đời người nghệ sĩ cuộc sống ổn định, mà phải lênh đênh rày đây mai đó, sống trong thiếu thốn và chịu những điều tiếng không hay về quan hệ tình cảm.

Tuy không được cha mẹ tán đồng, nhưng Mỹ Chi vẫn âm thầm bí mật thi vào Trường Quốc gia âm nhạc Sài Gòn. Bất ngờ hơn, cô đã đậu thủ khoa và nhận được học bổng. Vinh dự ấy không dễ dàng có đối với một ngôi trường nghệ thuật uy danh ở Sài Gòn lúc bấy giờ. Đến khi giấy báo học về đến nhà, ông bà chủ hãng xe Tam Hữu vừa giận vừa vui và cuối cùng đành phải chiều theo sở thích của cô con gái "rượu".

Vui mừng khôn xiết, Nguyễn Mỹ Chi lao vào học tập, rèn tài để thực hiện giấc mơ sân khấu đời mình. Sau ba năm đèn sách, tốt nghiệp ra trường, cô lấy nghệ danh rút gọn tên mình là Mỹ Chi, đến xin người cậu Trường Xuân - nghệ sĩ đang làm ông bầu Đoàn Cải lương Kim Chưởng, cho mình được hát. Nhưng cô bị cậu Trường Xuân nạt cho, vì theo ông thì giọng cô đâu có gì đặc biệt mà đòi hát cải lương. Mỹ Chi như bị cú giáng "trời đánh", về nhà ôm mặt khóc rấm rứt...



Hai danh hài Tùng Lâm và Mỹ Chi.

Nghe con gái nài nỉ hoài, mẹ của Mỹ Chi lại thử dẫn cô qua cậu Mười Út Trà Ôn - ông bầu Đoàn Cải lương Thống Nhất. Cậu Mười nể tình đồng ý, bảo cô mỗi tối cứ đến với đoàn thấy việc gì làm được thì làm. Tối nào ông chủ hãng xe Tam Hữu cũng trực tiếp lái xe chở con gái Mỹ Chi đến đoàn Thống Nhất, nhưng chỉ ngồi xem diễn tập chứ vẫn không được hát hò gì cả. "Chờ mấy tháng trời, một tối nọ thấy tuồng mới có bốn câu thơ, tôi xin cậu Mười cho ngâm, nhưng cũng bị từ chối. Thấy tôi tội nghiệp quá, cha tôi cứ khuyên

nên từ bỏ giấc mơ ca hát. Nhưng tôi quyết không chịu. Cha mẹ tôi chỉ biết thở dài chán nản thay cho tôi." - Mỹ Chi ngậm ngùi kể lại với chúng tôi.

Thấy hai người cậu nghệ sĩ không cho con gái "rượu" mình hát, ông chủ hãng xe Tam Hữu bực mình chở con thử tìm tới nghệ sĩ Năm Châu - ông bầu Đoàn Cải lương Ánh Chiêu Dương. May thay, nghệ sĩ Năm Châu rộng lượng nhận Mỹ Chi vào đoàn và cho đóng một số vai tuồng, có vai còn được đóng chính chung với kép ngôi sao Việt Hùng. Gia đình mừng như con gái vừa chết sống lại. Để lấy lòng nghệ sĩ Năm Châu, ông chủ hãng xe Tam Hữu còn tự nguyện đêm đêm cho bốn chiếc xe đến các điểm ở Sài Gòn - Chợ Lớn đón khán giả đi miễn phí đến xem đoàn Ánh Chiêu Dương hát. Đúng là tình thương của cha mẹ đối với con cái thật bao la!

Vì thích đi biểu diễn xa và thích nổi tiếng nên phải làm... ô sin

Lúc bấy giờ, do hoàn cảnh chiến tranh, Đoàn Cải lương Ánh Chiêu Dương của nghệ sĩ Năm Châu chỉ tập trung biểu diễn ở nội thành Sài Gòn





và Chợ Lớn mà vẫn thu hút đông đảo khán giả. Mỹ Chi sau khi được hát lại mơ đi diễn xa, mong được nổi tiếng và nhiều người biết đến hơn.

Biết ý nguyện của Mỹ Chi, một cô đào nổi tiếng thuộc thế hệ cô chú đang làm bầu đoàn THL đã đến đánh tiếng: "Con muốn nổi tiếng thì hãy theo má về đi hát các tỉnh". Nghe vậy, Mỹ Chi mừng quá, xin nghệ sĩ Năm Châu cho về đoàn THL, với hy vọng một tương lai rạng rỡ đang mở ra trước mắt mình!

Ngay ngày đầu mới về, bà bầu đoàn THL, mà mọi người hay gọi bằng "má", đã đưa ra hợp đồng bảo Mỹ Chi ký vào. Hợp đồng mang tính ràng buộc rằng nếu chị bỏ đi hát đoàn khác thì sẽ phải bồi thường 200.000 đồng. Nhớ lại chuyện cũ, nghệ sĩ Mỹ Chi vẫn còn đỏ mặt tức giận: "Ký hợp đồng, tôi không được nhận đồng nào mà còn bắt buộc phải bồi thường nếu bỏ đoàn. 200.000 đồng là số tiền rất lớn lúc bấy giờ. Không chỉ tôi mà nhiều bạn diễn khác cũng rơi vào trường hợp tương tự. Vì quá mê hát, mê được nổi tiếng mà tôi phải chấp nhận. Với lại nghĩ rằng đó chẳng qua chỉ là tờ giấy làm chứng để mình được đi hát mà thôi. Nhưng thôi đâu có ngờ...".

Vâng, Mỹ Chi không ngờ rằng đây là một khúc rẽ bi hài đớn đau đối với một tiểu thư con nhà giàu hết lòng vì nghệ thuật như chị. Lấy khăn lau nước mắt, Mỹ Chi kể tiếp: "Không phải chuyện bồi thường tiền bạc hợp đồng, vì tôi có được hát đâu mà bồi thường. Lúc ấy đoàn THL đóng ở Biên Hoà. Tôi lên được bà bầu phân công... đi chợ, nấu ăn, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa, phục vụ cho mười mấy người trong đoàn hát, cả vợ chồng bà. Mà tôi vốn là con gái nhà giàu, từ nhỏ đến lớn đâu biết nấu ăn, nội trợ là gì. Mọi việc ở nhà tôi đều có người lo. Tôi chỉ biết học, chơi đùa rồi mê đi hát cải lương. Bây giờ nhớ lại thấy mình dại làm sao"!

Vì quá mê hát, hy vọng sẽ được hát, nên Mỹ Chi phải lần ra chợ hỏi thăm cách nấu ăn. Một nam nghệ sĩ lớn tuổi trong đoàn thấy Mỹ Chi luýnh quýnh không biết cách nấu cơm nên hỏi thăm, chị liền nói thật: "Ở nhà cháu đâu biết làm gì, từ từ cháu học nấu rồi cũng được thôi. Chú đừng nói với má... để má không cho con hát". Thương tình, ông đã chỉ dẫn cho Mỹ Chi cách nấu cơm. "Tôi chiên cá, bị cháy, đem lên ăn bị bà bầu chửi "con gái hư..." tôi chỉ biết ôm mặt khóc. Dần dần tôi cũng biết nấu ăn và hầu hạ chu đáo



bà bầu để hy vọng được hát. Nhưng mấy tháng trời chờ hoài vẫn không thấy bà bầu đả động gì. Ngày lo phục vụ cho đoàn, tối thì khoanh tròn ngủ dưới đất, chỉ được ăn hai bữa cơm, không có được một đồng tiền thù lao, tôi ốm xanh xương"- Mỹ Chi kể lại với giọng bực bội.

Thế nhưng, vì sao khổ cực đến như vậy mà Mỹ Chi vẫn bám víu đoàn THL làm gì? Trước thắc mắc của tôi, chị lý giải: "Cũng vì ước mơ được hát, với lại về nhà tôi sợ cha mẹ buồn. Thỉnh thoảng viết thư về cho gia đình, tôi cũng không dám kể sự thật, mà chỉ nói dối mình đang đi diễn ở xa để ở nhà yên tâm". Rồi một hôm, đoàn cải lương THL từ Biên Hoà xuống Vũng Tàu biểu diễn. Đang trên đường đi công việc, ông bà chủ hãng xe Tam Hữu thấy đoàn THL trương bảng hiệu quảng cáo. Trước đó, đọc thư của Mỹ Chi gửi về, nghe con nói đang diễn ở miền Trung, sao đoàn bây giờ lại ở đây, hai ông bà mới vào xem thử...

Bất ngờ, cha mẹ Mỹ Chi thấy con gái "rượu" đang nằm co ro ngủ bên cạnh nhà vệ sinh, phía dưới chân vợ chồng bà bầu, liền ngạc nhiên hỏi: "Mỹ Chi, sao con ở đây?". Mỹ Chi giật mình, bật

đứng dậy theo cha mẹ ra ngoài và kể thật mọi sự tình. Người cha quá đỗi tức giận quyết định bắt con gái về nhà, lớn tiếng nói rằng dù con gái có tự tử ông cũng không cho đi theo đoàn hát nữa. Bà bầu nghe vậy, lấy hợp đồng ra đòi bồi thường 200.000 đồng. Ông đồng ý. Nhưng chồng bà bầu thấy Mỹ Chi tội nghiệp, ngoan ngoãn phục vụ ông bà, nên kêu cha tôi vô xé bỏ hợp đồng. Bà bầu có vẻ tức giận la lối rằng không bồi thường thì tôi không được đi hát bất cứ đoàn cải lương nào khác...

Tình cờ tấu hài và ngậm ngùi đi... cưới vợ cho chồng

Theo cha mẹ về lại Sài Gòn, Mỹ Chi hết sức thất vọng, ngơ ngác như kẻ thất tình, bỏ ăn bỏ uống, không muốn tiếp xúc với ai. Xót cho con gái, ông chủ hãng xe Tam Hữu một lần nữa phải cắn răng đi nhờ người quen giới thiệu con vào Đoàn Kịch Tân Dân Nam của ông bầu Anh Lân - chồng nghệ sĩ Tuý Hoa. Đây là một trong bốn ban kịch nổi tiếng chuyên biểu diễn trên Đài Truyền hình Sài Gòn trước năm 1975.





Tình yêu và sự lao động nghệ thuật nghiêm túc đã giúp Mỹ Chi tự phát hiện khả năng diễn kịch của mình. Chẳng những nhanh chóng gặt hái thành công, được khán giả yêu mến, mà nữ nghệ sĩ trẻ này còn được tin tưởng đứng ra thành lập Ban Kịch trẻ Mỹ Chi, diễn chương trình riêng, sát cánh cùng bốn ban kịch đàn anh đàn chị khác toàn những ngôi sao thành danh. Ban Kịch trẻ Mỹ Chi tập hợp các nghệ sĩ Phi Thoàn, Khả Năng, Thanh Tú, Thanh Việt, Ngọc Đức, Bảo Ân, Hoàng Mai, Tường Vi,... Tên tuổi của Mỹ Chi cũng được sánh với các ngôi sao sân khấu khác như Thẩm Thuý Hằng, La Thoại Tân, Ngọc Đức, Kim Cương, Tuý Hồng, Ngọc Giàu,...

Có thể nói việc được nghệ sĩ Anh Lân nhận vào đoàn Tân Dân Nam là bước ngoặt làm thay đổi cuộc đời và sự nghiệp Mỹ Chi, sản sinh cho sân khấu một danh hài tương lai. Chị thổ lộ: "Tôi luôn chịu ơn chú Anh Lân. Nhờ chú mở đường mà tôi có được ngày nay. Lúc đó tôi mới 20 tuổi, khi đứng ra thành lập ban kịch riêng, chú động viên, bảo cứ diễn thoải mái, khi nào bên Tân Dân Nam cần thì kêu tôi sang tham gia. Ban Kịch trẻ Mỹ Chi nhờ khán giả biết đến nhiều qua vở *Cô*

gái út. Cũng nhờ đó, tôi dần thể hiện được khả năng của mình trên sân khấu và được quý khán giả yêu thích".

Vào năm 1975, sau ngày đất nước thống nhất, một lần nghệ sĩ hài lừng lẫy Phi Thoàn gặp Mỹ Chi gợi ý rằng, lâu nay diễn hài chỉ có nam chứ không có nữ và đề nghị chị cùng mình thử cùng lên sân khấu tấu hài. Đến lúc ấy, những người diễn hài chỉ được gọi là... hề. Mỹ Chi sợ khán giả kêu... con hề, nên liền từ chối. Do thấy được khả năng hài hước và tài diễn xuất của Mỹ Chi, nên Phi Thoàn kiên trì thuyết phục, động viên chị thử tập luyện diễn hài. Và thật bất ngờ, lên sân khấu Mỹ Chi diễn rất thành công.

Nếu như nghệ sĩ Phi Thoàn là cha đẻ của tấu hài, người có công lớn đối với sân khấu hài, thì Mỹ Chi là nữ nghệ sĩ diễn hài đầu tiên của Sài Gòn và Việt Nam. Sau khi nổi tiếng nhờ tấu hài cặp với Phi Thoàn, Mỹ Chi tiếp tục diễn cặp với Bảo Quốc trong *Ông Táo bà Bánh* vào 30 Tết, mở đầu cho chương trình kịch Táo quân vào dịp Tết Nguyên đán hàng năm trên Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh. Về sau chị còn diễn cặp với Duy Phương, Nguyên Hạnh, Tấn Beo,...



Từ năm 1990, chị thành lập Đoàn Kịch Mỹ Chi gồm gần 40 nghệ sĩ, trong đó có các nghệ sĩ trẻ tài năng như Hải Thanh, Thu Hồng, Xuân Hùng,... Mỹ Chi giữ nhiều vai trò, từ quản lý đến dựng kịch bản, đạo diễn và diễn xuất, đưa đoàn đi biểu diễn liên tục, nên hết sức bận rộn. Cũng kể từ đó, bi kịch gia đình Mỹ Chi bắt đầu xảy ra. Chị tâm sự: "Tôi không thể nào rời đoàn kịch được. Chồng tôi là bác sĩ, khuyên tôi nên giảm bớt công việc, vì gia đình đâu đến nỗi túng thiếu mà lao vào công việc dữ vậy. Yêu nghề, không thể bỏ mặc đoàn kịch được, nên tôi không chu toàn nhiệm vụ làm vợ, đành phải hy sinh hạnh phúc gia đình, quyết định ly hôn. Thấy tội nghiệp cho chồng, tôi âm thầm đi tìm vợ cho anh ấy để có người chăm sóc. Tôi nghe anh Thanh Sang có cô em họ, liền đến coi mắt, vừa ý, tôi liền giới thiệu cho chồng và sắm mâm quả cho chồng đi cưới vợ. Tuy nhiên, chẳng may hai người chỉ sống với nhau được hai năm thì chia tay...".

Không còn chung sống với nhau, nhưng Mỹ Chi với chồng cũ vẫn là bạn tốt của nhau, thỉnh thoảng gặp gỡ nhau để trò chuyện, chia sẻ những lúc khó khăn. Chị thành thực: "Tôi có lỗi

với chồng, nhưng nuôi dạy con cái ăn học đàng hoàng. Vì thấy cái nghiệp nghệ sĩ bạc bẽo, nên tôi không muốn con mình theo nghề. Hai cô con gái lớn hiện làm kinh doanh. Còn con trai nhỏ đang đi học. Cuộc sống gia đình tôi ổn định. Ngoài diễn kịch, lúc rảnh rỗi tôi tích cực tham gia hoạt động từ thiện. Như vậy tôi cũng đã mãn nguyện rồi". Mỹ Chi cũng vui mừng kể chuyện cuộc hội tụ đông đảo các nghệ sĩ, nhất là nghệ sĩ hài các thế hệ tại đám cưới con trai chị hồi giữa năm 2013, trong đó có sự xuất hiện trở lại của nghệ sĩ lừng danh Thẩm Thuý Hằng sau nhiều năm vắng bóng...

Chương trình Tiếng cười sân khấu do ông Sáu Dân (tức cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt) khi ấy còn là Bí thư Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh khởi xướng, đã trở thành nơi hội tụ và phát hiện nhiều nghệ sĩ hài tài năng. Cũng từ đó, danh từ "danh hài" ra đời, thay cho từ "hề" không hay lắm trước đây. Mỹ Chi đã đoạt hai giải thưởng cuộc thi Danh hài Thành phố Hồ Chí Minh năm 1996, 1997. Chị tâm sự: "Giới nghệ sĩ hài đều biết ơn bác Sáu Dân. Nhờ ông mà chúng tôi có một vị trí xứng đáng trên sân khấu, góp tiếng cười có ích cho đời sống cộng đồng. Trước đây khi đi hát ít



ai muốn làm hề. Ai cũng sợ mình bị gọi là thằng hề, con hề. Có điều ngày nay, từ danh hài bị lạm dụng nhiều quá. Cứ ai lên sân khấu tấu hài, mà lại diễn rất thô, cũng được xưng tụng là danh hài. Sân khấu hài hiện đang bị xuống cấp, rơi vào tình trạng lộn xộn, bát nháo đáng buồn".

Đã quen với từng nét mặt, cử chỉ của một Mỹ Chi danh hài trên sân khấu mà bất cứ lúc nào cũng có thể gây cười cho khán giả, tôi thật bất ngờ khi thấy một Mỹ Chi đời thường ngồi tư lự hoặc rơm rớm nước mắt hồi tưởng về những đau buồn đằng sau ánh hào quang. Những nỗi đau vừa bi vừa hài đầy thất vọng cho tình người, tình đời nghệ sĩ. Những nỗi đau không chỉ riêng chị mà đa số những ai vốn gửi thân phận mình vào ánh đèn sân khấu, ít nhiều đều phải gánh chịu. Thi hào Nguyễn Du đã chẳng từng thốt lên: "Chữ tài liền với chữ tai một vần" (Truyện Kiều). Nhưng cái ác và nỗi buồn rồi cũng trôi theo thời gian, chỉ có tấm lòng và tài năng qua những vai diễn thành công sẽ còn lại với cuộc đời.

"Ông chủ Martin 107"
LÂM XUÂN THI
lãng mạn và nhân ái

Lâm Xuân Thi là một cái tên quen thuộc của người Sài Gòn. Không chỉ là "ông chủ" sáng lập nên thương hiệu xe đạp Martin 107 nổi tiếng, một nhà thơ tâm huyết sớm được tặng thưởng thơ từ thời chưa "loạn giải thưởng", mà anh còn nổi tiếng bởi tấm lòng nhân ái luôn hỗ trợ các bạn thơ qua Quỹ Tình thơ và những người nghèo khó bất hạnh…



Nhà thơ Lâm Xuân Thi
Ảnh: *Nguyễn Á*



Một nhân vật không... bí ẩn

Lâm Xuân Thi sinh trưởng ở Sài Gòn. Còn tôi từ miền Trung vào Sài Gòn đây lập nghiệp. Tình cờ quen biết, chơi với nhau. Mỗi người có một con đường riêng. Chẳng ai hỗ trợ ai được điều gì đáng kể. Lâu lâu nhớ nhau thì điện thoại hay ngồi quán cà phê tán gẫu chuyện thơ phú, thế thái nhân tình.

Đối với không ít người, Lâm Xuân Thi là một nhân vật bí ẩn. Bí ẩn trong tính cách. Bí ẩn trong nghệ thuật kinh doanh lẫn ứng xử đời thường. Thoạt nhìn anh là người kín đáo, hiền lành và có vẻ hơi... nhút nhát, thiếu tự tin. Anh thường không thích xuất hiện trước đám đông. Khi trò chuyện với người khác, anh hay nhún nhường, nhỏ nhẹ, lễ phép, kiệm lời. Trước phụ nữ thì lúng túng, thậm chí... bối rối. Lúc mới quen anh, tôi cũng nghĩ "thằng cha này hình như hơi bị nhút nhát". Nghĩ vậy mà không phải vậy!

Đúng là Lâm Xuân Thi kín đáo, nhún nhường, cẩn trọng nhưng không hề nhút nhát. Anh cũng

không kiệm lời nếu gặp tri âm. Ngược lại, anh là người thông minh, bản lĩnh, quyết đoán và nhạy bén, có "bộ nhớ" như một... máy vi tính. Thương hiệu xe đạp Martin 107 của anh hiện có mặt trên thị trường gần khắp cả nước đủ chứng minh điều ấy. Từ số vốn ban đầu đúng một lượng vàng, mở tiệm tự tay lắp ráp từng chiếc xe đạp để mưu sinh và có tiền... "chở bạn gái đi chơi", đến nay anh đã điều hành một hệ thống bán buôn với doanh thu hàng trăm tỉ đồng, nuôi sống hàng trăm nhân viên. Nếu nhút nhát, thiếu tự tin thì làm sao anh có thể kinh doanh thành công?

Đã bước vào thương trường thì phải có cái nhìn thức thời, thực tế, thực dụng thậm chí phải thủ đoạn. Lâm Xuân Thi là doanh nhân rất thức thời, thực tế nhưng không thực dụng hay thủ đoạn. Ngược lại, anh còn là người có tâm hồn lãng mạn và say mê cái đẹp. Anh say cái đẹp của sự im lặng thinh không buổi sáng. Anh mê cái đẹp của tiếng chuông nhà thờ hay tiếng xe qua ngõ vắng. Anh say cái đẹp từ người thân, từ tình bạn chân thành. Anh mê cái đẹp trong ánh mắt ngây thơ, nụ cười thánh thiện, tà áo dài trắng tinh khôi của thiếu nữ.







Nhà thơ Lâm Xuân Thi (bên phải) trao tiền hỗ trợ của Quỹ Tình thơ cho nhà thơ Kiên Giang.

Say mê cái đẹp nên Lâm Xuân Thi cũng được nhiều người đẹp quý mến, thương yêu. Có người trở thành tình nhân. Có người trở thành vợ. Và có người mãi mãi chỉ là bạn. Nhưng tất cả anh đều quý trọng. "Tôi may mắn không bị phụ nữ ghét. Bởi sau khi chia tay nhau rồi họ gặp toàn những người hơn tôi...". Khó biết anh nói thật hay đùa. Nhưng tôi tin ở thơ anh, nhất là vào

thời điểm cuối năm mà chúng tôi hay ngồi bên nhau cùng nhớ những tháng ngày đã qua, như trong bài thơ *Cuối năm* anh viết:

Chợt nhớ những ngày cuối tháng
Nhớ những ngày xưa bình minh
Còn buổi chiều nay chẳng hạn
Nhớ một người đang ghét mình.

Khi một người phụ nữ đang ghét một người khác phái mà biết người ấy vẫn đang thương yêu mình, quý trọng mình thì hỏi làm sao có thể thù ghét được nữa?

Thích shopping và chung thuỷ với nàng thơ

Vì lãng mạn, say mê cái đẹp mà Lâm Xuân Thi là người đàn ông rất khoái đi shopping. Dù ở trong nước hay khi ra nước ngoài, anh cũng tranh thủ đến những trung tâm thương mại, tìm mua những món hàng lạ để dùng hay dành tặng bạn bè. Anh thích săm soi từng sản phẩm, từ cái nón đến đôi giày, từ cái đồng hồ đến túi xách, từ cái áo đến cái ví hay khăn tay, đôi tất...





Nhờ hay đi mua sắm mà Lâm Xuân Thi rất rành về giá cả, chủng loại và thứ bậc của hầu hết các mặt hàng thời trang. Có thể nói trình độ phân biệt hàng thật hàng giả của anh thuộc hàng "cao thủ". Khó có loại hàng nào đánh lừa được anh, dù có là hàng mệnh danh thương hiệu "xịn" Âu Mỹ được trưng bày lộng lẫy. Anh ghét hàng giả như ghét những con người giả trá!

Đặc biệt, cũng vì say mê cái đẹp mà Lâm Xuân Thi rất chung thuỷ với nàng thơ. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình mà cả cha lẫn mẹ đều là nhà báo chuyên nghiệp của Sài Gòn trước năm 1975, nên anh yêu chữ nghĩa và sớm làm thơ. Khoảng năm 10 tuổi anh đã có mấy bài thơ được đăng trên báo *Bé Thơ, Chính Luận* với bút danh Tiểu Thi. Do bận rộn kinh doanh, thời gian eo hẹp, anh làm thơ không nhiều. Khi tứ thơ chợt đến, anh thường lẩm nhẩm trong đầu, gần như không bản nháp, rồi sau đó chép vào sổ tay.

Mỗi bài thơ của Lâm Xuân Thi là một khoảnh khắc bất chợt, một xúc cảm thật, một hoàn cảnh thật. Thơ anh ít có trí tưởng tượng bay bổng. Đó vừa là ưu điểm và cũng vừa là nhược điểm. Nhưng với anh ưu hay nhược không quan trọng. Điều cốt lõi thơ là phương tiện giúp anh giải stress



Các nhà thơ Lâm Xuân Thi, Hồ Thi Ca, Phan Hoàng trao tiền hỗ trợ cho nhà thơ Mai Trinh Đỗ Thị.

hiệu quả nhất. Buồn, anh ngã vào thơ. Vui, anh trò chuyện cùng nàng thơ. Chẳng hạn, giữa thiên nhiên đồng ruộng anh có cảm giác khá lạ trong bài thơ tứ tuyệt *Về quê*:

Nắng ruộng đồng mà gió biển khơi
Thấy mình lao xao giữa đất trời
Thấy đàn con gái ra sông tắm
Và thấy buồn vì không biết bơi...

Mỗi dịp xuân về Lâm Xuân Thi đầy cảm hứng với những vần thơ nhẹ nhàng mà sâu lắng như chính cái "chất" của anh để gửi đến người thân và bạn bè. Tuy nhiên, đối với một trái tim



luôn đập nhịp đập về phía yêu thương thì dường như ngày mới nào cũng là ngày xuân, như anh viết trong bài *Mỗi ngày*:

Sáng nào anh cũng dậy sớm hơn
Anh nghe tiếng chuông nhà thờ đổ
Nghe vài tiếng xe ngang qua phố
Và nghe im lặng của thinh không

Sáng nào trời cũng sáng chưa xong
Anh nghe tiếng mùa xuân thở nhẹ
Dịu dàng như nụ mai vừa hé
Anh nghe em trở giấc thiên thần...

Đã là thi sĩ thì đều làm thơ tình. Lâm Xuân Thi cũng vậy, anh làm rất nhiều thơ tình, nhưng đó không phải là những vần thơ "tán gái" chung chung mà luôn có bản sắc độc đáo riêng. Chẳng hạn anh "trêu" người đẹp của lòng mình trong bài *Chân phương*:

Con gái Tam Bình lên Sài Gòn mười năm
Vẫn ngồi gác chân trên ghế
Đêm nghe trời mưa nguồn chớp bể
Vẫn nhớ làng quê một ánh trăng rằm.

Gia đình nhà thơ - doanh nhân Lâm Xuân Thi.





Và để rồi:

Phải chi anh cũng có một dòng sông
Để anh nghe tiếng gọi đò trên bến
Nghe con nước rì rầm lời khấn nguyện
Nghe giấc ngủ trưa thôn xóm thanh bình...

Vốn là người kỹ tính nên Lâm Xuân Thi cũng rất khó tính trong tạo dựng cấu tứ, thi ảnh, ngôn ngữ thơ. Không ít lần Lâm Xuân Thi nói với tôi rằng, anh thấy vui khi bán được đất hàng nhưng càng vui hơn khi làm được một bài thơ ưng ý: "Thơ là nhu cầu tinh thần rất đẹp giúp con người mình thăng hoa". Nhà thơ Lâm Xuân Thi còn trăn trở cho sự "mất giá" của cái đẹp thi ca hiện đại: "Bây giờ thông tin giúp cho thơ nhanh chóng truyền đi, lan toả nhưng không hiểu sao thơ không được đông đảo bạn đọc đón nhận. Tôi đọc nhiều bài thơ hay mà giật mình, nhưng bạn đọc chẳng mấy ai để ý. Có thể nói đó là một bi kịch oan uổng cho các nhà thơ trẻ".

Tình thơ từ... xe đạp

Thà để anh làm một kẻ vô danh
Nếu em vẫn thích bày ra những trò đùa nổi tiếng



Khi múa vội một đường gươm nguy hiểm
Anh chỉ sợ mình thành kẻ sát nhân.

Đó là những câu thơ thật tâm đắc mà tôi đọc được của Lâm Xuân Thi trước khi anh được trao Tặng thưởng thơ hay năm 1988 của báo *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*. Anh thuộc thế hệ nhà thơ xuất hiện sau ngày đất nước thống nhất.

Lâm Xuân Thi có một tình yêu lặng lẽ mà sâu đậm với Sài Gòn quê hương. Vào năm 1983, gia đình anh được bảo lãnh đi nước ngoài, tuy nhiên: "Khi sắp lên máy bay, đột nhiên tôi không muốn đi. Mẹ tôi đưa passport lại để đi sau. Lần thứ hai, sau khi chia tay bạn bè, tôi ra phòng đợi sân bay. Nhưng lại tiếp tục đổi ý không đi. Vừa về tới nhà thì lại thấy tiếc... Lúc đó là vào khoảng 12 giờ trưa, tôi vội vàng chạy ra sân bay. Song lần này tôi chỉ dừng ở cổng, không đủ can đảm bước vào sân bay" - anh thổ lộ.

Ở lại đất nước, Lâm Xuân Thi làm thơ và mưu sinh bằng nghề buôn bán xe đạp. Làm ăn được, anh dần mở rộng cơ sở kinh doanh. Đến tháng 7 năm 1990, khi xe đạp Martin 107 được xếp hạng nhất tại Hội nghị Chất lượng xe đạp lần 1 do Uỷ ban Khoa học kỹ thuật và Chi cục



Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, thì cái tên Lâm Xuân Thi thực sự được biết đến trên một lĩnh vực mới: doanh nghiệp. Anh nổi lên như một gương mặt trẻ làm ăn giỏi của thành phố và cả nước.

Còn nhớ lúc đó, thời báo kinh tế lớn nhất Nhật Bản *Nihon Keizai Shimbun* số ra tháng 4 năm 1995 đã có đoạn viết: "Xe đạp chế tạo ở Việt Nam có được sự tự tin là rất bền chắc. Sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học năm 1982, anh Lâm Xuân Thi đã mượn của mẹ số vốn tương đương 500USD để mở cửa hiệu xe đạp, với vài món đồ phụ tùng và một chiếc xe đạp trưng bày ở cửa hiệu. Chính sách kinh tế mở cửa được tiến hành cộng với nhu cầu sử dụng xe đạp tăng lên và thúc đẩy sự phát triển các thành tựu doanh nghiệp, đưa tổng số xe đạp Martin 107 bán được hàng năm lên vài chục ngàn chiếc...".

Quan niệm về kinh doanh của Lâm Xuân Thi cũng có điểm khác biệt. Người ta hay nói doanh nhân là "chiến sĩ của thời bình", là nhân vật trung tâm của đời sống xã hội hiện nay. Anh cho rằng đây là một câu nói có nhiều ý nghĩa: "Ở khía cạnh nào đó, có thể hiểu rằng

nhà doanh nghiệp cũng phải cật lực phấn đấu và... "chiến đấu" trên thương trường. "Thương trường là chiến trường" mà! Đối với cá nhân tôi thì tôi không thích "chiến tranh" nên cũng không ưa "chiến trường". Tôi không nghĩ rằng khi mình kinh doanh thì mình phải chiến đấu với ai. Mỗi khi có dịp, tôi vẫn thường tặng quà đến những người kinh doanh cùng ngành nghề với mình".

Nghề mưu sinh cũng chịu ảnh hưởng tác động của cảm hứng thẩm mỹ sáng tạo thi ca. Đối với Lâm Xuân Thi giữa thơ và xe đạp cũng có mối liên quan hỗ tương chặt chẽ. Anh tâm sự rằng: "Sự bay bổng trong ý tưởng thi ca đã giúp tôi nhiều trong việc tạo dáng cho xe đạp. Đó cũng là lý do nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Martin 107, tôi nảy ra ý định sản xuất xe đạp thời trang bốn mùa xuân - hạ - thu - đông, một ý tưởng hoàn toàn mới, lần đầu xuất hiện ở Việt Nam. Ngày nay, xe đạp không chỉ đơn thuần là một phương tiện di chuyển như trước, mà còn có thể là một sản phẩm có tính thời trang.

Sự thành công trong kinh doanh xe đạp đã tạo điều kiện cho Lâm Xuân Thi có cơ hội giúp đỡ bạn



thơ và những số phận bất hạnh, nghèo khó. Vào dịp Ngày Thơ Việt Nam xuân Kỷ Sửu 2009, nhà thơ Lâm Xuân Thi đã cùng nhà thơ Hồ Thi Ca và tôi khởi động Quỹ Tình thơ, về sau mời thêm nhà thơ Chim Trắng làm cố vấn. Kinh phí của Quỹ do nhà thơ Lâm Xuân Thi tự nguyện đóng góp từ tích luỹ cá nhân, không kêu gọi tài trợ thêm và cũng không nhận tài trợ. Ban đầu Quỹ chỉ giới hạn sự hỗ trợ cho các nhà thơ ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó dần mở rộng ra cả nước. Quỹ Tình thơ đã hỗ trợ cả trăm nhà thơ trong việc mua tác phẩm mới phát hành đến tận tay bạn đọc yêu thơ, giúp đỡ các nhà thơ gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật hiểm nghèo...

Nhân ái và bản lĩnh, không sợ hãi trước sự cạnh tranh khốc liệt của thương trường, nhưng có lúc Lâm Xuân Thi cảm thấy... kinh hãi trước lòng dạ đổi trắng thay đen, lấy oán báo ân của con người, nhất là những người mà anh thân gần yêu quý và hết lòng giúp đỡ. Thực ra không phải bây giờ mà từ lâu anh đã linh cảm điều ấy trong *Bài ca chiến bại* thơ mình:

Mở màn cuộc chơi không đúng luật
Anh ngã xuống trong giây phút đầu tiên



*Từ phải sang, nhà thơ Chim Trắng, Hồ Thi Ca,
Lâm Xuân Thi, Trần Thị Khánh Hội về Bến Tre
hỗ trợ nhà thơ Trần Hội Nhân (ngồi xe lăn).*

Phút ra tay của người bạn đồng hành
Bằng nhát chém sau lưng...

Anh cũng sợ lối sống thực dụng, anh luôn nói: "Thực dụng quá sẽ trở nên nhẫn tâm và từ nhẫn tâm sẽ đi đến ác tâm hồi nào không hay...".

Lâm Xuân Thi đang có một gia đình hạnh phúc. Người vợ trẻ hiền thục đã sinh cho anh hai cô con gái kháu khỉnh. Anh là người đàn ông



mẫu mực của gia đình: "Thường sáng nào tôi cũng cùng vợ đưa con đến trường và chiều cùng đến đón cháu về. Từ ngày lập gia đình đến giờ tôi chưa khi nào đi đâu chơi mà đi... một mình. Đi chơi bất cứ nơi đâu, dù trong nước hay ngoài nước, tôi cũng đều đi cùng với vợ".

Ngoài thơ thì gia đình là cứu cánh, là chốn bình yên để Lâm Xuân Thi quay về, để anh nương tựa, giải toả những khúc mắc của thương trường, của cuộc đời. "Mỗi ngày trôi qua với tôi là một ngày làm việc và sống nghiêm túc, còn danh vọng chỉ là phù du". Cuối năm ngồi với nhau bên ly cà phê trong cao ốc hào nhoáng giữa trung tâm thành phố, nghe Lâm Xuân Thi bật lên câu nói ấy tôi cảm thấy mừng cho một người bạn. Thì ra, sau bao thăng trầm sóng cao gió cả anh cũng đã ngộ ra rồi. Và tôi chợt nhớ đến bốn câu thơ trong bài *Thầm mong* của anh mà con đường ý nghĩa dẫn đến tận cùng cuộc sống này vẫn là tình yêu và cái đẹp:

Ước gì chưa là đàn ông
Và chưa đóng vai anh hùng
Anh xin về làm tiểu tử
Tựa đầu bên gối mỹ nhân...

Người đẹp âm nhạc
QUỲNH HỢP
mang trái tim… biển đảo



Nhạc sĩ Quỳnh Hợp giữa biển Trường Sa.

Nhạc sĩ Quỳnh Hợp từng là văn công quân đội trước khi rời đất Bắc hành phương Nam theo đuổi nghề báo và âm nhạc. Không những xê





dịch từ vùng cao đến hải đảo, năng động nắm bắt hơi thở đời sống, giàu cảm hứng sáng tạo, liên tục "tung" ra những album mới, mà Quỳnh Hợp còn có tình yêu kỳ lạ với biển đảo Tổ quốc được thể hiện qua hàng trăm ca khúc đã ra mắt vừa trẻ trung sôi động vừa trữ tình lãng mạn. Đặc biệt, khi biển Đông dậy sóng, những ca khúc của Quỳnh Hợp mang tính thời sự nóng bỏng, sôi lên hào khí Việt, đánh thức lòng yêu nước, nối đất liền với đảo xa.



Người đẹp Hà Nội lặn lội Sài Gòn

Quỳnh Hợp chuyển vào Sài Gòn không vì mưu sinh và cũng không vì sự nghiệp âm nhạc của mình mà theo chị, đó như là số mệnh bởi không dễ gì từ bỏ một nơi như Hà thành - mảnh đất ngàn năm văn hiến. Nhưng có lẽ, vào sống và làm việc tại Sài Gòn là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời lẫn sự nghiệp của người đẹp Hà thành, đưa chị từ một ca sĩ trở thành một nhạc sĩ có vị trí trong đời sống âm nhạc nước nhà. Để cảm ơn mảnh đất phương Nam đùm bọc yêu

thương, Quỳnh Hợp đã gửi tình vào trong các album *Chào Sài Gòn ban mai* và bộ đôi album *Cỏ hát* với 35 ca khúc và 1 bản hợp xướng về lực lượng thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhạc sĩ, ca sĩ Quỳnh Hợp họ Nguyễn, sinh ngày 5 tháng 1 năm 1959 - Mậu Tuất tại Hà Nội. Yêu âm nhạc từ bé, chị học tốt nghiệp cao đẳng sư phạm âm nhạc năm 1981 và cao đẳng sáng tác âm nhạc trường Văn hoá nghệ thuật quân đội năm 1988, tiếp tục theo học đại học sáng tác âm nhạc hệ chính quy tại Nhạc viện Hà Nội. Đầu năm 1991, Quỳnh Hợp chuyển vào học tiếp đại học và tốt nghiệp đại học sáng tác âm nhạc tại Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 10 năm 1995, ngay sau khi tốt nghiệp, chị xuất ngũ với cấp bậc đại uý về làm biên tập viên âm nhạc của Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với bút danh Nhật Hà, Hà Nhật Quỳnh.

Vừa học tập vừa biểu diễn, Quỳnh Hợp là ca sĩ Đoàn Nghệ thuật Bộ Tư lệnh Thông tin -





Nhạc sĩ Quỳnh Hợp tặng hoa giao lưu với các chiến sĩ Trường Sa.

liên lạc (1981 - 1983), Đoàn Nghệ thuật Quân chủng Không quân (1983 - 1995). Với chất giọng nữ trung ấm và quyến rũ, Quỳnh Hợp có một khoảng thời gian dài làm ca sĩ, biểu diễn khắp trong Nam, ngoài Bắc chủ yếu là hát cho bộ đội, nhất là bộ đội thông tin, bộ đội không quân. Hầu hết khán giả đã từng xem Quỳnh Hợp biểu diễn đều nhớ bởi phong cách trẻ trung, sôi nổi và tràn đầy chất lính cùng cây đàn guitar khi tự đệm, khi thì hát với ban nhạc.

Đặc biệt, Quỳnh Hợp có sức sáng tác mạnh mẽ, bên cạnh sự năng động của nhà báo quan tâm phát hiện tài năng và chắp cánh cho những tác phẩm mới. Quỳnh Hợp chẳng những "góp" hương sắc cho giới nhạc sĩ sáng tác Việt Nam đương đại, mà qua những chương trình phát sóng trên Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do chị thực hiện như Giọng ca Việt Nam, Tác giả tác phẩm, Ca khúc mới, Làn Sóng Xanh... chị đã giới thiệu đến đông đảo khán giả hầu hết những gương mặt nhạc sĩ, ca sĩ, những tác phẩm tiêu biểu trong đời sống âm nhạc nước nhà trong đó có nhiều tác giả là nữ giới.

Nếu như giới nhạc sĩ sáng tác trước đây chỉ có Trương Tuyết Mai đại diện nổi bật của phái đẹp, thì quá trình xuất hiện của Quỳnh Hợp rồi đến Giáng Son, Phương Uyên, Thanh Bình là những sự tiếp nối hiếm hoi ấy, để rồi càng về sau càng xuất hiện nhiều gương mặt trẻ đẹp hăm hở sáng tạo như Lưu Thiên Hương, Sa Huỳnh, Trần Kim Ngọc, Lê Cát Trọng Lý và mới đây là Đặng Hồng Anh, Sa Anh, Vũ Cát Tường, Tiên Tiên, Tiên Cookie, Bảo Lan... Như một nhịp cầu nối giữa hai



thế hệ nữ nhạc sĩ từ thế kỷ XX chuyển sang thế kỷ XXI, Quỳnh Hợp luôn thể hiện một tinh thần đáng quý trong sáng tạo lẫn hỗ trợ cho các đồng nghiệp nhất là những đồng nghiệp trẻ.

Bên ly cà phê sáng đầu xuân Sài Gòn với chúng tôi, nhạc sĩ Quỳnh Hợp tâm sự: "*La cà như nhạc mà... phải đi nhiều thì mới viết được*". Quỳnh Hợp thường xuyên có bài hát mới, thường xuyên làm việc tại phòng thu và thường xuyên ra mắt những sản phẩm âm nhạc gần gũi, hiện đại vừa dạt dào xúc cảm, vừa mang tính báo chí cao.

Cảm hứng cuộn trào, sáng tạo mạnh mẽ

Đầu xuân Giáp Ngọ 2014, tôi cùng nhà thơ Lê Thị Kim, nhạc sĩ Quỳnh Hợp và một số văn nghệ sĩ Thành phố Hồ Chí Minh khởi hành về miền Trung tham dự Hội Thơ Nguyên tiêu truyền thống núi Nhạn lần thứ 34 ở Phú Yên. Ngay trên hành trình chị cũng đã có sáng tác mới, hát cho cả đoàn cùng nghe. Chị sáng tác nhanh đến bất ngờ từ một bài thơ của chàng trai trẻ Nguyễn Trọng Hiếu ở trong đoàn.



Nhạc sĩ Quỳnh Hợp và Thiếu tướng - nhạc sĩ Nguyễn Hồng Sơn cùng lính đảo An Bang.

Trở về Sài Gòn, nhạc sĩ Quỳnh Hợp tâm sự với chúng tôi: "Chuyến đi Phú Yên dự Hội Thơ Nguyên tiêu núi Nhạn cho tôi những người bạn mới, biết thêm về một vùng đất với nhiều danh thắng mà mình chỉ được xem, được nghe... và nảy sinh những cơ duyên âm nhạc. Lần đầu dự Hội Thơ Nguyên tiêu tại Phú Yên, không gian đêm thơ trên núi Nhạn rất thú vị cho mình nhiều ý tưởng và tôi "âm mưu" sẽ tổ chức một đêm thơ nhạc với bạn bè tại Phú Yên vào dịp những mùa Nguyên tiêu sau. Hy vọng đó sẽ là đêm nhạc lung linh thơ mộng bên tháp Nhạn, đậm chất Phú Yên, thấm tình bạn bè và nhiều kỷ niệm".



Nhạc sĩ Quỳnh Hợp cùng văn nghệ sĩ, chiến sĩ hải quân trên tàu đi thăm Trường Sa.

Viết nhanh, trúng đích và ra mắt kịp thời là điểm mạnh của nhạc sĩ Quỳnh Hợp. Tính đến mùa xuân Bính Thân 2016, chị đã chính thức ra mắt hơn 60 album ca nhạc được phát hành rộng rãi với khoảng hơn 700 bài hát. Khởi đầu là 6 album phát hành trong năm 2004: *A! Tết đến rồi, Hè về vui sao, Lặng thầm, Lửa hội Điện Biên, Có một Hà Nội như thế trong tôi, Đà*

Lạt - thành phố ngàn hoa (chung với nhạc sĩ Dương Toàn Thiên). Riêng năm 2015, một năm có nhiều ngày lễ lớn, Quỳnh Hợp có 11 album ca nhạc ra mắt khán giả như: *Mùa xuân như thế đấy, Ba em là bộ đội Hải quân, Những bức tranh quê hương, Khoảng lặng, Chào Sài Gòn ban mai, Nghiêng về phía biển, Cầu vồng trong đất, Dấu chân người lính*... Ngoài ra, nhạc sĩ Quỳnh Hợp cũng đã phát hành 3 tập sách nhạc và có 2 chương trình âm nhạc cá nhân được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Có thể nói số lượng tác phẩm của nhạc sĩ Quỳnh Hợp đã trình làng thật đáng nể. Nhưng đó chỉ là phần "nổi", bởi còn nhiều bản thảo chưa công bố như chị chia sẻ: "Tôi chưa khi nào đếm xem mình đã viết bao nhiêu tác phẩm, bao nhiêu bài đã phát hành, bao nhiêu bài đã thu thanh, bao nhiêu bài còn nằm trên bản nhạc, chỉ biết rằng tôi viết rất thường xuyên, dường như cảm thấy mình thiếu thời gian để viết. Mỗi ca khúc ra đời khiến cho cuộc sống của mình thêm vui, thêm ý nghĩa, thêm bạn bè và cuộc đời trở nên đáng sống hơn khi biết rằng ngày mai mình đang



có điều gì đó đang chờ đợi, có ai đó đang mong mỏi một niềm vui từ mình."

Ca khúc của Quỳnh Hợp dành cho nhiều đối tượng, nhiều đề tài, từ mẫu giáo, thiếu nhi, tuổi hồng, tình khúc; những album truyền thống cách mạng về bộ đội thông tin, hải quân, biển đảo; các album về các địa danh trên cả nước như Hà Nội, Tây Bắc, Tây Nguyên, Đà Lạt, Huế, Đà Nẵng, Hội An... Mỗi album của Quỳnh Hợp mang một chủ đề riêng biệt được dàn trải trên nền âm hưởng thấm đẫm chất dân gian của nhiều vùng miền khác nhau với tiết tấu trẻ trung, hiện đại và ca từ đẹp bước ra từ những bài thơ.

Nhạc sĩ Quỳnh Hợp cũng nhận được những phần thưởng cho tác phẩm âm nhạc của mình, như: Giải A - Giải thưởng 5 năm (2006 - 2011) Quân chủng Hải quân trao cho ca khúc *Lính đảo đợi mưa* (thơ Trần Đăng Khoa), Giải Ba với ca khúc *Điểm hẹn xoè hoa* (thơ Lê Nguyên), Giải thưởng 5 năm Bộ Quốc phòng (1999 - 2004), Giải Khuyến khích với ca khúc *Đồng đội ơi* (thơ Quang Chuyền) và là nhạc sĩ duy nhất nhận

bằng khen Giải thưởng 5 năm Bộ Quốc phòng (2004 - 2009), 2 lần nhận bằng khen của quân chủng Hải quân... Chị còn đoạt Giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam với các ca khúc: *Nghe quan họ ở Văn Miếu* (thơ Hoàng Hương Trang) năm 2004, *Chiều Đakbla* (thơ Kpa YLăng) năm 2006, *Tổ quốc nhìn từ biển* (thơ Nguyễn Việt Chiến) năm 2011. Ngoài ra, album *Xí muội... ơi!* của Quỳnh Hợp được bình chọn là Album được yêu thích nhất chương trình Sắc màu âm nhạc tháng 8 năm 2006, do Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

Lắng nghe những cảm xúc từ biển

Có thể nói Quỳnh Hợp là nhạc sĩ giữ kỷ lục về những chuyến đi thực tế và số lượng sáng tác về biển đảo quê hương, đặc biệt là Trường Sa xa xôi nhiều biến động. Gần đây, những ca khúc do chị phổ thơ về biển đảo đã âm vang khắp nơi, nhất là trên những chuyến tàu ra thăm Trường Sa.

Với những chuyến hải trình liên tục, một sức sáng tạo mạnh mẽ, Quỳnh Hợp gây "choáng" khi không ngừng trình làng các album ca khúc về



biển đảo với nguồn cảm hứng đầy say mê, nhiệt thành như mối tình thường trực nồng cháy. Chị giãi bày: "Những khát vọng viết về biển đảo vẫn luôn chiếm lĩnh tâm hồn tôi. Mỗi lần nghĩ về các chiến sĩ, cán bộ, ngư dân và cả những vị sư ở Trường Sa xa xôi nơi sóng to gió lớn là trong tôi dậy lên những nỗi niềm, muốn viết ngay về họ bởi đó là làng đảo của Việt Nam mình".

Không chỉ đặt chân tới khắp mọi nẻo đường đất nước và hải đảo, mà nhạc sĩ Quỳnh Hợp còn tỏ ra khá am tường những vùng đất mình từng đến. Nhiều địa danh ở dọc dài đất nước chị đều có các album riêng như, Hà Nội với 5 album: *Có một Hà Nội như thế trong tôi, Sắc đào Nhật Tân, Hà Nội ngẫu hứng phố, Mùa thu níu bước em về, Phố thu...;* Tây nguyên có *Gặp gỡ cao nguyên, Tóc cỏ, Huế là Huế & em, Ngọt ngào Huế thuở dấu yêu;* Đà Lạt với 6 album như *Lạc giữa phố Hoa, Đà Lạt cuối đông, Đà Lạt thành phố ngàn hoa, Lưu luyến Đà Lạt hoa, Em có về Đà Lạt;* Đà Nẵng với *Lung linh sông Hàn, Mời em về thăm phố biển,* rồi *Hội An anh kể em nghe v.v...*

Sinh trưởng và sống ở thành phố nhưng Quỳnh Hợp lại hết sức đam mê biển đảo, gần đây hầu như tháng nào chị cũng dành thời gian về với biển để tiếp thêm năng lượng sáng tạo. Nhạc sĩ Quỳnh Hợp nhớ lại: "Lần đầu đến với biển, đứng trước cái mênh mông thăm thẳm của biển cả, ít ai có thể ngăn nổi những cảm xúc tuôn trào từ đáy lòng mình. Trước biển, tôi như được thấu hiểu, được sẻ chia. Lần đầu tiên thấy biển, trong tôi dậy lên một nỗi niềm háo hức được khám phá cái thế giới rộng lớn đang bày ra trước mắt. Con người tìm về biển như tìm về một chốn bình yên sau những bôn ba mỏi mệt, để chiêm nghiệm bản thân, cũng để nhận ra mình chưa thật hiểu nhiều về biển. Trước biển, là lúc tôi lắng nghe những cảm xúc tự trái tim mình".

Trong dòng cảm xúc về biển, nữ nhạc sĩ còn cho biết cụ thể hơn: "Đến với biển, tôi thích cái cảm giác khi áp sát một mảnh vỏ ốc vào tai lắng nghe những lời rì rầm của biển. Đó là những yêu thương hay mất mát, những hạnh phúc hay đắng cay mà biển đã lắng nghe và chuyên chở trong



những dòng chảy xuôi ngược. Biển muôn đời vẫn thế, vẫn cứ miệt mài sống mãi với cái ý niệm lắng nghe và chia sẻ của mình".

Yêu biển, say mê khám phá biển, Quỳnh Hợp có nhiều kỷ niệm đẹp với biển trong những lần đến thăm các đảo Phú Quốc, Côn Đảo, Cồn Cỏ, Lý Sơn,... và nhất là những lần đến thăm vùng biển Trường Sa, lãnh hải phía Đông "đầu sóng ngọn gió" của Tổ quốc. Nhạc sĩ chia sẻ: "Khi đến với Trường Sa, cảm xúc rõ nhất là hạnh phúc và tự hào khi được đặt chân lên nơi đảo xa của Tổ quốc, cảm nhận được tấm lòng của những người lính biển, những cán bộ và ngư dân với biên hải quốc gia. Cảm nhận được sức sống Trường Sa điềm nhiên và kiên định. Đó là những xúc cảm mạnh mẽ mà tôi không thể nào quên".

Đưa mối tình biển đảo cháy bỏng vào âm nhạc

Từ những kỷ niệm, xúc cảm đối với biển đảo, nhạc sĩ Quỳnh Hợp đã gửi tình yêu của mình vào những ca khúc có được dấu ấn riêng như *Bay ra*

Côn Đảo, Một ngày nơi đảo Cồn Cỏ, Đảo Ngọc,... Đặc biệt là một loạt ca khúc về Trường Sa và những người lính biển được chị sáng tác trước, trong và sau khi ra vùng đảo này như: *Đảo chân mây, Tình ca sau đêm bão, Nhớ đêm Trường Sa, Nếu em không yêu lính Hải quân, Ra khơi, Tạm biệt Trường Sa, Kỷ niệm Trường Sa, Hoa của đảo, Đảo chìm, Đảo bão; Ba em là bộ đội Hải quân, Xuân về rồi đó...* Đến nay chị đã ra mắt được 11 album và 1 tập sách nhạc về biển đảo quê hương và những người giữ biển.

Đề tài biển đảo trở thành nguồn cảm hứng thường trực trong âm nhạc của Quỳnh Hợp. Không phải gần đây khi chuyện biển đảo "nóng" lên do Trung Quốc có những hành vi ngang ngược xâm lấn, mà thực ra nhạc sĩ Quỳnh Hợp đã viết về biển đảo, về Trường Sa và người lính biển từ năm 1988. Ca khúc *Nghe em hát ở Trường Sa* ra đời ngay sau trận hải chiến đẫm máu trên đảo Gạc Ma - Trường Sa vào tháng 3 năm 1988. Bài hát này là "tình yêu đầu" của chị với những người lính biển.







Đến năm 2010, nhạc sĩ Quỳnh Hợp đã trình làng album *Trường Sa giữa trùng khơi sóng* chung với Thiếu tướng - nhạc sĩ Nguyễn Hồng Sơn (Giám đốc Bệnh viện 175 - Bộ Quốc phòng). Album này giới thiệu một Trường Sa đầy gian khổ, hy sinh nhưng tràn đầy sức sống mới với những người lính biển sắt son tình yêu với Tổ quốc, với nhân dân; mang những người lính biển đến gần với đồng bào cả nước, mang Trường Sa

về gần đất liền và nhân lên tình yêu Tổ quốc trong bối cảnh đầy biến động ở biển Đông.

Ngay sau *Trường sa giữa trùng khơi sóng*, Quỳnh Hợp lại ra mắt tiếp các album khác về biển đảo như *Tổ quốc nhìn từ biển, Nơi ta viết tình ca, Nghe em hát ở Trường Sa, Chúng tôi lính hải quân*... với hơn 40 ca khúc. Trong số đó có nhiều ca khúc về biển đảo của Quỳnh Hợp đã có được dấu ấn trong lòng người yêu nhạc và bộ đội hải quân như *Tổ quốc nhìn từ biển* (thơ Nguyễn Việt Chiến), *Lính đảo đợi mưa* (thơ Trần Đăng Khoa), *Tôi nghe Tổ quốc gọi tên mình* (thơ Nguyễn Phan Quế Mai), *Đảo bão* (thơ Nguyễn Trọng Tạo), *Mùa xuân nơi Trường Sa,* (thơ Nguyễn Hữu Quý), *Tình ca sau đêm bão* (thơ Trúc Chi),...

Nhân dịp Quân chủng Hải quân kỷ niệm 50 năm chiến thắng trận đầu (5.8.1964 - 5.8.2014), nhạc sĩ Quỳnh Hợp cũng đã ra mắt album *Sôi lên hào khí Việt Nam* mang thông điệp tình yêu và gìn giữ biển đảo quê hương. Trước đó, để chuẩn bị cho sự kiện này, Quân chủng Hải quân đã mời





Quỳnh Hợp và một vài nhạc sĩ đi thực tế thăm các đảo Trường Sa vào tháng 5 năm 2013. Và ngay trên hải trình này, một số bản nhạc viết về biển đảo của chị cũng đã ra đời, trong đó có ca khúc chị khá tâm đắc là *Làng đảo* phổ từ bài thơ cùng tên của nhà thơ Nguyễn Hữu Quý.

Ca khúc về biển đảo trong những album của Quỳnh Hợp có nhịp điệu vừa trữ tình vừa trẻ trung mang đến cho âm nhạc người lính một luồng gió mới, tươi tắn, hiện đại và dạt dào cảm xúc với hình ảnh đẹp và xúc động về những người lính biển bản lĩnh, kiên trung và lãng mạn. Sáng tác về những vấn đề thời sự là rất khó, càng khó hơn để âm nhạc có thể được đồng cảm, chia sẻ và đi vào lòng người. Nếu không yêu đến say mê biển đảo của Tổ quốc, thì chẳng thể nào có được nguồn hứng khởi sáng tạo trào dâng mạnh mẽ như nhạc sĩ Quỳnh Hợp.

VŨ VIỆT DŨNG
"đưa" nụ cười tuổi thơ Việt đến Hoàng gia Anh

Cung điện Buckingham nổi tiếng của Hoàng gia Anh là nơi tôn quý, được xây dựng từ năm 1703, đón tiếp những nhân vật nổi tiếng thế giới từ hơn 3 thế kỷ qua. Nơi đây cũng trưng bày nhiều tác phẩm nghệ thuật quý giá, trong đó có bức ảnh "Hồn nhiên" của Vũ Việt Dũng, nghệ sĩ nhiếp ảnh tài năng và nhân ái có nhiều gắn bó với số phận những mảnh đời trẻ em mồ côi và bất hạnh.



Nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Việt Dũng



Chắp cánh ước mơ cho tuổi thơ kém may mắn

Ông nội làm quan cuối triều Nguyễn. Cha tham gia kháng chiến chống Pháp, tập kết ra Bắc. Vũ Việt Dũng sinh ở nội thành Huế, mới mấy tuổi đầu đã phải theo mẹ tản cư vào Sài Gòn, tránh áp lực của chính quyền cũ gây ra. Gia đình anh sống ở xóm lao động nghèo Thị Nghè.

Vũ Việt Dũng trải qua một thời thơ ấu gian khó, sớm vào đời mưu sinh để có điều kiện học hành. Từ nhỏ anh đã ôm ấp giấc mơ nghệ thuật, yêu chiếc máy ảnh, nhưng mãi tới khi trưởng thành, anh mới có điều kiện thực hiện mơ ước cháy bỏng của mình. Cuộc đời gian nan sớm dạy cho anh bài học về lòng nhân ái, nên anh dễ đồng cảm và dành nhiều tình thương yêu cho những đứa trẻ kém may mắn.

Học vừa hết Tú tài 2, Sài Gòn giải phóng, Vũ Việt Dũng vào công tác ở Thành đoàn chuyên trách về bảo vệ trẻ em. Anh cũng say mê chụp ảnh cho thiếu nhi.

Từ năm 2000, khi đã có tay nghề và uy tín về nghệ thuật nhiếp ảnh, thay vì chọn cho mình con đường dễ kiếm tiền làm giàu, Vũ Việt Dũng lại quyết định "đầu quân" cho Trường Sinh ngữ và dạy nghề Thăng Long trực thuộc Hội Từ thiện trẻ em Sài Gòn, để dạy bộ môn nhiếp ảnh hướng nghiệp và sáng tác ảnh nghệ thuật cho các em thơ mồ côi, khuyết tật. Mỗi ánh mắt, nụ cười trẻ thơ ở đây là nguồn động viên, cảm hứng bất tận cho anh. Nhiều đêm anh không ngủ để nghĩ ra phương pháp truyền đạt tình yêu và kỹ năng nhiếp ảnh cho những em bị thiểu năng về trí tuệ. Anh muốn bộ môn nhiếp ảnh trở thành một cứu cánh cho tâm hồn những em bé phải gánh chịu bất công của tạo hoá.

Chẳng những dạy nhiếp ảnh cho trẻ em bất hạnh mà chính các em cũng đã trở thành đối tượng sáng tạo nghệ thuật không bao giờ cạn của Vũ Việt Dũng. Thầy và trò đã cùng sáng tác. Nhiều bức ảnh của các em mang lại vẻ đẹp bất ngờ và diệu kỳ. Có những bức ảnh đẹp và buồn, chứa đựng bao ước mơ, hy vọng mà một người bình thường khó chụp được. Đó là tiếng lòng trắc ẩn của các em thơ muốn vượt lên số phận đớn đau của chính mình. Đó là thông điệp của tình yêu thương và nỗi bất công của cuộc đời.







Bức ảnh "Hồn nhiên" của Vũ Việt Dũng được Công chúa Anne mua về treo ở Cung điện Buckingham, Anh quốc.

Phát hiện, chia sẻ và thấu hiểu vẻ đẹp tâm hồn các em thơ qua những bức ảnh, nghệ sĩ Vũ Việt Dũng nghĩ đến một cuộc triển lãm ảnh nhằm động viên, khuyến khích tình yêu sáng tạo nghệ thuật cho các em. Gần cuối năm 2002, được sự bảo trợ của Hội Từ thiện trẻ em Sài Gòn, Vũ Việt Dũng cùng các học trò nhỏ của mình đã mở chung cuộc triển lãm mang tên "Ánh mắt tuổi thơ". Với 50 bức ảnh màu và đen trắng, cuộc triển lãm được tổ chức trưng bày khá hoành tráng tại khách sạn Renaissance ở trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, gây cho người xem ở trong lẫn ngoài nước nhiều cảm xúc đẹp bất ngờ.

Cơ duyên với công chúa Anne

Vào thời điểm này, Công chúa Anne, ái nữ duy nhất của Nữ hoàng Elizabeth II từ Anh quốc có chuyến công du sang Việt Nam. Đây là lần thứ hai bà đến thăm nước ta, sau chuyến đầu tiên năm 1994. Công chúa Anne là nhà thể thao về đua ngựa, từng là thành viên đầu tiên của Hoàng gia Anh thi đấu tại Thế vận hội Olympic, đặc biệt hơn bà còn là nhân vật hoạt động xã hội từ thiện nổi tiếng thế giới, trực tiếp bảo trợ cho hơn 200 tổ chức khác nhau. Trong lần công du sang Việt Nam cuối năm 2002, công chúa thực hiện chuyến xuyên Việt đến nhiều tỉnh thành khác nhau để tham quan và hoạt động từ thiện.

Khi đến Thành phố Hồ Chí Minh, Công chúa Anne đã đến tham quan cuộc triển lãm ảnh "Ánh mắt tuổi thơ" của thầy trò nghệ sĩ Vũ Việt Dũng. Công chúa bày tỏ sự xúc động và ngưỡng mộ trước những bức ảnh đặc biệt về trẻ em bất hạnh của Việt Nam, mà ở đó thể hiện sự trong trẻo hồn nhiên và khát khao vượt khỏi bóng tối của số phận. Công chúa đã quyết định chọn mua hai tác phẩm, một của thầy và một của trò, với số tiền rất lớn để gây quỹ từ thiện. Tác phẩm của thầy Vũ Việt Dũng được Công chúa Anne





chọn là bức ảnh đen trắng *Hồn nhiên,* với hình ảnh hai bé gái khoác vai nhau cùng nở nụ cười tinh khôi.

Nghĩa cử của Công chúa Anne đã gây phấn khích cho thầy trò Vũ Việt Dũng, nhất là giúp cho các em khuyết tật tự tin hơn vào ước mơ sáng tạo nghệ thuật nhiếp ảnh của mình.

Bên ly cà phê trong cơn mưa Sài Gòn đầu đông, nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Việt Dũng cho tôi biết việc Công chúa Anne đến thăm triển lãm và mua ảnh là sự kiện mang đầy cảm xúc tự hào nghề nghiệp của anh. Tình yêu thương của anh dành cho trẻ thơ như được chắp thêm cánh. Đặc biệt, sau đó qua thông tin báo chí anh còn được biết hai bức ảnh được công chúa mang về Anh quốc và treo trang trọng tại cung điện lịch sử nổi tiếng Buckingham để du khách thưởng lãm. Một số bạn bè Việt Nam khi có dịp đến cung điện này cũng đã chụp quang cảnh khán phòng treo ảnh mang về tặng anh.

Với gương mặt hạnh phúc, anh tâm sự: "Bức ảnh *Hồn nhiên* được Công chúa Anne mua về treo ở Cung điện Hoàng gia Anh thực sự là động lực lớn cho tôi theo đuổi đến cùng niềm đam mê nghề nghiệp. Tôi cũng cảm thấy mình có trách

nhiệm hơn đối với những em bé thiếu may mắn. Nhiều em cơ thể khuyết tật nhưng giàu tâm hồn, có tài năng, cần mở cho các em con đường để bước ra ánh sáng cuộc đời. Nghệ thuật nhiếp ảnh là một trong những con đường phù hợp với khả năng các em".

Mơ ước sáng tạo những tác phẩm mang đậm cốt cách Việt

Nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Việt Dũng là con người hiền lành, khiêm tốn, vui vẻ, nhiệt tình và biết tạo dựng sự nghiệp theo một cách rất riêng. Anh sớm mê nhiếp ảnh và ngưỡng mộ những tác phẩm của người nghệ sĩ lớn Phạm Văn Mùi, đặc biệt là bộ ảnh *Suối tóc* của ông không chỉ đem về những huy chương vàng danh dự quốc tế đầu tiên cho nhiếp ảnh Việt Nam mà còn mang giá trị bản sắc văn hoá dân tộc độc đáo đến với bạn bè quốc tế. Tiếp bước người đi trước, Vũ Việt Dũng thổ lộ với tôi rằng: "Thành công của những bậc thầy như Phạm Văn Mùi là nguồn cảm hứng cho những người yêu nghệ thuật nhiếp ảnh. Tôi luôn tâm niệm học hỏi là chính, vì nó là hành trang, là chìa khoá giúp tôi vào nghề. Thấy điều hay gì ở các nghệ sĩ đi trước là tôi cố gắng học ngay. Tôi





luôn quan tâm theo dõi và đánh giá cao tác phẩm của thế hệ đàn anh".

Học tập các bậc tiền bối, nghệ sĩ Vũ Việt Dũng luôn canh cánh niềm mơ ước sáng tạo những tác phẩm mang đậm cốt cách, tâm hồn, văn hoá Việt Nam. Anh thường lặng lẽ một mình chu du khắp nơi để khám phá, phát hiện và ghi lại những nét đẹp hiện thực đời thường đang diễn ra từng giờ từng phút. "Đất nước mình có rất nhiều cảnh đẹp. Tôi thích nhất là đi sáng tác ở miền Tây Bắc. Vì ở đó có nhiều phong cảnh và sắc tộc độc đáo, quyến rũ. Nét đẹp thể hiện trong từng con người, từng cảnh vật với bốn mùa thay đổi khác thường" - anh nói.

Ảnh phong cảnh, chân dung và thời trang là những thế mạnh của nghệ sĩ Vũ Việt Dũng, giúp anh sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị, đoạt những giải thưởng cao trong nước và quốc tế. Anh có những bức ảnh thuộc dạng "để đời" như: *Chào Hạ Long* đoạt giải nhất cuộc thi Khoảnh khắc Việt Nam, *Ánh nắng trên sông* - giải nhất cuộc thi ảnh bộ quốc tế Newzeland 2005, *Nhà đẹp* - giải nhì cuộc thi Ảnh Việt building,... Hạnh phúc với những thành công ấy, theo quan niệm của Vũ Việt Dũng: "Giải thưởng nào cũng có giá trị về mặt nghệ thuật của nó, tuỳ theo chủ đề và thời

điểm cuộc thi trong hay ngoài nước. Đối với tôi giải thưởng nào mình được nhận cũng có ý nghĩa. Đó là những thành quả lao động thật sự trên hành trình sáng tạo nghệ thuật". Anh còn cho biết thêm, một bức ảnh đẹp được tạo nên từ sự rung cảm của người cầm máy, đồng thời cũng kèm theo nhiều yếu tố khác tạo thành, như ánh sáng, màu sắc, bố cục, nội dung. Anh ưng ý và thích thú với những bức ảnh về cuộc sống đời thường, vì nó mang tính hiện thực sinh động nhất.

Vẫn canh cánh nỗi niềm với trẻ thơ bất hạnh

Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, thế giới tuổi thơ cũng là niềm cảm hứng thường trực của ống kính Vũ Việt Dũng. Tình yêu đối với trẻ em, nhất là trẻ em mồ côi bất hạnh, không bao giờ cạn trong trái tim nhân ái của anh.

Một lần đi sáng tác ở tận miệt Sóc Trăng, khi anh vào một thị trấn nhỏ và qua cánh đồng lúa đang mùa thu hoạch, bỗng thấy các em chăn trâu đang nô đùa thật vui vẻ. Khung cảnh tươi trẻ hồn nhiên ấy khiến anh nảy ý định nằm núp khuất trong một bụi cây, không cho các em thấy, để chụp ảnh cho tự nhiên. Nhưng điều bất



ngờ đã xảy ra. Nằm chờ trong bụi cây hồi lâu mới có được bố cục ưng ý, anh giương ống kính tele dài 300mm lên. Đang vui đùa, các em chăn trâu bỗng thấy ống kính chĩa về phía mình, tưởng súng nên giật thót hoảng sợ, gương mặt em nào cũng thất thần la toáng lên "Chú đừng bắn con! Chú đừng bắn con!". Rồi các em đồng loạt ào ào bỏ chạy. Nghe thấy vậy, Vũ Việt Dũng vừa tức cười vừa thương các em quá. Anh liền bỏ máy xuống, gọi các em trở lại để giải thích và tặng quà...

Mặc dù cuộc sống đôi lúc gặp nhiều khó khăn lận đận nhưng nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Việt Dũng vẫn nguyên vẹn niềm say mê của mình. Anh cũng là một trong không nhiều những nghệ sĩ nhiếp ảnh sống được bằng nghề. Sau khi nhắc lại những kỷ niệm phong phú về chuyến đi xuyên Việt của văn nghệ sĩ Sài Gòn mà anh và tôi cùng tham gia vào mùa thu năm 2010, trước lúc chia tay anh còn cho tôi biết đang chuẩn bị cho một chuyến thực tế sáng tác cuối năm: "Nhiếp ảnh không chỉ là nghề nghiệp mà còn là lẽ sống, tình yêu của tôi. Nhờ đó nó giúp tôi vượt qua mọi gian nan bất trắc. Mỗi khi cầm máy lên là tôi quên tất cả buồn phiền, chỉ hướng tới cái đẹp hiện ra từ đời sống".



Nghệ sĩ nhiếp ảnh Vũ Việt Dũng cùng học trò đi tác nghiệp.

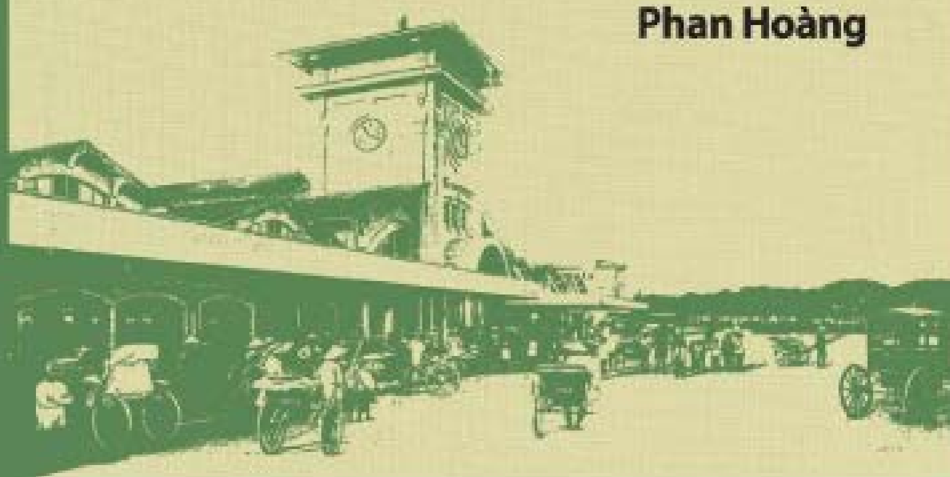
Vâng, trước một đời sống mà nhiều thứ có ý nghĩa nhưng đang bị lấn át, bị lãng quên trước cơn lốc thị trường tiền tài, danh vọng thì những người có tài năng và nhân ái biết lưu giữ, tái hiện những vẻ đẹp thầm lặng như nghệ sĩ Vũ Việt Dũng, thật đáng quý xiết bao. Càng đáng quý hơn ở một tấm lòng luôn canh cánh nỗi niềm mang lại tình yêu thương, nụ cười cho trẻ thơ bất hạnh vốn là nỗi đau chưa thể dứt trong cuộc sống này!

Mục lục

Trong chiến tranh cứu nước, Sài Gòn là đất dữ. Trong hoà bình xây dựng, Sài Gòn là đất lành. Và trong bất kỳ hoàn cảnh nào đất này cũng gắn liền với những nhân cách và tài năng đáng kính đáng quý. Chưa kể những nhân vật như Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hữu Cảnh, Lê Văn Duyệt, Võ Trường Toản, Trịnh Hoài Đức,... từ thời khẩn hoang, bình định lập làng lập ấp, chỉ riêng từ đầu thế kỷ XX về sau, rất nhiều con người tài năng đã được sinh trưởng hoặc hội tụ về Sài Gòn, mà sự nghiệp của họ đã và đang để lại dấu ấn trên nhiều lĩnh vực khác nhau của thành phố.

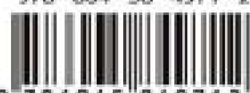
Phan Hoàng



Sài gòn đất lành chim đậu

978 - 604 - 58 - 4971 - 2





9 786045 849712

Giá: 85.000đ

www.sachweb.vn